

Phần 2 – Ý NGHĨA CÁC SAO

Ân Quang và Thiên Quý

Ân Quang

Ân Quang thuộc Mộc (VVT cho rằng thuộc Hỏa), Thiên Quý thuộc Thổ (có người cho là Thủy)

Đây là hai sao phúc tinh, quý tinh, chủ sự nhân hậu, từ thiện, may mắn, gặp thời, đem lại sự tốt lành, có tính chất cứu khổn phò nguy, giải trừ bệnh tật tai họa, đem lại phúc thọ, chế hóa được tính dâm dăng hoa nguyệt của Đào Hồng, gặp sao hung cũng không có hại. Hai sao này biểu hiện sự giúp đỡ của đấng linh thiêng, khác với Tả Hữu là sự giúp đỡ của người đời

Hai sao này được an căn cứ vào Xương Khúc, Ân Quang được an căn cứ vào vị trí Văn Xương, Thiên Quý được an căn cứ vào vị trí của Văn Khúc. Hai sao này xung chiếu với nhau ở Thìn Tuất, đồng cung với nhau ở Sửu Mùi, tam hợp chiếu với nhau ở Mão Dậu Tỵ Hợi, và đứng riêng lẻ với nhau không thành bộ ở Tí Ngọ Dần Thân và chỉ có cung Thổ là Sửu Mùi mới có cách giáp Quang giáp Quý. Sách vở chỉ nói Ân Quang Thiên Quý miếu địa tại hai cung Sửu Mùi nhưng theo kinh nghiệm thì tại Tứ Mộ hai sao này rất mạnh mẽ và có tác dụng cứu giải ngay cả các hung tinh hạng nặng như Địa Không, Địa Kiếp đóng đồng cung. Nếu không gặp hung thì sao này lại chủ về may mắn. Có người còn cho rằng hai sao này vượng ở Sửu Mùi, đắc tại Mão Dậu

Tọa thủ tại tất cả các cung đều mang lại sự tốt lành, phúc thọ cho cung đó.

Tọa thủ tại Thân Mệnh thì:

Tâm hồn phúc thiện, ăn hiền ở lành, có thiện tâm, nhân hậu, hay giúp người

Thông minh, ôn hòa, vui vẻ

Trọng ân nghĩa. Đối xử có tình có nghĩa, có trước có sau, không lọc lừa bội phản. Cư xử tình nghĩa đối với bạn bè người dưới quyền, hiếu đễ với cha mẹ, chung thủy với vợ chồng

Thường được người ưa quý chuộng cho dù không làm lớn

Tại Sửu Mùi thì đặc cách nhất, chủ về đại khoa, gặp cát tinh thì học giỏi, công danh hiển đạt

Hưởng ân huệ trời ban, hay gặp may mắn, gặp khó khăn thì có người giúp đỡ

Thông thường có tín ngưỡng hoặc tin vào đáng thiêng liêng

Có người cho rằng Ân Quang thì hưởng về mặt vật chất, Thiên Quý hưởng về mặt tinh thần. Ân Quang tại Mệnh thì dễ làm thầy giáo, thầy lang, Thiên Quý tại Mệnh thì làm công chức

Kết hợp với các sao Tả Hữu, Xương Khúc, Thai Tọa rất hợp cách và tăng thêm sự tốt đẹp sáng sủa cho các sao này

Nếu Xương Khúc là bộ sao phù trì mạnh mẽ cho Nhật Nguyệt thì Quang Quý cũng phù trì cho Nhật Nguyệt hợp hơn các sao khác

Các bộ sao kết hợp

Quang Quý, Thai Cáo: gọi là tứ vinh (vinh hiển): dễ hiển đạt

Thai Phụ, Quang Quý thì sớm có công danh, trai thì hiển đạt, gái thì lấy chồng làm lớn

Quang Quý, Thiên Phúc, Quyền, Lộc: làm lớn

Quang, Quý, Hỉ Sửu Mùi: công thành danh toại, được người giúp

Quang, Quý, Tả Hữu, Thanh Long, Khôi Việt, Hoa Cái, Hồng Loan: thượng cách, chức vị lớn

Quang, Quý gặp Tứ Sát: phúc lộc kém đi

Quý Ân Thanh Việt Cái Hồng

Trai cận cữu trùng, nữ tác cung phi

Phôi

Lấy vợ chồng quý

Vợ chồng ân ái hòa thuận

Tử Túc

Thương con

Con sang quý

Có con hiếu đễ với cha mẹ và được cha mẹ thương yêu

Có thể lập con nuôi để làm phúc

Bào

Đối xử với anh chị em có tình nghĩa

Anh chị em hòa thuận và giúp đỡ lẫn nhau, nhất là khi đồng cung và không gặp hung tinh hoặc Tuế Đà Kỵ

Có khả năng có anh chị em kết nghĩa, chị em nuôi

Tài Bạch

Nghèo túng thì có người giúp đỡ, thường gặp may mắn về tiền bạc

Có thể được hưởng di sản

Hay giúp đỡ người nghèo

Phụ Mẫu

Đối xử tốt với cha mẹ

Được cha mẹ thương yêu

Có bố mẹ nuôi hoặc đỡ đầu

Thiên Di

Ra xã hội hay gặp hên may, được người giúp đỡ

Có bạn hữu tốt

Giải rất nhiều tai họa

Điền

Có khả năng hưởng thừa tự của người trong họ hoặc có người hiến nhà hiến đất cho ở, giúp đỡ về chỗ ở

Quan Lộc

Được người trên giúp đỡ che chở

Hay giúp đỡ đồng nghiệp, lấy chí thành mà đãi người

Gặp may mắn trong quan trường nghề nghiệp

Quang Quý Cơ Lương ở Thìn Tuất: đại quý, làm nên

Quang Quý, Khôi Việt ở Sửu Mùi: đại quý, làm nên

Quang Quý Thiên Tướng: đại quý, làm nên to

Quang Quý Tả Hữu, Thiên Lương cư Ngọ: văn võ toàn tài (Thiên Lương tại chỗ khác cũng tốt)

Nô

Đôi xử có nghĩa với bạn bè, được người dưới quyền phò tá, có tài đức lực trung thành

Có bạn bè tốt, quý mến, giúp đỡ tận tình

Tật Ách

Đau ốm gặp thầy giỏi, thuốc hay

Ít bệnh tật tai họa

Phúc Đức

Được thần linh che chở

Thọ, giòng họ đoàn kết, giúp đỡ nhau

Có người để mả cho, khi chết được người hiến đất

Hạn

Giải rất lớn tai họa xảy ra

Mưu cầu công danh có lợi, thi đỗ, nhất là tại Sửu Mùi

Quý Ân Sửu Mùi hạn cầu

Đường mây gặp bước cao sâu cứu trùng

Sự giải họa của Quang Quý

Quang Quý giải họa rất mạnh mẽ khi thủ tại cung đó và đi đủ bộ, nhất là tại Thìn Tuất Sửu Mùi càng mạnh mẽ. Đơn thủ hoặc có cả bộ chiếu không sao thủ thì hiệu lực yếu đi nhiều. Còn cách giáp Quang giáp Quý thì hầu như không có tác động giải họa mấy khi trong cung có hung tinh hãm địa thủ. Không Kiếp có tác dụng giải họa gây ra bởi các sát tinh hạng nặng như Không Kiếp Kinh Đà Hỏa Linh Hình Riêu, nhưng không có hiệu lực mấy khi giải cách hai đời chồng hoặc vợ gây ra do các yếu tố không phải do hung tinh tác họa như cách Tả Hữu tại Phu Thê thì không giải hết được và vẫn có khả năng hai đời. Quang Quý cũng không giải mạnh được chuyện thị phi do Tuế Đà Kỵ gây ra. Tại vị trí Sửu Mùi thì nó có khả năng giải được hung tinh tọa thủ tại cung nhị hợp là Tí và Ngọ. Tại Thìn Tuất gặp Không hay Kiếp đồng cung hoặc hợp chiếu thì Quang Quý tại đây giải hầu hết tai họa, không phải lo ngại về tai họa vì tai họa không đáng kể. Trường hợp này có Kinh Đà hãm địa cùng chiếu về cũng không sao. Nếu có Không Hoặc Kiếp mà thêm Hình Riêu cả bộ thì cũng giảm rất nhiều tai họa nhưng cũng không hết. Quang Quý tam hợp thủ tại cung thì Không Kiếp hãm địa cả bộ chiếu thủ cũng không đáng ngại vì tai họa không đáng kể. Quang Quý thủ có đủ bộ giải được cả bộ Kinh Đà hãm chiếu về, hoặc Kinh hoặc Đà hãm tọa thủ, giải được Kinh Dương hãm địa tại Tí Ngọ Mão Dậu

Ân Quang Thiên Quý đồng cung giải được Hình Riêu Không Kiếp đủ bộ thủ chiếu

Quang Quý đơn thủ không giải họa mạnh được, không giải được Kinh cư Ngọ có Hình Riêu tam hợp. Quang Quý đồng cung, vừa nhị hợp vừa giáp thì giải họa rất nhiều cho cung này, giải được Không hoặc Kiếp tọa thủ. Quang Quý đơn thủ gặp Không, Kiếp hãm đồng cung thì giải nhiều nhưng không hết tai họa

Cô Thần và Quả Tú

Cô Thần

Cô có nghĩa là mồ côi (mồ côi cha sớm gọi là "cô") , còn có nghĩa là cô độc, (như "cô lập vô trợ" trợ trợ một mình không ai giúp), không cùng hòa hợp, đứng riêng một mình, trợ trợ

Thần có nghĩa là bày tôi, kẻ thuộc dưới quyền, đồng thời có nghĩa là thiên thần, thần thánh hoặc tinh thần, thần khí

Quả Tú

Quả có nghĩa là góa chồng, hoặc phụ nữ năm mươi tuổi mà chưa có chồng cũng gọi là quả. Tú có nghĩa là ngôi sao

Hai sao này đại đa số các sách cho là hành Thổ, nhưng Việt Viêm Tử cho là hành Hỏa, Cô Thần thì Dương Hỏa, Quả Tú thuộc Âm Hỏa. Cô Thần chỉ đóng ở Tứ Sinh (Dần Thân Tỵ Hợi) và Quả Tú chỉ đóng ở Tứ Mộ (Thìn Tuất Sửu Mùi)

Cô Quả có ý nghĩa cô độc, trợ trợ, lẻ loi, đơn chiếc, lạnh lẽo, hiểm hoi nhưng cần xét kỹ vì Cô Quả cũng giống như Tả Hữu, là trợ tinh nhưng cường độ yếu hơn, gặp cát thì phù cát, gặp hung thì phù hung, theo hung tinh mà tác hại nhưng ảnh hưởng không mạnh mẽ. Đây là đặc điểm cần chú ý, chớ nên gặp Cô Quả thì cho là xấu, phải xét kỹ, nếu gặp nhiều hung tinh thì xấu thêm một chút, gặp nhiều cát tinh thì hóa cát thêm một chút vì cường độ chi phối không mạnh lắm và chỉ có ý nghĩa mạnh thiên về tinh thần khi ở Mệnh, Thân, Phôi và Hạn, thiên về vật chất khi ở Điền Tài. Chú ý đặc tính của Cô Quả chỉ có nghĩa khi tọa thủ và đủ bộ (hai sao này luôn luôn tam hợp chiếu với nhau), còn hội chiếu, nhất là chỉ có một sao chiếu thì ý nghĩa bị giảm thiểu rất nhiều. Tính chất cô độc của Cô Quả tăng lên khi đồng cung với Đầu Quân, Lộc Tồn, Vũ Khúc.

Cô Quả hội với nhiều quý tinh, văn tinh thì là bậc học thức uyên thâm, tính tình nghiêm trang, cẩn thận. Hội với phú tinh và quyền tinh gặp thêm nhiều sao tốt thì là bậc đứng đầu thiên hạ vì cô còn có nghĩa là trợ lên hết tất cả. Ở cung Tài Điền và Quan Lộc sáng sủa là hợp cách nhất khiến cho công danh, tiền tài, điền sản được bền vững hơn

Thủ tại Mệnh, Thân thì :

Khó tính, kỹ lưỡng, mình làm việc gì cho chính mình thì ưng ư, còn người khác làm thì không cảm thấy hài lòng

Có khả năng ăn uống khó tính, không thích thì không ăn

Sống nội tâm, thường có sở thích riêng nào đó

Không chia sẻ tình cảm, không thổ lộ tình cảm, khó ai hiểu được tính ư của bản thân cho dù là người rất thân với mình như cha mẹ, anh em, vợ chồng, con cái

Bạn bè thì có thể có nhiều, và thông thường có nhiều bạn, nhưng bạn thân thì ít. Giao thiệp rộng rãi, nhưng chỉ là giao thiệp mà thôi, ít kết thân, kỹ lưỡng trong vấn đề chọn bạn (Cho dù có Tả, Hữu đồng cung cũng ít bạn thân). Nếu ai không hợp ư thì thông thường sẽ xa lánh không giao thiệp hoặc không thêm quan tâm đến

Lạnh lùng (rơ rớt khi đồng cung với Vũ Khúc)

Thường ít người thích do lạnh lùng, khó tính

Trên vấn đề hôn nhân tình cảm thì thường chậm trễ bắt nguồn từ sự khó tánh của bản thân, sự kén chọn, nếu có Đào Hồng chiếu thì vẫn có người theo đuổi nhưng lại quá kén chọn bỏ qua nhiều dịp. Gặp thêm Vũ Khúc thì càng rơ rớt nhưng cần phân biệt rằng Vũ Khúc ảnh hưởng mạnh hơn Cô Quả. Nữ nhân Vũ Khúc, Kinh, Quả đồng cung thì dễ không chồng do quá khó tính

Nam nhân có Cô Thần, nữ nhân có Quả Tú thủ Mệnh, nếu không được cát tinh hóa giải, thì dễ đưa đến đơn độc, khắc cha mẹ, hoặc khắc vợ chồng, hoặc khắc anh em như không ở gần cha mẹ, vợ chồng anh em, ly cách với họ, hoặc không vợ không chồng không con, hoặc góa vợ, góa chồng (Nam kỵ Cô, Nữ kỵ Quả). Nếu Nam Quả nữ Cô thì đỡ xấu nhiều hơn, có con thường chỉ tối đa là hai người, thường là hoặc nam hoặc nữ và con cái không gần với cha mẹ. Đồng cung với Vũ Khúc thì gia tăng tính cô độc. Mọi cát tinh, nhất là hành Mộc, đều có thể hóa giải tính chất cô độc của Cô Quả, càng nhiều cát tinh thì càng hóa giải mạnh

Các bộ sao kết hợp

Cô hay Quả gặp Vũ Khúc: nữ Mệnh gặp thì tối kỵ, lận đận về đường chồng con
Quả Tú Đào Hoa gặp Thiên Mã: nữ Mệnh thì tình duyên lận đận, số phận chìm nổi lênh dênh

Cô Thần, Thiếu Dương đồng cung tại Dần Thân Tỵ Hợi: sáng suốt, nhân hậu

Cô Thần gặp Hồng Loan, Thiên Không đồng cung tại Dần Thân Ty Hợi: từ thiện, đạo đức

Cô Quả tại các cung:

Hai sao này ảnh hưởng đến tinh thần là chủ yếu khi đóng ở Bào, Phụ Mẫu, Tử Tức, Thiên Di, Phôi, Nô, Phúc Đức. Vì có ý nghĩa cô độc, trơ trọi, lẻ loi, đơn chiếc, lạnh lẽo, hiếm hoi nên nếu không gặp cát tinh (chú ý điều này) thì có hại cho việc cầu hôn nhân, cưới hỏi, đoàn tụ, gây bất lợi cho cá nhân trong quan hệ ngoài xã hội, trong gia đình như trong tương quan giữa cá nhân với bạn bè, người giúp việc, người hôn phối, cha mẹ, con cái, anh em, họ hàng.

Cung Nô

ết bạn thân cho dù thông thường có nhiều bạn bè, bạn bè thường không hiểu nhau
Nô tốt thì bạn bè nhiều nhưng không quan hệ lâu dài được phải xa cách bạn bè vì một lý do gì đó, bạn bè tụ rồi tan

Huỳnh Đệ

Anh em mỗi người mỗi ư nhưng cũng không có nghĩa là xung khắc

Chủ giảm số lượng anh em, không có nghĩa là không có anh em, nhưng anh em dễ xa cách nhau

Không hay thổ lộ tình cảm với anh em hoặc anh em không hiểu tính mình

Huỳnh Đệ xấu hoặc không cát tinh thì hoặc hiếm anh em (hai người là nhiều, nhiều hơn thì không hợp tính, hoặc không ở gần nhau), không nhờ cậy được anh em, hoặc ở xa cách anh em, hoặc anh em bất hòa

Huỳnh đệ tốt thì cũng được anh em giúp đỡ, thông thường nhiều anh em nhưng anh em ly tán

Phụ Mẫu

Thường con cái và cha mẹ mỗi người một ư nhưng chưa hẳn là khác nhau

Phụ Mẫu xấu thì hoặc không hợp tính với cha mẹ, cha mẹ và con cái không hiểu tính nhau, hoặc không được cha mẹ giúp đỡ, hoặc có cha hoặc mẹ chết sớm (khi có hung sát tinh tại Phụ Mẫu)

Phụ Mẫu tốt thì cha mẹ lại hay quan tâm đến con cái, được cha mẹ quan tâm nhưng thường sớm xa cách cha mẹ (Phụ Mẫu có Cô Quả Tuần hay Triệt án ngữ là một cách sớm ly hương hoặc xa cách cha mẹ một thời gian)

Phối

Thông thường chậm hôn nhân, hoặc sống độc thân, hoặc vợ chồng không hiểu tính nhau, không hợp ư nhưng không có nghĩa là xung khắc

Phối xấu thì bất hòa, chửi nhau, hoặc sống với chồng vợ cảm thấy lẻ loi, cô đơn, không chia sẻ tình cảm, nếu gặp hung sát tinh thì có thể đưa đến vợ chồng sinh ly hoặc tử biệt, hoặc vợ chồng phải xa cách một thời gian, hoặc vợ chồng ít khi gặp nhau, không ở gần nhau, lâu lâu mới gặp gỡ

Phối tốt thì cũng tốt nhưng vợ chồng thường ít chia sẻ tình cảm cho nhau, không hợp tính nhưng không xung khắc. Nếu vợ chồng sống hợp nhau thì thông thường lại không có con cái. Vũ Khúc gặp Cô Quả thì cho dù có rất nhiều sao tốt vợ chồng cũng không hợp tính

Tử Túc

Giảm số con nhưng chưa hẳn là hiếm con hoặc khắc con

Thông thường hay chăm sóc cho con cái

Tử Túc xấu thì hoặc ít con (thường chỉ hai con là nhiều), hoặc muộn con, hoặc con không gần cha mẹ, hoặc không hợp tính với con, hoặc xa con khi con còn nhỏ, hoặc con lớn lên không ở gần cha mẹ.

Tử túc tốt thì con cái cũng đông và tốt như thường, có nhiều quý tinh thì con dễ đạt và rất chăm sóc con cái.

Phúc đức

Gây ra sự ngăn cách giữa bản thân và họ hàng, thông thường không hợp tính với họ hàng nhưng không có nghĩa là khắc. Họ hàng hoặc ít người, hoặc không gần gũi họ hàng

Phúc Đức tốt thì cũng không nhờ cậy họ hàng được cho dù họ hàng khá giả

Thiên Di

Ra ngoài ít bạn thân nhưng thông thường có nhiều bạn, thông thường có quan hệ rộng rãi, nhưng ít kết bạn thân, chọn lọc kỹ lưỡng

Di xấu thì ít được người giúp đỡ, thường phải tự lực là chủ yếu
Di tốt thì cũng được người giúp

Tài và Điền

Là sao giữ của, tiền của không bị hao tán, điền sản bền vững nhưng không có
nghĩa là bản tiền keo kiệt. Thông thường ăn tiêu dè xẻn
Tài và Điền sáng sủa thì của cải điền sản rất bền vững
Tài Điền xấu thì giảm xấu đi một chút

Quan

Tùy theo tốt xấu mà gia giảm đi một chút

Hạn

Đại Hạn có Cô Quả thì thông thường khó lập gia đình nhưng tiểu hạn có Sát Phá
Tham gặp Đào Hồng Cô Quả Thiên Mã thì hết đơn cô, nghĩa là lập gia đình
Cô Quả thủ mà Hồng hoặc Đào chiếu thì được người theo để ý nhưng lại kén
chọn, không ưng ý

Đào Hoa, Hồng Loan, Thiên Hỉ (Đào Hồng Hỉ)

Ý nghĩa

Đào Hoa có nghĩa là hoa Đào, một loại hoa có màu sắc rực rỡ

Hồng Loan

Hồng có nghĩa là màu hồng, cùng có nghĩa là đẹp đẽ, nhộn nhịp, vui tươi. Loan có nghĩa là chim loan, một loài chim phượng. Trước xe vua đi có trở một con chim loan ngậm cái chuông, vì thế nên xa giá của vua được gọi là loan. Như vậy Hồng Loan có nghĩa là con chim loan màu hồng, đồng thời cũng là biểu tượng cho sự đẹp đẽ vui tươi, cao quý

Thiên Hỉ: Hỉ có nghĩa là mừng, những việc tốt lành đều gọi là việc hỉ

Biểu tượng

Về biểu tượng đồ dùng thì Hồng Loan là vải vóc, Thiên Hỉ là đèn nến

Về biểu tượng đồ ăn thì Đào Hoa là rượu, hoa quả hay nước ngọt, Hồng Loan là tiết canh

Về biểu tượng tang lễ thì Đào, Hồng, Hỉ là đèn nến, Đào Hoa còn là cái hốt và Hồng Loan Quan Đới hội hợp là dây thừng

Ngũ hành

Đào Hoa hành Mộc

Hồng Loan hành Thủy đới Kim (TTL) hoặc Mộc đới Thủy (VVT)

Thiên Hỉ hành Thủy (TTL) hoặc Hỏa đới Mộc (VTT)

Đắc hãm

Đào Hoa miếu địa tại Tí (VVT)

Hồng Loan miếu vượng tại cung Mộc và Thủy: Dần Mão, Tí Hợi (VVT) (chú ý VVT cho rằng Hồng Loan thuộc Mộc đới Thủy thành ra miếu vượng như trên

Đặc điểm về cách an sao

Đào Hồng và Hỉ đều đứng tại cung có âm dương trái ngược với âm dương tuổi nghĩa là tuổi Dương thì Đào Hồng Hỉ đều đóng tại cung Âm và ngược lại. Như vậy thì Đào Hồng Hỉ chỉ kết hợp với hai tam hợp Dương Tử Phúc hoặc Âm Long Trục của vòng Thái Tuế, đặc biệt Đào Hoa chỉ nằm trong tam hợp Dương Tử Phúc. Đối với vòng Bác Sĩ thì các tuổi Giáp Ất, Bính Đinh, Canh Tân, Nhâm Quý thì Lộc Tồn an tại cung có cùng âm dương với âm dương tuổi nên Đào Hồng Hỉ chỉ có khả năng kết hợp với tam hợp Lục Sĩ Tấu Thụ Đại Hao hoặc tam hợp Tiểu

Hao Hỉ Thần Quan Phủ (chú ý chỉ có tam hợp Tiểu Hao Hỉ Thần Quan Phủ hoặc vị trí Lực Sĩ có Hỉ Thần xung chiếu mới có khả năng có bộ Song Hỉ, nghĩa là Thiên Hỉ và Hỉ Thần gặp nhau). Riêng tuổi Mậu Kỷ thì Lộc Tồn an tại cung có âm dương khác với âm dương tuổi thành ra Đào, Hồng, Hỉ sẽ kết hợp với tam hợp Lộc Tồn Bác Sĩ Tướng Quân Bệnh Phù Quốc Ấn hoặc tam hợp Long Phi Phục. Do đó bộ Phục Tướng kết hợp với Đào Hồng Hỉ chỉ có tuổi Mậu Kỷ mới có khả năng có mà thôi. Dương Nam Âm Nữ thì Thai nằm ở Tí Ngọ Mão Dậu mới có khả năng có Thai Đào đồng cung, còn Âm Nam Dương Nữ thì Thai nằm tại Thìn Tuất Sửu Mùi thành ra không có Thai Đào đồng cung, chỉ có khả năng có Thai Đào tam hợp

Đào Hoa

Đào Hoa lúc nào cũng đóng ở Tí Ngọ Mão Dậu. Nếu căn cứ vào Vòng Tràng Sinh an theo tam hợp cục của năm sinh thì Đào Hoa lúc nào cũng ở vị trí Mộc Dục (còn gọi là bại địa) của vòng Tràng Sinh này và Kiếp Sát luôn nằm tại vị trí Tuyệt (còn gọi là Tuyệt Địa) của vòng Tràng Sinh. Đào Hoa và Kiếp Sát luôn luôn tam hợp chiếu với nhau (Chú ý Hồng Loan hay Thiên Hỉ khi đồng cung với Long Đức mới có Kiếp Sát xung chiếu, còn các vị trí khác thì không gặp Kiếp Sát). Đào Hoa luôn luôn nằm trong bộ Dương Tử Phúc, nghĩa là luôn luôn có Thiên Không trong tam hợp. Đào Hoa luôn luôn có Nguyệt Đức, Thiên Đức và Phúc Đức thủ chiếu, và có thể có Long Đức chiếu (bộ Đào Hoa, Tam Đức, Dương Tử Phúc, Thiên Không, Kiếp Sát). Tam Đức bao gồm Nguyệt Đức, Thiên Đức và Phúc Đức. Chỉ có bộ Không Đào đồng cung mới có đủ Tứ Đức (bởi vì Thiên Không bao giờ cũng có đủ Tứ Đức chiếu, trong đó Long Đức xung chiếu. Chú ý Thiên Không khi đồng cung với Đào Hoa chỉ có bộ Đào Hỉ hay Đào Hồng nhưng không có Cô Quả trong khi Thiên Không đồng cung với Thiên Hỉ hay Hồng Loan đều có đủ bộ Đào Hồng Hỉ Cô Quả). Đào tại Dậu và Không Đào tại Mão mới có Phá Toái, còn lại đều không có. Đào Hoa tại Mão Dậu luôn kết hợp với Thiên Hỉ (bộ Đào Hỉ Mão Dậu), còn Đào Hoa tại Tí Ngọ luôn luôn kết hợp với Hồng Loan (bộ Đào Hồng Tí Ngọ) và chỉ khi Đào Hoa đồng cung với Thiên Đức mới có Tam Minh (Thiên Đức khi đồng cung với Đào, Hồng hay Hỉ đều có Tam Minh). Chỉ có Tử Phù Nguyệt Đức Đào Hoa đồng cung mới có bộ Cô Quả tam hợp, còn lại khi đồng cung với Thiếu Dương hoặc Phúc Đức đều không có Cô Quả (Nguyệt Đức đồng cung với Đào, Hồng, hay Hỉ đều có Quả Tú)

Hồng Loan và Thiên Hỉ

Hồng Loan và Thiên Hỉ luôn luôn xung chiếu với nhau và chỉ có vị trí Hồng Loan hoặc Thiên Hỉ thì mới có khả năng có đủ bộ Tam Minh. Hồng Loan luôn nhị hợp

với Điều Khách, còn Thiên Hỉ luôn nhị hợp với Quan Phủ, Long Trì. Hồng Loan thì nằm trong bộ Dương Tử Phúc khi ở Dương cung hay bộ Âm Long Trục khi ở Âm cung. Khi Đào Hồng đồng cung hoặc tam hợp chiếu thì Hồng Loan thuộc bộ Dương Tử Phúc, còn nếu không thì Hồng Loan thuộc bộ Âm Long Trục. Hồng Loan khi tại Âm cung thì thuộc bộ Âm Long Trục, có Phá Toái tam hợp khi tại Tỵ Dậu Sửu và chỉ có vị trí Mão Dậu (có Thiếu Âm Hồng Loan) mới có Tam Minh. Hồng Loan tại Dương cung thì thuộc bộ Dương Tử Phúc, lúc nào cũng có Tam Minh.

Thiên Hỉ thì khi ở Âm cung nằm ở bộ Dương Tử Phúc (luôn luôn có đủ bộ Tam Minh) và khi ở Dương cung nằm ở bộ Âm Long Trục (tại Tí Ngọ mới có bộ Tam Minh, còn lại chỉ có Hồng Hỉ mà thôi) và nằm khác bộ với Hồng Loan. Khi Hồng Loan gặp bộ Dương Tử Phúc thì Thiên Hỉ thuộc bộ Âm Long Trục, khi Hồng Loan thuộc bộ Âm Long Trục thì Thiên Hỉ thuộc bộ Dương Tử Phúc. Tại vị trí Tỵ Dậu Sửu Thiên Hỉ luôn luôn có Phá Toái tam hợp.

Thiên Không Đào Hoa đồng cung:

Đào Hoa thuộc bộ Tam Đức, Dương Tử Phúc, Thiên Không, Kiếp Sát trong đó Thiên Không Kiếp Sát chủ ẩn tàng tai họa. Trong bộ này thì Thiếu Dương hành Hỏa chủ về trí tuệ, khôn ngoan, nhạy bén và luôn luôn đồng cung với Thiên Không theo cách an của Nam Phái. Bắc Phái hoàn toàn không có sao Thiên Không đồng cung với Thiếu Dương mà vị trí của Thiên Không chính là sao Địa Không trong Nam Phái. Khi Đào Hoa đồng cung với Thiên Không thì Mộc của Đào Hoa sẽ gia tăng tính chất nhạy bén, khôn ngoan của Thiếu Dương Hỏa đưa đến con người dễ trở nên quí quýệt, mưu si, đạo đức giả nếu không có phúc thiện tinh đồng cung cứu giải. Trường hợp có hung sát tinh kết hợp thì Kiếp Sát sẽ phối hợp với Thiên Không để đưa ra kết quả bù trừ do hành động gian ác quí quýệt gây ra. Mệnh Không Đào đồng cung thì Mệnh Kim chính là cách Thiên Không Đào Hoa đúng cách (Hỏa khắc Kim), sự nghiệp sẽ bị gãy đổ do những hành động mưu si gây ra và tại vị trí Mão Dậu là nơi tác họa mạnh nhất vì có thêm Phá Toái trợ lực, trong khi tại Tí Ngọ thì có phần giảm nhẹ vì có Hồng Loan (Thủy) tam hợp trong khi không gặp Phá Toái. Bộ Không Đào đồng cung không bao giờ có mặt của Cô Quả (Thổ) có tác dụng giảm thiểu tác họa của Thiên Không Kiếp Sát (Hỏa) hội hợp, vì thế Mệnh Thiên Không Đào Hoa đồng cung thì phú đoán như sau:

Thiên Không hội với Đào Hoa,
Cầm, kỳ, thi, họa tài ba tuyệt vời
Cơ mưu quyền biến hơn người
Ngàn năm mệnh bạc một đời tài hoa (AB334)

Thiên Không Hồng Loan đồng cung: tại vị trí này thì Hồng Loan Thủy sẽ khắc chế Thiếu Dương, Thiên Không và Kiếp Sát Hỏa, đồng thời ba sao trên lại bị tiết khí cho Cô Quả Thổ để rồi khắc lại Hồng Loan đưa đến con người tuy sáng suốt nhưng không mưu sĩ, thường có tâm tu hành (Thiên Không, Thiếu Dương), cuộc đời dễ gặp trắc trở về tình duyên (Hồng Loan Cô Quả) nhưng nghề nghiệp thường hanh thông (Đào Hoa tại Quan)

Đào Hồng đủ bộ

Đào Hồng khi ở Dương cung (nghĩa là tuổi Âm) thì hoặc đồng cung, hoặc tam hợp chiếu, còn khi ở Âm cung (nghĩa là tuổi Dương) thì xung chiếu với nhau, hoặc đưa đến cách giáp biên tại các cung Dương là Dần Thân, Thìn Tuất. Cụ thể: Đồng cung tại Tí Ngọ (tuổi Mão, Dậu)

Tam hợp chiếu tại Dần Ngọ (tuổi Sửu), Thân Tí (tuổi Mùi), Ngọ Tuất (tuổi Tỵ), Tí Thìn (tuổi Hợi)

Giáp biên tại cung Dần (tuổi Dần), Thân (tuổi Thân), Tuất (tuổi Thìn) và Thìn (tuổi Tuất). Như vậy chỉ có Thái Tuế Dần Thân và Tuế Phá tại Thìn Tuất mới có cách giáp Đào Hồng

Xung chiếu với nhau ở cung Âm: Mão Dậu (tuổi Tí, Ngọ)

Tam Minh Đào Hồng Hỉ: Đào Hồng khi đồng cung, hoặc xung chiếu thì sẽ có đủ bộ tam minh Đào Hồng Hỉ

Ba sao Đào Hồng Hỉ hợp thành một bộ gọi là Tam Minh, chỉ dành riêng cho bộ Dương Tử Phúc và Thiếu Âm: Thiếu Dương ở Dần Thân Tỵ Hợi (Tứ Sinh), Tử Phù - Nguyệt Đức ở Thìn Tuất Sửu Mùi (Tứ Mộ), Phúc Đức và Thái Âm tại Tí Ngọ Mão Dậu (Tứ Chính) mới có bộ Tam Minh. Khi có tam minh thì có đặc điểm là Dương, Tử, Phúc và Thiếu Âm đều đồng cung với Thiên Hỉ hoặc Hồng Loan và chỉ có Phúc Đức, Thiếu Âm mới không bị Cô Quả, còn Thiếu Dương thì bị cả bộ Cô Quả thủ chiếu, Tử Phù bị Quả Tú xung chiếu

Một số người đã thay thế Thiên Hỉ bằng Hỉ Thần và cho rằng Hỉ Thần, Đào, Hồng cũng là bộ Tam Minh nhưng không thể coi như vậy được vì Tam Minh thì phù tá cho bộ Nhật Nguyệt là do luôn có Thiếu Dương

Đào Hoa cư Quan hoặc Tài

Đào Hoa cư Quan thì Mệnh sẽ là Nguyệt Đức hoặc Phúc Đức thủ và sẽ có Kiếp Sát tại Mệnh vì Kiếp Sát tam hợp với Đào Hoa: theo chiều thuận thì Kiếp Sát, cách ba cung thì là Đào Hoa, còn nếu Đào Hoa cư Tài thì Quan sẽ có Kiếp Sát thủ

Đào Hoa gặp Song Hao

Đào Hoa gặp Song Hao chỉ có tuổi Ất Tân mới gặp và khi đó Đào Hoa tại Tí hay Ngọ. Chú ý cung Ngọ tuổi Ất thì có Triệt

Một số người cho rằng Đào Hoa gặp Song Hao thì tốn tiền vì gái nhưng điều này chưa chắc đúng, có lẽ Đào Hoa gặp Song Hao tại Tài thì mới có nghĩa như vậy

Hong Loan và Tứ Đức

Hong Loan khi đóng đồng cung với Thiếu Dương tại Dần Thân thì có Tứ Đức, đồng cung với Tử Phù, Phúc Đức hay Thiếu Âm thì sẽ có Tam Đức, đồng cung với Trục Phù thì có nhị đức (Nguyệt Đức, Long Đức), đồng cung với Long Đức thì chỉ có Long Đức mà thôi

Luận đoán Đào Hồng Hi

Cần nắm vững ý nghĩa của các sao Thiên Không, Kiếp Sát, Cô Quả, Tứ Đức, Phá Toái. Cần chú ý xem Đào Hồng Hi thuộc tam hợp nào của vòng Thái Tuế (tam hợp Dương Tử Phúc hoặc Âm Long Trục), có Thiên Không, Kiếp Sát (Hỏa), Cô Quả (Thổ), Phá Toái hay không, và ở vị trí thủ hay chiếu. Tam hợp Dương Tử Phúc luôn luôn có Đào Hoa, Thiên Không, Kiếp Sát, Tam Đức trong tam hợp, tam hợp Âm Long Trục chỉ có vị trí Long Đức mới gặp Thiên Không Kiếp Sát xung chiếu, còn Thiếu Âm và Trục Phù không gặp Thiên Không Kiếp Sát. Đào Hoa thì luôn luôn nằm trong tam hợp Dương Tử Phúc. Hong Loan khi ở Dương cung thì thuộc tam hợp Dương Tử Phúc Tam Minh, khi ở Âm cung thì thuộc tam hợp Âm Long Trục có Phá Toái tam hợp khi tại Tỵ Dậu Sửu và chỉ có vị trí Thiếu Âm Hong Loan Mão Dậu mới có Tam Minh. Thiên Hi khi ở Âm cung nằm ở tam hợp Dương Tử Phúc Tam Minh và khi ở Dương cung nằm ở tam hợp Âm Long Trục (Thiếu Âm Thiên Hi tại Tí Ngọ mới có bộ Tam Minh, còn lại chỉ có Hồng Hi mà thôi). Cần chú ý Thiên Không và Kiếp Sát thì ẩn tàng tai họa nhưng Thiên Không trong đồng cung với Thái Dương thì không tác họa. Thiên Không và Kiếp Sát (Hỏa) cần được Hong Loan hay Thiên Hi (Thủy) đồng cung để giảm thiểu tác họa của nó. Cô Quả thì tuy làm suy yếu sự phá hoại của Thiên Không Kiếp Sát (Hỏa sinh Thổ) nhưng đồng thời làm ngang trái Hong Loan, Thiên Hi (Thổ khắc Thủy). Thiên Không đồng cung với Đào Hoa sẽ gia tăng tính phá hoại của Thiên Không, gia tăng tính nhạy bén, mưu trí, trực giác cao của Thiếu Dương. Cần chú ý rằng Đào Hồng thủ Mệnh không đẹp bằng chiếu Mệnh, nhất là Hồng Đào tại Quan thì tốt nhất nhưng cần chú ý rằng Đào Hoa tại Quan thì Mệnh có sao Thiên Đức hoặc Nguyệt Đức thủ với sao Kiếp Sát. Đào Hồng thủ khi có các sao của bộ Tứ Đức thủ đồng cung thì sẽ hóa giải được dâm tính và không còn mang tính chất hoa nguyệt bừa bãi. Đào Hồng chiếu Mệnh đương nhiên không mang tính hoa

nguyệt mà lại chủ sự may mắn. Tam hợp Dương Tử Phúc tối kỵ Không Kiếp xâm nhập (kể đó là Hỏa Linh hãm, sau đó mới đến Kinh Đà), khi đó các sao Đức không thể hóa giải hung họa. Hóa giải tác họa của Thiên Không thì Hóa Khoa hoặc Tuần, Triệt giải được

Tam Minh Đào Hồng Hi hỗ trợ bộ Nhật, Nguyệt rất đắc lực, nhất là khi Nhật Nguyệt hãm địa sẽ làm gia tăng sức sáng của Nhật Nguyệt (Mệnh Thái Dương sáng sủa thì rất đoan chính thành ra Thái Dương sáng cũng giải được tính hoa nguyệt). Sự hỗ trợ này có lẽ do ảnh hưởng của Thiếu Dương (có Thiên Không đồng cung) hỗ trợ Thái Dương và Thiếu Âm (chỉ có Thiếu Âm mới có khả năng có Tam Minh, còn Long Đức và Trục Phù không có) hỗ trợ Thái Âm. Ngoài ra Đào Hồng Hi phù tá bộ Tử Phủ Vũ Tướng cũng mạnh mẽ, nhất là Tử Vi và Thiên Phủ là hai sao khắc chế được âm tính của Đào Hồng biến hai sao này thành may mắn hanh thông. Đào Hồng gặp các âm tinh như Liêm Tham nhất là hãm địa không có lợi vì hai sao này đều chỉ về tham dục, gặp Đồng Lương Ty Hợi, Cự Cơ Mão Dậu, Thái Âm hãm địa cũng gia tăng tính âm

Đào Hồng là các âm tinh nhưng nếu đồng cung với các sao chủ sự đoan chính như các sao của bộ Tứ Đức, Tử Phủ, Thái Dương sáng sủa, Thiên Hình thì lại là người duyên dáng, không lẳng nhăng. Đào Hồng tối kỵ gặp Không Kiếp chủ về tình duyên trắc trở, biệt ly, khổ lụy vì tình, chết yểu, nghèo hèn hoặc công danh sự nghiệp đổ vỡ, nhất là Đào Hoa gặp Không Kiếp. Đào Hồng gặp Hỏa Linh Kinh Đà cũng xấu, chủ về chiết giảm tuổi thọ. Đào Hồng gặp Tam Âm Riêu Đà Kỵ thì chủ sự hoa nguyệt bất chính, âm đảng. Đào Hồng Hi không nên đồng cung với Phục Binh, Tướng Quân chủ sự bị lừa gạt trên vấn đề tình cảm, với Riêu chủ về sự âm đảng, với Thai chủ sự thất trinh mất tiết, thụ thai. Hồng Đào cũng không nên gặp Hóa Kỵ hãm địa (Hóa Kỵ do các chính tinh hóa thành, chủ yếu do Nhật, Nguyệt, Liêm, Tham, Cự Cơ, Đồng, Vũ, Xương, Khúc trong đó ngoại trừ Thái Dương và Vũ Khúc, các sao còn lại đều có vị trí mang nghĩa âm) nhất là Hồng Loan dễ bị miệng tiếng thị phi trên vấn đề tình cảm. Riêng Hi gặp Thai tại hạn thì dễ có tin mừng về việc có con, nhất là khi có Thanh Long hoặc Phi Liêm

Vài tính chất của Đào, Hồng, Hi

Đào Hồng

Đào Hồng chủ vui vẻ, mau mắn, đa tình, lẳng lơ hoa nguyệt

Chủ mọi sự về đàn bà con gái

Có ảnh hưởng đến vợ hoặc chồng

Đem lại nhiều sự vui mừng

Có liên quan đến việc cưới hỏi, lợi ích cho việc thi cử, cầu công danh

Làm cho Tử Phủ, Nhật Nguyệt thêm rực rỡ, tốt đẹp

Đào Hồng Hỉ gọi là bộ Tam Minh, gia tăng sức sáng cho Nhật Nguyệt
 Lưu hạn mà gặp Tam Minh thì thi cử, cầu công danh tài lộc, hôn nhân sẽ được
 đắc ý. Về già mà Hồng Hỉ ở Tứ Mộ thì chủ bệnh tật nguy kịch đến tính mạng
 (VVT)

Hồng Đào miếu tại Hợi Tí chủ về sự phát triển tài lộc, công danh thăng tiến
 (VVT)

Đào Hoa tại Tí Mão nếu đồng cung với Thiên Không (Hỏa) thì ví như cây đào bị
 cháy, là cách bán thiên chiết sĩ, chim bay ngang trời bị gãy cánh, nếu cư tại Mệnh,
 Thân, Quan, Tài thì cơ nghiệp bị đổ vỡ nhưng là người có cơ mưu trí lược (VVT)

Mệnh có Đào Hồng thủ thì:

Ngoại diện dễ thu hút người khác phái

Ăn nói lịch thiệp, dáng điệu thanh lịch, có năng khiếu ngoại giao

Tính tình vui vẻ, nhanh nhẹn, mau mắn

Có duyên

Đa tình, dễ bị lôi cuốn vào chuyện tình cảm, dễ đam mê lụy vì tình nếu không
 đồng cung với sao của Tứ Đức hoặc có sao khắc chế như Tử Phủ, Thiên Hình,
 Thái Dương sáng sủa

Khéo tay, có năng khiếu học các ngành liên quan đến mỹ thuật như may cắt, trang
 điểm, sơn móng tay, nhất là Mệnh Hồng Loan

Không sát tinh xâm phạm thì là người hay gặp may mắn, nhất là hay gặp người
 khác phái giúp đỡ. Nếu gặp sát tinh thì nên cẩn thận để bị họa trong mối quan hệ
 với người khác phái

Riêng Đào Hoa thì:

Hay chú trọng đến hình thức bề ngoài, từ đó bản thân cẩn thận trên vấn đề ăn
 mặc, trang diện, nhất là phái nữ mệnh Đào Hoa

Thích giao thiệp với người khác phái

Đặc điểm này sẽ mạnh khi Đào Hoa tại Mão và Ngọ, còn tại Dậu và Tí thì kém
 hơn nhiều

Đào Hoa khác Hồng Loan ở chỗ Đào Hoa nặng về dâm tính thể xác, mang tính lả
 lơi hoa nguyệt còn Hồng Loan chủ dâm tính trên lãnh vực tinh thần, lãng mạn.
 Đào Hoa thì thu hút người khác phái ngay, trong khi Hồng Loan thì từ từ hấp dẫn
 do sự có duyên. Sự kết hợp của Đào Hoa với các dâm tinh khác thì sẽ mang ý
 nghĩa liên quan đến sự giao hợp về xác thịt

Cần xét thêm Âm Dương sáng sủa hay mờ ám (phái Nam coi Thái Dương, Nữ coi Thái Âm) để biết thêm về khả năng sinh lý của đương sự mạnh hay yếu

Mệnh hay Thân có Đào hay Hồng tọa thủ thì có khả năng hai đời. Theo CV thì Hồng Loan có Nguyệt Đức đồng cung thì giải được cách hai đời

Đào Hồng không nên cư tại Thân Mệnh vì đặc tính âm ô hoa nguyệt, nhất là Nữ Mệnh càng không nên có Đào Hồng cư Mệnh. Đào Hoa cư Mệnh thì xấu, trai thì mê gái, gái thì mê trai, gặp Thiên Không đồng cung càng xấu hơn vì trong trường hợp này không có sao Đức thủ đồng cung (CV)

Đào Hoa chiếu Mệnh thì mới tốt đẹp, được mọi người quý mến và không chủ về lãng nhãng, hấp dẫn người khác, người khác mê mình chứ mình không mê người (CV)

Đào Hoa cư Mão đẹp nhất, kế đến cư Ngọ, còn cư Dậu và cư Tí thì xấu, tại Tí là đào hoa phiếm thủy, chủ âm dật (CV) nhưng có người cho rằng Đào tại Mão thì đẹp nhất, kế đến Đào tại Tí, rồi Ngọ và cuối cùng là tại Dậu

Đào Hoa cư Mão (hành sao đồng hành hành cung) thì đẹp nhất, là người rất có duyên, tuổi Tân lập gia đình sớm (CV). Tại vị trí này, Đào Hoa được coi như là hoa nở vào bình minh, tính chất của Đào Hoa thể hiện rất mạnh mẽ, rất hấp dẫn, thu hút người khác, được nhiều người biết đến như hoa đẹp được người thưởng thức ngắm xem.

Đào Hoa cư Ngọ (hành sao sinh hành cung) cũng đẹp, nhưng bớt sức hấp dẫn, ví như hoa đang ở giữa trưa nắng gay gắt thành ra dễ tàn, nhưng nếu nữ mệnh tại Ngọ có Tử Phủ thì lại là cách đào hoa phạm chủ, chủ về âm dật, chủ thầy lấy trò, chủ lấy tớ, họ hàng lấy nhau (CV)

Đào Hoa cư Dậu (cung Kim khắc Đào Mộc) thì xấu nhất, ví như hoa đào bị héo, bị rơi rụng, chủ trai lấy vợ thừa, hoặc thất tiết, hoặc không đứng đắn, hoặc lấy vợ trẻ, về già mới có vợ, hoặc dễ bị vợ phản bội, gái lấy chồng ăn chơi (CV). Tại vị trí này sự hấp dẫn của Đào Hoa giảm thiểu nhiều, tính chất của Đào Hoa giảm thiểu

Tử Vi Tham Lang cư Dậu gặp Đào Hoa, nếu Nam Mệnh hành Kim thì là cách đào hoa phạm chủ, chỉ cách thầy lấy trò, chủ lấy tớ, họ hàng lấy nhau, tình yêu thiếu luân thường đạo lý. Tại Nữ Mệnh thì âm dật (CV)

Đào Hoa cư Tí (hành cung sinh hành sao) thì đàn bà lãng mạn, dễ mắc vào lưới tình, nếu có Thiên Không đồng cung thì đường chồng con không khá, dễ bị chồng bỏ hoặc bỏ chồng (Không Đào) (CV). Có người cho rằng Đào Hoa tại Tí thì tốt, chỉ thua kém tại Mão, ví như hoa Đào nở về đêm, lâu tàn, tuy rực rỡ nhưng ít người biết đến, ám chỉ các tính chất của Đào Hoa thì ngầm ngầm, ví dụ như có

duyên nhưng ngầm, đa tình nhưng kín đáo
 Đào Hoa xấu nhất là gặp Không Kiếp, kế đến là Hỏa Linh. Gặp Triệt thì như là
 hoa bị ngắt, gặp Thiên Hình thì dễ bị bề hội đồng (CV)
 Đào Hoa nhập hạn trên 50 tuổi thì dễ chết hoặc bị bệnh nặng, nhưng chiếu hạn thì
 không đáng lo ngại, chủ yếu chỉ bị bệnh mà thôi (CV)
 Đào Hoa cư tại Nô thì đàn ông mới xấu, chủ về cách lấy bảy bạ như chủ lấy tở,
 thầy lấy trò, còn đối với đàn bà thì không sao (CV)

Đào Hồng cư Quan Lộc thì hợp nhất vì tránh được tính lăng lơ hoa nguyệt của
 Hồng Đào tại Mệnh. Cư Quan thì hoạn lộ sẽ hanh thông may mắn, không phải cầu
 cạnh bốn ba dù làm nghề gì cũng vậy (VVT)

Hồng Loan miếu vượng tại Dần Mão, Hợi Tí thì chủ sự thông minh tú lệ, hòa nhã,
 nếu có Tử Vi trong tam hợp thì là người thanh tịnh, chủ sự cát khánh, trai lấy vợ
 đẹp, hiền thực, gái lấy chồng cao sang quý hiển (VVT)
 Hồng Loan hãm địa thì chủ tà tâm, đa đoan (VVT)
 Hồng Loan gặp Hóa Lộc Kinh Đà thì phụ nữ rất giỏi về kinh doanh, nhất là kinh
 doanh vải vóc (Hồng Loan biểu tượng là vải vóc) rất phát đạt (VVT)
 Hồng Loan gặp Địa Kiếp Cô Quả là cách chết thất cổ vì Hồng Loan Địa Kiếp là
 cái dây thừng (VVT). Nếu đóng tại Phu Thê thì phải hai ba lần mới thành gia thất
 (VVT)

Đàn bà Mệnh Thân có Đào hay Hồng tọa thủ gặp tam ám Riêu, Đà, Kỵ hội hợp
 thì là người không giữ được danh tiết. Nếu lại gặp Thai Bình Tướng hội hợp thì sẽ
 bị chữa hoang hoặc hiếp (TTL)

Nữ Mệnh có Đào Thai Phục Tướng thì khó tránh chữa hoang hoặc bị hiếp (VVT)
 Thai Đào gặp Tướng Quân thì là cách tiền dâm hậu thú, nhưng nếu có Nguyệt
 Đức đồng cung thì giải được (AH)

Thiên Hỷ

Vui vẻ, hòa nhã, chủ về hỷ sự, đem lại nhiều sự may mắn đáng mừng
 Lợi ích cho việc cầu công danh, cưới hỏi, sinh nở
 Hợp với Hỷ Thần thành bộ Song Hỷ, chủ hỷ sự đến trùng phùng

Mệnh có Thiên Hỷ thủ thì:
 Miệng cười tươi
 Ăn nói vui vẻ, hòa nhã, vui tính

Ra ngoài thường gặp may mắn (Hong Loan cư Di). Duyên từ ngoài vào vì có Hong Loan xung chiếu (CV)

Thủ Mệnh thì là người có dung mạo tuấn mỹ, sớm lập gia đình (VVT)

Thiên Hỉ kết hợp với Hỉ Thần thành bộ Song Hỉ, chủ sự may mắn dồn dập đến. Một số người cho rằng Song Hỉ tại cung Quan thì rất tốt đẹp

Các câu phú về Đào, Hồng, Hỉ

Đào, Hồng, Hỉ với phụ tinh

Đào Hoa

Mệnh Đào Hoa thủ thì mặt mày xinh đẹp, gặp Kinh, Đà, Hình, Kỵ thì là người có tật:

Đào Hồng mặt mũi xinh tươi, Kỵ, Hình, Đà, Nhận là người tật thương

Mệnh giáp Đào Hồng thì tóc dài và tươi tốt:

Trong cung giáp có Hồng Đào, Tóc dài đến gót, tốt sao thuở này (B182)

Mệnh Đào Hoa thì ít khi ở với vợ, để vợ cô đơn chiếc bóng, và thường phải hai đời vợ:

Đào Hoa thủ Mệnh quả thê (7)

Đào Hoa hoặc Thiên Lương cư Dậu thì xấu vì bị hành cung (Kim) khắc hành sao (Mộc):

Kim khắc Mộc tốt nhiều cũng xấu,

Ấy Đào (Đào Hoa) Lương đất Dậu (cung Dậu) hay chi (B162)

Hồng Loan

Hồng Loan thủ Nữ Mệnh thì dễ lập gia đình hai lần, hai đời chồng:

Nữ tử Hồng Loan thủ Mệnh chủ nhị phu (8)

Mệnh có Hồng Loan tại Tí (như vậy thì là tuổi Mão) gặp thêm văn tinh thì tuổi trẻ đã đỗ đạt cao:

Hồng Loan cư Tí cũng hay, Văn tinh hội chiếu danh ghi thiếu thời

Những số chiếm Khôi Khoa tuổi trẻ, Minh gặp vào Tí vị Hồng Loan (gặp Khôi Khoa hoặc Hồng Loan cư Tí thì trẻ tuổi đã đỗ đạt cao)

Hồng Loan cư Tí, thiếu niên định chiếm khôi nguyên (1, B57)

Mệnh có Xương Tầu Hồng Khôi thì là người có nhiều mưu kế phò tá vua, rất nổi

danh nhưng nếu gặp thêm Hóa Kỵ thì không nên chen vào đường danh lợi thì cuộc sống sẽ phong lưu:
 Cách Xương Tấu Hồng Khôi dễ được, Chốn sân rồng dâng chúc nổi danh,
 Thêm sao Hóa Kỵ chẳng lành, Lánh đường đào mận an mình phong lưu (B112)

Thiên Hỉ

Thiên Hỉ thủ Mệnh thì miệng cười rất có duyên. Hỉ Thần, Thiên Hỉ, Hồng Loan là ba sao đem lại vui tươi may mắn trong cuộc sống:
 Sao Thiên Hỉ chủ mừng vui, Thiên Hỉ thủ Mệnh, miệng cười có duyên,
 Hỉ Thần, Thiên Hỉ, Hồng Loan, Ba sao đem lại hân hoan trong đời (AB337)

Đào, Hồng hay Hỉ hội với các phụ tinh
 Nữ mệnh có Hồng Loan đồng cung với Tử Vi hay Thiên Phủ thì là người chính chuyên, thực nữ:
 Sao Hồng Loan hội cùng Tử, Phủ, Gái chính chuyên, thực nữ ngàn xưa (AB336)

Mệnh Đào hay Hồng mà có Thiên Hình đồng cung thì có tiết hạnh, tề gia nội trợ:
 Đào Hồng cung Thiên Hình đồng hội, gái tiết trinh hiền nội tề gia (20)

Mệnh Đào Hoa tại Mão hay Dậu có Tả Hữu đồng cung tại Sửu hay Mùi chiếu thì trước dở sau tốt:
 Sao Tả Hữu đồng cung gặp gỡ, Mệnh Đào Hoa trước dở sau nên (B47,11)
 Sao Tả Hữu đồng cung gặp gỡ, Mệnh Đào Hoa trước dở sau hay

Đào Long Phụ Bát phùng sau trước, Hoặc Đào, Nô lỗ bước cầu ô

Mệnh có Thiên Đức hay Nguyệt Đức thủ gặp Đào Hoa hay Hồng Loan thì là người xinh đẹp, lấy được vợ hiền chồng sang. TVT ghi Đào Hoa hay Tham Lang miếu vượng vì Tham Lang cùng là Đào Hoa tinh:
 Thiên Nguyệt Đức ngộ Đào tinh, trai sinh gái đẹp vợ lành chồng sang (15)
 Thiên Nguyệt Đức ngộ Hồng thực nghiệm, Được chồng sang vợ đẹp hòa đôi (B112)

Thiên Nguyệt Đức ngộ Đào tinh, Trai lấy vợ đẹp, gái lành chồng sang
 Thiên Nguyệt Đức Đào Hồng cung Phối, Gái chồng sang, trai hội giai nhân

Thân có Hồng Đào gặp Thai Tọa thì có công danh, theo TVT nhưng muộn màng mới có:
 Thân hữu Hồng Đào kiêm Thai Tọa nhi công danh khả tất (22, B68)

Mệnh Hồng Loan gặp Bát Tọa thì tuổi trẻ đã có công danh. Nguyễn Mạnh Bảo cho rằng tại Quan cũng vậy:

Mấy người ít tuổi (niên thiếu) công danh, Hồng Loan, Bát Tọa ở mình chẳng sai (QXT, VT)

Người tuổi trẻ công danh đầy tá, Tọa Mệnh Quan Hồng, Tọa chẳng sai (B104)

Những người niên thiếu danh ghi, Hồng Loan Bát Tọa ở vì Mệnh cung

Nữ nhân tuổi Giáp Mệnh Sửu Mùi có Xương Khúc Hồng Lộc thì là người đức độ hiền lành, đáng bậc hiền phụ và hưởng giàu sang trọn đời, rất vượng phu ích tử. Chú ý Tử Phá, Thiên Phũ và Vũ Tham tại Sửu Mùi thì tuổi Giáp có Hóa Lộc thủ hoặc chiếu:

Xương Khúc Sửu Mùi, Giáp nhân Dương nữ kiêm phù Hồng Lộc hiền phụ chi nhân (13, TTL)

Mệnh Hồng Loan gặp Không Kiếp thì không thể phú quý được, không chết non cũng nghèo hèn:

Mệnh trung Hồng ngộ Kiếp Không, mạc đàm phú quý (3, B69)

Hồng Loan ngộ Kiếp Không đồng thủ (âm thủ), xá bản chi bản lữ (những lữ) yếu vong (9)

Hồng Đào Không Kiếp đồng danh, Ấy phường yếu tử đã đành một hai

Mệnh có Đào Hồng Không Kiếp Đà Linh thủ chiếu thì chết non:

Nhan Hối yếu tử do hữu Đào Hồng Không Kiếp Đà Linh thủ Mệnh (19)

Nhan Hối yếu tử (chết yếu) do hữu Kiếp Không Đào Hồng Đà Linh thủ Mệnh (8, TTL)

Mệnh có Đào Hoa tọa thủ thêm Địa Kiếp thì là người chơi bời suốt đêm mơ tưởng đến người đẹp:

Lãng lý Đào xa gia Địa Kiếp, tam canh giai tượng ư giai nhi (5)

Lãng lý Đào Hoa gia Địa Kiếp, tam canh khai tượng ư giai nhi (B83)

Đào Riêu đồng cung (chú ý rằng Thiên Riêu luôn có Thiên Hình tam hợp) thì lang chạ, không chung thủy, rất lăng lơ dâm dăng, lăng lơ, ngoại tình nếu không có sao giải mạnh như Tử Phũ, Thiên Hình, Khôi Việt:

Đào Riêu số gái ai hay, Chồng ra khỏi cửa, dặt tay trai vào (11)

Kìa những người phượng chạ, loạn chung, Đào Riêu số ấy trong lòng chẳng trinh (HC)

Kìa người phượng chạ loan chung, Đào Riêu số ấy trong lòng chẳng trịnh (B107)
Đào Riêu hội bên mình khá rõ, Không Quý, Hình, Tử Phủ ngoại dâm

Thiên Riêu Thiên Hỉ đồng cung hay xung chiếu thì bị nhiều tai họa quái ác:
Thiên Riêu Thiên Hỉ đa chiêu quái dị chi tai (14)
Số Riêu Hỉ tai bay vạ gió, Số Kiếp Không lắm độ gian manh
Tham Liêm hãm mệnh gian tà, Hồng Đào Riêu Hỉ ắt là dâm bôn

Phu Thê có Thai thủ gặp Đào thì vợ chồng đi lại ăn ở với nhau rồi mới lấy nhau:
Sao Thai lại gặp Đào Hoa, Tiền dâm hậu thú mới ra vợ chồng (AB, VT)
Sao Thai lại gặp Đào Hoa, Trước êm loan gối, sau hòa phụng chiêm (B105)
Thai tinh (sao Thai) mà gặp Đào Hoa, tiền dâm hậu thú mới ra vợ chồng (28)

Đào, Hồng, Hỉ, Thai thủ gặp Phục Tướng thì trai gái nguyệt hoa bừa bãi. Chú ý
rằng Thai và Đế Vượng xung chiếu, Phục Binh và Tướng Quân xung chiếu nên
trong cung phải có Phục Binh hay Tướng Quân thủ:
Đào Hồng Thai Hỉ (Thiên Hỉ) trong soi, ngoài gia Binh Tướng (Tướng Quân) gái
trai ngang tàng (17)
Đào Hồng Thai Hỉ trong soi, Ngoài gia Binh Tướng gái trai ngang tàng (B42)
Đào Hoa, Thai, Hỉ trong soi, Ngoài ra Binh, Tướng ả vui hoang tàng (QXT, chị
em gái bất chính)
Đào Hồng Riêu Hỉ trong ngoài, Lại gia Binh Tướng gái trai hoang tàng

Thai Binh Tướng Đào Hồng tương hợp, Chẳng chữa hoang bị hiếp bắt ngờ

Mệnh có Hồng Loan thì khéo về nghề thêu may, gặp Phục Binh hay Tướng Quân
thủ đồng cung thì dễ bị tai nạn, có lẽ chủ yếu về trinh tiết:
Hồng Loan may vá cửa canh, hiềm phùng Binh Tướng ắt sinh tai nạn (18)
Hồng Loan may vá cửa canh, Đối Binh Tướng lại, gái sinh tai nạn (B49)

TVT cho rằng nữ Mệnh cung Tử Tức có Thai Đào gặp Kiếp Sát thì hiếm con:
Nữ Mệnh Thai Đào phùng Kiếp (Kiếp Sát) gián đoạn tử cung (4)

Mệnh có Đào Hoa (biểu tượng là rượu) gặp Phi Liêm thì lúc nào cũng rượu chè
say sưa như Nguyễn Tịch đời nhà Tần:
Đào Hoa ngộ Phi Liêm, Nguyễn Tịch Tần triều nhi túy khách (6, B86)

Mệnh Kiếp Thân Không gặp Hồng Loan và Kinh Dương, nếu Mệnh có chính tinh

thì tiền vận vất vả, nhưng nếu được Nhật Nguyệt hay Tử Phủ hội hợp thì suốt đời được hưởng phúc giàu sang hơn người:

Mệnh Kiếp Thân không nhi giao Hồng Nhậm (gặp Hồng Loan và Kinh Dương) ư tuế Mệnh lạc chính tinh tiền đồ đa khổ (tiền vận vất vả) nhi hữu Âm Dương Đế diệu Mệnh Thân (nhưng nếu được Nhật Nguyệt hay Tử Phủ hội hợp), chung niên phúc hoạnh sinh tài (20)

Đào Hồng Hỉ với các chính tinh

Mệnh Tử Vi gặp Hồng Đào Không Kiếp thì giảm thọ vì Tử Vi và Đào Hồng đều tối kỵ gặp Không Kiếp:

Tử Vi mạc phòng Kiếp Không Hồng Đào nhập Mệnh giảm thọ (27, TTL)

Mệnh có Đào Hỉ gặp Tử Vi hay Thái Dương hội hợp thì giàu sang. NMB ghi

Mệnh có Đào Hỉ có Tử, Dương chiếu thì giàu sang:

Mệnh cư Đào Hỉ (Thiên Hỉ) hướng Tử Dương nhi phú quý kham kỳ (2, B68)

Mệnh và Thân đều có Tử Phủ Khoa Quyền Hình Ấn Hồng Khôi thì công danh rất tốt đẹp, như Lưu Bị kế nghiệp nhà Hán:

Lưu Huyền Đức đạt thừa Hán nghiệp thị ư Tử Phủ Khoa Quyền Hình Ấn Hồng Khôi Mệnh, Thân (45, TTL)

Hạn có Tử Phủ Vũ Tướng lại gặp Hồng Quyền thì gặp thời cơ tốt cho sự nghiệp, như Khương Tử Nha mừng gặp Văn Vương:

Hạn phòng (hạn có) Tử Phủ Vũ Tướng, hạnh đắc (mừng gặp) Hồng Quyền, Khương Công hỉ ngộ Văn Vương (73)

Phu cung có Tử Phủ Vũ Tướng gặp Riêu, Đào Hoa người tuổi Giáp, Mậu thì là gái giang hồ lưu lạc nay đây mai đó nhưng lên làm bà lớn vì được chồng quý hiển: Tử Phủ Vũ Tướng Phu cung, gia hợp Riêu Đào (Đào Hoa) ư Giáp Mậu nhân, giang hồ chi nữ (80)

Tử Vi Thất Sát tại cung Ty thì ví như vua mang kiếm báu tất nhiên có uy quyền và phú quý, gặp Hỏa Tinh, Tuyệt hội hợp thì người khát máu, tàn nhẫn, hay giết người, nhưng lại gặp thêm Bát Khoa Mã Ấn Tràng Sinh, Hồng Loan thì lập được chiến công thần kỳ, là Đại Tướng:

Sát Tử (Tử Vi Thất Sát) Tôn cung (cung Ty) Đế huê bảo kiếm, Hỏa (Hỏa Tinh) Tuyệt nhập xâm, đa sát chi nhân, hạnh ngộ Bát Khoa Mã Ấn Sinh Hồng di lập chiến công vi Đại Tướng (TTL)

Đào Hồng Hỉ, Tấu Thư gặp Vũ Khúc hội họp thì là người ca xướng múa hát giỏi. Có người cho rằng đây là trường hợp Đào Hồng Hỉ, Tấu Thư gặp Thiên Cơ : Hồng Loan Tấu Hỉ (Thiên Hỉ) Vũ Đào, những phường ca xướng tiến vào cửa quan (12)

Hồng Loan Tấu Hỉ Vũ (Vũ Khúc) Đào, Những phường ca xướng tiến vào nhà quan

Hồng Loan, Tấu, Vũ, Hỉ, Đào, Những phường ca vũ danh vào cửa quan (QXT, VT)

Đào Tấu Hỉ Vũ Hồng họp mặt, Người xướng ca tiếng nức nhà quan (HC)

Sao Vũ Khúc, Hồng, Đào, Hỉ, Nơi giao phòng danh vị nhà quan (Vũ Khúc Đào Hồng Hỉ thì có quan chức) (NMB)

Hồng Cơ Tấu Vũ Hỉ Đào, Gái nghề ca xướng luận vào Mệnh viên

Hồng Cơ Tấu Vũ Hỉ Đào, Câu ca, điệu vũ, nghề nào cũng tinh (AB336)

Mệnh có Đào Hồng Tấu gặp Vũ thì khéo về kim chỉ vá may:

Khéo nghề kim chỉ vá may, Đào Hồng Tấu Vũ ở đây Mệnh cung (13)

Khéo nghề kim chỉ vá may, Hồng Đào Tấu Vũ ở đây Mệnh cung (NMB, VT)

Khéo nghề kim chỉ khâu thừa, Hồng Đào Tấu Vũ ở vào mệnh cung (HC)

Người kim chỉ vá may khôn khéo, Tấu Vũ Hồng thủ chiếu Mệnh cung (B108)

Riêng Quân Xuân Thịnh và Việt Viêm Tử thì có hai câu phú sau. Tang Môn và Hồng Loan không bao giờ tam hợp xung chiếu nhị hợp nhau nên cần xét lại câu phú của Quân Xuân Thịnh:

Cơ Loan Hồng Phúc Mệnh trung, Cửi canh kim chỉ vá may khâu thừa (AB342)

Khéo nghề kim chỉ vá may, Cơ, Tang, Hồng, Phúc ở rầy Mệnh cung (QXT)

Mệnh Đào Hồng gặp Thiên Cơ thì vẽ rất đẹp như Doãn Vi là họa sĩ tài ba:

Đào Hồng ngộ Thiên Cơ, Doãn Vi sảo họa (4, B70)

Nữ Mệnh có Đào Hồng Sát Phá Tham Liêm thì có số sát chồng, chồng chết sớm:

Đào Hồng Sát Phá Tham Liêm, Lâm vào nữ phái chỉ hiềm sát phu (AB341)

Mệnh có Tướng Hồng thì rất xinh đẹp. Nữ Mệnh có Thiên Tướng Hồng Loan thì lấy được chồng giàu sang danh giá:

Thiên Tướng là mặt con người, Hương trời sắc nước, Mệnh ai Tướng Hồng (AB)

Tướng Hồng số gái yên vui, Chồng sang kết nguyện phúc thôi dòi dào (HC)

Tướng Hồng (Hồng Loan) Nữ Mệnh, quý nhân hảo phối (9, TTL)

Thiên Tướng gặp Đào Hoa hoặc Hoa Cái có Văn Khúc, Mộc Dục hội họp thì xinh

đẹp nhưng đa tình, dâm dăng:

Tướng ngộ Cái (Hoa Cái) Đào (Đào Hoa) Khúc (Văn Khúc) Mộc (Mộc Dục) thuần tước dâm phong (11, TTL)

Thiên Tướng gặp Khúc Cái Mộc Đào, Vốn là phúc trọng, tính âu đa tình (HC 76)

Tướng và Khúc hội Đào, Mộc, Cái Sắc khuynh thành nhưng rất dâm bôn (AB326)

Thiên Tướng ngộ Lộc xung trung tọa,

Cửa mạn đào có kẻ tài chân (B41)

(Tướng gặp Lộc thì là người có chân tài trong đám quần thoa) (B41)

Tướng ngộ Đào, Hồng cung chiếu,

Ngồi mạn Đào có ả Thôi Nương (chị em gái tài hoa - QXT)

Thiên Tướng tại Mão gặp Sinh Vượng Đào Hồng Tả Hữu Quyền Xương thì mặt xinh đẹp mà võ nghệ rất giỏi, hạn gặp Phá Đà Kinh Kiếp thì vì dâm ô mà chết như Lã Bố:

Tướng lâm Chân địa (cung Mão) Sinh Vượng Đào Hồng Tả Hữu Quyền Xương diện hoa vũ bá, vận phùng (hạn gặp) Phá Đà Kinh Kiếp Lã Bố do dâm mẫn kiếp (12)

Mệnh có Thái Dương gặp Đào Hoa và sát tinh hội hợp thì mắt nhỏ mắt to. Chú ý Thái Dương không tam hợp xung chiếu với Thất Sát thành ra Sát là sát tinh thì hợp lí:

Người mà mắt nhỏ mắt to, Nhật phùng Đào, Sát tương phò Mệnh viên

Phúc Đức tại âm cung có Nhật Nguyệt gặp Thiên Hỉ thì có anh em cùng cha khác mẹ hay cùng mẹ khác cha:

Âm Dương sánh với Hỉ tinh (Thiên Hỉ), Âm cùng với Phúc cũng sinh dị bào (B42, 23)

Nhưng Quán Xuân Thịnh thì cho rằng:

Thái Âm hiềm có Thiên Cơ,

Âm cùng mấy Phúc đồng sinh lưỡng bào (QXT)

Cung Tử Tức có Nhật Nguyệt sáng sủa chiếu gặp Thiên Hỉ tọa thủ thì vui mừng, hàm ý tất sinh quý tử. TVT giải rằng cung Tử Tức có Nhật Nguyệt chiếu gặp Thiên Hỉ tọa thủ tất sinh quý tử. Đòi hỏi Nhật Nguyệt sáng thì hợp lý vì mình có nghĩa là sáng

Tử Tức Thiên Hỉ thủ trung, Nhật Nguyệt lai chiếu sinh giòng quý nhi

Sở hỷ gia Thiên Hỷ nhị minh (Nhật Nguyệt) phù Tử Tức chi cung (68)

Nhật Nguyệt Sửu Mùi thì giảm mất ánh sáng nên kị gặp sát tinh, nếu gặp Xương Khúc, Ân Quang, Thiên Quý, Thai Tọa, Khôi, Hồng Loan thì văn tài lỗi lạc, lý luận sắc bén, biết tiến thoái xử sự đúng lúc nên công thành danh toại, vinh hiển. Chú ý trong trường hợp này thì Xương Khúc sẽ đồng cung có tác dụng gia tăng ánh sáng cho Nhật Nguyệt, bộ Hồng Loan Thai Tọa thì chủ về hanh thông trong quan trường:

Nhật Nguyệt Sửu Mùi, Âm Dương hỗn hợp tự giảm quang huy (giảm mất ánh sáng) kị phùng (kị gặp) sát tinh, nhược lai văn diệu (nếu gặp văn tinh là Xương, Khúc), diệc kiến Quý, Ân (Ân Quang, Thiên Quý) Thai, Tọa, Khôi, Hồng (Hồng Loan) văn tài nguy lý, xuất sử thành công (văn tài lỗi lạc, lý luận sắc bén, biết tiến thoái xử sự đúng lúc nên công thành danh toại, vinh hiển) (TTL)

Thái Vân Trình thì viết hơi khác một chút:

Nhật Nguyệt Sửu Mùi, Âm Dương hỗn hợp tự giảm quang huy (giảm mất ánh sáng) kị phùng (kị gặp) Kiếp, Triệt (Địa Kiếp và Triệt án ngữ), nhược lai văn diệu (nếu gặp Xương Khúc), diệc kiến Quý Ân (Ân Quang, Thiên Quý), Không Linh Thai Tọa Khôi Hồng (Hồng Loan) văn tài nguy lý, xuất sử thành công (18)

Thái Dương cư Hợi là cách Nhật trầm hải nội hay Nhật trầm thủy đê nên không được tốt đẹp, nhưng nếu được Khoa Quyền Lộc chiếu, Tả Hữu Hồng Khôi hội hợp nên lập được kỳ công, có sự nghiệp lớn lao trong thời loạn, và nếu Nhật gặp Phượng Long Cái Hổ mà không có sát tinh thì sẽ có công danh tài lộc trong thời bình. Chú ý Thái Dương tại Hợi không bao giờ có đủ Tam Hóa hội hợp, mà chỉ có hai sao là tối đa. Cụ thể:

Tuổi Ất có Quyền Lộc Tồn Hóa Kỵ tam hợp chiếu

Tuổi Mậu có Quyền Quan Phúc Việt tam hợp chiếu, Lộc Tồn Lưu Hà xung chiếu

Tuổi Canh khi an Tứ Hóa theo Dương Vũ Âm Đồng thì có Hóa Lộc Thiên Quan Hao LNVN thủ, Khoa Đà chiếu trong đó Đà La tại Mùi bị Triệt.

Tuổi Tân có Quyền thủ Hóa Lộc Thiên Phúc Quốc Ấn chiếu và nếu có Khúc thì sẽ có Khoa

Tuổi Nhâm thì có Lộc Tồn Lưu Hà thủ và có Hóa Lộc Quốc Ấn tam hợp Khôi Việt chiếu trong đó Khôi bị Triệt. Nếu có Tả Phù thì sẽ có Hóa Khoa

Tuổi Quý thì có Đà la thủ, Khôi Việt Quyền Khoa Thiên Phúc Đường Phù Hao LNVN chiếu

Như vậy câu phú có thể liên quan đến tuổi Canh, Tân, Nhâm, Quý:

Nhật cư Hợi địa, Nhật trầm hải nội (mặt trời chìm xuống đáy bể không tỏa được ánh sáng nên rất mờ ám. TTL dùng từ Nhật trầm thủy đê, tức mặt trời chìm đáy

nước), ngoại cung (ngoại hữu, bên ngoài có, ý nói được chiếu) Tam Kỳ (Khoa Quyền Lộc) Tả Hữu Hồng Khôi kỳ công quốc loạn dĩ viên thành (lập được kỳ công, có sự nghiệp lớn lao trong thời loạn), hoan ngộ Phụng Long Cái Hồ bất kiến Sát tinh thể thịnh phát danh tài (trong thời bình thì có công danh tài lộc) (40. TTL)

Thái Âm miếu vượng đắc gặp Hồng Loan, Kinh Dương, Hóa Kỵ, Thiên Riêu thì ví như hoa sen hé mở, rất quyến rũ, tiểu hạn gặp Xương, Vũ thì động lòng xuân, tưởng đến chuyện trăng hoa nên rất dễ xa ngã (cần coi lại câu này)
Âm tăng (Thái Âm miếu vượng đắc) Hồng (Hồng Loan) Nhận (Kinh Dương) Kỵ (Hóa Kỵ) Riêu (Thiên Riêu) tán liên hàm tiểu (hoa sen hé mở, rất quyến rũ) tiểu hạn phùng Xương Vũ dâm tự xuân tình liên xuất phát (động lòng xuân, tưởng đến chuyện trăng hoa nên rất dễ xa ngã) (15)

Hạn có Nhật gặp Kiếp, Hồng Loan, Bình, Khốc tất cha già đau bệnh mà chết vì Nhật tượng trưng cho cha hoặc chồng:
Nhật ngộ Kiếp Hồng Bình (Phục Bình) Khốc thân phụ tận niên thọ hưởng ai thương (70)

Cơ Thục Ái là gái sống nay đây mai đó, hạn gặp Cơ Nguyệt Đồng Hồng Hỉ Khôi Xương Khúc Tấu Thư, Phúc Đức nên được vua Thục mời vào cung:
Cơ Thục Ái giang hồ chi nữ, hạn phùng Cơ Nguyệt Đồng Hồng Khôi Xương Khúc Thư (Tấu Thư) Phúc (Phúc Đức) Hỉ (Thiên Hỉ): huê mong Thục Đế chi cung (được vua Thục mời vào cung) (28)

Sát, Phá, Liêm, Tham gặp Khoa, Quyền, Lộc lại có Hồng Loan, Thiên Hình, Tả Hữu thì là người tiếng tăm lừng lẫy, nếu bị Hóa Kỵ, Không hay Triệt xâm phạm thì cả đời không thành công, nếu có cũng không bền:
Sát, Phá, Liêm, Tham Tam Kỳ (Khoa Quyền Lộc) gia hội lai triều Hồng, Hình, Tả Hữu uy danh nhất thế chi nhân (là người tiếng tăm lừng lẫy), Kỵ Không Triệt chung thân tác sự nan thành (40)

Thất Sát gặp Thiên Hỉ thì vẻ ngoài ôn thuận nhưng rất gan lì, có người cho rằng phong nhã uy nghi :
Sát phùng Thiên Hỉ tương giao, Có vẻ ôn thuận, ai nào biết gan
Sát phùng Thiên Hỉ khá hay, Ấy người phong nhã uy nghi mọi đàng

Mệnh hay Thân có Phá Quân gặp Không Kiếp Hồng Loan thì bị chết yếu. Thật ra

Hồng Loan gặp Không Kiếp đã là cách chết yếu:
Phá Quân, Không, Kiếp, Hồng Loan, Vào cung Thân, Mệnh xá bàn yếu vong
(B104)

Thiên Di có sao Tướng Quân, Phá Quân, Phục Binh trong lại có sao Thai ngoài có
Đào Hồng là người dâm dục quá độ, tư thông làm cho người ta chê cười:
Tướng Phá (Phá Quân) Phục nội tàng Thai diệu, Ngoài Đào Hồng tú (sao Hồng
Loan) chiếu Thiên Di,
Có người dâm dục thị phi, Tư thông chi để kẻ chê người cười (B43)
Tướng, Phá, Phục trong làng Thai diệu, Ngoài Đào, Hồng, Hoa Cái, Thiên Di
Có người dâm dục thị phi, Tư thông chi để kẻ chê người cười (QXT)

Mệnh có Liêm Trinh tọa thủ gặp Hồng Loan, Thiên Khôi, Văn Xương hội hợp thì
là mưu sĩ được trọng dụng và rất nổi danh. Thiết tưởng cần Liêm sáng sửa. Có
người cho rằng đây là cách Hồng, Khôi, Xương, Tấu hội hợp:
Hồng Khôi Xương Liêm phù trì, sân rồng dăng trước, trong thì danh cao (14)
Hồng Khôi Xương Liêm phù trì, Sân rồng dấn bước, ghi tên cử trừng
Hồng, Khôi, Xương, Tấu phù trì, Sân rồng kén bảng, danh đề ở cao (QXT)
Hồng, Khôi, Xương, Tấu phù trì, Sân rồng đứng trực, xem thì ngôi cao (VT)

Mệnh Tham Đào thì râu tóc rậm rạp, mệnh Vũ Ky thì mắt đen:
Tham Đào tốt tóc xanh rậm,
Mắt đen Vũ, Ky chẳng nhảm một ai

Nữ Mệnh có Tham Đào Hoa hãm địa thì độc ác, thâm hiểm và rất dâm dăng
nhưng gặp Triệt Tuần thì tính tình nhân hậu, đoan chính, cởi mở, không nhỏ mọn
đố kỵ. Điều này cho thấy Triệt Tuần có ảnh hưởng mạnh đối với Tham Lang:
Tham Đào (Đào Hoa) tại nhân cung (hãm địa), Nữ Mệnh độc phụ chi nhân, ngộ
Triệt Tuần tâm tình thư thái (30, TTL)

Đào Hồng tại các cung
Cung Điền
Cung Điền có Ân Quang hay Thiên Quý gặp Đào Hồng thì hưởng di sản của cô dì
để lại:
Quý Ân ngộ Đào Hồng Điền Trạch, Cô dì lưu tài bạch ruộng nương
Ân Quang ngộ Đào, Hồng Điền Trạch, Ấy cô dì lưu lại ruộng nương (QXT, VT)
(được hưởng di sản tiền bạc nhà đất của cô dì để lại)
Điền cung Ân ngộ Đào, Hồng, Cửa cô dì đã qui tông sẵn sàng (B108)

Cung Quan

Đào Hoa hoặc Hồng Loan cư Quan thì rất tốt vì gặp may mắn trên quan trường, làm quan sớm, hiển đạt sớm, được vua tin dùng, hoạn lộ được nhẹ bước thang mây trong khi Thiên Di thì tối kỵ gặp Không Kiếp ra ngoài có nhiều kẻ thù ám hại. Nguyễn Mạnh Bảo cho rằng Hỉ là Thiên Hỉ thì không đúng. Chú ý rằng Đào Hoa tại Quan thì Mệnh có Kiếp Sát:

Đào Hoa cư Quan tảo tuế (nhỏ tuổi) đắc quan hành chính (21, B57)

Quan cung hỷ ngộ Hồng Đào, Thiên Di tối kỵ Kiếp Không lâm vào (23)

Quan cung Hỉ ngộ Đào Hồng, Thiên Di tối kỵ Kiếp Không lâm vào (B103)

Quan cung mừng được Đào Hồng, Thiên Di tối kỵ Kiếp Không lâm vào (QXT)

(Quan Lộc Mã gặp Thiên Hỉ Đào Hoa Hồng Loan thì . Thiên Di gặp Không Kiếp thì xấu, có thể bị chết đường hoặc ăn cướp giết)

Cung Quan Lộc Hồng Đào hội hợp, Miền Thiên Di Không, Kiếp phải e

Cung Quan mừng gặp Đào Hồng, Thiên Di tối kỵ Kiếp Không lâm vào

Đào Hoa giữ ở cung Quan, Gặp thời hanh chính vừa tầm đáng trai (B113)

Cung Nô

Nô Bộc có Đào Hoa thì có vợ cho cấm sùng. Nam Mệnh mới có cách này (AH):

Hoa Đào nở trái Nô cung, Thiếp Thê mang tiếng bất trung cùng chồng (B37)

Cây đào mọc ở Nô cung, Vong Phu mắc tiếng, bất trung cùng chồng (QXT)

Cung Thiên Di

Thiên Di gặp Đào Hồng thì ly hương mà lập gia đình:

Vợ chồng viễn phối tha hương, Đào Hồng len lỏi vào làng Thiên Di (29)

Vợ chồng viễn phối tha hương, Đào Hồng len lỏi (đóng chỗ) vào làng Thiên Di

Kìa người phải tha hương định phối, Bởi Đào Hồng tỏ lỏi Thiên Di (B108)

Cung Phối

Phu Thê có Đào Hồng thì vợ chồng sinh đẹp:

Cung Phu lại Đào Hồng tương ngộ, Vợ với chồng đều có dung nhan

Cung Phu Phụ Đào Hồng tương ngộ, Vợ với chồng đều có dung nhan (B44)

Cung Thê Thiếp, Đào, Hồng tương ngộ, Vợ mấy người đều có dung nhan (QXT)

Cung Thê có Hồng Loan thì khắc vợ trước:

Hồng Loan cư Thê tiền khắc (21)

Cung Phu đóng ở tứ vượng (Thìn Tuất Sửu Mùi hay Tứ Mộ) gặp Hồng Loan thủ

thì số khóc chồng, tình duyên lận đận. Chú ý đây là người tuổi Dần Thân Tỵ Hợi. Tuổi Dần Thân thì Phu tại Sửu Mùi có Trục Phù Hồng Loan thủ gặp Cô Quả, Mệnh Không Đào Mão Dậu. Tuổi Tỵ Hợi thì Phu tại Thìn Tuất có Tử Phù Nguyệt Đức Hồng Loan thủ, Quả Tú chiếu, Không Đào tại Tí Ngọ tam chiếu, Mệnh có Long Đức thủ gặp Cô Quả tam hợp, Không Đào xung chiếu: Sở ai già Hồng Loan tứ vượng liệt phu quân chi vị (25)

Phu có Hồng Loan (có người ghi là Hồng Đào) đồng cung với Hóa Kỵ thì vợ chồng có phen bỏ nhau chia ly và còn muốn lập gia đình lần nữa. QXT ghi rằng vừa bỏ chồng hoặc chồng vừa chết thì đã có người muốn lấy:

Hồng Loan ngộ Kỵ Phu cung, Tơ hồng đã đứt, má hồng còn ư (30, NMB, VT)

Hồng Đào ngộ Kỵ Phu cung, Tơ hồng đã đứt, má hồng còn vương (HC 174)

Phu cung Kỵ gặp Đào Hồng, Tơ hồng đã đứt má hồng lại yêu (B108)

Hồng Loan ngộ Kỵ Phu cung, Tơ hồng chưa tắt, má hồng đã xui (QXT)

Hồng Loan ngộ Kỵ cung Phu, Gái ngồi quặt mồm, lòng dạ xốn xao (AB336)

Phu có Hồng Loan Địa Kiếp, Mệnh tốt thì ăn ở với nhau đến 100 tuổi, Mệnh xấu thì chỉ ăn ở với nhau được 10 năm:

Hồng Loan phùng Địa Kiếp ư Phu Quân, Mệnh hảo chi bách, bất hảo chi thập (27)

Địa Kiếp với Hồng lâm Phu vị, Cung Mệnh sinh duyên ấy trăm năm,

Mệnh xấu duyên đứt tơ tằm, Sinh ly sẽ định loan phòng mười năm

Cung Phu có sao Hồng Loan là chồng nhiều vợ, gặp Tứ Sát (Kình Đà Hỏa Linh, nên thêm Không Kiếp) là bị góa:

Hồng ngộ Phu Thê nay thiếp nọ, Tứ Sát gia tiền độ bi ai (B46)

Đào Hồng tại hạn

Mệnh Đào Thân Hồng thì có nhiều người theo đuổi nhưng hạn có Thái Tuế thì không có ai lai vãng. Quản Xuân Thịnh thì cho rằng hạn gặp Tuế Kiếp và giải là đánh đuổi vợ:

Mệnh Đào Thân lại Hồng Loan, vận phùng Thái Tuế, khả hoàn thấy chi (16)

Mệnh Đào, Thân lại Hồng Loan, Vận phùng Tuế, Kiếp đã hoàn thê nhi (QXT)

Mệnh Đào, Thân lại Hồng Loan, Hạn gặp Tuế Kiếp phượng hoàng rẽ duyên (HC 163)

TVT cho rằng tuổi Ất Tân hạn gặp Hao, Kiếp Sát, Đào Hồng thì phải đề phòng

người làm phản, nếu gặp Khoa hay Thiên Phủ thì không sao. Chú ý tuổi Ất Tân thì Song Hao Tí Ngọ gặp Đào Hoa Tí Ngọ:
Hao Sát Hồng Đào, Ất Tân hạn đáo, đa phùng phản phúc, Khoa Phủ hạnh cầu (6)

Hạn gặp Riêu Hỉ Đào Hồng thì hay nghĩ đến chuyện nghĩ đến chuyện trai gái xác thịt làm tình:

Hạn phùng Riêu Hỉ Đào Hồng, gái trai tơ tưởng những lòng dâm phong
Hạn phùng Riêu Hỉ Đào Hồng, Gái trai mơ tưởng trong lòng dâm phong
Hạn phùng Riêu Hỉ Đào Hồng, Gái trai mang một tấm lòng tà dâm (VT)
Các câu phú dưới đây ghi là Hoa Cái gặp Đào Hồng Hỉ thì không đúng:
Vận hạn đến Đào Hồng Cái Hỉ, Lòng gái trai bất sĩ dâm bồn
Vận hạn Đào Hồng Hoa (Hoa Cái) Hỉ, Lòng gái trai bất sĩ dâm ô (B110)
Vận hạn đến Đào Hồng Cái Hỉ, Lòng gái trai bất sĩ dâm bồn

Hạn có Thai gặp Hỉ, Thanh Long thì có con, Nguyễn Mạnh Bảo thì ghi rằng Thai gặp Hỉ Phi nhưng nên biết Phi Liêm và Thanh Long tam hợp với nhau. Theo TVT thì là trường hợp Thai gặp Đào Hoa Thiên Hỉ:

Thanh Long, Thai, Hỉ hợp miên, Vợ đi thai nghén khá xem phúc nhà
Thai tinh, Long (Thanh Long), Hỉ vận này, Vợ thời thai dựng đến ngày khai hoa (QXT)

Thai phùng Long Hỉ vận này, Vợ mình ắt đã đến ngày nở hoa (VT)
Thêm đình ấy Thai cùng Phi (Phi Liêm) Hỉ, Lên đậu năm Cái ty Dương Đà (hạn Hoa Cái gặp Dương Đà thì mắc bệnh đậu) (B110)

Thai phùng Đào Hỉ vận này, vợ chồng mừng đã đến ngày nở hoa (hạn sanh con) (12)

Các câu phú cần xét lại

Ân Khôi Quý Việt Liêm Hồng, Trai cận cử trùng, gái tác cung phi
Ân Quý Khôi Việt Liêm Hồng, Trai cận cử trùng, gái tác cung phi
Khôi, Lương, Thanh, Việt, Cái, Hồng, Trai cận cử trùng, gái tác cung phi (QXT)
(Trai làm đến công khanh, gái thì làm vợ vua chúa)
Ân Khôi Quý Việt Cái Hồng Nam cận cử trùng, nữ tác cung phi (AB)
Đà Ân Quý Việt Tấu Hồng Nam cận cử trùng, nữ tác cung phi (VT)
Quý Ân Tấu Việt Đào Hồng, Lục cung gái đẹp Tam Công giai tài (B112)

Kinh Riêu Hoa Cái Thai Đà, Vận phùng năm ấy đậu hoa phải phòng
Kinh Dương Hoa Cái ngộ Đà, Vận phùng năm ấy, đậu hoa phải phòng (QXT)

Đào Hồng Hoa Cái ngộ Đà, Hạn hành năm ấy đậu ma phải phòng (VT)
(bị lên đậu)

Hạn gặp thì lập gia đình:

Vũ, Cơ, Lộc, Mã, Hỉ, Hồng, Hôn nhân vận ấy đeo bông thất gia

Vũ, Cơ, Lộc, Mã, Quả (Quả Tú), Loan (Hồng Loan), Hôn nhân thuở ấy mới tròn thất gia (46)

Vũ, Cơ, Lộc, Mã, Long, Loan, Trai ban binh tức, gái bàn thư cưu (NMB)(Hạn gặp, con trai thì có công danh, gái thì có người đến hỏi cưới)

Hạn có Vũ Khúc Lộc Mã Hồng Cô Quả thì lập gia đình. Chú ý Hồng Loan và Thiên Mã không hội hợp với nhau

Đào Tang (Tang Môn) ở Mệnh cung sau trước, gái lẳng lơ nhờ bước cầu ô (10)

Giải: Mệnh có Đào Hoa Tang Môn hội hợp thì trước sau là gái lẳng lơ và lận đận về tình duyên. TVT giải mệnh có Đào Hoa Tang Môn hội hợp thì trước sau là gái lẳng lơ kén chồng. Giải thích như vậy thì sai vì Đào Hoa và Tang Môn không bao giờ hội hợp nhau, chỉ có tuổi Tỵ Hợi thì Đào Hoa và Tang Môn nhị hợp và chỉ có tuổi Dần Thân Tỵ Hợi thì có Tang Môn đứng trước Đào Hoa theo chiều thuận.

Không có vị trí nào mà Đào Hoa và Tang Môn đứng cách nhau một cung cả. Câu phú này cần xét lại

Hoa Cái Phụng Cát Đào Hồng,

Trai toan bỏ vợ trong lòng chẳng khuây (NMB, VT)

Hoa Cái Phụng Cát Đào Hồng,

Trai toan nể vợ trong lòng khôn khuây (QXT)

(lòng buồn rầu tính chuyện bỏ vợ)

Hạn gặp Riêu Hỉ Đào Hồng thì hay nghĩ đến chuyện nghĩ đến chuyện trai gái xác thịt làm tình:

Hạn phùng Riêu Hỉ Đào Hồng, gái trai tơ tưởng những lòng dâm phong

Hạn phùng Riêu Hỉ Đào Hồng, Gái trai mơ tưởng trong lòng dâm phong

Hạn phùng Riêu Hỉ Đào Hồng, Gái trai mang một tấm lòng tà dâm (VT)

Các câu phú dưới đây ghi là Hoa Cái gặp Đào Hồng Hỉ thì không đúng:

Vận hạn đến Đào Hồng Cái Hỉ, Lòng gái trai bắt sĩ dâm bồn

Vận hạn Đào Hồng Hoa (Hoa Cái) Hỉ, Lòng gái trai bắt sĩ dâm ô (B110)

Vận hạn đến Đào Hồng Cái Hỉ, Lòng gái trai bắt sĩ dâm bồn

Mã Đào duyên nợ tư sinh,

Không cần mối lái, ái tình kết giao
Thiên Mã và Đào Hoa không tam hợp xung chiếu hoặc nhị hợp với nhau

Phu Thê có Đào Hoa Thiên Mã thì không cần mối lái cũng lấy được nhau
Đào Hoa phùng Thiên Mã, túng khách vô môi (26)
Mã và Hồng Loan không tam hợp xung chiếu với nhau ngoại trừ nhị hợp cho tác
tuổi Thìn Tuất Sửu Mùi Hồng Loan có Mã nhị hợp

Vũ, Cơ, Lộc, Mã, Hỉ, Hồng,
Hôn nhân vận ấy đèo bông thất gia
Mã và Đào Hoa hoặc Mã và Thiên Hỉ không tam hợp xung chiếu, nhị hợp với
nhau

Long phùng Phượng, Hỉ cũng hay,
Vui mừng mới thấy, bi ai bỗng liền (QXT, phát tán thất thường)
Hỉ ở đây phải là Hỉ Thần

Một áng có Tràng Sinh Mã Hỉ,
Đường mây xanh phỉ chí bông tang (gặp may mắn về công danh) (B113)
Tràng Sinh, Mã, Hỉ đồng cung,
Công danh đắc lộ, vẫy vùng một phương (HC 152)
Mã và Thiên Hỉ không hội hợp, như vậy Hỉ là Hỉ Thần, nhưng có thể Hỉ là mừng
gặp

Thiên Cơ Tấu Thư Hồng Loan cư cung Dần gặp Lộc Tồn, Quốc Ấn thì kề cận
nguyên thủ. Tuy nhiên chúng ta biết rằng Tấu Thư là một sao của vòng Bác Sĩ có
đặc điểm không bao giờ tam hợp xung chiếu với Lộc Tồn, chỉ có một trường hợp
duy nhất là tuổi Đinh hay Kỷ có Lộc Tồn tại Ngọ và nếu là Dương Nam Âm Nữ
thì có Tấu Thư tại cung Hợi nhị hợp với cung Dần thì mới giải thích được câu phú
trên
Cơ Thư (Tấu Thư) Hồng cư Dần địa, nhi phùng Lộc Ấn loan cận cử trùng (6)

Phúc cung ngộ Tang Đào Hồng tú, Trong họ hàng ắt có quả phụ
Phúc cung ngộ Tang, Đào, Hồng, Hỉ, Họ hàng thường có kẻ yếu phu (QXT)
Phúc Đức ngộ Tang Đào Hồng Phủ, Họ hàng thường có kẻ quả phụ (VT)
(chồng chết sớm, góa bụa)

Phúc (cung phúc) Thai, Tang ngộ Đào Hồng,

Tôn thân có kẻ loạn phong nợ đời (trong họ hàng có kẻ vì dâm loạn mà chết)
(B107)

Đào Hồng không tam hợp xung chiếu nhị hợp với Tang Môn ngoại trừ tuổi Ty
Đào cư Ngọ và tuổi Hợi Đào tại Tí thì nhị hợp Tang Môn

Các câu phú dưới đây có lẽ ghi lộn cách giáp Đào Hồng thành giáp Đào Hoa và
Tang Môn, điều này không thể xảy ra được:

Đào Tang ở Mệnh cung sau trước, Gái lẳng lơ nhỡ bước cầu ô

Tang, Đào ở Mệnh cung sau trước, Gái đã đành lỡ bước cầu ô (QXT, AB)

Đào Tang đóng ở Mệnh cung, Lẳng lơ gái ấy phụng loan dứt tình

(trước sau là gái lẳng lơ kiếm chồng. QXT ví dụ rằng Mệnh ở Tí có Đào Hoa và
Tang Môn cư Sửu nhị hợp)

Thê cung thấy những chẳng lành,

Đào Hồng Hoa Cái phong tình mới e (B109)

Nữ Mệnh giáp Đào Hồng thì lẳng lơ, việc lập gia đình nhiều lần bị trục trặc, trắc
trở. Câu này cần kiểm tra lại:

Mệnh vị giáp Đào, Hồng sau trước, Gái lẳng lơ nhỡ bước cầu ô (B106)

Đào Hồng ở Mệnh cung sau trước, Gái lẳng lơ nhỡ bước cầu ô (VT)

Các câu phú dưới đây có lẽ ghi lộn cách giáp Đào Hồng thành giáp Đào Hoa và
Tang Môn, điều này không thể xảy ra được:

Đào Tang ở Mệnh cung sau trước, Gái lẳng lơ nhỡ bước cầu ô

Tang, Đào ở Mệnh cung sau trước, Gái đã đành lỡ bước cầu ô (QXT, AB)

Đào Tang đóng ở Mệnh cung, Lẳng lơ gái ấy phụng loan dứt tình

(trước sau là gái lẳng lơ kiếm chồng. QXT ví dụ rằng Mệnh ở Tí có Đào Hoa và
Tang Môn cư Sửu nhị hợp)

Mệnh có Đào Hồng Tấu gặp Vũ thì khéo về kim chỉ vá may:

Khéo nghề kim chỉ vá may, Đào Hồng Tấu Vũ ở đầy Mệnh cung (13)

Khéo nghề kim chỉ vá may, Hồng Đào Tấu Vũ ở đầy Mệnh cung (NMB, VT)

Khéo nghề kim chỉ thêu thùa, Hồng Đào Tấu Vũ ở vào mệnh cung (HC)

Người kim chỉ vá may khôn khéo, Tấu Vũ Hồng thủ chiếu Mệnh cung (B108)

Riêng Quản Xuân Thịnh và Việt Viêm Tử thì có hai câu phú. Tang Môn và Hồng
Loan không bao giờ tam hợp xung chiếu nhị hợp nhau:

Khéo nghề kim chỉ vá may, Cơ, Tang, Hồng, Phúc ở rầy Mệnh cung (QXT)

Cơ Loan Hồng Phúc Mệnh trung, Cửi canh kim chỉ vá may thêu thùa (AB342)

Tây Thi cung Phu có Cự Cơ, Song Hao, Quyền Ấn, Đào Hồng nên khuynh đảo triều đình nhà Ngô. Cự Cơ Mão Dậu gặp Song Hao tuổi âm Đinh, Kỷ Quý mới có mà tuổi này Đào Hoa chỉ tại Tí hay Ngọ thành ra không thể gặp Đào Hoa. Cự Cơ Tí Ngọ gặp Song Hao thì tuổi Ất Tân mới có và có khả năng gặp Đào Hoa tại Tí Ngọ. Có điều Song Hao gặp Quốc Ấn thì không thể có được:
Tây Nương Tử (Tây Thi) áp đảo Ngô triều (làm vua Ngô mất nước) do hữu Cự Cơ, Song Hao, Quyền Ấn, Đào Hồng Phu cung (17)

Dương (Kình Dương hãm) Hình Riêu Sát cung Phu,
Lại gia Linh Hỏa vợ lo giết chồng (vợ giết chồng)
Riêu, Đà, Dương, Sát cung Phu,
Lại thêm Linh Hỏa vợ lo giết chồng (vợ giết chồng)
Gặp Dương Nhận, Hình, Đào, Phá,
Gái đó là những kẻ giết chồng (VT)
(NMB cho rằng Sát là Thất Sát)

Phân biệt Thiên Hỉ và Hỉ Thần
Thiên Hỉ hành Thủy, Hỉ Thần hành Hỏa
Thiên Hỉ là sao an theo Chi năm, còn Hỉ Thần là sao của vòng Bắc Sĩ an theo Can năm
Thiên Hỉ luôn luôn có Hồng Loan xung chiếu và thuộc tam hợp Dương Tử Phúc hay Âm Long Trục của vòng Thái Tuế
Hỉ Thần nằm trong tam hợp Tiểu Hao - Hỉ Thần - Quan Phủ với sự có mặt của Đà và Kình tam hợp xung chiếu
Sự phối hợp của Hỉ Thần và Thiên Hỉ với các sao khác nhau thì khác nhau. Hỉ Thần có thể kết hợp với Long Phượng còn Thiên Hỉ thì không
Cả hai sao đều chủ về hỉ sự, đem lại may mắn hanh thông

Hỉ Thần
Nhỏ lưng Hoa Cái đẹp thay, Hỉ Thần dài cổ, bụng hay khoan hòa (có cổ dài, tính khoan hòa)
Hỉ Thần, Hoa Cái tốt ghê, Khẩu thiệt không có, mọi bề đảm đang

Đào Hồng Hỉ trong tứ thế phối hợp với các sao thuộc vòng Thái Tuế
Đào Hoa tại Tí Ngọ Mão Dậu phối hợp với các sao thuộc vòng Thái Tuế:
Không Đào tại Tí Ngọ có Đào Hồng
(Thiếu Dương, Thiên Không, Đào Hoa - Tử Phù, Nguyệt Đức, Hồng Loan - Phúc

Đức, Thiên Đức, Kiếp Sát - Long Đức xung)

Không Đào tại Mão Dậu có Đào Hỉ, Phá Toái : là người khôn ngoan, đạo đức giả, sẵn sàng làm những việc lợi mình, hại người, có rất nhiều bồ bịch nhân tình do ăn nói ngọt ngào, lợi dụng người tình để thu lợi cho bản thân, rất đam mê sắc dục, chơi bời, tình duyên trắc trở, đôi bồ hay nhân tình luôn (Dân), lập gia đình sớm thì dễ hai đời chồng, vợ chồng xung khắc không hợp nhau

Nguyệt Đào tại Tí Ngọ (tuổi Sửu Mùi) có Đào Hồng, Cô Quả: khó tính trên vấn đề tình cảm, rất kén chọn thành ra dễ không lập gia đình, hoàn toàn không lãng nhăng bay bướm (trừ khi gặp Song Hao thì hơi bay bướm nhưng chỉ trong một giai đoạn), ăn xài tiền cẩn thận không hoang phí nhưng không keo kiệt, không lập gia đình hai lần

Nguyệt Đức, Đào Hoa tại Mão Dậu có Đào Hỉ, Cô Quả, thêm Phá Toái khi Đào tại Dậu: tính tình vui vẻ, không lãng nhăng, ăn xài tiền cẩn thận không hoang phí nhưng không keo kiệt (Không, Hỉ, Cô Thân), cuộc đời hay gặp may mắn nhưng lập gia đình nhiều lần

Thiên Đức, Đào Hồng tại Tí Ngọ có bộ Đào Hồng Hỉ (bộ Tam Minh này chủ yếu do Hồng Loan sinh ra vì Hồng Loan Thiên Đức bao giờ cũng có Tam Minh)

Thiên Đức Đào Hỉ tại Mão Dậu có bộ Đào Hồng Hỉ, thêm Phá Toái khi Đào tại Dậu

Hồng Loan phối hợp với các sao thuộc vòng Thái Tuế:

Hồng Loan khi tại Âm cung thì thuộc bộ Âm Long Trục, có Phá Toái tam hợp khi tại Tỵ Dậu Sửu và chỉ có vị trí Mão Dậu (có Thiếu Âm Hồng Loan) mới có Tam Minh:

Thiếu Âm, Hồng tại Mão Dậu có Tam Đức, Đào Hồng Hỉ: đây là người có duyên, tính tình vui vẻ, ra ngoài được nhiều người thương mến, tính tình hiền lành, biết cư xử, biết điều, không có tham vọng, hoàn toàn không lãng nhăng, không bay bướm, cuộc đời hay gặp may, gặp hoàn cảnh thuận lợi, không phải cạnh tranh gay gắt để kiếm sống, không có hai đời, rất khéo léo trong cư xử, tiền tài không phá tán

Long Đức, Hồng tại Tỵ Hợi có Hồng Hỉ, Cô, Thiên Không, Kiếp Sát: có duyên, không hai đời chồng, không lận đận về tình duyên, vợ chồng rất xứng đôi (Đào Hoa cư Phu), nghề nghiệp hay gặp may mắn (Nguyệt, Đào, Hồng chiếu Quan),

tiền tài cũng thuận lợi không phá tán

Trực Phù, Hồng cư Sửu Mùi có Nguyệt Đức, Hồng Hỉ, Cô Quả

Hồng Loan tại Dương cung thì thuộc bộ Dương Tử Phúc, lúc nào cũng có Tam Minh

Không Hồng tại Dần Thân có Tứ Đức, Đào Hồng Hỉ, Cô Quả: đây là mẫu người hiền lương, có tâm tu hành, không hay lo âu, dễ gặp trục trặc trên vấn đề tình cảm đưa đến cô đơn, lập gia đình sớm sẽ dễ bị chia ly, nếu không thì lập gia đình trễ hoặc lận đận trên vấn đề tình duyên (Thiên Không, Hồng Loan, Cô Quả) nhưng trên vấn đề nghề nghiệp thường gặp may mắn hanh thông (Đào cư Quan), tiền tài ăn xài hà tiện, không hoang phí (Tài Quả Tú)

Nguyệt Hồng tại Thìn Tuất có Đào Hồng Hỉ, Quả Tú: đây là người duyên dáng, có sự thu hút rất mạnh đối với người khác phái, có khả năng lập gia đình hai lần hoặc ít nhất là vợ chồng xung khắc không hợp tính nhau (Phu có Cô Quả), tính tính vui vẻ, ra ngoài có nhiều người theo đuổi nhưng mang một tâm sự cô đơn, có khả năng kiếm tiền một cách bất hợp pháp nhất là khi có sát tinh xâm phạm nhưng không giữ được tiền tài (Đào Không tại Tài)

Thiên Đức, Đào Hồng tại Tí Ngọ có Đào Hồng, Hỉ:

Thiên Hỉ

Thiên Hỉ thì khi ở Âm cung nằm ở bộ Dương Tử Phúc (luôn luôn có đủ bộ Tam Minh) và khi ở Dương cung nằm ở bộ Âm Long Trục (tại Tí Ngọ mới có bộ Tam Minh, còn lại chỉ có Hồng Hỉ mà thôi) và nằm khác bộ với Hồng Loan. Khi Hồng Loan gặp bộ Dương Tử Phúc thì Thiên Hỉ thuộc bộ Âm Long Trục, khi Hồng Loan thuộc bộ Âm Long Trục thì Thiên Hỉ thuộc bộ Dương Tử Phúc. Tại vị trí Tỵ Dậu Sửu Thiên Hỉ luôn luôn có Phá Toái tam hợp

Bộ Âm Long Trục hay Dương Tử Phúc khi đồng cung với Thiên Hỉ hoặc Hồng Loan đều có các bộ sao trong tam hợp xung chiếu như nhau, ngoại trừ Hỉ thì có Hồng xung, Hồng thì có Hỉ xung và có Phá Toái hay không. Khi đồng cung với Hỉ hoặc Hồng, chỉ có Long Đức mới có Kiếp Sát xung chiếu, Thiếu Âm và Thiên Đức mới không có Cô Quả, Long Đức luôn có Cô Thân, Nguyệt Đức luôn có Quả Tú và Thiên Không hay Trực Phù luôn có đủ bộ Cô Quả (trong khi Đào Hoa đồng cung với Nguyệt Đức mới có Cô Quả, các vị trí khác không có):

Thiếu Âm đồng cung với Thiên Hỉ hoặc Hồng Loan đều có Long Đức, Phúc Đức, Thiên Đức, Đào Hồng Hỉ

Long Đức đồng cung với Thiên Hỉ hoặc Hồng Loan đều có Hồng Hỉ, Cô Thần, Thiên Không, Kiếp Sát
Trực Phù đồng cung với Thiên Hỉ hoặc Hồng Loan đều có Nguyệt Đức, Hỉ Hồng, Cô Quả
Thiên Không khi đồng cung với Thiên Hỉ hoặc Hồng Loan đều có có Tứ Đức, Hồng Đào Hỉ, Cô Quả
Nguyệt Đức khi đồng cung với Thiên Hỉ hoặc Hồng Loan đều có Đào Hồng Hỉ, Quả Tú
Thiên Đức khi đồng cung với Thiên Hỉ hoặc Hồng Loan (và cả Đào Hoa) đều có bộ Đào Hồng Hỉ

Thiên Hỉ tại Âm cung: thuộc bộ Dương Tử Phúc và có Tam Minh Đào Hồng Hỉ, thêm Phá Toái khi Hỉ tại Ty, Dậu, Sửu:
Bộ Không Hỉ, Cô, Kiếp Sát tại Ty Hợi có Tứ Đức, Hồng Đào Hỉ, Cô Quả

Hỉ tại Sửu Mùi có Đào Hồng Hỉ, Quả Tú:

Bộ Thiên Đức Đào Hỉ Mão Dậu: có bộ Đào Hồng Hỉ

Thiên Hỉ tại Dương cung nằm trong bộ Âm Long Trực, chỉ có Tam Minh tại Tí Ngọ:

Thiếu Âm, Thiên Hỉ tại Tí Ngọ có Long Đức, Phúc Đức, Thiên Đức, Đào Hồng Hỉ

Long Đức, Thiên Hỉ tại Dần Thân có Hồng Hỉ, Cô Thần, Thiên Không, Kiếp Sát
Trực Phù, Thiên Hỉ tại Thìn Tuất có Nguyệt Đức, Hỉ Hồng, Cô Quả

Kinh Dương và Đà La

Ngũ hành

Kinh là Bắc Đầu tinh Âm Kim đới Hỏa

Đắc hãm

Kinh Dương đắc địa tại Thìn Tuất Sửu Mùi, hãm tại Tí Ngọ Mão Dậu

Đà La đắc địa tại Thìn Tuất Sửu Mùi (NMB)

Dần Thân Ty Hợi bốn phương, Đà La hãm xấu, ngộ Dương Nhận kìa (B160)

Nhưng có quan điểm cho là đắc tại Dần Thân Ty Hợi (TTL, VVT)

Đà La bản tính chẳng lành,

Dần, Thân, Ty, Hợi đồng hành vượng cung (AB332)

Biểu tượng

Kinh Dương: dương vật

Đà La: mực

Kinh Dương: cái đục, cái đẽo, cái búa

Đặc điểm về cách an sao:

Kinh Đà đứng cách nhau một cung thành ra không có tư thế nhị hợp, tam hợp, xung chiếu với nhau. Nếu có đủ bộ thì là vị trí chiếu, và nên nhớ Đường Phù luôn luôn bị Kinh Đà chiếu

Kinh Dương không cư tại Tứ Sinh là Dần Thân Ty Hợi, còn Đà La không an ở Tứ Chính là Tí Ngọ Mão Dậu. Do đó Mã gặp Đà đồng cung hoặc xung chiếu chỉ xảy ra tại hai cung Ty Hợi cho tuổi Đinh Kỷ Quý, còn Mã gặp Kinh thì chỉ tại vị trí tam hợp

Kinh cư Sửu luôn luôn bị Triệt

Đà tại Thìn cho tuổi Bính và Đà tại Mùi thì bị Triệt

Các tuổi Giáp, Ất, Canh, Tân thì Kinh Đà luôn luôn đứng tại cung có âm dương nghịch với âm dương của tuổi như tuổi Dương thì Kinh Đà an tại cung Âm và như vậy Kinh Đà sẽ thuộc tam hợp Dương Tử Phúc và tam hợp Âm Long Trục của vòng Thái Tuế. Tuổi Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Nhâm Quý thì Kinh Đà luôn luôn đứng tại cung có âm dương cùng với âm dương của tuổi nên Kinh Đà thuộc tam hợp Tuế Phù Hổ Cáo và tam hợp Tang Tuế Điều Mã của vòng Thái Tuế (chú ý các bộ hay gặp như Tuế Đà, Tuế Kinh, Đà Hoa Cáo, Mã Đà, Mã Kinh tuổi nào mới có khả năng có)

Kinh Đà chỉ thuộc vào hai tam hợp Lục Sĩ - Tấu Thư - Đại Hao hay Quan Phủ - Hỉ Thần - Tiểu Hao của vòng Bác Sĩ

Dương Nam Âm Nữ Kinh đồng cung với Lục Sĩ và thuộc tam hợp Lục Sĩ - Tấu Thư - Đại Hao (có bộ Kinh Lục đồng cung) trong khi Đà đồng cung với Quan Phủ và thuộc tam hợp Quan Phủ - Tiểu Hao - Hỉ Thần

Âm Nam Dương Nữ Kinh đồng cung với Quan Phủ và thuộc tam hợp Quan Phủ - Hỉ Thần - Tiểu Hao trong khi Đà đồng cung với Lục Sĩ và thuộc tam hợp Lục Sĩ - Đại Hao - Tấu Thư (có bộ Kinh Lục đồng cung)

Phân tích sao phối hợp (tuổi Canh an Khôi Việt tại Ngọ Dần, Lưu Hà tại Thân)

Kinh, Đường Phù và Hao (không đồng cung với LNVN) tam hợp với nhau

Kinh tại Thìn (tuổi Ất) có bộ Kinh Khôi Việt Quan Phúc Lưu Hà

Kinh tại Tuất (tuổi Tân) có bộ Kinh, Khôi Việt, Thiên Trù

Kinh tại Sửu (tuổi Quý) có bộ Kinh Triệt, Việt, Phúc

Kinh tại Mùi tuổi Đinh có bộ Kinh, Khôi, Phúc

Kinh tại Mùi tuổi Kỷ có Kinh - Đường Phù - Hao

Căn cứ trên thì Kinh tại Thìn tốt nhất, kế đến tại Tuất, Mùi rồi Sửu

Ngoại trừ Kinh tại Mùi, các vị trí khác (Thìn, Tuất, Sửu) thì luôn có ít nhất hai sao trong bốn sao Khôi Việt Quan Phúc

Kinh tại Tí (tuổi Nhâm) có bộ Kinh Phúc

Kinh tại Ngọ tuổi Bính có bộ Kinh, Phúc, Thiên Trù

Kinh tại Ngọ tuổi Mậu có bộ Kinh, Thiên Trù

Kinh tại Mão (tuổi Giáp) có bộ Kinh, Việt, Quan Phúc, Lưu Hà

Kinh tại Dậu (tuổi Canh) có Kinh - Đường Phù - Hao

Căn cứ trên thì Kinh cư Dậu xấu nhất, kế đến cư Tí. Kinh tại Mão tốt hơn tại Ngọ. Kinh ít khi gặp Thiên Trù và Lưu Hà: chỉ có Kinh tại Ngọ, Tuất mới có Thiên Trù, chỉ có Kinh tại Mão, Thìn mới có Lưu Hà

Đà La luôn luôn có Hao, LNVN, Đường Phù (Đà La và Đường Phù xung chiếu, Đà la và Hao, LNVN tam hợp, Hao và LNVN đồng cung)

Đà La tại Dần (tuổi Ất) có bộ Đà, Việt, Phúc, Thiên Trù, Lưu Hà

Đà tại Thân (tuổi Tân) có bộ Đà Việt

Đà tại Tý tuổi Đinh có bộ Đà, Khôi Việt, Phúc, Thiên Trù

Đà tại Tý tuổi Kỷ có bộ Đà, Thiên Quan gặp Triệt

Đà tại Hợi (tuổi Quý) có bộ Đà, Khôi Việt, Phúc

Đà tại Thìn tuổi Bính có bộ Đà Triệt, Phúc, Thiên Trù

Đà tại Thìn tuổi Mậu có Đà - Hao, LNVN - Đường Phù xung

Đà tại Tuất (tuổi Nhâm) có bộ Đà, Quan Phúc

Đà tại Sửu (tuổi Giáp) có bộ Đà, Khôi Việt, Quan Phúc, Lưu Hà với Thiên Phúc, Lưu Hà bị Triệt

Đà cư Mùi (tuổi Canh) có bộ Đà Triệt, Thiên Quan

Đà tại Thìn cho tuổi Bính và Đà tại Mùi thì bị Triệt

Ngoại trừ Đà tại Thìn, các vị trí khác của Đà luôn luôn có ít nhất một trong bốn sao Khôi, Việt, Quan, Phúc

Hình dáng

Kinh Dương tai kém mình gầy, Đà La mắt lớn, chân tay thì dài

Kinh Dương lăm chấy bần ghê, Thanh Long Mộc Dục cũng y một dòng (B182)

Đà La đỉnh cái chằng hầu, Khốc Hư thiên giỗ trên đầu ăn ra (B182)

Kìa người Dương Nhận, Đà La, Hình thô (thân hình thô kệch) tính trá (gian trá) kẻ là càng dơ (B151)

Râu đỏ ấy, Kỵ Đà ắt hẳn, Nói rằng là Dương Nhận phải chăng (NMB)

Đà La hắc tử điểm to (mặt ruồi to), Cự Môn Hóa Kỵ âu lo hão huyền

Việt, Đà tiếng nói khoan thai,

Đồng, Không, Hư, Nhận (Kinh Dương) lăm lời thị phi

Ý nghĩa

Là sát tinh, chủ sát phạt

Kinh Dương (Dương Nhận) là hình tinh. Kinh hóa khí gọi là Hình

Đà La là Kỵ tinh. Đà hóa khí gọi là Kỵ

Đắc địa thì cương cường, can đảm, dũng mãnh, quả quyết, thích nhanh chóng sẵn sàng, cơ mưu, chủ về quyền quý

Hãm địa thì liều lĩnh, hung bạo, độc ác, hay chết chóc, phá hoại, gây tai họa, bệnh tật (TTL)

Người sinh Tứ Mộ (tuổi Thìn Tuất Sửu Mùi) thì không kỵ sao Kinh Đà. Khó có thể giải thích được tại sao nhưng điểm đặc biệt là các tuổi trên thuộc hành Thổ, còn Kinh Đà hành Kim đới Hỏa thành ra có sự tương sinh với Thổ làm trung gian (Hỏa sinh Thổ, Thổ sinh Kim)

Thủ Thân, Mệnh thì:

Tính cương cường

Hành động táo bạo, cô đơn, lấy thân làm sơ, lấy ân làm oán (B110)

Mệnh có Kinh hoặc Đà hãm địa thủ hay Kinh Đà chiếu là người ăn nói không cẩn thận, bị tai họa do ăn nói mà ra:

Dương Đà xâm nhiễu Mệnh viên, Nói năng loạn thuyết, kéo phòng khẩu tai

Dương Đà xâm chiếm Mệnh viên, Nói năng loạn thuyết, những phường điêu ngoa (AB)

Dương Đà trùng lâm mệnh viên, Nói năng loạn thuyết những phiền cùng lo (VT)

Mệnh viên dù có Dương Đà, Nói năng cuồng loạn, những là khẩu tai (B104)

Cung Tật Ách có Kinh Đà thì có tật về mắt, mù mắt, thông manh

Tật Ách kiêm Đà Nhận (Kinh Đà) phản mục tật sâu (28, B60)

Kinh Dương nhập miếu tại Tứ Mộ Thìn Tuất Sửu Mùi thì giàu có, danh tiếng, tuổi Thìn Tuất Sửu Mùi càng thêm quý hiển

Kinh Dương nhập miếu (tại Tứ Mộ Thìn Tuất Sửu Mùi), phú quý thanh dương (1, TTL)

Kinh cư Thìn Tuất Sửu Mùi, Tam phương cát chiếu, một đời giàu sang (AB332)

Kinh hãm địa thì là kẻ trộm cướp, miếu vượng thì là anh hùng danh tiếng:

Dương nhận hãm tu bị thiết, miếu vượng cư nhi hào kiệt dương danh (4, B74)

Mệnh có Kinh Đà miếu vượng thì ngoài 50 tuổi mới gọi là được hưởng phúc:

Hình xú Dương Đà hưởng phúc ư ngũ tuần chi hậu (10, B80)

Kinh Dương hãm địa tại Tí Ngọ Mão Dậu thì chết non, hoặc bị tai nạn tàn tật.

Theo TVT Kinh ở Mệnh tại các vị trí trên nếu gặp nhiều sao sáng xấu thì hình thương, nếu gặp nhiều sao xấu thì tác hại khủng khiếp

Kinh Dương Tí Ngọ Mão Dậu phi yểu chiết nhi hình thương (2, TTL)

Nay những số yếu hình rất xấu, Vì Ngọ cung, Mão, Dậu gặp Dương (Kinh Dương) (B160)

Kinh Dương tại Dậu thì gặp nguy hiểm. TVT giải rằng cung Thiên Di an tại Dậu có Kinh tọa thủ thì ra ngoài hay gặp nguy khốn

Thôn Kim khuyết Kinh Dương phản hiềm tạo khốn (27, B79)

TTL cho rằng Kinh Dương tại Ngọ ví như kiếm kê cổ ngựa, rất đáng lo ngại. Cần xa lánh sát tinh hay sát tinh và Thiên Hình và được sao sáng sửa tốt đẹp như Lộc Mã Khoa Quyền Lộc tất phát về võ nghiệp, có uy quyền lớn. Tuổi Bính Tuất có cách này thì thật là tài quan song mỹ (tuổi Bính Tuất thì có Phụng Các Giải Thần xung chiếu và Kinh đồng cung với Bạch Hổ). Các tuổi khác có cách này thì cũng quý hiển nhưng sự nghiệp chẳng lâu bền và hay mắc tai họa khủng khiếp. Chú ý tuổi Bính Tuất thì có Tuần tại Ngọ Mùi

Kinh Dương cư Ngọ, Mã đầu đới kiếm, trấn ngự biên cương (7, TTL)
 Mệnh viên Ngọ, tọa Kinh Dương, Mã đầu đới kiếm, biên cương trị vì (AB332)
 Mã đầu đới kiếm cách kỳ, Làm quan trấn thủ biên thùy nổi danh,
 Ấy là Bính, Mậu sinh nhân, Lộc Tồn Tỵ thủ (Lộc Tồn cư Tỵ) Ngọ danh Mã đầu (B179)
 Ngọ cung Tam Hóa hợp Kinh, Người sinh Bính Mậu biên đình nổi danh (HC 160)

Mệnh tại Ngọ có Kinh thủ ví như kiếm kê cổ ngựa, rất đáng lo ngại. nếu gặp sát tinh hay sát tinh và Thiên Hình hội hợp thì hoặc chết yếu, hoặc bị tai nạn, tàn tật. Theo TVT thì gặp Thất Sát Thiên Hình

Kinh Dương cư Ngọ, Mã đầu đới kiếm, phi yếu chiết nhi hình thương (5, TTL)
 Mã đầu đới kiếm lạ đường, Nếu chẳng yếu triết thì thường hình thương
 Ngọ cung thủ Mệnh Kinh Dương, Thử thời tại Mão Kinh Dương lạc ngàn

Đà La hãm tại Tỵ Hợi Dần Thân thì cuộc đời cơ cực hoặc không chết non thì cũng mang tật hay có thương tích trong người. Nếu chấp nhận câu phú này thì Đà La hãm địa tại Tỵ Hợi Dần Thân:

Đà La Tỵ Hợi Dần Thân phi yếu triết nhi hình thương (33)
 Dần Thân Tỵ Hợi bốn nơi, Đà La tọa thủ, đoán bàn thương thân
 Dần Thân Tỵ Hợi bốn phương, Đà La hãm xấu, ngộ Dương Nhận kìa (B160)
 Đà La hãm địa tối hung, Cuộc đời cơ cực, bệnh bông độ thân (AB332)

Mệnh có Lộc Tồn thủ thì sẽ giáp Kinh giáp Đà, nếu cung Mệnh xấu xa thì là ăn mày, cuộc đời cùng khổ, lang thang phiêu bạt, nếu có Hóa Kỵ đồng cung (bộ Lộc Tồn Hóa Kỵ đồng cung) thì xấu, nghèo túng, khổ sở và hay mắc tai họa, chỉ sớm xa gia đình thì may ra mới được cơm no áo ấm:

Giáp Kinh giáp Đà vi khát cái (40, TTL)
 Dương Đà giáp Kỵ vi bại cực (39, TTL)
 Kinh Đà giáp với Mệnh viên, Hoặc là Không, Kiếp bản hàn yếu vong

Kinh Dương Lục Sĩ đồng cung (người Dương Nam, Âm Nữ mới có) thì như Lý Quảng là người khoẻ mạnh địch được muôn người, tài giỏi lập nên công trạng nhưng không được phong thưởng xứng đáng:

Kinh Dương phùng Lục Sĩ, Lý Quảng nan phong hầu (9, TTL)

Lý Quảng sức địch vạn chúng thị hữu Kinh Dương Lục Sĩ (8, TTL)

Lý Quảng công chẳng được phong, Kinh Dương Lục Sĩ tương phùng Mệnh Thân
Lý Quảng chẳng được hầu phong, Bởi vì Lục Sĩ Kinh Dương tương phùng
(B170)

Mệnh Dương (Kinh Dương) phùng Lục (Lục Sĩ) bình thường,

Yêu thi Văn Khúc ngộ Thương (Thiên Thương) khá hiếm (Văn Khúc ngộ Thiên thương thì không tốt) (B158)

Kinh Đà đắc địa thì tốt cho công danh tài lộc, nhưng hãm địa thì chủ về hung nguy. Chỉ có tuổi Thìn Tuất Sửu Mùi thì hợp với Kinh Đà, nếu gặp Kinh Đà đắc thì gia tăng điều tốt, nếu gặp Kinh Đà hãm cũng không sợ tai nguy.

Nhìn chung bộ Kinh Đà không hợp với tam hợp Tang Tuế Điều (có Mã) và tam hợp Tuế Phù Hổ (có Hoa Cái), đặc biệt tam hợp Tuế Phù Hổ Cái lại có Hóa Kỵ thì càng xấu. Có rất nhiều bộ có liên quan như bộ Mã Kinh, Đà, bộ Mã Linh Kinh, Đà, bộ Tuế Kinh, Đà, bộ Quan Phủ, Kinh Đà, bộ Tuế Đà Kỵ, bộ Tuế Cái Đà Riêu, bộ Hoa Cái Kinh Đà, bộ Hổ Hình Kỵ.

Kinh Đà gặp thêm sát tinh thì rất hung. Hình, Riêu, Hóa Kỵ gia tăng thêm sự xấu xa của Kinh Đà (Đà gặp Kỵ xấu hơn Kinh gặp Kỵ vì Đà hóa khí là Kỵ, gặp thêm Hóa Kỵ). Đương nhiên Không Kiếp, Hỏa Linh thì gia tăng tính hung sát của Kinh, Đà. Cự gặp Kỵ thì xấu nên đương nhiên bộ Tuế Đà Kỵ Cự thì càng xấu. Sự xấu thì có thể liên quan đến tay chân hoặc đi lại, thay đổi công việc, té ngã (Thiên Mã), đến pháp luật hoặc thị phi cãi vã, buồn thương (Thái Tuế, Hóa Kỵ), tang chế (Hư, Tuế Phá, Điều Khách) tai nạn sông nước (Cự Kỵ), hình thương, đánh nhau, bệnh tật (Hình, Riêu), tai họa về mọi khía cạnh như tài lộc điền sản bị phá tán, công danh, tuổi thọ, nhân ly như gia đạo gặp trục trặc như hình phu khắc tử, hoặc cuộc đời khổ sở, nghèo hèn, chết thảm, mọi việc đều không vừa ý (Không Kiếp Hỏa Linh)

Kinh Đà với Thiên Mã

Mã gặp Kinh hay Đà thì là số nhà binh phải đánh Đông dẹp Bắc mãi không thôi
Hay gì Mã gặp Đà Dương (Kinh Dương), Nhọc nhằn những áng sa trường đôi khi
(B112)

Dương Đà phùng Mã trục xung (Mã xung chiếu), Những là đánh Bắc dẹp Đông
chẳng rồi (14)

Chiết Túc: Đà Mã sum vầy,
Tử Mã: Tuần Triệt đêm ngày khám kha
Chơi bờ du thủy du sơn,
Thiên Di Thiên Mã hợp chàng Đà La
Đà La với Mã sum vầy,
Dây gai vương vít Mã này gãy chân

Hạn gặp Tang Môn Mã Kinh Dương tại Hợi thì đề phòng súc vật bị dịch chết
Tang Môn Mã Nhận (Kinh Dương) Hợi cung, Hạn phùng năm ấy bò trâu chẳng
lành (7)

Kinh Đà với Hỏa Linh
Mệnh có Kinh Đà Hỏa Linh hội hợp nếu gặp nhiều sao sáng sửa thì có tài lộc, gặp
nhiều sao mờ ám xấu xa thì cùng khổ, hoặc mắc tai họa mà chết thảm thương:
Kinh Đà Hỏa Linh hội hợp phùng cát phát tài, hung tác kỵ (18, TTL)

TVT cho rằng Mệnh có Kinh Dương Hỏa Tinh tọa thủ đồng cung thì có uy quyền
khiến mọi người nể sợ, tuổi Thìn Tuất là thượng cách, tuổi Sửu Mùi là thứ cách
Dương (Kinh Dương) Hỏa đồng cung, oai quyền áp chúng (16)

Kinh Dương Hỏa Linh hãm địa thì rất xấu. TVT giải rằng Mệnh mờ ám xấu xa lại
gặp Kinh Linh tọa thủ thì cuộc đời khổ sở, nghèo khổ, không thể quý hiển, nhất là
nữ giới tối kỵ cách này:
Kinh Dương Hỏa Linh vi hạ cách (24)

Hỏa Linh Kinh Dương vi hạ cách (TTL)
Giải: Mệnh có Hỏa Linh Kinh hội hợp thì hạ cách, công danh trắc trở, tiền bạc
thiếu thốn và hay mắc tai nạn. Cần hãm địa

Mệnh có Kinh, Đà, Linh, Hỏa thì có tật tại lưng hay bị gù lưng, nếu các sao trên
lại hãm địa thì suốt đời cùng khổ cô đơn, hoặc bị chết một cách thê thảm:
Kinh, Đà, Linh, Hỏa thủ Thân Mệnh, yêu đà bối khúc chi nhân (17, TTL)

Mệnh có Linh Mã gặp Kinh hay Đà thì chân tay bị tàn tật. Theo TTL thì Linh Mã
cần đồng cung
Linh phùng Mã, nhi ngộ Kinh Đà, hữu tật tứ chi (TTL)

TVT cho rằng hạn đến cung Thân Dậu có Tử Phủ gặp Tứ Hung thì phải làm nhiều điều phước thiện mới qua khỏi tai ương. Cần xét lại lời giải thích này
Tứ Hung (bốn sao hung tinh là Kinh Đà Không Kiếp) ngộ Quý (Quý Tinh) nơi Thân Dậu, đến phạt đài cầu đảo mới xong (38)

Kinh Đà với Không Kiếp

Mệnh có Kinh hay Đà gặp Địa Kiếp thì giảm thọ. TVT cho rằng Kiếp là Địa Kiếp hay Kiếp Sát:

Mệnh Kinh, Đà gia Kiếp giảm thọ (43, TTL)

Có Đà La Địa Kiếp hãm hội hợp mà còn gặp Linh Tinh thì rất xấu:

Đà La Địa Kiếp (hãm) chiếu phương, Linh Tinh lại gặp bất tường chẳng sai (12)

Mệnh có Dương Đà Không Kiếp hội hợp thì bị điếc tai, hoặc tai hơi điếc (theo kinh nghiệm thì trên 40 mới bị)

Lỗi tai điếc lác âu sầu, Dương Đà Không Kiếp một miền Mệnh cung (13)

Mệnh có Đào Hồng Không Kiếp Đà Linh thủ chiếu thì chết non:

Nhan Hôi yếu tử do hữu Đào Hồng Không Kiếp Đà Linh thủ Mệnh (19)

Nhan Hôi yếu tử do hữu Kiếp Không Đào Hồng Đà Linh thủ Mệnh (8, TTL)

Nguyễn Mạnh Bảo cho rằng có Kinh Dương hãm địa lại gặp Sát Phá nữa thì sự hung càng mạnh:

Sát Phá hỗ trợ Kinh Dương (B72)

Kiếp Không Phục Binh gặp Kinh thì là kẻ côn đồ ăn cướp

Kiếp Không Phục Binh phùng Dương Nhận (Kinh Dương) lộ thượng cướp đồ (10)

Có Đà La Địa Kiếp mà gặp Thiên Giải thì giải được, cũng được yên:

Đà Kiếp trùng lâm hạnh Thiên Giải nhi khả cứu (36)

Kiếp Đà hai gã khả ưu, Gặp sao Thiên Giải đảo cầu lại yên

Kiếp Không nhị vị khả ưu, Gặp sao Thiên Giải nhẽ cầu lại yên (QXT)

Hạn gặp Không Kiếp Hình Kỵ Dương Đà thì bị bệnh tật hoặc có nhiều lo lắng hoặc gian nan

Không Kiếp, Hình Ky, Dương Đà, gian nan bịnh tật, mọi đường lo âu (23)

Kinh gặp Thiên Hư, Tuế Phá, Điều Khách thì suốt đời đề phòng có tang, trai sát vợ, gái sát chồng, nếu không cũng phải sớm xa cách cha mẹ anh em. Cần phải Kinh hãm địa

Kinh Hư Tuế Khách gia lâm, mãn thế đa phòng tang sự (44, TTL)

Cung Mệnh có Thiên Hư tọa thủ, có Kinh Dương Tuế Phá Điều Khách hội hợp thì cuộc đời có nhiều tang tóc liên miên

Hư (Thiên Hư) Kinh, Tuế (Tuế Phá) Khách (Điều Khách) gia lâm, mãn thế đa phòng tang sự (3, TTL)

Kinh, Đà với bộ Thái Tuế, Hóa Ky (tuổi Bính Đinh, Mậu Kỷ, Nhâm Quý mới có khả năng có Thái Tuế Kinh hay Đà)

Khôi Việt Đà Ky thì tài giỏi nhưng không gặp thời, thường là ẩn sĩ

Khôi Việt văn khoa (là sao Văn Tinh khoa bảng) ngộ Đà Ky thiên vi dật sĩ (19, B67)

Mệnh có Xương Khúc tọa thủ gặp Thái Tuế Kinh Dương hội hợp thì có tài lý luận, nghị biện, thường là luật sư. Tuổi Bính Đinh, Mậu Kỷ, Nhâm Quý mới có khả năng có Thái Tuế Kinh Dương hội hợp :

Xương Khúc học lực, phòng Tuế Dương thiên tác tụng sư (17, B67)

Thái Tuế gặp Kinh Đà dễ bị mang tiếng thị phi khẩu thiệt

Thái Tuế ngộ Dương Đà đa chiêu khẩu thiệt (28)

Dương Đà Tuế lâm vào khẩu thiệt, Còn Đà La ngộ Nguyệt loạn dâm (HC 173)

Dương Đà bệnh ấy phòng mòn, Tuế Đà vạ miệng xuất ngôn chiêu nản

Dương, Riêu bệnh ghẻ phòng môn Tuế, Đà loạn thuyết xuất ngôn chiêu nản

(Dương Đà thì bệnh hao mòn gây yếu, Tuế Đà thì bị vạ miệng, mở miệng ra thì tai nạn tới)

Kinh hay Đà hãm gặp Quan Phù (chú ý Quan Phù, Thái Tuế tam hợp) thì ăn nói hồ đồ, lung tung, không đầu vào đầu

Dương Đà Quan Phù ư hãm địa, loạn thuyết chi nhân (11)

(Mệnh có Thiên Hình là người hung bạo, Mệnh gặp Kỵ Đà thì hay gây gỗ kiếm chuyện đối với người khác, bất hòa. QXT cho rằng anh em xung khắc:
 Sao Thiên Hình thủ, tính người hung hãn, Kỵ Đà lâm lòng vốn khiếm hòa (B43)
 Sao Hình thủ, cùng người đánh lộn, Kỵ sinh lâm lòng vốn bất hòa (QXT)
 Thiên Hình thủ, hôn lại chi nhân, Kỵ Đà lâm bất nhất khiếm hòa (6)

Thân có Thái Tuế thủ gặp Kỵ Đà (bộ Tuế Đà Kỵ) thì gian nan vất vả hoặc gặp tai nạn khó tránh khỏi hoặc khó lòng ở chốn phồn hoa. Có người cho rằng hạn gặp thì có nghĩa như vậy. Nguyễn Mạnh Bảo, TVT thì cho là kẻ quê mùa ngu độn:
 Kỵ Đà Thái Tuế Thân cung, khỏi nạn nào được thung dung mấy người (43)
 Kỵ Đà Tuế cung Thân gia hội, Dễ mấy người được khỏi gian nan
 Kỵ Đà Thái Tuế hợp bài, Cảnh đời nào được mấy ai thanh nhàn
 Thân nội Tuế phùng Đà Kỵ mạc đạo phồn hoa (B69)
 Thân (cung Thân) nội (có) Tuế phùng Đà Kỵ mạc đạo phồn hoa (25)

Kỵ Đà Riêu đi liền ba cung thì gặp nhiều tai nạn hoặc gặp tai họa bất thường, còn Khoa Quyền Lộc đi liền ba cung thì phúc đến dồn dập:
 Liên châu Tam Hóa phước lai, Kỵ Đà Riêu kế (đi liền với nhau) họa tai bất thường
 Khoa Quyền Lộc liên châu nhiều phúc, Kỵ Đà Riêu thấy cũng nhiều tai (B114)

Mệnh gặp Thái Tuế, Cái, Đà, Riêu thì nói ngọng, cà lăm:
 Miệng ngập, ngập miệng không thông thái (nói cà lăm, nói lắp), Vì Tuế Đà Riêu Cái Mệnh viên
 Miệng ập úng nói không ra tiếng, Vì Tuế, Đà, Riêu, Cái Mệnh viên (cung) (QXT, AB)

Kình Dương Hoa Cái ngộ Đà, Vận phùng năm ấy, đậu hoa phải phòng (QXT)
 Kình Dương, Hoa Cái ngộ Đà, Hạn hành năm ấy đậu hoa phải phòng
 Kình Riêu Hoa Cái Thai Đà, Vận phùng năm ấy đậu hoa phải phòng
 Đào Hồng Hoa Cái ngộ Đà, Hạn hành năm ấy đậu ma phải phòng (VT)
 (bị lên đậu)

Đà Kỵ Nhận (Kình Dương) thủ cư Phu vị, Hại chồng rình chước quỷ ghê thay
 Kỵ Đà Nhận thủ ư Phu vị, Gái hại chồng những kẻ ghê thay (VT)
 Sao Kỵ Đà hội Phu cung, Hại chồng chước quỷ, tính đường ranh ma

(là người qui quyết hại chồng)

Hóa Ky tại hai cung Hợi Tí được một số người cho là miếu địa, nhưng nếu gặp Kinh Dương thì lại hóa thành xấu:

Nay Hợi Tí hai cung Thủy ấy, Đã Ky tình đừng thấy Kinh Dương (Hóa Ky ở hai cung Thủy là Hợi Tí không nên gặp Kinh Dương) (B104)

Phá Quân Nô Bộc hèn ngu,
Ky Đà Tật Ách phải phòng mắt đau (B114)

Số muộn màng gái trái ôm ảm, Vì Ky Đà len lỏi tử cung
Số muộn màng con trai chưa có, Vì Ky Đà len lỏi tử cung (QXT)
Số muộn màng gái trái ít ỏi, Vì Ky Đà len lỏi tử cung (VT)
(Hóa Ky Đà La tại cung tử tức thì muộn có con)
Đường con cái gái trai còn muộn, Vì Ky Đà hãm chôn Tử cung (Hóa Ky Đà La hãm địa ở cung Tử thì muộn có con) (B104)

Hạn gặp Hồ Kinh Đà Ky thì đề phòng thú dữ cắn:
Hồ, Đà, Ky, Nhận toan tân, Hùm thiêng chó dữ giữ thân cho toàn (QXT)
Hồ Đà Dương Ky tân toan, Ngựa đá, chó cắn lại khôn tránh nào (VT)
Vận bởi gặp Nhận, Hình, Đà, Hồ, Phải ngừa loài hùm chó mới yên (B111)
Câu phú dưới đây ghi là Nhật vì lầm lẫn Dương là Thái Dương thay vì Dương là Kinh Dương:
Hồ Đà Ky Nhật toan tân, Hùm thiêng chó dữ giữ thân cho toàn

Đào Hồng mặt mũi xinh tươi,
Ky, Hình, Đà, Nhận là người tật thương

Hạn gặp Tuế Đà Ky Cự thì thì nghèo túng ba đào không yên, có người cho là phải đề phòng về tai nạn sông nước
Tuế Đà Cự Ky vận nghèo, Một thân xuống thác lên đèo chẳng yên
Tuế Đà Cự Ky vận nghèo, Qua sông vượt bể ba đào chẳng yên
Tuế Đà Ky Cự vận nghèo, qua sông vượt biển ba đào chẳng yên (34)
Tuế Đà Sát Ky vận nhiều, Qua sông vượt bể lẽ nào nên đi (VT)
Tuế Đà Ky Sát cùng Hao, Vận này phải tránh ba đào cuồng phong (đề phòng sóng to gió lớn) (B110)
Ky, Đà, Sát, Ách liền theo (tại cung Tật Ách), Qua sông vượt bể ba đào chó đi

(QXT)

Xương Khúc Tả Hữu gặp Kinh hay Đà thì có nhiều nốt ruồi kín và có nhiều tướng lạ:

Xương Khúc Tả Hữu hội Dương (Kinh Dương) Đà đương sinh dị chí (34, TTL)
Thái Vân Trình ghi là Xương Khúc Tả Hữu gặp Kinh Đà thì loạn trí ngơ ngẩn, cần xét lại:

Tả Hữu Xương Khúc phùng Dương Đà đương sinh ám trí (14)

Kinh Đà với các chính tinh:

Đồng Âm ở cung Ngọ có Kinh Dương đồng cung (tuổi Dương là Bính và Mậu) thì làm tướng trấn nhậm ở biên cương (Quan Lộc tại Tuất có Cơ Lương miếu). Chú ý tuổi Bính thì có Đồng Âm tại Ngọ đồng cung với Kinh Dương Hóa Lộc (Đồng hóa thành Lộc), có Quyền Thiên Phúc Đường Phù Hao chiếu, còn tuổi Mậu có Kinh Thiên Trù Hóa Quyền thủ (Thái Âm hóa thành Quyền) và Đường Phù Hóa Kỵ Hao chiếu (Cơ hóa thành Kỵ), Hóa Lộc Thiên Việt nhị hợp. Dương Nam thì Kinh Lực đồng cung và thuộc tam hợp Lực Sĩ Tấu Thư Đại Hao, Dương Nữ thì Kinh Quan Phủ đồng cung và thuộc tam hợp Quan Phủ Hỉ Thần Tiểu Hao. Tuổi Thân Tí Thìn thì Kinh thuộc tam hợp Tang Tuế Điều Mã và luôn luôn có Phượng Các Giải Thần trong tam hợp, tuổi Dần Ngọ Tuất thì Kinh thuộc tam hợp Tuế Phù Hổ Long Cái và chỉ có tuổi Tuất mới có Phượng Các Giải Thần xung chiếu. Cần đặt vấn đề Đồng Âm tại Tí gặp Kinh đồng cung (tuổi Nhâm) tốt xấu thế nào vì có Hóa Lộc đồng cung với Cơ Lương và có Thiên Phúc xung chiếu: Thiên Đồng cư Ngọ ngộ Kinh, Một phương hùng cứ, tiếng tăm anh hùng (QXT) Thái Âm Kinh ở Ngọ cung, Mệnh viên tại đó uy hùng tướng quân Thiên Đồng cư Ngọ ngộ Kinh, Một phương chân thủ uy linh anh hùng Đồng Nguyệt cùng ở Ngọ cung, Sát tinh hội hợp, ky công mấy nghề, Nếu gặp được Kinh Dương kia, Mà tuổi Bính Mậu biên thù tướng công (HC) Thiên Đồng Ngọ vị hỷ Dương Nhận (Kinh Dương đồng cung) uy trấn biên cương (6) Đồng Nguyệt Dương (Kinh Dương) cư Ngọ vị, Bính Mậu trấn ngự biên cương (8, TTL)

Kinh cư Ngọ có Đồng Âm đồng cung, Phượng Các Giải Thần hội hợp thì uy quyền lừng lẫy, tiếng tăm, hiển đạt về võ nghiệp như số vua Hán Quang Vũ. TVT ghi rằng Kinh cư Tí cũng tốt nhưng kém cư Ngọ. Chú ý tuổi Bính có Kinh Lộc đồng cung, Quyền Đường Phù Hao chiếu và tuổi Mậu có Kinh Dương Hóa Quyền

Thiên Trù thủ, Hóa Kỵ Đường Phù Hao tam hợp . Để có Phượng Các Giải Thần thì phải là tuổi Thân Tí Thìn Tuất. Như vậy các tuổi có cách này phải là Bính hoặc Mậu Thân Tí Thìn Tuất

Kinh Dương Đồng Âm đồng cung nhi phùng Phượng Cát Giải Thần nhất thể uy danh (6, TTL)

Mệnh cư Ngọ có Đồng Âm cư Ngọ gặp Kinh Dương Giải Thần thì uy danh lừng lẫy như Quan Văn Trường:

Quan Vũ (Quan Văn Trường) nhất thể uy danh (uy danh lừng lẫy) do ư Đồng Nguyệt Giải (Giải Thần) Kinh (7)

Các câu phú cần xét lại

Thiên Đồng, Tham, Dương (Kinh Dương) cư Ngọ vị, Bính Thìn (tuổi Bính Thìn) trấn ngự biên cương (9)

Giải: tuổi Bính Thìn có Đồng Âm hoặc Tham Lang tại Ngọ đồng cung với Kinh thì là võ tướng trấn ngự biên cương. Chú ý tuổi Thìn thì Kinh Dương đồng cung với Tang Môn, Phượng Các, Giải Thần. Cần kiểm tra câu phú này trên thực tế với trường hợp Tham Lang tại Ngọ vì tại vị trí này Tham hãm địa, chỉ giáp Hóa Lộc và Lộc Tôn, Tử Vi cư Tí lại bị Tuần và Quan Lộc cư Tuất là Thất Sát hãm địa

Các câu phú cần xét lại:

Xét xem đến chỗ Thủy cung, Kỵ tinh (Hóa Kỵ) yểm Nhật úy đồng Kinh Dương Giải: TVT giải rằng Mệnh Thân an tại Hợi, Tí có Thái Dương Hóa Kỵ thì kỵ gặp Kinh Dương đồng cung thì sẽ bị mù lòa hay đau mắt nặng. Chú ý khi Thái Dương cư Hợi thì chỉ có tuổi Giáp thì có Hóa Kỵ đồng cung với Thái Dương tại Hợi và có Kinh cư Mão chiếu. Khi Thái Dương cư Tí thì tuổi Giáp có Kỵ đồng cung với Thái Dương, tuổi Đinh thì có Hóa Kỵ đồng cung với Cự Môn tam hợp chiếu, tuổi Mậu có Kinh Đà chiếu nhưng Triệt tại Thái Dương, tuổi Kỷ nếu có Văn Khúc thì có Hóa Kỵ nhưng lại không có Kinh Đà, tuổi Nhâm thì có Kinh thủ. Tóm lại không có trường hợp nào có thể xảy ra như lời giải. Cần xét lại câu phú

Dần Mộc, Phủ Vi (Tử Phủ tại Dần) hữu hội Tam Kỳ (Khoa Quyền Lộc), Kinh Bát cư lai Thân Mệnh xuất võ đồ văn, quyền hành cư phục chúng nhân, mạc phùng Không Kiếp hư vô (chú ý TVT cho rằng cư lai Thân Mệnh có lẽ ghi sai) (47, TTL)

Giải: Thân, Mệnh có Tử Phủ tại Dần gặp Khoa Quyền Lộc, Kinh Bát thì là người có văn chức nhưng do thời thế kiêm cả võ nghiệp, có quyền hành khiến người nể phục, nhưng nếu gặp Không, Kiếp thì trở thành không, sẽ không kể đến nữa,

nghĩa là xấu. TTL còn cho rằng gặp Tuần Triệt cũng vậy. Tuy nhiên trường hợp gặp Kinh thì ta thấy không có tuổi nào có Khoa Quyền hay Lộc cả nên câu phú này cần nghiên cứu lại

Lưu Lộc Tồn, Lưu Thiên Mã gặp Kinh Đà Hóa Kỵ Thái Dương thì phải đề phòng bệnh đau mắt

Ngán thay Lộc Mã cùng lưu, Dương Đà Kỵ Nhật mắt đau phải phòng (22)

Trong câu này đã lẫn lộn Nhận (Kinh) thành Nhật

Dương cư Đoài (Mão) Chấn (Dậu) Lục Mậu Lục Giáp phúc nan toàn (3, B75)

Giải: Kinh Dương tại Mão Dậu, tuổi Mậu và Giáp thì phúc khó toàn vẹn. Chú ý tuổi Giáp Kinh tại Mão và tuổi Mậu Kinh tại Ngọ. Cần coi lại câu phú này

Kinh Đà và Tam Hóa

Kinh cư Mão, Đà cư Mùi (tuổi Giáp) thì tốt đẹp cho bộ Sát Phá Liêm Tham tại Âm cung vì có đủ tam hóa Khoa Quyền Lộc

Kinh cư Thìn Đà cư Dần (tuổi Ất) thì khá tốt đẹp cho bộ Cơ Nguyệt Đồng Lương tại Dương cung vì có Hóa Lộc, Quyền, Kỵ

Kinh cư Ngọ, Đà cư Thìn (tuổi Bính) thì khá tốt cho bộ Cơ Nguyệt Đồng Lương tại Dương cung vì có Hóa Lộc, Quyền

Kinh cư Mùi, Đà cư Tỵ (tuổi Đinh) thì khá tốt cho bộ Cơ Đồng Cự tại Âm cung vì có Khoa Kỵ Quyền

Kinh cư Ngọ, Đà cư Thìn (tuổi Mậu) thì tạm tốt cho bộ Cơ Nguyệt Đồng Lương tại Dương cung vì có Kỵ Quyền

Kinh cư Mùi, Đà cư Tỵ (tuổi Kỷ) thì khá tốt cho bộ Sát Phá Liêm Tham tại Âm cung vì có Quyền Lộc

Kinh cư Dậu, Đà cư Mùi (tuổi Canh) thì khá tốt cho Nhật Nguyệt Sửu Mùi (có Khoa Lộc), Vũ Tham cư Sửu (có Tam Hóa), Âm Dương Lương tại Dương cung (có Khoa Lộc)

Kinh cư Tuất, Đà cư Thân (tuổi Tân) thì khá tốt cho cách Cự Dương tại Dương cung (có Quyền Lộc)

Kinh cư Tí, Đà cư Tuất (tuổi Nhâm) được phân Hóa Lộc cho Lương, Quyền cho Tử Vi và Kỵ cho Vũ Khúc

Kinh cư Sửu, Đà cư Tuất (tuổi Quý) thì cách Sát Phá Tham hoặc Sát Phá Liêm Tham đều có bộ Hóa Lộc, Hóa Kỵ

Tóm lại chúng ta thấy rằng bộ Tử Phủ Vũ Tướng khi có Kinh hay Đà trong tam hợp thì khó có được một sao Khoa, Quyền, Lộc. Bộ Sát Phá Liêm Tham khi có Kinh hay Đà trong tam hợp thì chỉ có tuổi Giáp là tốt đẹp, tuổi Kỷ khá tốt và tuổi

Quý thì tạm được, còn lại cũng hiếm gặp một sao của tam hóa
Bộ Cơ Nguyệt Đồng Lương khi có Kinh hay Đà trong tam hợp thì có thể nói dễ
gặp các sao Hóa, đặc biệt các tuổi Ất, Bính, Mậu trong đó Bính Mậu đẹp hơn Ất
vì không bị Kỵ xâm nhập
Nhìn chung thì Tử Phủ Vũ Tướng Sát Phá Liêm Tham gặp Kinh, Đà trong tam
hợp thì khó gặp một sao tam hóa trong khi Cơ Nguyệt Đồng Lương, Cự Nhật thì
dễ gặp hơn, đặc biệt là Cơ Nguyệt Đồng Lương

Long Trì và Phượng Các

Long Trì

Long có nghĩa là con rồng, người xưa nói rồng hay làm mây làm mưa, cho nên cho nó là một trong bốn giống linh. Long cũng dùng để ví với các ông vua. Trì có nghĩa là cái ao hoặc là thành trì, cái sông đào quanh thành để giữ thành. Như vậy về nghĩa đen thì Long Trì là cái ao nơi con rồng vẫy vùng hoặc là thành trì nơi vua trấn ngự

Phượng Các

Phượng có nghĩa là con chim phượng. Đời xưa bảo chim phượng hoàng ra là điềm có đế vương. Con đực gọi là phượng, con cái gọi là hoàng. Các có nghĩa là gác, từng gác để chứa đồ. Như vậy Phượng Các là nơi con chim phượng ở hoặc là nơi vua cư ngụ

Ngũ Hành

Long Trì hành Thủy, còn Phượng Các hành Mộc đới Thổ (VVT cho rằng hành Mộc đới Kim có lẽ không đúng, ĐL cho là hành Thổ)

Đặc điểm về cách an sao

Giống như các sao cặp như Tả Hữu, Xương Khúc an thuận nghịch từ cung Thìn Tuất, Long Phượng xung chiếu với nhau ở Thìn Tuất, đồng cung ở Sửu Mùi, tam hợp với nhau ở Mão Hợi, Dậu Ty, đơn thủ tại Tí Ngọ Dần Thân và chỉ có cung Sửu Mùi mới có cách giáp Long Phượng.

Phượng Cát và Giải Thần luôn luôn đồng cung với nhau. Giải Thần hành Mộc là phúc tinh chủ giải trừ bệnh tật tai họa, gia tăng phúc thọ. Phượng Cát và Thiên Khốc luôn luôn tam hợp chiếu với nhau

Long Trì và Quan Phù luôn luôn đồng cung, Long Trì nằm trong tam hợp Thái Tuế, Quan Phù, Bạch Hổ và không bao giờ gặp Thiên Hư vì luôn cách Thiên Hư hai cung. Vì đồng cung với Quan Phù và có Bạch Hổ tam hợp nên khi gặp Sát Tinh như Không Kiếp, Thiên Hình thì trở nên xấu

Cần chú ý rằng Long Trì và Phượng Các khi phối hợp với các sao về địa chi thì biến hóa khác nhau, Long Trì nằm trong tam hợp Tuế Phù Hổ, còn Phượng Các thì nằm trong tam hợp Tuế Phù Hổ hoặc Tang Tuế Điều.

Đắc hãm

Theo Việt Viêm Tử thì Long Phượng miếu tại Sửu Mùi

Long Trì Phượng Cát hai sao,

Cung Mùi, cung Sửu đóng vào vượng thay (AB338)

Theo Nguyễn Mạnh Bảo thì Long Phượng miếu tại Mão Dậu
 Đất Mão Dậu Phượng Long miếu vượng,
 Ai gặp thời kim bảng đề danh (B103)
 Theo kinh nghiệm thì tại bốn vị trí trên Long Phượng đều tốt đẹp và có đặc điểm
 là đều có đủ bộ Tứ Linh

Biểu tượng

Về biểu tượng đồ ăn uống thì Long Trì là tôm cua cá và các con vật ở dưới nước,
 hải vật trong khi Phượng Các là gà vịt

Về biểu tượng thân thể thì Long Trì là mũi, còn Phượng Các là tai. Theo Việt
 Viêm Tử thì Long Trì là cái vú

Long Trì tại Nữ Mệnh: ngực nở nang tươi hồng (VVT)

Long Trì tại Nữ Mệnh gặp Hình Kiếp: ngực lép, thường hay mắc bệnh về vú
 như ung thư vú hoặc mụn nhọt (VVT)

Long Trì Kinh Dương đồng cung: mũi sống trâu

Long Trì, Mộc Dục gặp Hỏa, Linh: Mệnh, Tật Ách hay hạn gặp thì đề phòng
 tai nạn về lửa và nước sôi. Phú có câu:

Hỏa Linh Long (Long Trì), Mộc (Mộc Dục) một nhà, Lánh mình lửa cháy cùng là
 nước sôi

Hỏa Linh Trì (Long Trì) Mộc (Mộc Dục) sáng soi, Lánh mình lửa cháy nước sôi
 chớ gần

Hỏa, Trì (Long Trì) Mộc Dục thấy liền, Nước sôi lửa cháy phải khuyên giữ mình
 (B111)

Cung Tật tại Dậu có Mộc Dục Long Trì thì không nên gần giếng nước bị chết
 đuối:

Gần miền có giếng bỏ không,

Mộc, Trì hẩn chiếu Tật cung phương Đoài (B105)

Phượng Các thủ Mệnh: tai to (VVT)

Phượng Các thủ Mệnh gặp Hình Kiếp: tai bị tỳ vết

Phượng Các Tẩu Thư đồng cung: tai thính

Phượng Các Kiếp Kinh hội hợp: tai điếc

Phượng Các Kinh: tai cứng (NPL)

Chú ý: một số người ghi rằng:

Long Trì Khốc Hư hội hợp: bệnh đau về mũi

Long Trì Khốc Hư, Hình: bệnh đau về mũi, đau mũi có mô xẻ (NPL)

nhưng trường hợp Long Trì hội hợp cùng Thiên Hư không bao giờ xảy ra, trừ khi
 gặp Lưu Thiên Hư

Long Phụng thủ Mệnh con trai thì da mặt hồng hào, con trai khôi ngô, tuấn tú, (theo ĐL thì râu tóc đỏ) vui tươi, con gái thì thanh tú, nhan sắc đẹp. Qua kiểm nghiệm thì người có Long Phụng thủ Mệnh chưa hẳn là khôi ngô hoặc có nhan sắc

Mệnh có Long Trì, Phụng Cát thì có nhan sắc nhưng gặp Thiên Hình thì mặt lại bị rỗ hoa:

Phụng Long nhan sắc khuynh thành, gia Hình (Thiên Hình) mặt ấy lại thành rỗ hoa (2)

Phụng Long đẹp đẽ ai qua,
Gia Hình mặt mũi rỗ hoa tốt lành (B45)

Phụng Long đẹp đẽ ai qua,
Hình dong mặt mũi đỏ hoa tốt vậy (QXT, cung Phối)

Ý nghĩa

Long Phụng là vừa là đài các chi tinh vừa là văn tinh chủ về khoa giáp, đem lại may mắn hưng thịnh về mọi mặt (đặc biệt khi miếu địa) như công danh, tài lộc, nhà cửa, thi cử và đặc biệt là hôn nhân, sinh đẻ. Tọa thủ tại tất cả các cung nó đều mang đến sự may mắn, tốt lành nhưng phải đi đủ bộ và phải có sao thủ thì mới tốt hơn, hoặc cả hai sao trên nếu đồng cung tại Sửu Mùi thì càng tốt đẹp rực rỡ hơn nhiều so với các vị trí khác vì sẽ có đủ bộ tứ linh (Long, Phụng, Hổ, Cáo), vừa đồng cung và đồng thời lại có Giải Thần đứng đồng cung để giải họa. Có lẽ chính vì vậy một số người đã cho rằng Long Phụng miếu địa tại Sửu Mùi

Long Phụng chủ sự may mắn hanh thông, do đó tùy sao phối hợp mà luận giải như gặp quý tinh như Khôi Việt, Thai Cáo, Quốc Ấn... hoặc Quang Quý thì chủ may mắn về quan trường, thi cử, công danh, thăng quan tiến chức, gặp hỷ tinh như Riêu, Hỷ Thần (chú ý Long Phụng không bao giờ gặp Thiên Hỷ) thì may mắn về hôn nhân, con cái, gặp thời, gặp tài tinh như Lộc Tồn, Vũ Khúc, Hóa Lộc thì chủ may mắn về tiền tài ... (Chú ý do đặc tính văn tinh nên Long Phụng khi gặp văn tinh như Xương Khúc Khôi Việt... thì gia tăng tính chất may mắn về công danh sự nghiệp rất nhiều). Gặp hung sát tinh như Không Kiếp thì cũng giảm thiểu được tác họa do gặp may mắn (chú ý Long Trì hành Thủy, đa số các hung tinh là hành Hỏa, Long Trì giải họa mạnh hơn Phụng Các)

Long Phụng thủ Mệnh thì:

Ôn lương (ôn hòa, lương thiện), hòa nhã, nhã nhặn. Tính chất này rất mạnh mẽ,

cho dù có Không Kiếp Kỵ xâm phạm cũng là người lương thiện. Nam Mệnh mà gặp thì có lợi cho công danh tài lộc. Nữ Mệnh rất hợp khi có Long Phượng, là người hiền lành, ôn hòa, dịu dàng, lấy được chồng sang và có danh giá:

Nữ Mệnh Long Trì Phượng Cát ôn lương (1)

Nữ Mệnh Long Trì, Phượng Các thủ, đắc quý nhân chí tôn phối ngẫu (3)

Phượng Long hợp là phường thuần hậu, Khốc Hư tuy táo bạo hậu chung (NMB)

Đẳng vàng là hội Phong Thai (Thai Phụ, Phong Cáo), Long Trì, Phượng Các ấy ai dịu dàng

Long Trì, Phượng Cát một đường, Sinh người cốt cách phi thường tiên thiên

Đàn hoàng, đứng đắn, đoan trang, không lăng nhăng bay bướm (do không bị Đào Hồng xâm phạm. Chú ý rằng Long Phượng và Đào Hồng không bao giờ tam hợp xung chiếu với nhau)

Thông minh, tuấn dật, thanh tú, phong nhã, có văn chất, ôn hòa nhưng trịnh trọng Bình tĩnh

Hay gặp may mắn, cuộc đời cho dù có chìm nổi cũng không đến nỗi bần cùng

Mệnh Long Trì thì diễm đạm, bình tĩnh, trì trệ, chủ về khoa giáp và hỷ sự (ĐL)

Mệnh Thân có Phượng Các tính ôn hòa, vui vẻ, người có cốt cách, có địa vị khoa giáp, chủ sự vinh hiển lâu dài (ĐL)

Long Phượng Sửu Mùi gặp nhiều sao sáng sủa thì thi đỗ cao, nữ nhân dễ lấy chồng quyền quý

Long Phượng là sao đem lại may mắn, đi với mọi cách đều có lợi, nhưng phụ tá cho bộ Tử Phủ, Nhật Nguyệt và Cơ Lương rất đắc lực. Đối với trung tinh, bộ Long Phượng kết hợp với bộ Tả Hữu là tốt nhất, chủ sự may mắn đến dồn dập. Long Phượng đi với Quang Quý là cách kim băng đề tên. Ngoài Thân Mệnh ra, Long Phượng cư cung Điền Trạch là hợp cách, làm cho nhà đất thêm cao đẹp, rực rỡ

Long Phượng gặp Sát Tinh hoặc Tuần Triệt thì không sợ, không bị suy giảm tính chất

Long Phượng hội hợp cùng với Hỷ Thần, Hình Riêu, Hình, Kỵ đắc địa là đồng tính chất, tăng thêm hỷ sự, đài các nguy nga, văn chương siêu việt ví như rồng có vẩy râu tỏa ánh hào quang, Phượng có lông sực sỡ

Các bộ sao kết hợp

Long Phượng Cáo Hổ: gọi là bộ Tứ Linh, đem lại may mắn hanh thông về mọi mặt, chủ về công danh quyền thế khi thủ tại Mệnh Thân khi gặp cát tinh hội hợp và xa lánh sát tinh:

Tứ Linh Cái Hồ Phụng Long,
Công danh quyền thế lấy lừng một khi (một mai)

Long Phụng gặp Xương Khúc, Khôi Việt, Tả Hữu thành bộ hiền thần, phù tá cho Tử, Phủ là tốt đẹp nhất, khiến quyền uy của Tử, Phủ thêm rực rỡ, phát về công danh nhanh chóng

Phụng gặp Xương, Khúc, Khôi, Việt: thông minh, có sự nghiệp, khoa danh (DDL)

Việt Khôi Long Phụng Khúc Xương mà gặp Khoa thì thi đỗ cao dễ dàng:

Việt Khôi Long Phụng Khúc Xương, ngộ Khoa ắt hẳn bề cảnh quế hoa (13)

Việt Khôi Long Phụng Văn tinh (Xương Khúc), Gặp Khoa ắt hẳn bề cảnh quế hoa (B38)

Việt, Khôi, Long, Phụng, Văn tinh, Vào thi, ắt hẳn bề cảnh quế hoa (QXT)

Long Phụng hội hợp cùng với Tả Hữu thì rất tốt đẹp, gia tăng ảnh hưởng mạnh mẽ, đem đến nhiều hanh thông may mắn về mọi mặt. Bộ Long Phụng Tả Hữu nếu kết hợp với tam hóa Khoa Quyền Lộc thì thật là rực rỡ. Mệnh có Phụng Long Tả Hữu thì cả đời giàu có:

Phụng Long Tả Hữu Mệnh viên, chung thân phú quý (4)

Công danh phú quý ai bì,

Phụng Long Tả Hữu tự về Mệnh viên (B50)

Long, Phụng gặp Phi Liêm: đem sự may mắn, vui mừng rất nhanh chóng

Long, Phụng, Thai Phụ: thăng quan thi đỗ

Long, Phụng, Riêu, Hỉ: đắc thời, tình duyên thi cử quan trường gặp may mắn hanh thông

Long, Phụng, Sửu Mùi gặp Quang, Quý, Khôi, Hồng: con trai thì thi đỗ cao, con gái thì lấy chồng có chức quyền (VVT)

Long, Phụng, Lương: nữ Mệnh thì có chồng hiền lương và danh giá

Long cùng Thân, Mệnh ngộ Phụng và Xương, Khúc hay Khôi, Việt: thông minh, đứng đắn, có khoa danh và sự nghiệp (ĐL)

Phượng, Ky: người nho nhã, không đỗ đạt

Giáp Long giáp Phượng mà Mệnh có Không, Kiếp thì chết yếu (ĐL)

Long Trì, Quan Phù hội cùng Thiên Tướng, Tấu Thư gặp Tả Hữu thì đi tu (Tướng ở đây là Thiên Tướng vì Tướng Quân và Tấu Thư không hội hợp với nhau được):
Quan Phù Tướng Tấu nghề gì,
Hội cùng Tả Hữu tăng ni khỏi nào (B108)

Long Trì, Quan Phù, Thiên Hình gặp Không hay Kiếp thì đề phòng kẻ thù ám hại:
Phù (Quan Phù), Hình, Không, Kiếp khá chê, Kẻ thù người oán, phải đề mình
thay
Hình Phù Không Kiếp khá chê (rất xấu), Nhiều sinh thù ghét nhiều khi ngại
ngùng (B110)

Long Trì Quan Phù gặp Sát tinh thì phải đề phòng hình tù:
Sát phùng Phù, Hồ sao nên,
Dã tràng thuở trước ưu phiền ngục trung (HC 162)
Sát phùng Phù Hồ hay đầu,
Dã Tràng thuở ấy âu sầu ngục trung (NMB, QXT)

Giáp Long giáp Phượng:
Tại Sửu Mùi mới có cách giáp Long giáp Phượng và trong trường hợp này thì sẽ
có Thiếu Âm hoặc Tử Phù thủ tại cung. Tùy theo hung cát tại cung mà ta luận xấu
tốt. Cách giáp Long giáp Phượng mà có mệnh Tử Phù nếu không có ác sát tinh
xâm phạm thì là người vui tính, miệng cười tươi (Thiên Hỉ), hay gặp may mắn và
rất có duyên được nhiều người theo, tính tình thông thường là nghiêm chỉnh (có
Nguyệt Đức Hỉ Hồng Đào), còn nếu có Thiếu Âm thủ thì cũng may mắn về
đường công danh (Hồng Loan tại Quan) nhưng ra ngoài xã hội thường ít bạn thân
(Quả Tú cư Di)

Phượng Long giáp Mệnh có tài,
Trước sau vinh hiển ra ngoài nổi danh (AB338, QXT)
Giáp Long giáp Phượng mấy ai,
Trước sau vinh hiển, trong ngoài nổi danh (AB)
Người Mệnh vị giáp Long giáp Phượng,
Khấp danh thơm sau trước hiển vinh (danh tiếng, vinh hiển) (B105)
Long Phượng giáp Mệnh chuyên cầm bệ,
Vũ (Vũ Khúc) cư Thân trong lăm nốt ruồi (B113)

Giáp Long giáp Phụng đôi nơi,
Tả Hữu Thai Tọa lâu đài thiếu niên (HC 150)

Mệnh Quan giáp Phụng Long thì có tiếng tăm và được nhiều người mến chuộng.
Chỉ có cung Sửu Mùi mới có cách giáp này
Mệnh Quan nhi giáp Phụng Long thanh danh sung ái (11)
Cung Quan giáp Long giáp Phụng, nếu cung Mệnh cung sáng sủa tốt đẹp thì làm quan to. Theo NMB thì người tuổi Thân có cách này thì làm quan lớn
Long Phụng giáp Quan thân cư cảm thiết (8, B59)
Giáp Nhựt giáp Nguyệt ai qua,
Giáp Xương giáp Khúc thực là tốt thay
Giáp Bát Tọa giáp Tam Thai,
Thiếu niên sớm dự lấy đài nghênh ngang
Giáp Tả giáp Hữu khác thường,
Giáp Long giáp Phụng vẻ vang hơn người (B168)
Giáp Quyền giáp Lộc tốt tươi,
Ấy là quý cách hơn đời
Canh gia cát Hóa chiếu vào (có cát tinh Tam Hóa chiếu) Mệnh Thân (B168)

Long Phụng tại Mão Dậu, Sửu Mùi
Phú có câu:

Phụng Long Mão Dậu đôi miền, vượng thì kim bảng chiếm tên ở đầu (6)
Phụng Long Mão Dậu số ai, trước sau vinh hiển trong ngoài nổi danh (7)
Đất Mão Dậu Phụng Long miếu vượng, Ai gặp thời kim bảng đề danh (B103)
Phụng Long Mão Dậu đôi miền, Bảng vàng đã được đề tên ở đầu (AB 154)
Một số người giải rằng Mão Dậu là tuổi Mão và Dậu, còn một số người cho rằng Long hay Phụng tại Mão Dậu. Chú ý tuổi Mão thì Long Phụng đồng cung tại Mùi, và tuổi Dậu thì đồng cung tại Sửu. Tuổi Sửu Mùi thì Phụng Cát tại Dậu Mão và tuổi Tỵ Hợi thì có Long Trì tại Dậu Mão. Các vị trí trên đều có Tứ Linh (Long Phụng Hổ Cáo) chủ may mắn về công danh. Như vậy câu phú trên có thể hiểu theo hai nghĩa, nghĩa là Mệnh có chính tinh miếu vượng tọa thủ gặp Long Phụng Mão Dậu hoặc Sửu Mùi thì đi thi tất đỗ cao, vinh hiển.

Long Phụng tại các cung

Tọa thủ tại Phụ Mẫu thì cha mẹ và con cái dễ hợp tánh, thương yêu nhau, tại Phu Thê thì vợ chồng đẹp đôi tương đắc cưới xin dễ dàng (nhưng gặp Tả Hữu thì lại hai đời, NPL thì cho rằng tại Dậu mới có nghĩa đó), tại Tử Tức thì con đẹp, dễ sinh con, dễ nuôi con, con thông minh, hiếu thuận với cha mẹ, phú quý, tại Điền

Trạch thì nhà đất rộng rãi, may mắn trong vấn đề mua điền sản, tại Phúc thì giòng họ phú quý khá giả, tại Tài thì tiền tài hanh thông, tại Quan thì quan trường thuận lợi, tại Thiên Di thì ra ngoài dễ gặp may mắn, dễ thoát nhiều tai nạn, tại hạn thì gặp may mắn mọi chuyện

Phúc Đức

Long Trì, Mộc Dục: mồ mả bên giếng tốt (ĐL)

Long Trì, Địa Kiếp: mồ mả bên giếng lấp (ĐL)

Điền, Tài

Long, Phụng, Mộ tại Điền: có nhà đất rộng rãi

Long, Phụng, Mộ tại Tài: giàu sang, con nhà giòng giới phú quý (ĐL)

Long, Phụng, Thai, Tọa tại Điền: nhà đất cao sang, nguy nga, có ao hồ

Long Trì Địa Kiếp: có giếng ao bị lấp đi

Long Trì Địa Kiếp sánh bên (cùng chen), Giếng bồi ao lấp ở bên phương (nhà) này

(nơi nào có hai sao này thì nơi đó có giếng ao bị lấp đi. QXT cho rằng Điền Trạch có thì lấp ao mà làm nhà

Thân cung Trì (Long Trì), Kiếp sanh chen, Giếng bồi ao lấp sẵn bên bao giờ (B106)

Quan Lộc

Long, Phụng, Tử, Phủ, Tả, Hữu, Khoa, Quyền: đại hiển đạt (ĐL)

Thiên Di

Theo Nguyễn Mạnh Bảo thì Thiên Di có Long Trì, Quan Phù thủ, giáp Hình và Thiên Thương thì ly hương và gặp nạn:

Quan Phù giáp Hình và Thương,

Cư Thiên Di địa (cung Thiên Di), ly hương ngộ hình (B180)

Tật Ách

Long Trì, Sát, Thái Âm: có bệnh đau bụng (ĐL)

Long Trì, Sát, Thái Dương: có bệnh đau đầu (ĐL)

Long Trì Mộc Dục có Kiếp chiếu: chết trôi (ĐL)

Phối

Long, Phụng, Hóa Lộc tại Phối: vợ chồng là giai nhân tài tử, giàu có (ĐL)

Long, Thiên Phủ, Khôi, Việt, Lộc Tồn: vợ chồng tốt đẹp, thông minh, quân tử

(ĐL)

Cung Phu có Long Phụng ở cung Dậu lại có Tả Hữu thì là cách đa phu, ít ai có một chồng:

Long Trì Phụng Cát gồm hai,
Đoài Long Phụ Bất mây ai một chồng (B47, 9)
Đào Long Phụ Bất phùng sau trước,
Hoặc Đào, Nô lỡ bước cầu ô

Bào

Phụng gặp Dưỡng: có nghĩa bào (ĐL)

Tử Tức

Cung Tử Tức có Phụng Các Tầu Thụ Nhật Nguyệt và Khoa Quyền Lộc hội hợp tất sinh con quý tử, con trai có quyền uy hiển hách, con gái thì là ca sĩ nổi danh: Phụng hàm Thụ (Tầu Thụ) nhi phùng Nhật Nguyệt Tam Kỳ lai nhập Tử Sinh, Nam tất uy ba quyền danh, Nữ tất danh đăng xướng vũ (10)

Hạn

Long Mã: có dời nhà cửa
Long Phụng Cáo Ấn: thi đỗ (may mắn về công danh)
Long Riêu Hỷ: thời đến, có đám hỏi đưa đến hôn (may mắn về tình duyên)
Long Trì, Mộc Dục: phòng nạn sông nước (ĐL)
Long Trì Thai Phụ: thăng quan (ĐL) (may mắn về quyền chức)

Các câu phú cần xét lại:

Hoa Cái Phụng Cát Đào Hồng,
Trai toan bỏ vợ trong lòng chẳng khuây (NMB, VT)
Hoa Cái Phụng Cát Đào Hồng,
Trai toan nể vợ trong lòng khôn khuây (QXT)
Long Trì Phụng Cát hai sao,
Cung Mùi, cung Sửu đóng vào vượng thay
Riêu, Hỷ, Khốc rông mây gặp hội,
Chón thi đình, danh vợi vợi cao
Cái (Hoa Cái) cùng Long Phụng, Hồng Đào,
Chủ quyền nội tướng, anh hào hàng hai (AB338)
Các câu phú trên nếu giải rằng Hoa Cái Phụng Cát gặp Đào hay Hồng thì không thể nào có được sự kết hợp như vậy

Phượng Các quan giai, tu Khốc Hư nhi ba thiên hữu hoạn (B68)

Giải: Phượng Các gặp Khốc Hư thì có nhiều hoạn nạn. Chú ý Phượng Cát và Thiên Khốc luôn luôn tam hợp chiếu. Phượng Các tại Tỵ Hợi, Tí Ngọ, Dần Thân, Thìn Tuất thì gặp Khốc Hư cả bộ. Câu phú này cần xét lại

Long Trì khoa đệ, yểm Nhật Nguyệt nhi tử tức (hay tử trệ) kham ưu (5, B68)

Giải: Mệnh có Nhật Nguyệt hãm địa tọa thủ gặp Long Trì thì đường khoa danh khó thành mà chỉ đem lại buồn rầu. TVT ghi ở cung Quan cũng vậy. Cần coi lại câu phú này

Long phùng Phượng, Hỉ cũng hay,
Vui mừng mới thấy, bi ai bỗng liền (QXT)

Giải: theo Quản Xuân Thịnh thì phát tán thất thường. Cần coi lại câu phú này

Nguyệt gặp Long Trì ở cùng,
Tuy xấu nhưng cũng được phần âm thân (HC)

Vũ, Cơ, Lộc, Mã, Long, Loan,
Trai ban binh tước, gái bàn thư cưu

Giải: Hạn gặp, con trai thì có công danh, gái thì có người đến hỏi cưới. Long Trì và Hồng Loan không thể hội hợp với nhau thành ra cần phải xét lại lời giải

Lộc Tồn (Thiên Lộc)

Đặc điểm về vị trí

Lộc Tồn không an ở Tứ Mộ (Thìn Tuất Sửu Mùi), luôn luôn đồng cung với Bác Sĩ (thuộc tam hợp Bác Sĩ, Tướng Quân, Bệnh Phù), có Quốc Ấn tam chiếu, bị Kinh Đà giáp và không bao giờ gặp bộ Song Hao

Tướng Quân và Bệnh Phù luôn có Lộc Tồn tam hợp, và Phi Liêm thì có Lộc Tồn xung chiếu

Dương Nam Âm Nữ

Tuổi Ất Tướng Quân tại Mùi bị Triệt, tuổi Đinh Phi Liêm có Thanh Long Lưu Hà tam hợp, tuổi Mậu Tướng Quân có Quan Phúc đồng cung xung chiếu, tuổi Kỷ Phi Liêm có Khôi thủ Việt Triệt chiếu, tuổi Canh Phi Liêm có Việt Thiên Trù thủ và Khôi Phúc Triệt tam hợp, tuổi Tân Phi Liêm đồng cung với Lưu Hà có Thanh Long tam hợp, tuổi Nhâm Phi Liêm có Việt đồng cung, Thiên Trù tam hợp và tuổi Quý Phi Liêm có Thiên Quan đồng cung, Trù, Thanh Long Lưu Hà tam hợp

Âm Nam Dương Nữ

Tuổi Bính Phi Liêm có Khôi thủ, Thanh Long Lưu Hà tam hợp, tuổi Đinh thì Bệnh Phù có Thanh Long Lưu Hà đồng cung xung chiếu, Phi Liêm có Thanh Long Lưu Hà tam hợp, tuổi Mậu Tướng Quân, Khôi, Quốc Ấn đồng cung bị Triệt, có Việt xung, Phi Liêm có Việt, Quan, Phúc tam hợp, tuổi Kỷ Khôi thủ, Việt bị Triệt chiếu, tuổi Canh Phi Liêm đồng cung với Việt Trù, có Khôi Phúc Triệt tam hợp, Bệnh Phù có Khôi Phúc Triệt xung chiếu, tuổi Tân Tướng Quân đồng cung với Quốc Ấn Thiên Phúc bị Triệt, Phi Liêm đồng cung với Lưu Hà có Thanh Long tam hợp, tuổi Nhâm Phi Liêm đồng cung với Việt, có Trù tam hợp, tuổi Quý Phi Liêm đồng cung với Thiên Quan, có Thanh Long Lưu Hà, Thiên Trù tam hợp

Tướng Quân bị Triệt

Dương Nam Âm Nữ tuổi Ất thì có Tướng Quân tại Mùi bị Triệt. Âm Nam Dương Nữ thì tuổi Mậu và Tân thì Tướng Quân bị Triệt: tuổi Mậu Tướng Quân, Khôi, Quốc Ấn đồng cung tại Sửu bị Triệt, tuổi Tân Tướng Quân đồng cung với Quốc Ấn Thiên Phúc tại Tỵ bị Triệt

Thanh Long Lưu Hà

Ba tuổi Đinh (Phi tại Tí) Tân (Phi tại Mão) Quý (Phi tại Ngọ) thì Phi Liêm bao giờ cũng có bộ Thanh Long Lưu Hà và Dương Nam Âm Nữ tuổi Bính thì Phi (tại

Hợi) có Âm Nam Dương Nữ tuổi Đinh thì Bệnh Phù (tạ Tuất) có Thanh Long Lưu Hà đồng cung xung chiếu. Cụ thể:

Dương Nam Âm Nữ

Tuổi Đinh Phi Liêm có Thanh Long Lưu Hà tam hợp,

Tuổi Tân Phi Liêm đồng cung với Lưu Hà có Thanh Long tam hợp,

Tuổi Quý Phi Liêm đồng cung với Thiên Quan, có Thanh Long Lưu Hà, Thiên Trù tam hợp

Tuổi Bính Phi Liêm có Khôi thủ, Thanh Long Lưu Hà tam hợp

Tuổi Đinh Phi Liêm có Thanh Long Lưu Hà tam hợp

Tuổi Tân Phi Liêm đồng cung với Lưu Hà có Thanh Long tam hợp

Tuổi Quý Phi Liêm đồng cung với Thiên Quan, có Thanh Long Lưu Hà, Thiên Trù tam hợp

Lộc Tồn tại Dần, Mão không có gì

Lộc Tồn tại Ty

Tuổi Bính có bộ Quan, Khôi Việt

Tuổi Mậu có bộ Lưu Hà, Khôi

Lộc Tồn tại Ngọ

Tuổi Đinh có bộ Lưu Hà, Khôi Phúc

Lộc Tồn tại Thân có bộ Lưu Hà, Việt, Trù

Lộc Tồn tại Dậu có bộ Quan Phúc Lưu Hà

Lộc Tồn tại Hợi có bộ Lưu Hà Khôi Việt

Lộc Tồn tại Tí có Lộc Tồn, Triệt - Thiên Quan xung

Lộc Tồn và Lưu Hà

Chỉ tại vị trí Tí, Dần, Mão, Ty tuổi Bính, Ngọ tuổi Đinh thì Lộc Tồn mới không gặp Lưu Hà thủ chiếu

Lộc Tồn và Quan Phúc

Chỉ có Lộc Tồn cư Dậu mới có bộ Quan Phúc (Quan thủ, Phúc tam hợp)

Lộc Tồn và Thiên Trù

Chỉ có Lộc Tồn cư Thân mới có Thiên Trù xung chiếu

Lộc Tồn với Khôi Việt

Lộc Tồn tại Ty Hợi Ngọ Thân mới có khả năng có Khôi, Việt và Phi Liêm Dần Tí có bộ Khôi Việt và rất dễ bị Triệt xâm phạm

Cụ thể

Lộc Tồn tại Hợi và Lộc Tồn tại Ty tuổi Bính bị Triệt thì có bộ Khôi Việt chiếu.

Tại Hợi thì Khôi Mão bị Triệt

Lộc Tồn tại Ty tuổi Mậu có Khôi Triệt chiếu, tại Ngọ tuổi Kỷ có Khôi xung, tại Thân có Việt xung

Phi Liêm tại Tí (tuổi Kỷ) có Khôi thủ, Việt tam hợp. Âm Nam Dương Nữ thì Việt bị Triệt. Phi Liêm tại Dần (tuổi Canh) có Việt thủ, Khôi Triệt tam hợp

Lộc Tồn với Thiên Mã

Lộc Tồn tại Dần Thân (tuổi Giáp, Canh) mới có và luôn luôn có bộ Lộc Mã đồng cung hoặc xung chiếu (giao trì) nhau mà thôi

Cụ thể tuổi Giáp Thân, Tí, Thìn và Canh Dần, Ngọ, Tuất thì có Lộc Mã đồng cung, tuổi Giáp Dần Ngọ Tuất và Canh Thân Tí Thìn thì có Lộc Mã giao trì. Bộ Lộc Mã giao trì tại vị trí Lộc Tồn thì tốt hơn Lộc Mã đồng cung vì có bộ Tuế Phù Hộ trong khi Lộc Mã đồng cung thì có bộ Tang Tuế Điều

Lộc Tồn với Song Hao

Lộc Tồn và Đại hay Tiểu Hao thì không bao giờ tam hợp xung chiếu với nhau vì cách nhau 2 cung nhưng khi ở Dần Thân Ty Hợi thì nhị hợp

Lộc Tồn với bộ Mã Hao

Bộ Mã Hao luôn luôn có tại Dần Thân và chỉ có Lộc Tồn tại Ty Hợi (tuổi Bính Mậu Nhâm) mới có bộ Mã Hao

Lộc Tồn và Triệt

Lộc Tồn cư Tí luôn bị Triệt và cư Ty cho tuổi Đinh thì bị Triệt

Lộc Tồn và Tuần

Các tuổi Giáp Thìn, Ất Ty, Bính Thân, Đinh Hợi, Mậu Tuất, Kỷ Sửu, Canh Thìn, Tân Ty, Nhâm Thân, Quý Hợi thì Lộc Tồn bị Tuần. Tuổi Bính Thân và Quý Hợi thì Lộc Tồn bị cả Tuần Triệt đồng cung

Ngũ Hành

Lộc Tồn là Bắc Đẩu tinh Dương Thổ đới Thủy (TTL), Dương Thổ (VVT)

Đắc hãm

Miếu vượng tại Tí Ngọ, Dần Thân, Mão Dậu (VVT)

Ý nghĩa

Là quý tinh, chủ quyền tước danh chức, (có Tướng Ấn hội hợp), tài lộc, phúc thọ(TTL, VVT) văn chương thi phú (VVT)

Thủ Mệnh thì:

Thông minh, hiểu học, tài cao, học rộng, lỗi lạc (có Bác Sĩ Quốc Ấn)

Nghiêm cẩn, đôn trọng

Nhân hậu, từ thiện, đạo đức

Có mưu trí, cơ biến, bén nhạy (VVT)

Có tài tổ chức (VVT)

Không gặp sao sáng sửa hoặc đơn thủ thì là người quá tính toán về tiền bạc mà trở thành keo kiệt, bủn xỉn, ăn ở bần tiện (do có Kinh Đà giáp)

Đoan chính, không lãng nhãng. Giải trừ được tính dâm đảng hoa nguyệt của Đào Hồng khi đồng cung (chú ý Tướng Quân luôn có Lộc Tồn tam hợp nhưng Tướng Quân kỵ gặp dâm tinh như Thai, Hồng, Đào, Xương Khúc chủ sự xui xẻo về trình tiết)

Lộc Tồn bao giờ cũng giáp Kinh Đà nên khi luận đoán Lộc Tồn cần chú ý đến các sao hội hợp, đặc biệt là sao đồng cung với Lộc Tồn. Nếu trong cung Lộc Tồn có hung sát tinh như Không Kiếp, Hỏa Linh hãm thì là cách ăn xin vì Kinh Đà sẽ hội cùng hung sát tinh mà gây họa, ngược lại nếu trong cung có cát tinh như Khoa, Quyền, Hóa Lộc thì lại là cách xuất thế vinh hoa, cách đôi kim tích ngọc (vàng chôn ngọc cát) vì Kinh Đà trở hành hai vệ sĩ giữ cửa cho chủ

Tọa thủ gặp nhiều sao tốt đẹp sáng sửa hội hợp (nhất là Tử Phủ, Xương Khúc, Khôi Việt, Mã, Khoa Quyền Lộc) thì là người thông minh, học rộng, có tính nhân hậu từ thiện, có tài tổ chức, có nhiều sáng kiến, biết ứng biến, suốt đời được nhiều người kính trọng và sống lâu

Tọa thủ gặp nhiều sao mờ ám xấu xa hội hợp (nhất là Không Kiếp, Ky, Tuế, Hao) thì là người biền lận, ích kỷ, gian trá, quỷ quyệt, thường sớm khác cha mẹ hay phải sớm lìa bỏ gia đình lang thang nơi phương xa, suốt đời không được xứng ý toại lòng vì công danh trắc trở, tài lộc thiếu thốn, nếu có nhiều tiền của thì hay bị mất cắp, lừa đảo, khó tránh được những tai họa khủng khiếp, rất dễ bị tù tội, tuổi thọ cũng bị chiết giảm

Lộc Tồn Nam Mệnh ca

Nam nhân có Lộc Tồn thì tính quả quyết, làm việc gì cũng thành, nếu là quan chức mà có thêm Xương Khúc hội hợp thì y lộc, nhà cao cửa rộng mãi mãi, vinh

hiển:

Nhân sinh nhược ngộ Lộc Tồn tinh,
 Tính cách cương cường bách sự thành
 Quan viên thiên hệ Xương Khúc hội,
 Thao thao y lộc hiển môn đình (VTL)

Nam nhân có Lộc Tồn thủ mà gặp Đà Hỏa thì phúc không toàn vẹn, gặp Thiên Cơ, Kiếp, Không, Kỵ thì nên đi tu thì được thanh nhàn. Chú ý câu phú trên nói Lộc Tồn gặp Đà La thì không bao giờ có được:

Lộc Tồn thủ Mệnh mạc phùng xung,
 Đà Hỏa giao gia phúc bất toàn
 Thiên Cơ, Kiếp, Không, Kỵ tương hội,
 Không môn tăng đạo đắc thanh nhàn (VTL)

Theo TTL Lộc Tồn thủ Mệnh gặp nhiều sao sáng sửa tốt đẹp, nhất là Tử Phủ Xương Khúc Khôi Việt thì hưởng phú quý trọn đời, có uy danh lừng lẫy và sống lâu, nhưng nếu gặp nhiều sao xấu xa mờ ám hội hợp. nhất là Không Kiếp Hao Kỵ Tuế thì suốt đời túng thiếu, buồn phiền về vợ con, thường sớm ly tở, lại hay mắc tai họa và không thể sống lâu được (chú ý Hao không bao giờ tam hợp xung chiếu với Lộc Tồn)

Lộc Tồn Nữ Mệnh ca

Nữ Mệnh có Lộc Tồn Tử Phủ hội hợp thì trăm việc hanh thông, nếu Lộc Tồn gặp Đồng, Liêm (sáng sửa) thì là bậc phu nhân giàu có sang trọng. Theo VVT thì Lộc Tồn thủ tại Thân Mệnh thì là người tú lệ, trinh liệt, đảm đang, có tài quán xuyến, đại sự chẳng khác chi nam giới, gặp Tử Phủ đồng cung thì vạn sự đều an vượng, như ý toại lòng, nếu gặp Phủ Tướng tam hợp củng chiếu thì không đại phú cũng quý hiển, nếu gặp Liêm Trinh hoặc Thiên Đồng thì là bậc quyền quý phu nhân. Mệnh có Lộc Tồn tại Dần Thân được Phủ và Thiên Tướng đóng tại Quan và Tài thì đặc cách Phủ Tướng triều viên, phú quý song toàn. Theo Thái Thử Lang thì Lộc Tồn thủ Nữ Mệnh gặp nhiều sao sáng sửa tốt đẹp hội hợp thì rất đoan chính, được hưởng giàu sang trọn đời và rất vượng phu ích tử, nhưng nếu gặp nhiều sao xấu xa hội hợp thì tuy không có tính dâm đảng nhưng suốt đời chẳng được mấy khi xứng ý toại lòng và hay buồn khổ về chồng con:

Nữ Mệnh nhược ngộ Lộc Tồn tinh

Tử Phủ gia lâm, bách sự ninh (trăm việc hanh thông)

Cánh ngộ Đồng, Liêm (sáng sửa) tương tấu hợp

Tất nhiên chủ định thị phu nhân (AB465)

Nữ Mệnh có Lộc Tồn gặp Không, Kiếp, Linh, Hỏa thì tất yếu có tai nạn, nếu không có cát tinh hội hợp cứu giải thì vợ chồng sinh ly, không sống lâu bền được:

Lộc Tồn nhập Mệnh hãm cung lai
Không, Kiếp, Linh, Hỏa tất vì tai (tất yếu có tai nạn)
Nhược vô cát diệu lai tương tấu (nếu không có cát tinh hội hợp)
Phụ phụ phân ly, vĩnh bất giai (bất hài, QXT, VTL) (vợ chồng sinh ly, không
sống lâu bền được) (AB466)

Hợp cách của Lộc Tồn

Đẹp nhất là gặp Mã đồng cung hay xung chiếu, Hóa Lộc chiếu, Khôi Việt, Xương Khúc, Tử Phủ chủ về phú quý (Mã, Tử Phủ), uy quyền hiển hách (Khôi Việt, Xương Khúc), gia tăng tuổi thọ
Bộ Lộc Tồn gặp Tả Hữu hoặc Thiên Mã không gặp sát tinh xâm phạm thì sẽ gia tăng tính tốt đẹp của Lộc Tồn, nhất là tiền tài
Bộ Lộc Tồn Xương Khúc không gặp sát tinh xâm phạm thì sẽ gia tăng tính chất tốt đẹp, nhất là công danh
Lộc Tồn hội với các tài tinh như Vũ Khúc, Thiên Phủ, Thái Âm (chủ điền sản) sáng sủa hoặc Hóa Lộc thì sẽ gia tăng tính chất giàu có
Đồng cung với Khoa, Quyền hay Hóa Lộc thì phú quý, văn chương khoa giáp hiển đạt (VVT)
Đồng cung với một trong ba sao của bộ Khoa Quyền Lộc hoặc Hóa Lộc thủ, Lộc Tồn chiếu thì tốt đẹp, toàn mỹ hơn nhiều (VVT)
Gặp Thiên Quan, Thiên Phúc, ân Quang, Thiên Quý, Riêu Y thì nên chuyên về y dược, rất nổi tiếng (TTL)
Ngoài cách văn tinh của Lộc Tồn Tí Ngọ, tùy theo Lộc Tồn đơn thủ, đồng cung hay hội chiếu với sao của bộ Khoa Quyền Lộc để quyết đoán tính tình nghề nghiệp

Phá cách của Lộc Tồn

Tối kỵ gặp Không Kiếp (nếu thêm Thái Tuế thì càng xấu), kỵ gặp Tuần Triệt (kỵ Triệt hơn Tuần) và Hóa Kỵ, Hỏa Linh hãm địa hoặc Cự Môn đồng cung, nhất là Cự Môn tại Ty Hợi
Lộc Tồn thủ Mệnh không bằng chiếu Mệnh vì giáp Kinh Đà. Lộc Tồn thủ tại Phụ, Thê, Tử Túc, Huynh Đệ cũng không tốt vì chủ cô đơn, hình khắc hoặc là thủ tại cung Vô Chính Diệu cũng thường là không tốt trừ khi đồng cung với nhiều sao sáng sủa
Lộc Tồn đồng cung với Hóa Lộc thì không tốt, chủ về tai họa, đa số là do tiền tài gây ra

Mệnh sáng sủa có Lộc Tồn thủ thì hưởng giàu sang, được ăn ngon, mặc đẹp, hưởng của cải do tiền nhân để lại:

Lộc Tồn hậu trọng, đa y, thực (1, TTL)

Lộc Tồn tại viên (tọa thủ), chỉ tứ tổ nghiệp (2, TTL)

Mã vào Mệnh đa tài mắn tiếp, Tồn (Lộc Tồn) vào viên tổ nghiệp thường nhờ (có Lộc Tồn thì thừa hưởng tổ nghiệp) (B113)

Mệnh minh (sáng sủa) có Lộc thì giàu, Trong cung tọa thủ, sang giàu chung thân (B161)

Lộc Tồn giàu có về sau, Trường Sinh, Đế Vượng là người thiện lương

Mệnh sáng sủa tốt đẹp, có Lộc Tồn chiếu thì quý hiển. Chú ý theo TVT thì Lộc Tồn phải ở các cung Dân Thân Mão Dậu chiếu Mệnh thì mới gọi là triều viên, còn nếu ở Tí Ngọ Tỵ Hợi thì khi chiếu Mệnh không được gọi là triều viên, tuy nhiên cũng tốt

Lộc Tồn triều viên (chiếu), thân vinh phú quý hiển (3, TTL)

Mệnh có Lộc Tồn thủ không gặp sát tinh hội hợp thì hưởng giàu sang:

Lộc Tồn thủ Mệnh bốn vì, Như vô Sát tấu, đoán đầy như y (B176)

Mệnh Thân hay Thiên Di có Lộc Tồn tại Tí Ngọ thì rất có lợi, giàu sang, kiếm tiền dễ dàng, có nhiều của cải tiền bạc. Chú ý Lộc Tồn tại cung Tí luôn luôn bị Triệt. Chú ý rằng Lộc Tồn cư Di tại Tí Ngọ thì Mệnh luôn luôn có bộ Thanh Long Lưu Hà đồng cung chiếu Mệnh hoặc Thanh Long Lưu Hà tam hợp chiếu Mệnh (tuổi Đinh Quý), nếu không thì có bộ Khôi Việt thủ chiếu Mệnh (tuổi Kỷ) Lộc Tồn Tí Ngọ vị, Mệnh, Thân, Thiên Di phùng (đóng tại Mệnh, Thân, Di), lợi lộc nghi (TTL)

Lộc Tồn Tí Ngọ vị Thiên Di, Thân Mệnh phùng chỉ lợi lộc nghi (11)

Tuổi Giáp có Lộc Tồn tại Dân rất tốt đẹp:

Nào ai Lục Giáp sinh nhân, Lộc Tồn tọa thủ Dân cung phải thời

Lộc Tồn kết hợp với các phụ tinh

Lộc Tồn tam hợp, xung chiếu, nhị hợp với Hóa Lộc thì rất tốt, tiền bạc xức tích nhưng nếu đồng cung với Hóa Lộc thì lại kém đi, giảm thiểu sự tốt đẹp, chủ vì tham tài mà mang họa vào thân. Theo VVT thì Lộc Tồn tại Tí Ngọ xung chiếu với Hóa Lộc và Văn Tinh thì là đệ nhất văn chương cách, chủ thông minh thanh hiển nhưng nếu gặp Không thì học hành khó thành và rất kỵ gặp hung sát tinh. Đồng

cung với Hóa Lộc tại Ty Hợi thì suốt đời tính toán tiền bạc nhưng giàu sang. hội với Hóa Lộc tại Dần Thân là các đôi kim tích ngọc

Mệnh có Lộc Tồn, Hóa Lộc đồng cung gặp sao sáng sủa thì có óc độc đoán, chuyên quyền, như Lã Hậu Mệnh an tại Dần có cách này. Tuổi Giáp Mệnh Liêm Trinh tại Dần, tuổi Ất Mệnh Cự Cơ tại Mão, Tuổi Bính Mệnh Thiên Đồng tại Ty bị Triệt, tuổi Đinh Mệnh Đồng Âm cư Ngọ, tuổi Mậu Mệnh Liêm Tham tại Ty, tuổi Kỷ Mệnh Vũ Phủ tại Ngọ, tuổi Canh Mệnh Cự Dương tại Thân, tuổi Tân Mệnh Cự Cơ tại Dậu, tuổi Nhâm mệnh Thiên Lương tại Hợi và tuổi Quý Mệnh Phá Quân tại Tí bị Triệt đều có Song Lộc thủ đồng cung:

Song Lộc (Lộc Tồn, Hóa Lộc) thủ Mệnh, Lã Hậu chuyên quyền (17, TTL)

Song Lộc thủ Mệnh, chuyên quyền, Lộc đảo, Mã đảo hết phiên lại lo (AB331)

Lã Hậu kiêm việc triều chính vì cung Mệnh tại Dần có Lộc Tồn Hóa Lộc gặp Thiên Mã. TVT giải rằng Lộc Tồn gặp Thiên Mã tọa thủ đồng cung nên lời giải không chính xác

Lã Hậu chuyên quyền, lưỡng trùng Thiên Lộc, Thiên Mã (16)

Mệnh bà Lã Hậu chuyên quyền, Song Lộc ngộ Mã thủ liên một cung

Kìa như phụ nữ chuyên quyền, Lưỡng trùng Lộc Mã, Mệnh viên rõ ràng (B169)

Chuyên quyền kìa Lã Hậu bà, Song Lộc ngộ Mã thủ tòa Mệnh viên

Mệnh bà Lã Hậu chuyên quyền, Lưỡng trùng Lộc, Mã thủ viên rõ ràng (B159)

Kìa như Song Lộc Tuân phùng,

Hân nhiên nhập Tướng Bội Công Hán triều (B169)

Mệnh có Lộc Tồn, Hóa Lộc hội hợp thì cả đời phú quý, có tài văn võ hơn người như Thái Công:

Song Lộc trùng phùng (hội hợp), chung thân phú quý (15, TTL)

Song Lộc lưỡng ngộ, Thái Công chi vũ lược siêu quần (B79)

Mệnh có Lộc Tồn và Hóa Lộc hội hợp thì như Phu Tử có tài về văn chương

Hoạt Lộc trùng phùng Phu Tử văn chương quán thế (B79)

Mệnh có Lộc Tồn hay Hóa Lộc: một Lộc tọa thủ, một nhị hợp (gọi là Minh Lộc Âm Lộc hay Uyên Ương Lộc hội) thì hưởng giàu sang và có quyền chức lớn, như gấm được thêm hoa. Chú ý tuổi Giáp Mệnh tại Dần có Đồng Lương và tại Hợi có Liêm Tham, tuổi Ất Mệnh tại Mão có Liêm Phá và tại Tuất có Cự Lương, tuổi Bính Mệnh tại Ty có Liêm Tham bị Triệt và Mệnh tại Thân có Đồng Lương, tuổi

Đinh Mệnh tại Ngọ có Vũ Phủ và Mệnh tại Mùi có Nhật Nguyệt, tuổi Mậu Mệnh tại Tỵ có Thiên Đồng và Mệnh tại Thân có Tham Lang, tuổi Kỷ Mệnh tại Ngọ có Đồng Âm và Mệnh tại Mùi có Vũ Tham, tuổi Canh Mệnh tại Tỵ có Thái Dương và Mệnh tại Thân có Tử Phủ, tuổi Tân Mệnh tại Thìn có Cự Môn bị Triệt và Mệnh tại Dậu có Tử Tham, tuổi Nhâm Mệnh tại Dần có Đồng lương bị Triệt và Mệnh tại Hợi có Liêm Tham, tuổi Quý Mệnh tại Tí có Thiên Cơ gặp Triệt và Mệnh tại Sửu có Tử Phá bị Triệt thì có cách Minh Lộc ám Lộc

Minh Lộc Ám Lộc (còn gọi là Uyên Ương Lộc hội), vị chí công khanh (Cảm thượng thêm hoa) (4, TTL)

Lộc (Lộc Tồn, Hóa Lộc) một thủ, một vào lục hợp (một nhị hợp), Giàu lại sang như gấm thêm hoa (B161)

Minh Lộc Ám Lộc đây mà, Ấy cách cảm thượng thêm hoa rành rành (B176)

Ví như Lục Giáp sinh nhân, Mệnh tinh tại Hợi, Lộc tinh đông trần (B176)

Lộc Tồn thủ ở cung Dần, Ấy Dần Hợi hợp nên thân cách này (B176)

Uyên ương Lộc hội tốt vời, Công danh hiển hách, một đời giàu sang (AB331)

Tuất Thìn vốn hãm Cự Môn, Tuổi Tân Hóa Lộc, Lộc Tồn cũng yêu (chú ý Cự Môn ahãm tại Thìn nhưng tuổi Tân có Hóa Lộc thủ, Lộc Tồn nhị hợp) (B162)

Mệnh có một Lộc tam hợp chiếu, một xung chiếu thì gọi là Hợp Lộc củng Lộc, hoành phát về võ nghiệp, văn võ kiêm toàn, danh tiếng lừng lẫy, vinh hiển. Theo TVT một Lộc tọa thủ, một xung chiếu thì không đúng:

Hợp Lộc củng Lộc định vị cư kích chi thần (hay định vị văn võ toàn tài) (12, 13)

Hợp Lộc củng Lộc Quan, Tài, Đại thần bích cự đáng tài nam nhi (B175)

Hoặc cư Mệnh, hoặc Thiên Di, Song Lộc thủ chiếu, ấy thì giàu sang (B175)

Lộc Tồn gặp Thiên Mã đồng cung hay xung chiếu thì rất tốt, chủ buôn bán phát tài, tiền vào như nước, nếu Mã tam chiếu thì kém hơn:

Mệnh có Lộc Tồn Thiên Mã hội hợp thì văn chương lỗi lạc danh thếp, nữ nhân thì tính tình đoan trang, vượng phu ích tử. Chú ý câu phú này không đề cập là phải đồng cung, nhưng TVT cho rằng Thiên Mã phải đồng cung:

Thiên Lộc Thiên Mã kinh nhân giáp đệ (18)

Mệnh Thân an tọa Tứ Sinh, Canh phùng Lộc, Mã thủ thành Mệnh viên

Tam phương củng chiếu đều yên, Kinh nhân giáp đệ, danh trên bảng rồng (B166)

Lộc Mã thủ chiếu Mệnh cung, Vượng phu ích tử vốn giòng đoan trang

Mệnh hoặc Di có Thiên Mã thủ, Lộc Tồn xung chiếu hoặc có Lộc thủ, Thiên Mã xung chiếu thì buôn bán phát đạt mà trở nên giàu có, dễ kiếm tiền và được nhiều người thương mến. Lộc Mã đồng cung cũng có nghĩa như vậy:

Lộc Mã tối hỉ giao trì, chúng nhân sủng ái (10, TTL)
 Tài buôn bán nhiều bề giới dẫn, Mã Mệnh cung, Tồn (Lộc Tồn) tại Thiên Di
 Cách Lộc Mã Thiên Di dễ được, Số sinh tài có sức ghê thay (B115)
 Lộc Tồn Thiên Mã đồng gia (đồng cung), có người buôn một bán ba nên giàu (24)
 Lộc Tồn Thiên Mã đồng (cùng) gia, Có người buôn một, bán ba nên giàu (B43)
 Đồng cung Tồn (Lộc Tồn) Mã gặp nhau, Ấy Chiết Tiền Mã, ngàn dâu thẳng
 đường (chạy đường xa)
 Văn hơn (văn chương hơn người) là Việt Khoa Khôi, Ngồi ở trên người, Lộc Mã
 đồng cung (Lộc Mã đồng cung thì ăn trên ở trước, hơn người) (B156)
 Lợi tìm Lộc Mã đã quen, Tầu Thư Thiên Phúc Phật Tiên mê lòng

Đầu (Đầu Quân) gặp Tồn (Lộc Tồn) khá tiền tài
 Khốc, Hư lạc hãm miệt mài gian truân

Xương Khúc đắc địa và gặp Lộc Tồn đồng cung thì có nhiều tài năng xuất chúng
 Xương Khúc Lộc Tồn do vì kỳ thi (32, TTL)

Lộc Tồn cùng các cách đẹp của Lộc Tồn (như Lộc Mã) gặp Không, Kiếp, Tuần
 Triệt hoặc Hóa Kỵ thì trở thành phá cách, chủ bị họa vì tiền, phá sản:

Mệnh có Khôi Việt Xương Khúc Lộc Tồn không gặp sát tinh hay Hóa Kỵ, Thiên
 Hình thì phú quý cực độ:
 Khôi, Việt, Xương, Khúc, Lộc Tồn. Hình Sát vô xung, đại phú quý (TTL)

Lộc gặp Không, Kiếp đồng cung là phá cách, trở thành nghèo khổ:
 Lộc ngộ Không Kiếp đồng qui, Cũng là vô dụng, hóa vì cơ hàn
 Lộc ngộ Không Kiếp đồng qui, Cũng là vô dụng, hóa vì cơ hàn (B165)

Mệnh có Lộc Tồn tọa thủ, Mã xung chiếu hay có Mã thủ, Lộc Tồn xung chiếu nếu
 gặp Kiếp Không Tuế hội hợp thì mờ ám xấu xa, suốt đời chẳng mấy khi được
 xứng ý toại lòng, công danh trắc trở, hay phải lo lắng về sinh kế và khó tránh tai
 họa. Theo Nguyễn Mạnh Bảo thì Lộc Mã gặp Tuần Triệt hoặc Tuyệt Bại thì sợ
 gặp Không Kiếp Thái Tuế, nếu giàu thì chết sớm, nghèo thì sống lâu:
 Lộc đảo, Mã đảo, kị Kiếp Không Thái Tuế (10, TTL)
 Song Lộc thủ Mệnh, chuyên quyền, Lộc đảo, Mã đảo hết phiên lại lo (AB331)
 Mã, Lộc hãm Không Vong Tuyệt Bại, Sợ Kiếp Không hợp Thái Tuế xung
 Giàu tôn thọ, khó duyên sinh, Phù Thân giúp Mệnh hạn hành khác nhau (B158)
 Lộc Mã ngộ Bại, Tuyệt hương (ở Bại Địa, Tuyệt Địa) Tuế ngộ Không Kiếp là

phương không lành (B171)

Nhưng có câu phú cho rằng Mệnh tại Bại Địa hay Tuyệt địa gặp Lộc Tồn thì giải được:

Mệnh cung Bại, Tuyệt nhược phùng, Bằng như Thiên Lộc có công phù trì

Lộc Tồn gặp Tuần hay Triệt thì trở nên xấu, cơ nghiệp bị tan tành TVT cho rằng tọa thủ tại Mệnh, Điền hay Tài:

Tuần Triệt bất khả ngộ Lộc Tồn, tư cơ phá hoại (B71, 10)

Lộc Mã gặp Không Kiếp, Thái Tuế hội hợp thì hoặc Triệt là phá cách, không tốt Kiếp Không Thái Tuế suy vi, Lộc Mã ngộ Triệt ích gì nữa mong

Cung Tài Bạch hay Điền Trạch có Lộc Tồn thủ thì có vàng ngọc, nghĩa là giàu có.

Chú ý rằng Lộc Tồn tại Điền thì Mệnh sẽ có Tiểu Hao hoặc Đại Hao thủ:

Lộc Tồn thủ u Tài (Tài Bạch) Trạch (Điền Trạch), tích ngọc đôi kim (19)

Lộc Tồn thủ Điền Trạch cung, Đôi kim tích ngọc, phú ông ai bì (B181)

Cung Huynh Đệ có Lộc Tồn thủ gặp Triệt thì trường nam ly hượng. Chú ý Lộc Tồn tại cung Tí luôn bị Triệt:

Lộc Tồn ngộ Triệt cư Huynh Đệ, nam trưởng bốn ba ngoại xứ (20)

Cung Huynh Đệ có Lộc Tồn và Thái Âm hãm địa cư đồng cung thì có anh em cùng cha khác mẹ hay cùng mẹ khác cha

Thiên Lộc nhi ngộ Thái Âm ư nhân cung dị bào huynh đệ (22)

Phu Thê có Song Lộc thì vợ chồng đều thuộc gia đình giàu có:

Song Lộc hội cung Phu Thê,

Vợ chồng phối hợp vốn giòng giàu sang

Cung Thê có Thái Âm phùng Khúc Lộc Ân Mã Đồng thì lấy vợ giàu có. Thiết tưởng Thái Âm cần sáng sửa nghĩa là rơi vào trường hợp Thái Âm tại Thân, Dậu, Tuất, Tí

Vợ giàu của cải vô ngân, Thái Âm phùng Khúc Lộc Ân Mã Đồng (Thiên Đồng) (18)

Lộc Tồn tại Nô kiếm tiền khó khăn, xuôi ngược vất vả mới có:

Lộc cư Nô Bộc bực mình, Đông Tây xuôi ngược mới sinh tiền tài

Lộc Tồn (nhất là Lộc Mã) thích hợp cho cách Tử Phủ Vũ Tướng vì Lộc Tồn gặp Tử Phủ đồng cung hay hội chiếu đều rất tốt và gặp Vũ Khúc cũng rất hay. Lộc Tồn cũng hợp với Cơ, Đồng, Lương sáng sủa (như Đồng Lương Dân Thân, Cơ Âm tại Thân, Cơ Lương Thìn Tuất) và rất kỵ gặp Cự Môn. Theo VVT thì Lộc Tồn có Hóa Lộc ở tam hợp chiếu về Tử Vi là Song Lộc phụng nghinh cách, vua có tôi hiền và tại miếu địa triều Tử Vi là cách quân thần khánh hội

Bộ Lộc Mã gặp Tử Vi rất tốt đẹp, nhất là Tử Phủ Dân Thân gặp Lộc Mã: Lộc Tồn, Tử (Tử Vi) cùng Thiên Mã hội, Ngộ phi thường, mừng buổi phong lưu (QXT)

Lộc Mã được ngồi cùng Tử Phủ, Ở Dân Thân phúc hậu chung thân(AB)

Tử Vi Lộc Tồn đồng cung, có Tả Hữu chiếu thì quý hiển tốt bậc không thể dùng lời mà nói.

Tử Lộc (Tử Vi Lộc Tồn) đồng cung, Phụ Bát (Tả Hữu) chiếu, quý bất khả ngôn (23, TTL)

Mệnh hoặc Tài sáng sủa tốt đẹp có Tử Phủ chiếu hoặc Tử Phủ gặp Lộc thì cả đời phúc hậu và vinh hiển. Theo TVT thì gặp Hóa Lộc đồng cung nhưng câu phú này nên áp dụng cho Lộc Tồn thủ, Phủ Tướng chiếu:

Tử Phủ triều viên hoặc Lộc phùng, chung thân phúc hậu chí Tam Công (41)

Tài (cung Tài) Thiên Lộc (Lộc Tồn) ba phương Phủ, Tướng, Lại triều viên, cách vượng quan gia (B154)

Phúc hậu ấy Lộc Tồn tị thủ,

Được tam phương Tướng, Phủ càng vinh. (B101)

Hơn thì Tân, Ất, Giáp, Canh,

Mậu, Nhâm, Quý, Kỷ, Bính, Đinh, vừa vừa (Lộc Tồn thủ Mệnh thì phúc hậu, gặp thêm Tướng Phủ chiếu thì càng vinh hiển. Các tuổi Giáp Ất Canh Tân thì tốt nhất, các tuổi khác thì cũng khá) (B102)

Mệnh có Thiên Phủ gặp Xương Khúc Lộc Tồn thì rất giàu có

Thiên Phủ Xương Khúc, Lộc Tồn, cự vạn chi tứ (15, TTL)

Phủ, Tướng hoặc Lương gặp cát tinh Lộc Tồn Xương Khúc hoặc Lộc Tồn Tả Hữu hội hợp thì vinh hiển:

Quân thần khánh hội cách rất hay, Phủ Tướng Lương hợp cùng bộ cát tinh Lộc Tồn, Xương Khúc bên mình, Hoặc là Tả Hữu hiển vinh anh tài (AB)

Lưỡng Lộc Ngọ Dần nhi phùng Tử Vũ Âm Nam phú đa danh thọ (14)

Giải: TVT cho rằng Âm Nam Mệnh Tử Vi hay Vũ Khúc tại cung Ngọ hay Dần có Lộc Tồn và Hóa Lộc tọa thủ đồng cung hay xung chiếu thì giàu có, tiếng tăm và sống lâu, hưởng phúc thọ. Cần coi lại câu phú này vì khi là âm nam thì chỉ có tuổi Đinh Kỷ thì tại vị trí cung Ngọ mới có Lộc Tồn thủ còn Lộc Tồn cư Dần thì là tuổi Giáp nghĩa là tuổi Dương không thể áp dụng. Câu này nên được giải thích như sau: Âm Nam Mệnh Tử Vi tại cung Ngọ có Lộc Tồn thủ tại Ngọ và Hóa Lộc đóng tại Dần thì giàu có, tiếng tăm và sống lâu, hưởng phúc thọ. Chú ý tuổi Đinh Thiên Lương cư Ngọ có Lộc Tồn thủ, có Hóa Lộc đồng cung với Cơ Âm gặp Triệt, tuổi Kỷ Tử Vi cư Ngọ có Lộc Tồn tại Ngọ và Hóa Lộc đồng cung với Vũ Tướng tại Dần. Câu phú trên áp dụng cho tuổi Kỷ Mệnh tại Ngọ có Tử Vi

TTL cho rằng Nam nhân tuổi Đinh Kỷ Mệnh an tại Tí Ngọ có Hóa Lộc hay Lộc Tồn tọa thủ gặp Tử Vũ hội hợp thì hưởng phú quý và sống lâu. Nếu có một Lộc thủ, một chiếu thì thật là toàn mỹ

Lưỡng Lộc Ngọ Dần nhi phùng Tử Vũ, Đinh Kỷ Âm Nam phú đa danh thọ (TTL)

Mệnh Vũ Khúc tọa thủ có Lộc Mã hội hợp thì kiếm tiền dễ dàng ở nơi xa quê hương. TTL cho rằng Vũ cần đắc, vượng, miếu. Lộc ở đây là Lộc Tồn và chỉ có cung Dần Thân mới có cách Lộc Mã đồng cung hay xung chiếu mà thôi nên cách này chỉ có Vũ Tướng Dần Thân, Vũ Khúc Thìn Tuất mới có khả năng gặp Vũ Khúc Lộc Mã giao trì (Lộc Mã xung chiếu nhau), phát tài viễn bộ (viễn quận) (24, TTL)

Mệnh có Thái Âm hay Vũ Khúc (miếu vượng đắc) gặp Lộc Tồn đồng cung, Tả Hữu hội hợp thì giàu có
Thái Âm, Vũ Khúc, Lộc Tồn đồng (đồng cung), Tả Hữu tương phùng phú quý ông (giàu có) (11, TTL)

Theo VVT thì Thiên Tướng gặp Lộc Mã Bình Hình Ấn thì quý hiển, làm đến công hầu:

Tướng (Thiên Tướng) Ấn chính vị Công Hầu, Bình, Hình, Lộc, Mã hội châu
Mệnh viên (AB)

Dương Lương cư Mão gặp Xương Lộc hội thì quý hiển. Không rõ Lộc là Lộc Tồn hay Hóa Lộc nhưng thiết tưởng là Lộc Tồn hay Hóa Lộc đều tốt cả:

Thái Dương cư Mão, Lương Xương Lộc hội,
Tuổi Tuất Thìn cách tối vinh xương

Chính là Nhật xuất phù tang,
Giữ ngôi Tể Tướng quyền sang nhất triều (AB320)

Đồng Lương thủ đồng cung gặp Khôi Quyền Linh Kỵ Song Lộc kinh doanh rất giỏi, làm giàu dễ dàng. Chú ý chỉ có tuổi Đinh Đồng Lương cư Dần mới gặp Song Lộc Quyền Khoa và Khôi nhị hợp trong đó Đồng Lương Thiên Quan Quốc Ấn Hóa Quyền bị Triệt:

Đồng Lương viên ngộ Khôi Quyền tăng phùng Linh Kỵ giao lai Song Lộc doanh thương dị phát phú (19, TTL)

Mệnh, Tài Bạch có Cơ, Lương hội hợp cùng Lộc Mã thì rất giàu có. TVT cho rằng ở Điền cũng vậy:

Của cải ví Thạch Sùng kim cốc (có nhiều tài sản như Thạch Sùng), Ở Điền Tài Lộc Mã Cơ Lương (B111)

Cơ Lương Lộc Mã đồng cung, Phú kham địch quốc của dùng hết đâu

Cơ Lương phùng Lộc Mã, phú kham địch quốc (rất giàu có) (14)

Cự gặp Lộc Tồn đồng cung thì rất xấu, nếu ở cung Tử thì không có con nối dõi
Cự phùng Tồn tú (Cự gặp Lộc Tồn đồng cung) cát xứ toàn hung, ưu nhập Tử cung, vô nhi tòng lão (38)

Mệnh có Cự Nhật Dần Thân thì như mặt trời treo lơ lửng trên cao chiếu xuống rất tốt đẹp, nhưng nếu gặp Lộc Tồn đồng cung thì suốt đời chẳng được xứng ý toại lòng. Mệnh có Cự Nhật Dần Thân nếu gặp Quyền Phượng thì hưởng phu phụ song toàn

Chú ý rằng tuổi Giáp thì Cự Nhật tại Dần đồng cung với Lộc Tồn Hóa Kỵ nên không còn tốt đẹp, còn tuổi Canh thì Cự Nhật đồng cung với Lộc Tồn Hóa Lộc, chính Lộc Tồn Hóa Lộc đồng cung đã làm phá cách mặc dù tại đây có tam hóa liên châu

Cự Nhật Dần Thân, thiên môn nhật lãng, kỵ ngộ Lộc Tồn, ái giao Quyền Phượng (8, TTL)

Cự Nhật đồng thủ Dần Thân,

Ba đời vinh hiển cháu con sang giàu (HC 73)

Gặp Quyền Phượng thế hay rất hiếm,

Gặp Lộc Tồn lại kém lắm thay (HC 73)

TTL cho rằng Cự Cơ Mão Dậu gặp Lộc Tồn đồng cung thì ăn nói hồ đồ không thận trọng, và Mệnh có Cự Môn gặp Lộc Tồn thì cũng giải như trên

Cự, Cơ nhi ngộ Lộc tồn, ngũ bất chính ngôn (21, TTL)

Cự Môn tại Ty Hợi kỵ gặp Lộc Tồn đồng cung, nếu gặp Quyền Lộc thì có chí lớn nhưng không gặp thời, như dùng kiếm ném lên sao Ngưu, nên an phận thủ thường thì hơn. Chú ý câu này thì đúng với trường hợp tuổi Đinh Cự Môn tại Ty đồng cung với Lộc Tồn, Thiên Quan, Thiên Trù gặp Triệt, Hóa Lộc Việt Khôi Quyền Quốc Ấn chiếu, Cự Môn tại Hợi có Khôi thủ, Quyền Lộc Lưu Hà tam chiếu, Lộc Tồn, Thiên Quan, Thiên Trù đồng cung với Nhật gặp Triệt xung chiếu: Cự Môn Ty Hợi kỵ ngộ Lộc Tồn (đồng cung) nhi phùng Quyền Lộc kiếm sạ đầu ngưu (30)

Cự Môn Hợi Tí gặp Hóa Lộc Hóa Quyền thì quý hiển nhưng nếu gặp Lộc Tồn thì là người có chí lớn nhưng không gặp thời
Hợi Tí: Cự Lộc Quyền rất quý,
Gặp Lộc Tồn biến thể ra hư
Mang bao cao vọng mịt mờ,
Như theo mây ám như chờ bóng xa (HC)

Cung Phúc tại Hợi có Lộc Tồn, Cự Môn, Tham Liêm, Kiếp Mã Hình hội hợp với Tang Tuế Tả Khoa Ấn Lộc thì giàu có nhưng không có con nối dõi, lại là người khó lòng làm việc thiện. Nhưng nếu phúc VCD có Tam Không (Tuần Triệt án ngữ hay Thiên Địa Không hội hợp) không gặp bại tinh thì nên đi tu và là người hiền lành thì tốt và suốt đời được xứng ý toại lòng
Phúc cư Càn địa (tại Hợi) hiềm cư Tồn (Lộc Tồn) Cự (Cự Môn) Tham Liêm Kiếp Mã Hình giao lai Tang Tuế Tả Khoa Ấn Lộc vinh thân, vô tử, nan tác thiện lương, hạnh kiến Tam Không đồng tọa can ư bất kiến chính tinh (không có chính tinh tọa thủ), bại diệu dĩ thân thoát tục thiên nhân hạnh phát hỷ hài vĩnh cửu (23)

Mệnh có Phá Quân hay Tham Lang gặp Lộc Mã trai thì chơi bời hoang đàng, đàn bà thì dâm dật, nhưng lại kiếm tiền dễ dàng
Phá Quân, Tham Lang phùng Lộc Mã Nam đa lãng đãng Nữ đa dâm (19 TTL)

Nhật tại Ty cung, Nhật mỹ huy thiên (Nhật tại cung Ty thì rất sáng sủa tốt đẹp ví như mặt trời ở trên cao tỏa ánh sáng xuống), kiêm lai Lộc Mã Tràng (Tràng Sinh) Tồn (Lộc Tồn) Phụ Bát thể sự thanh bình vi đại phú (thời bình thì rất giàu có), nhược kiêm Tướng Ấn Bình Hình vô lai Tuần Triệt (không bị Tuần Triệt xâm phạm) loạn thể công thành (lập chiến công trong thời loạn) (39, TTL) (chú ý TTL không ghi Lộc, Tồn)

Giải: Nhật tại cung Ty thì rất sáng sủa tốt đẹp ví như mặt trời ở trên cao tỏa ánh sáng xuống, gặp được Lộc Mã Tráng Sinh, Lộc Tồn (chú ý TTL không đề cập đến Lộc Tồn), Tả Hữu thì rất giàu có trong thời bình, nếu gặp Tướng Ấn Bình Hình và không bị Tuần Triệt xâm phạm thì lập chiến công trong thời loạn

Nhật Mộc (Mộc Dục) Mã tại Ty cung,
 Trường Sinh Phụ Bát hợp cùng: phú vinh (HC 55)
 Bằng gặp Tướng Ấn: bình hùng,
 Phải thời loạn thế mới thành công to (HC)

Sát phùng Tồn, Tử giải qua,
 Một sao Kỵ đóng, ắt là tối tăm (QXT)
 Sát gặp Tồn, Tử đoán ra,
 Lại sao Kỵ đóng ắt là tối tăm

Lộc Tồn tại hạn:
 Lộc Tồn nhập hạn ca
 Lộc Tồn chủ hạn tối vi lương
 Tác sự cầu mưu, tận cát tường
 Sĩ lộc phùng chi, đa chuyển chức
 Thứ nhân ngộ thử định tiền lương (túc tiền lương, VTL)

Lộc tồn thủ hạn thọ diên trường,
 Tác sự doanh mưu, vạn sự xương
 Cánh hữu Khoa, Quyền kiêm Tả Hữu,
 Định tri thử hạn phú sùng sùng (hạn vinh hoa phú quý, VTL)

Lộc Tồn, Lộc chủ đa phú túc
 Hôn nhân giá thú thêm tự tục (thêm giòng giống) (sinh con đẻ cái, VTL)
 Cánh kiêm Khoa, Lộc hựu đồng cung
 Tất chủ vinh hoa hưởng hạnh phúc

Lộc Tồn giao trì hạn bộ phùng
 Tối phạm Kiếp, Không tương ngộ đồng
 Cánh kiêm Thái Tuế ác tinh xung
 Hạn đáo kỳ niên, nhập mộ trung (QXT) (Lộc Mã giao trì tại hạn tối kỵ Thiên
 Không Địa Kiếp và Thái Tuế xung dễ chết, VTL)

Vận năm Lộc Mã cùng lưu,
 Dương Đà Kỵ Nhật mắt đau khá phòng (Hạn gặp thì đề phòng đau mắt) (B110)

Các câu phú cần xét lại
 Lộc phùng xung Phá, cát dã thành hung (TTL)
 Mệnh có Lộc (Lộc Tồn), ngộ Phá Không, Cát vượng phản biến, vi hung tức thời(AB331)
 Giải: Lộc Tồn tọa thủ gặp Phá Quân xung chiếu nên mờ ám xấu xa. Có cách này thì tiền tài thiếu thốn, suốt đời phải lo lắng về sinh kế và hay mắc tai họa. Chú ý Mệnh có Thiên Tướng thì có Phá Quân xung chiếu. Như vậy thì Thiên tướng đồng cung với Lộc Tồn thì xấu. Câu phú này cần xét lại, có lẽ câu phú này là: Lộc phùng xung phá, cát dã thành hung nghĩa là Lộc Tồn gặp các sao xấu như Không Kiếp phá hoại thì trở thành xấu xa

Mệnh phùng Lộc, cư Không Thân xứ, mẫn kiếp tao phùng thiếu khiếm (21)
 Giải: TVT giải rằng Mệnh có Lộc Tồn tọa thủ, cung Thân có Thiên không hoặc Địa Không tọa thủ tất đời chỉ phong lưu hoặc đủ ăn chứ không thể giàu có được. Cần coi lại câu phú này

Thiên Di Cơ Mã cùng ngồi,
 Đông trì Tây vụ pha phối côi ngoài
 Thiên Di bày Mã, Bình ngồi,
 Đông trì Tây vụ pha phối côi ngoài (QXT)
 Thiên Di Lộc Mã cùng ngồi,
 Đông trì Tây vụ pha phối quê người (VT)

Tử Lộc đồng cung, Nhật Nguyệt chiếu, quý bất khả ngôn (24)
 Giải: cần xét lại câu phú này, câu này không có nghĩa bởi vì Tử Vi không bao giờ có Nhật Nguyệt chiếu. Nếu hiểu rằng Tử Vi gặp Lộc Tồn đồng cung hoặc một cung có Nhật Nguyệt chiếu thì quý hiển cũng không ổn vì không đề cập đến đặc hãm của Nhật Nguyệt

Hao gặp Hóa Lộc thì không tốt. Lộc đây phải hiểu là Hóa Lộc vì Lộc Tồn không bao giờ tam hợp xung chiếu với Lộc Tồn:
 Hao cư Lộc vị vô duyên,
 Tham cư vượng địa chuột miền Đông Sơn (B181)

Sửu Mùi Nhật Nguyệt Lộc Khoa,
Mệnh Quan phương bá (làm bá chủ một cõi) thực là vẻ vang (B156)
Lộc tại đây nên hiểu là Hóa Lộc

Thái Âm hội Tả Hữu, Lộc Tồn, Vũ Khúc,
Cách riêng cho những bậc phú ông (AB)

Vũ, Cơ, Lộc, Mã, Long, Loan,
Trai ban binh tước, gái bàn thư cửu (Hạn gặp, con trai thì có công danh, gái thì có người đến hỏi cưới)

Vũ, Cơ, Lộc, Mã, Hỉ, Hồng,
Hôn nhân vận ấy đèo bông thất gia

Vũ Cô Lộc Mã Quả (Quả Tú) Loan (Hồng Loan), hôn nhân thưở ấy mới tròn thất gia
Giải: hạn có Vũ Khúc Lộc Mã Hồng Cô Quả thì lập gia đình

Lộc Tồn thủ Mệnh mặc phùng xung,
Đà Hỏa giao gia phúc bất toàn
Thiên Cơ, Kiếp, Không, Ky tương hội,
Không môn tăng đạo đắc thanh nhân (VTL)
Chú ý câu phú trên nói Lộc Tồn gặp Đà La thì không bao giờ có được

Lộc Cơ lạnh lợi, tài cao (lạnh lợi và có tài năng)
Dễ lành dễ dữ (khi thì hiền lành, khi thì dữ dằn) Tham vào Mã viên (Tham Lang ở cung Ngọ) (B153)
Không rõ là Lộc Tồn hay Hóa Lộc

Tả Phụ và Hữu Bật

Tả Phụ là Bắc Đẩu Tinh Dương Thổ đối Kim

Hữu Bật là Nam Đẩu Tinh Âm Thổ (AB) hoặc Bắc Đẩu Tinh Dương Thủy đối Thổ (Thái Thứ Lang, Nguyễn Mạnh Bảo). Theo thiên ý thì là Bắc Đẩu Tinh Dương Thủy đối Thổ

Đây là hai trợ tinh, phù tinh, chủ quyền lệnh, chuyên phụ tá giúp đỡ

Miếu địa tại Thìn Tuất (xung chiếu lẫn nhau), vượng địa tại Sửu Mùi (đồng cung), tại hai vị trí này ảnh hưởng của Tả Hữu mạnh rất nhiều

Về biểu tượng thân thể thì Tả Hữu là hai vai trái và phải (DL) nhưng có người cho Tả Hữu là lông mày.

Về ý nghĩa thì Tả có nghĩa là bên trái, Phụ có nghĩa là giúp đỡ, phò tá. Tả Phụ được coi thuộc hàng văn. Hữu có nghĩa là bên phải, giúp đỡ. Trong chữ Bật thì có bộ cung tên nên Hữu Bật được coi là thuộc hàng võ

Qui luật của Tả Hữu là cát phù, hung diệt nghĩa là gặp tốt thì gia tăng thêm tốt, gặp xấu thì tuy vẫn có cái tốt nhưng ẩn tàng điều xấu, dễ tăng thêm xấu khi bị phản phé. Điều này cũng được áp dụng cho cách giáp Tả giáp Hữu. Vì là sao phù trợ nên Tả Hữu cần đồng cung với chính tinh, nhất là cách giáp Tả giáp Hữu rất cần có chính tinh tốt đẹp để điều động Tả Hữu. Chính tinh sáng sủa tốt đẹp (ví dụ Tử Vi, Thiên Tướng) thì điều động Tả Hữu làm những chuyện tốt đẹp, kết hợp với các sao tốt đẹp khác làm tăng tốt và chống đỡ lại các hung tinh xâm nhập quấy phá nếu có. Chính tinh lạc hãm xấu xa, ví dụ Liêm Trinh hãm địa, thì lại điều động Tả Hữu kết bè với các hung tinh xâm nhập nếu có, do đó dễ mang họa tới (Chú ý Thiên Tướng dù hãm hay không cũng điều khiển Hữu Bật gây nên điều tốt). Như vậy khi xét cung có Tả Hữu thì nên xét cung đó, xét chính tinh đồng cung, cân nhắc lợi hại giữa xấu và tốt để xác định cung đó xấu hay tốt rồi quyết định Tả Hữu giúp bên nào. Để điều động Tả Hữu có hiệu lực tối đa thì vô tình điều khiển (đồng cung với) Hữu Bật, văn tinh điều khiển Tả Phù (ví dụ Tử Vi đi với Tả Phù, Thiên Tướng đồng cung Hữu Bật rất tốt vì cùng phe và cùng hành). Khi không có chính tinh thủ thì bộ trung tinh Văn Xương đắc địa hoặc Khôi Việt có thể tạm điều khiển Tả Phù đưa đến điều tốt lành, còn kỳ dư thì Tả Hữu dễ kết bè kết phái với các sao khác, tùy theo hung sát tinh đắc hãm mà tung hoành. Một số người cho rằng Tả Hữu khi miếu vượng (tại Thìn Tuất Sửu Mùi) thì gặp hung thì không hung, nghĩa là không hòa theo hung tinh nhưng gặp cát thì làm tăng cát. Có người cho rằng giáp Tả giáp Hữu tốt nhất, còn Tả và Hữu cùng chiếu về một cung gọi là Tả Hữu xung đột thời xấu

Về cách an sao thì Tả Phụ và Thiên Giải luôn luôn tam hợp chiếu với nhau nên có thể nói Tả Phù hay hơn Hữu Bật khi ở Thìn Tuất hoặc khi Tả Phù đứng không

thành bộ với Hữu Bát. Còn khi cả hai sao đồng cung hoặc tam chiếu với nhau thì luôn luôn có mặt của Thiên Giải. Nếu Thiên Giải đồng cung với Hữu Bát thì trong trường hợp này ta có thể nói Hữu Bát hay hơn Tả Phù vì Thiên Giải là một sao giải họa rất mạnh trong tử vi khi nó thủ trong cung đó

Khi có Tả Hữu thủ chiếu (xung chiếu hay tam hợp chiếu) thì không bao giờ bị bộ Hình Riêu xâm nhập. Trong trường hợp này ta cần xem có Thiên Giải xuất hiện hay không, nếu có Thiên Giải thì rất tốt, giảm họa rất nhiều (bộ Tả Hữu Thiên Giải), đặc biệt tại cung Thiên Giải đóng

Khi không có Tả Hữu thủ chiếu thì coi xem có được hưởng cách giáp hay không. Giáp Tả giáp Hữu chỉ có được tại hai cung Sửu Mùi cho các người sinh tháng 3, 5, 9, và 11. Trường hợp giáp Tả giáp Hữu thì sinh tháng 3 và tháng 9 luôn luôn có bộ Hình Riêu tam hợp (Hình luôn luôn hãm địa) trong khi tháng 5 và tháng 11 không bị Hình Riêu xâm phạm lại có Địa Giải tam hợp thành ra tốt hơn. Chính vì vậy một số người cho rằng khi có cách giáp Tả Hữu thì phải để ý xem Tả Hữu có nằm đúng phương vị hay không, Tả phải nằm bên trái, Hữu phải nằm bên phải, nghĩa là theo chiều thuận thì phải gặp Hữu trước, rồi Tả sau. Cách giáp Tả giáp Hữu mà gặp Hình Riêu lại có thêm Không Kiếp thủ chiếu cả bộ thì mới đáng lo vì Không Kiếp hãm địa đủ bộ, trường hợp này cần có sao cứu giải. Còn nếu không gặp Không Kiếp thủ mà chỉ gặp Không Kiếp chiếu thì cũng đỡ lo ngại vì trong trường hợp này hoặc chỉ bị một sao Không hay Kiếp xung chiếu, nếu gặp hai sao Không Kiếp chiếu thì lại là trường hợp cả bộ Không Kiếp đắc địa tam hợp chiếu. Đối với hung sát tinh như Không Kiếp Kinh Đà Hỏa Linh Hình Riêu thì theo kinh nghiệm một sao thủ tại cung có sức mạnh hơn cả hai sao cùng chiếu hoặc cùng giáp. Khi có cách giáp Tả Hữu thì cần coi kỹ cung nhị hợp tại Tí hay Ngọ rất quan trọng

Mệnh có Tả Hữu thì:

Hiền lành, đôn hậu, có từ tâm, nhất là thủ tại Mệnh phụ nữ

Có tính giúp người, hay giúp người và do đó thường được người giúp lại. Đặc tính này càng nổi bật khi đi với các phúc thiện tinh khác như là Thiên Lương, Thiên Quan, Thiên Phúc... chủ sự giúp đỡ vô vụ lợi

Có nhiều bè bạn, dễ kết bạn, có bè phái, vây cánh, người giúp đỡ, người ủng hộ
Có tài năng

Không hay lo nghĩ, giảm thiểu lo lắng đơn côi khi gặp bại tinh như Khốc Hư Tang Hổ Cô Quả...

Có người cho rằng Tả Hữu thì có mưu trí

Tính tình khắc khoan khắc đĩnh, không gấp gáp, không làm vội, đặc biệt khi miếu vượng

Không gặp hung sát tinh hãm đồng cung thì là người nhân hậu, từ thiện, độ lượng,

khoan hòa

Gặp hung sát phụ tinh đồng cung, đặc biệt Không Kiếp đồng cung, thì cũng còn bản chất nhân hậu, từ thiện nhưng tính tình nóng nảy, làm gì cũng gấp gáp, dễ dính vào chuyện đấu đá tranh dành, dễ phải đối phó với kẻ thù trong sự phân chia phe phái hai bên. Bản thân cũng hay kết bè kết đảng khi tranh chấp

Thông thường dễ ly hương, hoặc ít nhất trong đời cũng đã xa quê hương, xa nhà một giai đoạn nào đó. Khi Tả hoặc Hữu đóng tại Di thì cũng có nghĩa này

Nguyễn Phát Lộc ghi rằng cách giáp Tả giáp Hữu đối với nữ Mệnh thì trừ khi cung Mệnh tốt, thường có nghĩa xấu là khắc chồng con, bất chính. Xét kỹ ra chẳng qua là có trường hợp bị Hình Riêu xâm phạm như đã nói bên trên. Quan điểm này cần xét lại

Nữ Mệnh có Hữu Bát thủ thì dễ là vợ thứ nhưng bản tính rất hiền lành nhân hậu. Cung Phu có Tả Hữu một thủ một chiếu là cách dễ có hai đời chồng, nếu có Hữu Bát thủ thì dễ là vợ thứ, vợ bé hoặc chồng là người có hai đời vợ. Nếu cả hai chỉ chiếu thì nghĩa đó giảm đi. Nếu lập gia đình trễ thì cũng đỡ lo về hai đời chồng Tả Hữu gặp Cô Quả thì tuy có nhiều bạn bè, quan hệ rộng rãi nhưng ít có bạn thân.

Mệnh Tả Hữu mà Nô sáng sủa có Cô Quả thì có nhiều bạn thân hoặc cộng sự cũng không bền, cuối cùng cũng ở xa cách nhau, thông thường do chính bản thân ly hương lập nghiệp.

Các đặc tính của Tả Hữu cần phải gia giảm theo ý nghĩa của chính tinh đồng thủ Nói chung thì ta có thể nói Tả Hữu là bộ sao có tác dụng tăng cường độ, đặc biệt tại Thìn Tuất Sửu Mùi thì càng mạnh mẽ. Không có sát tinh hãm địa xâm nhập như Không, Kiếp, Kinh, Đà hãm thì nếu Tả Hữu gặp tại Quan Lộc thì gia tăng cộng sự, tăng quyền hành, tại cung Tài Bạch thì tăng tiền tài, được giúp đỡ về tiền bạc, tại Thiên Di thì đi lại nhiều hoặc ly hương, ra ngoài được người giúp, tại Tử Túc thì gia tăng số con, đôi khi là do có nhiều vợ hoặc có con với nhân tình, tại Nô Bộc thì tăng thêm bạn bè, người giúp việc, hay được nhiều người giúp đỡ, quan hệ rộng. Tại Huynh Đệ thì tăng số lượng anh em hoặc anh em giúp đỡ nhau, tại Phu Thê thì tăng số lần lập gia đình nghĩa là hai đời hoặc lấy nhau dễ dàng không dám cưới, tại Phụ Mẫu thì được cha mẹ giúp đỡ, cha mẹ song toàn, tại Phúc thì tăng phúc thọ, mồ mả kết phát, tại Điền thì làm vượng điền sản, tại Tật Ách khi đau ốm thì được quý nhân giúp đỡ, gặp lương y. Do đó hầu như Tả Hữu đóng tại Mệnh Thân Quan Tài thì thích hợp nhất

Nếu gặp Tài Tinh như Hóa Lộc, Lộc Tồn, Vũ, Phù thì tăng tiền của, được giúp đỡ về tiền bạc, gặp Đào Hồng thì đắc đào đắc kép nhiều mối lái, hoặc tăng phần may mắn, thường được người khác phái giúp. Gặp Thiên Mã hoặc Song Hào thì gia tăng sự thay đổi, gặp Khôi Việt, Xương Khúc, Hóa Quyền, Hóa Khoa... thì tăng

quyền hành chức tước uy quyền gặp Quan Phúc thì tăng phúc thọ ... Tả Hữu gặp hung sát tinh hãm địa tụ tập thì gia tăng sự hung hiểm, cũng có các đặc tính trên nhưng không bền, dễ gặp tai họa do các hung tinh phối hợp cùng Tả Hữu gây ra khi lâm vào đại hạn xấu, nhất là đi với hung chính tinh hãm địa điều động Tả Hữu. Việc tăng cường độ phụ trợ của Tả Hữu sẽ mạnh mẽ khi đồng cung với sao đó và nếu có đủ cả bộ càng tốt, thêm miếu vượng thì rất hay

Bộ Tả Hữu rất thích hợp cho mọi cách, mọi cách đều cần, đặc biệt là bộ Tử Phủ Vũ Tướng cách vì Tả Hữu phò trợ cho Tử Vi hữu hiệu nhất, Tử Vi thiếu Tả Hữu thủ, chiếu hay giáp thì ví như cô quân, gặp Tử Vi thì tăng tốt nhiều, tăng quyền hành tiền tài. Bộ Tả Hữu, nhất là Hữu Bát gặp Nhật Nguyệt cũng rất hay, có lợi cho công danh. Tả Phủ đồng cung với Thiên Phủ, Hữu Bát gặp Thiên Tướng cũng rất tốt. Liêm Trinh hãm địa đi với Kinh hãm hoặc Thiên Hình hãm mà gặp Tả Hữu thì không tốt, dễ bị hình phạt hoặc tù tội.

Tam Thai và Bát Tọa

Ý nghĩa

Thai có nghĩa là sao Tam Thai. Sách thiên văn nói sao ấy như ngôi Tam công, cho nên trong thư từ tôn ai cũng gọi là thai, ví dụ như gọi quan trên là hiền thai, gọi quan phủ huyện là phụ thai. Theo Việt Viêm Tử thì Tam Thai là Thượng Thai, Trung Thai và Hạ Thai, chỉ về ba cấp là Thái Úy, Trung Tư Đồ và Hạ Tư Không

Đặc điểm về vị trí

Tam Thai và Bát Tọa được an căn cứ vào Tả Hữu, sự phối hợp có đặc điểm giống như Long Phụng, Tả Hữu, Xương Khúc, Quang Quý, nghĩa là xung chiếu nhau ở Thìn Tuất, đồng cung ở Sửu Mùi, tam hợp tại Mão Hợi, Tỵ Dậu, đơn thủ tại Tí Ngọ Dần Thân và chỉ có cung Sửu Mùi mới có cách giáp Thai giáp Tọa. Khi ở Âm cung thì dễ có đủ bộ hơn là khi ở Dương cung (ở Âm cung thì hoặc đồng cung hoặc tam hợp chiếu, ở Dương cung thì hoặc xung chiếu hoặc đưa đến cách giáp biên tại cung Sửu Mùi)

Ngũ hành

Tam Thai hành Thủy (VVT cho rằng hành Thổ), Bát Tọa hành Mộc (VVT cho là hành Thổ)

Đắc hãm

Miếu địa ở Thìn Tuất Sửu Mùi. Vị trí miếu địa của Thai Tọa cũng giống như Tả Hữu. Tại vị trí miếu địa ảnh hưởng của Thai Tọa gia tăng lên rất nhiều

Biểu tượng

Tam Thai tượng là nhà cửa gia ốc. Bát Tọa tượng là cửa ngõ, môn hộ, và là xe của vị quan đứng đầu lục tào ngồi để phân phát hiệu lệnh, bây giờ có thể coi tương đương tượng là xe hơi. Ở thân thể Tam Thai tượng trán, Bát Tọa tượng cằm. Cư Mệnh thì là người có trán vuông, bích lập như bức tường dựng (nếu có Tam Thai), và cằm nở nang (nếu có Bát Tọa)

Thai Tọa kết hợp với các phụ tinh

Thai Tọa ví như các phủ sở nên rất hợp với bộ Thai Cáo. Phú có câu

Thai Tọa Phong Cáo hiển âm thừa quang

(Thai Tọa Phong Cáo tọa thủ đồng cung thì hưởng phúc đức của tổ phụ, ông cha)

Thai Phụ, Xương, Tọa vinh phong (vinh hiển, được phong tặng)

Danh lừng phiên trấn (nổi tiếng) Mộ phùng Hỏa Tham (B156)

Thai Tọa kết hợp với Hồng Loan cũng rất tốt đẹp, có lợi cho công danh, nghề nghiệp vì đem đến sự hanh thông, may mắn. Ý nghĩa này chỉ nổi bật khi đi cùng với các sao chỉ về công danh quyền hành. Phú có câu:

Thân hữu Hồng Đào kiêm Thai Tọa nhi công danh khả tất
(Thân có Hồng Đào gặp Thai Tọa thì có công danh, một số người cho rằng muộn màng mới có)

Mấy người ít tuổi (niên thiếu) công danh, Hồng Loan, Bát Tọa ở mình chẳng sai
Người tuổi trẻ công danh đầy tá, tọa Mệnh Quan Hồng, Tọa chẳng sai
Những người niên thiếu danh ghi, Hồng Loan Bát Tọa ở vì Mệnh cung
(Mệnh hay Quan có Hồng Loan, Bát Tọa thì tuổi trẻ đã có công danh)

Hồng Loan, Tam Thai, Long Đức đồng cung thì có khả năng chế hóa được cách đa phu tại cung Mệnh do Hồng Loan gây ra

Hồng Loan, Bát Tọa, Nguyệt Đức thì có chế hóa đôi chút về cách đa phu, ví dụ như là tuy đời trước có nhưng ăn ở với nhau một thời gian ngắn chưa có con cái thì chia tay và sau đó lập gia đình lần thứ hai

Tam Thai đồng cung với Thiên Mã thì là anh hùng không có đối thủ, vô địch, hàm ý nói sẽ nổi bật xuất chúng về một mặt nào đó. Chú ý rằng Thiên Mã tại Ty Hợi thì mới có đủ bộ Thai Tọa thành ra mạnh mẽ hơn tại Dần Thân chỉ có một sao Tam Thai mà thôi. Trong trường hợp này thì cần phối hợp với các sao tốt đẹp khác thì ý nghĩa trên mới mạnh được. Phú có câu:

Thiên Mã ngộ Tam Thai anh hùng vô đối

Thai Tọa hội với Bình Tướng thì thường thiên về võ nghiệp, có lợi cho võ nghiệp xuất phát từ hành động mưu trí

Thai Tọa gặp Tả Hữu thì gia tăng tính chất phụ trợ của Tả Hữu, kẻ ra vào uy nghi, kẻ hầu hạ giúp đỡ

Thai Tọa gặp Tuần hay Triệt thì kém tốt (có người cho rằng công danh trắc trở, trực trắc về học hành)

Bát Tọa gặp Thái Dương rất thích hợp, có lợi cho công danh. Phú có câu:

Bát Tọa hướng Dương thị tụng ư cung cấm (3, B81)

(Mệnh có Thái Dương gặp Bát Tọa tọa thủ đồng cung được khen ngợi nơi cung

cầm)

Thai Tọa có đặc tính làm giảm bớt nguy hại, tai họa (nhưng không hết hẳn) do các hung sát tinh như Không Kiếp, Kinh Đà, Hỏa Linh hoặc Hình Riêu gây ra, nếu kết hợp với Quang Quý thì càng tăng thêm sức mạnh cứu giải, ảnh hưởng của Không Kiếp không đáng kể. Thai Tọa có khả năng làm giảm bớt sự xung khắc, buồn phiền, lo lắng trong cuộc sống thành ra có khả năng làm giảm tác hại do các sao Tang Hổ, Khốc Hư, Hóa Ky... gây ra

Chú ý rằng Thai Tọa là bộ sao trợ tinh, phù tá tinh nên ảnh hưởng tốt xấu cần xem xét thận trọng trong bối cảnh phối hợp với các sao khác, tùy theo các sao hội hợp mà luận đoán là có lợi cho mặt nào. Khi đi với chính tinh và trung tinh tốt đẹp chủ về quyền lộc như Khoa Quyền Lộc thì gia tăng sự hiển đạt, phú quý. Thai Tọa là đài cát tinh, chủ cát lợi, thanh nhàn, sang trọng, khoan thai, bệ vệ. Thủ Mệnh thì đàn ông bệ vệ, đàn bà thì là mệnh phụ phu nhân, đi đứng khoan thai. Thông thường người không gầy không mập, lưng cánh phản, móng dít đầy đặn nảy nở tròn trịa, nhất là khi đắc địa. Hai sao này đem lại sự may mắn, cát lợi, thanh nhàn, giảm bớt phiền muộn, lo âu, xung khắc trong cuộc sống, làm cho nhà đất tiền của được thêm đẹp đẽ, do đó thủ tại Mệnh Thân Tài Điền Quan Phúc rất tốt.

Thai Tọa thủ Mệnh thì:

Bệ vệ, khoan thai

Mưu trí, khôn ngoan

Phúc hậu, thiện lương, thanh quý

Khoan hòa. Thường không hay cạnh tranh, ganh đua với người, không phản ứng gay gắt trong sự tranh chấp (trừ khi có Phục Binh đồng cung)

Lười biếng, thiếu năng động, không ham làm giàu

Thích an nhàn, sống ung dung, an phận, hưởng thụ, không hay lo, chuyện đến đâu hay đến đấy, có quan niệm trời sinh voi sinh cỏ

Giảm thiểu sự hình khắc, lo âu, phiền muộn trong cuộc sống, gia tăng sự thanh tịnh trong tâm hồn trước sự biến động của ngoại cảnh

Có khả năng gia tăng sự vinh hiển, tài lộc khi phối hợp với các sao có ý nghĩa này (như Khoa Quyền Lộc)

Thai Tọa đồng cung tại Sửu Mùi hay xung chiếu nhau tại Thìn Tuất thì uy lực trở nên càng mạnh mẽ, rất tốt đẹp, thủ tại Mệnh hay Thân thì gia tăng mưu trí, là người có nhiều mưu lược, văn và võ song toàn khi đi với nhiều sao tốt. Có quan điểm cho rằng nếu đồng cung với sao Mộ thì càng tốt đẹp và có người cho rằng Thai Tọa đồng cung rất có lợi cho võ cách, ở lá số tốt thì là vị tướng tung hoành

ngang dọc. Phú có câu:

Số Bát Tọa, hai anh Phụ Bát,

Chốn Sửu Mùi Thìn Tuất đồng viên (đồng thủ)

Tể Thân (làm đến Tể Tướng) số Lộc Khoa Quyền,

Hoặc tam chính chiếu (ba nơi chiếu) hoặc liền một nơi (liên châu)

hoặc:

Mộ chung (trung) Thai Tọa, văn mô vũ lược kim ưu

(Mệnh có sao Mộ tọa thủ hoặc Mệnh tại Tứ Mộ gặp Thai Tọa đồng cung thì văn võ song toàn)

Thai Mệnh đa học thiếu thành (học nhiều nhưng không thành công),

Mộ gặp Thai Tọa hiển danh anh tài (Sao Mộ tại Tứ Mộ lại gặp Tam Thai Bát Tọa)

Mộ Thai Tọa võ văn xuất chúng (Thai Tọa tại Tứ Mộ cung thì văn võ toàn tài)

Ngọ (cung Ngọ) Khoa Quyền nhậm trọng phiên hàn

Cách giáp Thai Tọa rất tốt đẹp, không kém gì trường hợp đồng cung hay xung chiếu lẫn nhau. Phải chăng các sao đôi an xuất phát từ cung Thổ thì vị ví tốt đẹp được nhận hưởng là tại Thổ cung? Cách giáp tại vị trí Sửu Mùi này đưa đến hanh thông, giảm thiểu sự xấu xa cho chính cung. Nếu cung chính gặp nhiều sao tốt thì công danh được thuận lợi, tuổi trẻ đã đặc ý công thành danh toại, có uy quyền đài các, được thanh nhàn. Thai Tọa đứng một mình không phối hợp được với văn võ tinh sáng sủa hoặc đi với sát tinh lạc hãm thì công danh cũng không có là bao.

Phú có câu:

Giáp Bát Tọa giáp Tam Thai, thiếu niên sớm dự các đài (lâu đài) nghênh ngang (hiên ngang)

Giáp Thai giáp Tọa danh phận tao vinh

Giáp Thai Tọa tiếng người tuổi trẻ, miền các đài rạng vẻ y quan

Giáp Long giáp Phượng đôi nơi, Tả Hữu Thai Tọa lâu đài thiếu niên

(Mệnh giáp Tam Thai giáp Bát Tọa thì nhỏ tuổi đã có công danh, đã thi đỗ cao, đã làm quan. Tuy câu phú này nói như vậy nhưng cần phối hợp với các sao khác về công danh thì mới có ý nghĩa như đã nêu)

Chú ý Mệnh Bát Tọa thủ, Thân Tam Thai thủ hoặc ngược lại cũng có ý nghĩa như Mệnh hay Thân gặp bộ Thai Tọa

Theo VVT thì Thai Tọa lạc hãm chủ sự cô đơn, điều này cần xét lại.

Thai Tọa tại vị trí 12 cung

Phụ Mẫu:

Cha mẹ bệ vệ, khoan thai, hiền lương, thụ động, không thích cạnh tranh với người
 Không phải lo lắng về cha mẹ, cha mẹ không phải là gánh nặng cho bản thân
 Giảm bớt sự xung khắc

Phúc

Gia tăng phúc thọ, thanh nhàn, giảm thiểu tai họa, bệnh tật, xung khắc nhất là khi đắc địa

Điền

Làm cho nhà đất thêm tốt đẹp, nếu cung Điền có cát tinh miếu vượng hay Khoa Quyền Lộc thì nhà cửa to tát đẹp đẽ, nhiều ruộng đất
 Gặp may mắn về điền sản, điền sản đến dễ dàng không phải vất vả mệt nhọc (ví dụ như chồng hay vợ tạo sản)
 Có điền sản, tiền bạc (nếu điền tương đối sáng sủa)
 Không hay lo âu về vấn đề tạo sản dù ít điền sản, thường được ở nhà cửa tốt đẹp, nhất là khi Thai Tọa đồng cung
 Không phải lo lắng về nơi ăn chỗ ở cho dù nghèo
 Tam Thai Thiên Mã đồng cung: có khả năng tạo sản bất ngờ nhanh chóng
 Thai, Tọa, Long Phụng: làm cho nhà đất thêm tốt đẹp, có nhà cửa lớn
 Thai, Tọa, Đường Phù: nhà cửa ngày càng đẹp đẽ

Quan Lộc

Gặp may mắn trong nghề nghiệp (như được người giúp đỡ kiếm việc), không phải cạnh tranh gay gắt, trong nghề nghiệp có uy tín, nhất là khi đồng cung với Đào hay Hồng thì càng gặp may mắn, hanh thông về nghề nghiệp. Một số người cho rằng tuổi trẻ đã ra làm quan, sớm làm nên nhưng thật tế cần phải kết hợp với chính tinh hoặc trung tinh sáng sủa mới được
 Bát Tọa Thiên Mã đồng cung thì về nghề nghiệp rất hanh thông, trong cạnh tranh nhất là thương trường thì rất có uy thế, khó ai bì được nhưng cần phải đi với chính tinh hoặc trung tinh tốt đẹp
 Thai Tọa đồng cung gặp Tuần hay Triệt thì tuy có hanh thông nhưng nghề nghiệp vẫn không bền
 Thai, Tọa, Mộ (Mộ trung Thai Tọa) tại Quan hay mệnh chủ quý hiển, làm nên nhất là tại Tứ Mộ nếu cung Quan sáng sủa
 Giáp Thai giáp Tọa cũng rất tốt như tọa thủ nhưng cần có chính cung sáng sủa thì hiệu lực mới mạnh
 Bát Tọa, Thái Tuế, Đào Hoa: sớm làm nên khi cung Quan sáng sủa

Nô

Đôi xử với bạn bè chân thành, không ghen ghét hơn thua với bạn bè
Không phải lo lắng vì bạn bè, người dưới quyền hoặc tôi tớ làm phản. Gặp Không Kiếp đồng cung cũng đỡ lo về sự tác họa của Không Kiếp
Giảm bớt sự xung khắc với bạn bè tôi tớ

Phu Thê

Vợ hay chồng hiền lương, thụ động, thích an nhàn, không hay cạnh tranh với đời
Lập gia đình dễ dàng, thuận lợi, có khả năng chế hóa được cách đa phu do Tả Hữu gây ra khi thủ đồng cung với Tả Hữu nhưng khó chế hóa được cách đa phu thê do Đào Hồng tại Mệnh Thân
Giảm bớt sự xung khắc, đau buồn trong cuộc sống chồng vợ

Thiên Di

Ra ngoài hanh thông, không phải cạnh tranh gay gắt, cho dù trong môi trường cạnh tranh gay gắt cũng được hanh thông nhàn nhã, nhất là khi đồng cung với Đào Hồng hay Long Phụng

Tật Ách

Giảm thiểu ưu phiền về bệnh tật, tai họa, ví dụ như bệnh nặng trở thành nhẹ, họa lớn trở thành họa nhỏ, nhất là khi Thai Tọa đồng cung thì hiệu lực càng mạnh mẽ

Tài

Gặp may mắn về tiền bạc, không phải cạnh tranh khi kiếm tiền
Có tiền bạc, sung túc
Không phải lo âu về tiền bạc (vì được người khác giúp đỡ như chồng vợ, cha mẹ, con cái, anh em về tiền bạc), nhất là khi Thai Tọa đồng cung

Tử Túc

Nuôi con dễ dàng, không phải lo lắng về con cái, con cái không là gánh nặng cho cha mẹ
Bản thân có tính ít lo lắng về con cái, hoặc không phải lo lắng cho con cái vì con rất ngoan, hiền lương, rất dễ dạy, nhất là khi đồng cung với Ân Quang hoặc Thiên Quý thì có đồng cung với Không Kiếp cũng không phải lo lắng về con hư, khó dạy.
Gặp Không Kiếp đồng cung cũng không phải lo lắng về con cái, đặc biệt nếu cung Tử Túc có Thiên Tướng tọa thủ thì lại càng không phải lo
Gặp nhiều cát tinh thì con thành danh. Phú có câu:

Tam Thai thấy cùng triều cát diệu, thời một phen dưỡng dục thành nhân
(Cung Tử Tức có Tam Thai gặp cát diệu thì nuôi con thành người, con tài giỏi, thành danh)

Phu Thê
Chồng hay vợ hiền lương
Vợ hay chồng không là gánh nặng cho bản thân
Giảm thiểu hình khắc trong cuộc sống chồng vợ

Huynh Đệ
Anh chị em hiền lương
Không phải lo lắng cho anh chị em, anh chị em không là gánh nặng cho bản thân
Giảm thiểu hình khắc với anh em

Hạn
Giảm thiểu tai họa, hình khắc, gia tăng phúc thọ, tài lộc tùy theo sự phối hợp với
các sao và vị trí đặc hãm

Thai Phụ và Phong Cáo

Ngũ Hành

Thai Phụ thuộc Kim đối Thổ (VVT cho rằng hành Thổ)

Phong Cáo thuộc Thổ đối Thủy (VVT cho rằng hành Thổ)

Đặc điểm về vị trí và cách an sao

Hai sao này luôn luôn tam hợp chiếu với nhau nên luôn luôn có đủ bộ ngoại trừ có Thai Phụ hay Phong Cáo xung chiếu thì mới có một sao. Thai Cáo không bao giờ tam hợp xung chiếu hay tọa thủ đồng cung với Không Kiếp hay Văn Khúc. Tại hai tam hợp Dương là Thân Tí Thìn và Dần Ngọ Tuất thì luôn luôn có mặt của Văn Xương (bộ Thai Cáo Văn Xương)

Một cung khi có Thai Phụ, Phong Cáo thủ chiếu thì không bao giờ bị Không Kiếp xâm phạm, và nếu có Thai Phụ, Phong Cáo thủ thì dễ gặp Văn Xương thủ chiếu và không bao giờ gặp Văn Khúc (Văn Xương thủ tại Dương cung luôn luôn có bộ Thai Cáo trong khi Văn Khúc không bao giờ gặp Thai Cáo thủ chiếu). Như vậy chúng ta thấy rằng sự xuất hiện của bộ Thai Cáo tại bất cứ cung nào cũng làm cho các cung tam hợp xung chiếu xa lánh được hai hung tinh hạng nặng là Không Kiếp. Chính vì vậy Thai Cáo xuất hiện ở đâu cũng có lợi gián tiếp. Như vậy có thể nói Thai Cáo hầu như cần cho tất cả các cách

Ý nghĩa

Là cát tinh, chủ bằng sắc, ấn tín (theo Việt Viêm Tử thì thêm các nha sở, thư viện, văn tịch, các nơi lưu trữ tài liệu) nên rất có lợi cho việc thi cử, cầu công danh, phù trợ cho công danh, gia tăng sự phú quý, hiển đạt, ví như được phong tặng bằng cấp, huy chương, ấn tín, bằng khen. Cần chú ý rằng Thai Cáo đủ bộ mới mạnh, một sao xung chiếu thì yếu đi và do ý nghĩa của nó nên ở Mệnh, Thân hay Quan thì tốt nhất và vì là trợ tinh nên cần phối hợp với các sao khác thì ảnh hưởng mới mạnh mẽ, nếu không thì chủ yếu chỉ cuộc sống được bình yên, ít tai họa mà thôi. Ảnh hưởng phụ trợ của Thai Cáo so với các sao đôi như Khôi Việt, Xương Khúc, Thai Tọa, Tả Hữu, Quang Quý thì kém hơn nhiều

Cung Mệnh

Cần cù, tỉ mỉ, kỹ lưỡng, cẩn thận

Rất sạch sẽ, ngăn nắp, nhất là thủ tại Nữ Mệnh

Không có tính liêu lĩnh, tham lam

Ăn ở cư xử phúc hậu

Hơi tự đắc, cần đi với các sao chủ quyền hành như Hóa Quyền thì đặc tính này mới rõ
 Được hưởng phúc đức, công đức của tổ phụ, tổ tiên truyền lại, do đó giảm thiểu cảnh thăng trầm trong cuộc sống:
 Phong Cáo, Thai Tọa hiển âm thừa quang (B62, 2)
 Phong Cáo Thai Phụ giao hoan, Ấy người hưởng âm thừa quang cõi trần
 Âm công đời trước giới truyền,
 Thai Phụ Phong Cáo ở miền thủ xung (B115)
 Đẳng vàng là hội Phong Thai (Thai Phụ, Phong Cáo)
 Long Trì, Phượng Các ấy ai dịu dàng

Vinh hiển khi kết hợp với nhiều quyền tinh hay quý tinh hay văn tinh, đặc biệt với Lộc Tồn Quốc Ấn
 Nhiều tác giả cho rằng Thai Cáo thì khoe khoang, hiển danh, ưa hình thức bề ngoài nhưng trên thực tế thì không thấy rõ ràng đặc điểm này

Các bộ sao kết hợp
 Thai Cáo rất hợp với cách Sát Phá Tham, hội với Binh Hình Tướng Ấn thì rất hợp cách, chủ chấp chương binh quyền, vinh hiển:
 Ấn mang vị liệt công hầu
 Sao lành Tướng Cáo đóng vào Mệnh viên (AB587)

Thai Cáo đi với văn tinh như Khoa hoặc với cát tinh cũng rất có lợi cho công danh, công danh thuận lợi nhưng ảnh hưởng gia tăng quý hiển không được mạnh lắm:
 Thai Phụ, Phong Cáo, Khoa tinh ngộ,
 Bước công danh rộng mở đường mây
 Cát tinh hội với Cáo, Thai (Thai Phụ),
 Công danh thẳng tiến, lâu dài nghênh ngang (AB339)
 Thai Phụ, Khoa thủ Mệnh viên,
 Ở cung lục hợp (nhị hợp) thấy Thiên Lộc (Lộc Tồn) vào

Bộ Thai Xương kết hợp với Bát Tọa thì chủ về được phong tặng:
 Thai Phụ, Xương, Tọa vinh phong (vinh hiển, được phong tặng)
 Danh lừng phiên trấn (nổi tiếng) Mộ phùng Hỏa Tham (B156)

Thai Phụ hay Phong Cáo gặp Quốc Ấn hay Tướng Ấn (chú ý Lộc Tồn, Tướng Quân, Quốc Ấn tam hợp nhau): rất tốt đẹp, tại cung điền thì có điền sản, tại

Mệnh, Quan Lộc thì quý hiển, được trọng dụng, được huy chương, bằng khen, là người mang ân, làm đến Công Hầu, ý nói quyền cao chức trọng, phú quý:

Ân mang, vị liệt Công Hầu,

Sao lành Tướng, Cáo hội vào Mệnh cung (4, NMB)

Ngôi Hầu Bá uy nghiêm chức tước,

Đầu Mệnh viên Cáo Tướng chiếu xung (B105)

Thai Phụ, Phong Cáo rất cần gặp Ân, Tướng, rất kỵ gặp Cự Đồng, nếu được Khôi Xương hội hợp đi thi thì đỗ đầu:

Phụ Cáo ái giao Ân, Tướng, ố kị Cự Đồng, nhi ngũ Khôi Xương cử khoa ngao đầu tác chiến (29)

Thai Cáo, Tướng thêm Khoa, Quyền hay Quang Quý: phát lớn

Thai Cáo, Xương, Khoa, Quyền: vinh hiển tột bậc (chú ý một số người ghi thêm Khúc không đúng vì Thai Cáo không hội với Khúc)

Thai Cáo gặp Nhật, Nguyệt: quý cách

Theo Việt Viêm Tử thì Tướng Cáo thủ Mệnh hội cùng Hồng Loan Hoa Cái thì thiếu niên toại chí, sớm thành đạt, có uy quyền võ nghiệp, giữ quyền chức chánh vị, về văn thì là người quản đốc nha sở, về lưu trữ thư tịch, hay những ngành chuyên về thăng thưởng phong tặng huân công (AB236)

Phong Cáo đi với Lộc Tồn, Quốc Ân và Quang Quý thì làm càng tốt đẹp, đi với Quan Phúc hoặc Âm Dương cũng tốt

Thai Cáo tại các cung: phải luận trong mối tương quan hội hợp với các sao khác thì ý nghĩa mới rõ ràng được

Phụ Mẫu

Cha mẹ có chức vị

Cung Phúc

Phong Cáo: đại thọ (LQT)

Thai Phụ hay Phong Cáo gặp Quốc Ân, Quang Quý: vinh hiển

Cung Điền

Thai Phụ hay Phong Cáo gặp Quốc Ân: có điền sản, được ban cấp điền sản

Thai Phụ hay Phong Cáo gặp Quốc Ân, Tử, Phủ: giàu điền sản

Thai Phụ hay Phong Cáo gặp Phượng Các: giàu nhà cửa (LQT)

Cung Quan

Thai Cáo: vinh hiển (LQT)

Thai Phụ hay Phong Cáo gặp Quốc Ân, Quang Quý: hiển đạt

Khoa, Cáo, Xương, Khúc giáp Quan,

Khoa, Quyền tại Mệnh mình càng tiếng vang (có danh tiếng) (B114)

Cung Nô

Thai Phụ hay Phong Cáo: có người giúp đỡ (LQT)

Thai Phụ hay Phong Cáo gặp Thiên Quan hay Thiên Phúc: có quý nhân giúp đỡ làm nên

Cung Tử

Thai Phụ hay Phong Cáo gặp Tướng: con hiển đạt

Thai Phụ hay Phong Cáo gặp Quốc Ân, Quang Quý: con hiển đạt

Thai Phụ gặp Thai: sinh con quý tử (LQT)

Cung Phôi

Vợ hay chồng có học vị

Huỳnh Đệ

Anh chị em có học vấn

Hạn

Thuận lợi cho công danh, thi cử

Thai Phụ hay Phong Cáo gặp Long Trì: thăng quan (LQT)

Các câu phú cần kiểm tra lại:

Dương (Thái Dương), Âm (Thái Âm) Thìn Tuất, Nhật Nguyệt bích cung (Nhật tại Tuất, Nguyệt tại Thìn) nhược vô minh (không có ánh sáng), Không diệu tu cần, song đắc giao huy (nhưng nếu Nhật Nguyệt giao huy, nghĩa là Nhật Thìn, Nguyệt Tuất cùng tỏa ánh sáng giao hội với nhau) nhi phùng Xương, Tuế, Lộc, Quyền, Thai (Thai Phụ), Cáo (Phong Cáo) Tả Hữu nhất cử thành danh chúng nhân tôn phục (15, TTL)

Giải: Nhật tại Tuất, Nguyệt tại Thìn thì không có ánh sáng nên cần sao Không (là Tuần và Triệt, TTL còn ghi là Thiên Không) thì mới giàu sang và sống lâu. Nếu Nhật Nguyệt giao huy, nghĩa là Nhật Thìn, Nguyệt Tuất cùng tỏa ánh sáng giao hội với nhau, nếu gặp Xương, Tuế, Lộc, Quyền, Thai Phụ, Phong Cáo, Tả Hữu thì chỉ một lần đã công thành danh toại được mọi người tôn phục. Chú ý rằng khi

Nhật tại Thìn thì chỉ có một trường hợp gặp cả Hóa Lộc Hóa Quyền là tuổi Tân có Hóa Quyền thủ đồng cung với Thái Dương nhưng bị Triệt án ngữ, có Hóa Lộc Kinh Đà đắc cùng Hao, LNVN chiếu, còn nếu cho rằng Lộc là Lộc Tồn thì tuổi Quý có Lộc Tồn Hóa Quyền đồng cung với Cự Môn bị Triệt và Hóa Khoa Thiên Trù chiếu. Câu phú này cần phải xét lại

Quản Xuân Thịnh ghi rằng:

Mão, Thìn ngộ đã dành ông Táo,

Ly (cung Ngọ), Tồn (Ty) phùng phải Cáo, ôn binh (QXT)

Nhưng theo Nguyễn Mạnh Bảo thì như sau:

Mão Thìn ngộ Triệt tảo đường,

Ty Ngọ phùng Tuyệt cung thường ôn binh (B40)

(Triệt cư ở Mão Thìn thì thường có sự lôi thôi trong bếp. Cung Ty Ngọ gặp Tuyệt thì thường bị ôn binh đến quấy nhiễu) (B40)

Thái Âm và Thái Dương

Âm Dương là hai sao quan trọng trong Tử Vi, Thái Dương chủ về cha hoặc chồng, Thái Âm chủ về mẹ hoặc vợ. Căn cứ vào sự sáng mờ của Âm Dương (không cần thiết phải cư cung Mệnh Thân...), người ta có thể nêu ra được vài đặc tính quan trọng. Cần nhắc lại là các sao có thể thay đổi sự sáng tối của Âm Dương như sau:

Bộ Đào Hồng Thiên Hỉ hay Hỉ Thần, gọi tắt là Tam Minh có khả năng làm tăng sức sáng của Âm Dương

Bộ Xương Khúc, nhất là vị trí Thìn Tuất và Sửu Mùi cũng làm tăng sức sáng cho Âm Dương

Bộ Riêu Đà Kỵ làm giảm thiểu sức sáng của Âm Dương, chỉ có ngoại lệ là Hóa Kỵ đồng cư với Âm Dương tại Sửu Mùi khiến cho Âm Dương sáng hơn

Tuân Triệt làm nghịch đảo độ sáng, trừ khi gặp Âm Dương đồng cung tại Sửu Mùi thì làm tăng độ sáng. Trong trường hợp này gặp Tuân thì đẹp hơn gặp Triệt. Nữ nhân có Thái Âm lạc hãm thì kinh nguyệt không đều, ít nhất là xảy ra trong một giai đoạn nào đó trong cuộc đời và thông thường sinh lý không mạnh, không có nhiều hứng cảm khi làm tình. Nếu Thái Âm sáng của thì kinh nguyệt điều hòa và sinh lý khỏe mạnh, thích thì chiều. Ví dụ có Thái Âm hãm gặp Triệt Tuân thì kinh nguyệt đều đặn...

Nam nhân có Thái Dương lạc hãm thì sinh lý yếu hoặc có vấn đề như xuất tinh sớm, không cương cứng, không thể làm tình nhiều lần (nhất dương chỉ), hoặc thiếu kỹ thuật... Nếu Thái Dương sáng của thì sinh lý mạnh khỏe

Tóm lại Âm Dương sáng của thì cuộc sống sinh lý vợ chồng tốt, một điều kiện đưa đến hạnh phúc. Trường hợp Âm Dương Sửu Mùi thì sinh lý trung bình không mạnh không yếu

Âm Dương đồng sáng của thì vợ chồng khó bỏ nhau, thông thường thì vợ chồng tương đắc trừ khi gặp sao khắc kỵ với Âm Dương. Âm Dương sáng của tại Thìn Tuất thì vợ chồng tương đắc về sở thích nhưng hay tranh cãi nhau. Âm Dương lạc hãm là một điều kiện dễ vợ chồng dễ xung khắc, dễ bỏ nhau, xa cách hoặc chia ly. Âm Dương đồng tranh Sửu Mùi: vợ chồng thông thường không nhường nhịn nhau, tranh đua nắm thế thượng phong, từ đó dễ đưa đến bất hòa, vợ muốn lấn chồng, chồng muốn lấn vợ

Mệnh gặp Âm Dương lạc hãm thì vợ chồng dễ xa cách hoặc chia ly, nếu gặp Tuân Triệt thì cũng bỏ nhau nhưng bỏ chậm

Hạn rơi vào Âm Dương thủ hạn cũng quan trọng, thông thường dễ liên quan đến chồng hoặc cha nếu gặp Thái Dương, và mẹ hoặc vợ nếu gặp Thái Âm

Hạn gặp Âm Dương phản bối thì khó lập gia đình nhưng lại vẫn vượng về tình cảm
Cung Tật có Âm Dương dù đắc hay hãm cũng dễ có tật về mắt như mắt bị cận thị, yếu
Âm Dương sáng sủa thì cha mẹ thông thường thọ, còn lạc hãm thì không thể kết luận về thọ yếu

ÂM DƯƠNG TRONG TỬ VI

Dưới đây là vài kinh nghiệm bản thân về bộ Âm Dương trong Tử Vi. Các bạn hãy căn cứ vào đây để kiểm nghiệm đúng sai, nếu thấy đúng thì nêu lên, còn nếu thấy không đúng cũng nêu lên. Trường hợp không đúng thì sẽ được tôi sẽ coi lại lá số tìm nguyên nhân. Mong các bạn tham gia đóng góp thêm các kinh nghiệm khác. Rảnh thì tôi sẽ viết thêm (dạo này không rảnh)

ÂM DƯƠNG

Âm Dương là hai sao quan trọng trong Tử Vi, Thái Dương chủ về cha hoặc chồng, Thái Âm chủ về mẹ hoặc vợ. Căn cứ vào sự sáng mờ của Âm Dương (không cần thiết phải cư cung Mệnh Thân...), người ta có thể nêu ra được vài đặc tính quan trọng. Cần nhắc lại là các sao có thể thay đổi sự sáng tối của Âm Dương như sau:

Bộ Đào Hồng Thiên Hỉ hay Hỉ Thần, gọi tắt là Tam Minh có khả năng làm tăng sức sáng sủa của Âm Dương

Bộ Xương Khúc, nhất là vị trí Thìn Tuất và Sửu Mùi cũng làm tăng sức sáng cho Âm Dương

Bộ Riêu Đà Kỵ làm giảm thiểu sức sáng sủa của Âm Dương, chỉ có ngoại lệ là Hóa Kỵ đồng cư với Âm Dương tại Sửu Mùi khiến cho Âm Dương sáng hơn

Tuần Triệt làm nghịch đảo độ sáng, trừ khi gặp Âm Dương đồng cung tại Sửu Mùi thì làm tăng độ sáng. Trong trường hợp này gặp Tuần thì đẹp hơn gặp Triệt

Nữ nhân có Thái Âm lạc hãm thì kinh nguyệt không đều, ít nhất là xảy ra trong một giai đoạn nào đó trong cuộc đời và thông thường sinh lý không mạnh, không có nhiều hứng cảm khi làm tình. Nếu Thái Âm sáng sủa thì kinh nguyệt điều hòa và sinh lý khoẻ mạnh, thích thì chiều. Ví dụ có Thái Âm hãm gặp Triệt Tuần thì

kinh nguyệt đều đặn...

Nam nhân có Thái Dương lạc hãm thì sinh lý yếu hoặc có vấn đề như xuất tinh sớm, không cương cứng, không thể làm tình nhiều lần (nhất dương chỉ), hoặc thiếu kỹ thuật... Nếu Thái Dương sáng sủa thì sinh lý mạnh khỏe

Tóm lại Âm Dương sáng sủa thì cuộc sống sinh lý vợ chồng tốt, một điều kiện đưa đến hạnh phúc. Trường hợp Âm Dương Sủu Mùi thì sinh lý trung bình không mạnh không yếu

Âm Dương đồng sáng sủa thì vợ chồng khó bỏ nhau, thông thường thì vợ chồng tương đắc trừ khi gặp sao khắc kỵ với Âm Dương. Âm Dương sáng sủa tại Thìn Tuất thì vợ chồng tương đắc về sở thích nhưng hay tranh cãi nhau. Âm Dương lạc hãm là một điều kiện để vợ chồng dễ xung khắc, dễ bỏ nhau, xa cách hoặc chia ly

Âm Dương đồng tranh Sủu Mùi: vợ chồng thông thường không nhường nhịn nhau, tranh đua nắm thế thượng phong, từ đó dễ đưa đến bất hòa, vợ muốn lấn chồng, chồng muốn lấn vợ

Mệnh giáp Âm Dương lạc hãm thì vợ chồng dễ xa cách hoặc chia ly, nếu gặp Tuần Triệt thì cũng bỏ nhau nhưng bỏ chậm

Hạn rơi vào Âm Dương thủ hạn cũng quan trọng, thông thường dễ liên quan đến chồng hoặc cha nếu gặp Thái Dương, và mẹ hoặc vợ nếu gặp Thái Âm

Hạn gặp Âm Dương phản bối thì khó lập gia đình nhưng lại vẫn vương về tình cảm

Cung Tật có Âm Dương dù đắc hay hãm cũng dễ có tật về mắt như mắt bị cận thị, yếu

Âm Dương sáng sủa thì cha mẹ thông thường thọ, còn lạc hãm thì không thể kết luận về thọ yếu

Thiên Khôi và Thiên Việt

Thiên Khôi và Thiên Việt đều là Nam Đẩu Tinh, nhưng khác nhau một chút là Khôi thì Dương Hỏa đới Kim, còn Việt là Âm Hỏa đới Mộc.

Về biểu tượng thân thể thì Thiên Khôi là đầu, Thiên Việt là hai vai. Mệnh hay hạn có nhiều sao xấu hội hợp thì bộ Thiên Khôi Thiên Hình (tượng là dao, kiếm) đồng cung chỉ việc đầu bị gươm dao chém phải, đầu thường có tì vết hoặc có sẹo. Nếu Mệnh có Thiên Việt Song Hạo đồng cung hay Thiên Hình đồng cung thì dễ bị lệch vai, so vai. Về biểu tượng vật dụng thì Khôi chỉ văn bằng, nghị định, giấy khen, còn Việt thì chỉ bút nghiên. Trong tang chế thì Khôi Việt chỉ thầy cúng, ông sư, ông cha, người làm lễ tang

Khôi Việt vừa là văn tinh, vừa là quý tinh, chủ về khoa giáp, văn chương, quyền hành chức tước. Khôi Việt còn được gọi là Thiên Ất Quý Nhân. Cả hai sao đều không an ở hai cung Thìn Tuất (La Vọng)

Cả hai sao đều miếu vượng ở cung ban ngày từ Dần đến Ngọ, hãm địa tại cung Thủy (Hợi Tí) và cung Thổ (Sửu Mùi), còn lại thì bình thường (tại cung Thân Dậu hành Kim). Ở vị trí cung ban ngày thì Khôi Việt giống như bằng cấp được đem ra cho công chúng xem, là người lãnh đạo được mọi người biết đến. Nếu xét về ngũ hành, khi ở cung ban ngày thì hoặc được cung sinh sao hoặc đồng hành với sao. Ở cung ban đêm hoặc tại Sửu Mùi thì ví như bằng cấp không được treo ra ngoài nên ít được người biết đến, là người có uy quyền ngầm ngấm. Nếu xét về ngũ hành thì ở cung ban đêm, hành sao khắc hành cung (Hỏa khắc Kim) hoặc hành cung khắc hành sao (Thủy khắc Hỏa) hoặc hành sao sinh hành cung (Hỏa sinh Thổ). Khôi Việt miếu vượng không nên gặp Tuần Triệt, giống như bằng cấp bị rách nát nên khoa trường thi cử bị lận đận hoặc không đỗ đạt cao được, hoặc học hành dang dở nhưng khi hãm địa thì rất cần Tuần Triệt, nhưng cũng phải lận đận ban đầu mới có được bằng cấp

Khôi Việt rất cần cho lá số quý cách bởi vì thiếu Khôi Việt thì giống như thiếu thiên uy, không được người kính nể, đặc biệt là mệnh Tử Phủ hoặc Nhật Nguyệt gặp Khôi Việt rất thích hợp (Hỏa sinh Thổ).

Khôi Việt thủ Mệnh là cách ư gia quốc vi nhân trường, cho dù có hãm địa cũng là cách trội hơn người bình thường. Có Khôi Việt thủ chiếu Mệnh thì được mọi người nể phục, có uy, luôn đứng đầu cho dù là hạng người nào (trùm du đảng hay

vị lãnh tụ), ở nhà thì đứng đầu, được cha mẹ thương yêu hoặc có tiếng nói trong gia đình, hoặc là con trưởng, đoạt trưởng. Ra ngoài thì tùy theo lá số tốt xấu và vị trí đắc hãm mà luận đoán, tốt thì lãnh đạo thiên hạ, trưởng cơ quan ban ngành, xấu thì cũng được người nể phục, tiếng nói có trọng lượng và dễ kể cận lui tới với thượng cấp hoặc người có danh có chức quyền, được tin tưởng giao cho những việc quan trọng. Khôi Việt thủ chiếu Mệnh thì thông minh, có năng khiếu đặc biệt nên thường giỏi về một điều gì đó, có mưu cơ, quyền biến, có tài lãnh đạo, tổ chức, chỉ huy và có đầu óc không chịu thua người, muốn hơn người, có óc lãnh tụ, tính thích chỉ huy. Khôi Việt thủ chiếu mệnh thì tự ái rất cao, không thích bị nói nặng nhẹ và không chịu được lời nói nặng nhẹ. Người có Khôi Việt thì không có tính thù dai, chấp nhất, nhỏ mọn, là người dễ tha thứ, khoáng đạt, cao thượng, trừ khi gặp Không Kiếp, đặc biệt hãm địa thì dễ ăn miếng trả miếng do bị chạm tự ái. Tuy vậy cũng không phải là hạng người nhỏ mọn. Khôi Việt đặt nặng uy tín cá nhân, khi giao du với người lớn tuổi hoặc có chức quyền tiếng tăm thường có lợi, được giúp đỡ. Mệnh có Khôi Việt gặp hạn xấu thì được người giúp đỡ, thông thường là người có chức có quyền nên Khôi Việt giải hạn xấu cũng mạnh. Chú ý rằng Khôi Việt đủ bộ mới mạnh, nếu đứng một mình và bị hãm địa thì giảm thiểu rất nhiều ý nghĩa. So sánh giữa Khôi và Việt, nếu cùng đắc hãm như nhau thì tài năng quyền uy của Khôi mạnh hơn Việt, về vai vế trong gia đình thì Khôi thường là con trưởng, còn Việt là thứ đoạt trưởng. Theo nghĩa Hán Việt thì kẻ làm đầu sỏ cả một đảng gọi là "khôi".

Thiên Không

Hành Hỏa

Đắc hãm

Miếu vượng ở Dần Mão, Tỵ Ngọ (VVT)

Đặc điểm

Luôn luôn đồng cung với Thiếu Dương, và luôn có đủ Tứ Đức hội chiếu (Thiên Đức, Phúc Đức, Nguyệt Đức tam chiếu, Long Đức xung chiếu) và Đào Hoa, Kiếp Sát tam hợp hoặc đồng cung trong đó Đào Hoa và Kiếp Sát luôn luôn tam hợp với nhau. Ngoài Đào Hoa, Thiên Không còn được Hồng Loan hoặc Thiên Hỉ tam hợp đồng cung hay xung chiếu. Nếu được Thiên Hỉ đồng cung hoặc Hồng Loan đồng cung thì sẽ có đủ bộ Tam Minh Đào Hồng Hỉ, còn nếu không thì sẽ có Hồng Loan hay Thiên Hỉ tam hợp. Tại Tỵ, Dậu, Sửu và Mão thì còn có thêm Phá Toái. Cụ thể:

Thiên Không tại Dần Thân Tỵ Hợi (tuổi Thìn Tuất Sửu Mùi) thì có đủ bộ tam minh Đào Hồng Hỉ Cô Quả trong đó Thiên Không đồng cung với Hồng Loan với Thiên Hỉ xung chiếu hoặc đồng cung với Thiên Hỉ với Hồng Loan xung chiếu: Mệnh tại vị trí này thì là người sáng suốt, nhạy bén, thông minh (Thiếu Dương) nhưng hiền lành nhân hậu (Hồng Loan hay Thiên Hỉ Thủy khắc Thiên Không Kiếp Sát Hỏa), tình duyên lận đận, có thể có khuynh hướng tu hành (Hồng Loan Cô Quả hay Thiên Hỉ Cô Quả), nếu gặp thêm Phá Toái thì hơi gặp trái ngang, cuộc sống tương đối hanh thông gặp may mắn (Đào Hoa cư Quan). Thiên Không Kiếp Sát tại vị trí này ít tàn phá nhất vì bị Hồng Loan Thiên Hỉ khắc, đồng thời sinh suất cho Cô Thân Thổ

Thiên Không tại Tí Ngọ Mão Dậu (tuổi Dần Thân Tỵ Hợi) thì đồng cung với Đào Hoa và có Hồng Loan hay Thiên Hỉ tam hợp, không có Cô Quả: tại vị trí này thì là người quá thông minh nhạy bén nên rất đa mưu túc trí (Đào Hoa Mộc sinh cho Thiếu Dương Hỏa) dễ sa tâm làm những chuyện thiếu đạo đức, nếu gặp thêm Phá Toái (tại Mão Dậu) thì cuộc đời càng thêm ngang trái, sự nghiệp dễ đổ vỡ mạnh (Thiên Không được Đào Hoa tăng sức tàn phá. Tại vị trí Tí Ngọ thì cuộc sống nghề nghiệp hanh thông hơn tại Mão Dậu (Hồng Loan cư Quan). Vợ chồng thường xung khắc (Phu Thê có Quả thủ, Cô tam hợp, Hồng hay Hỉ thủ) và có nhiều mối tình trước khi lập gia đình hoặc hai đời

Thiên Không tại Thìn Tuất Sửu Mùi (tuổi Tí Ngọ Mão Dậu) thì có Đào Hoa đồng cung với Hồng Loan hay Thiên Hỉ tam hợp, không có Cô Quả: Mệnh tại vị trí này thì cũng là người thông minh nhạy bén, được người giúp đỡ trên vấn đề kiếm tiền hoặc gặp may mắn (Tài Đào Hỉ hoặc Đào Hồng), tình duyên thường không trắc trở (Đào Hồng không gặp cô Quả, Phu Thê không có Cô Quả lại có Hồng hay Hỉ tam hợp)

Ý nghĩa

Chủ sự hoang hủ, phá tán (VVT, TTL)

Gian hùng, qui quyết nhưng chẳng làm nên việc gì (TTL)

Hay làm những việc trái ngược với cương thường đạo lý (VVT)

Là hung tinh, quí tinh hoặc quyền tinh không nên gặp chủ khoa trường lận đận, công danh trắc trở (VVT)

Mệnh có Thiên Không tọa thủ thì cuộc đời thành bại đa đoan, tiền tài chỉ có tán không có tụ với kết quả là vạn sự giai không, nếu ly hương thì đỡ xấu (VVT)

Gặp cát tinh thì cũng được phúc nhỏ (VVT)

Mệnh có Thiên Không thủ thì cả đời vương tai ách về chuyện trai gái, tình cảm: Thiên Không liệt ư Mệnh viên, chung thân phong hoa ách (1, B64)

Mệnh Không Đào đồng cung: xảo trá, đa mưu túc trí (VVT, TTL) nhưng cơ nghiệp dễ đổ vỡ, được gọi là cách bán thiên triết sĩ, chim bay ngang trời bị gãy cánh (VVT)

Thiên Không hội với Đào Hoa,

Cầm, kỳ, thi, họa tài ba tuyệt vời

Cơ mưu quyền biến hơn người

Ngàn năm mệnh bạc một đời tài hoa (AB334)

Mệnh Không Hồng đồng cung: thích ẩn dật tu hành

Nữ Mệnh có Thiên Không thủ mà không có cát tinh hóa giải thì chỉ làm thứ thiếp hoặc tỳ nữ (VVT)

Thiên Không

Mệnh có Thiên Không thì rất thông minh, nhạy bén do có Thiếu Dương đồng cung

Rất tác hại, ở cung nào thì phá hoại cung đó, làm cho thành không (CV)

Cung Mệnh có Tam Không thủ chiếu là cách đổ vỡ hoặc phải lập nghiệp làm nhà ba lần mới được yên thân (VVT)

Lâm hạn mà có Thiên Không thủ thì rất tai hại, bị hao tán tiền của, nghề nghiệp bị trục trặc (CV)

Thiên Không tại Tử Tức: có con cũng như không (CV)

Thiên Không tại Tật Ách thì không bệnh tật (CV)

Thiên Không tại Mệnh thì không làm việc nhà, làm việc thiên hạ (CV)

Phu Thê có Thiên Không Địa Kiếp đủ bộ thì sát phu thê (CV)

Không Đào đồng cung tại Mệnh thì rất thông minh, nếu là con gái thì chồng bỏ hoặc bỏ chồng (CV)

Không Đào đồng cung tại Tật: chết bất ngờ (CV)

Không Đào đồng cung tại Tử: con chết bất ngờ (CV)

Không Đào đồng cung tại Phu Thê: vợ hay chồng chết bất ngờ hoặc bỏ nhau (bán thiên triết sĩ) (CV)

Hóa Khoa và Tuần Triệt giải được Thiên Không (CV)

Thiên Không Nam Nữ Mệnh ca

Mệnh có Thiên Không thủ thì có số đi tu, nếu gặp Thiên Tướng, Văn Xương thì tính khoa trương, khoáng đạt, còn nếu gặp Tứ Sát (VTL ghi tứ sát) thì được thừa hưởng phúc lộc của tiền nhân lưu truyền:

Mệnh tọa Thiên Không định xuất gia,

Văn Xương, Thiên Tướng thực kham khoa,

Nhược phùng Tứ Sát (tứ sát, VTL) đồng Thân, Mệnh

Thụ âm, thừa ân (vinh), phúc khả giai (AB474, QXT)

(QXT ghi Thiên Tướng không sợ Không, Kiếp, Kinh, Đà, Thiên Không, chỉ có Tử, Phủ mới sợ tứ sát tinh này)

Thiên Không nhập hạn

Hạn gặp Thiên Không thì điền sản bị phá hoại, tiền bạc không tốt, nhiều thất bại, đề phòng vợ chồng con cái bị hình thương hoặc chết và bản thân cũng vậy:

Không vong (Thiên Không, VTL) nhập hạn phá điền trang

Phu (Thê, QXT, VTL), tử tu phòng hữu tổn thương

Tài bạch bất duy, đa bại thất,

Cánh ưu thọ Mệnh, nhập tuyền hương (AB475, QXT)

TVT cho rằng Mệnh có Lộc Tồn tọa thủ, cung Thân có Thiên Không hoặc Địa Không tọa thủ tất đời chỉ phong lưu hoặc đủ ăn chứ không thể giàu có được. Cần coi lại câu phú này:

Mệnh phùng Lộc, cư Không Thân xứ, mãn kiếp tao phùng thiếu khiếm (21)

Mệnh an tại Tí Ngọ Mão Dậu có Thiên Không gặp Hỏa Linh hội hợp thì là người anh hùng gan góc trầm tĩnh, tuy công danh lên như điều gặp gió nhưng thường bị gãy cánh, đổ vỡ lưng chừng

Thiên Không phùng Hỏa Linh do như bán thiên triết triệu (2)

TVT cho rằng Mệnh có Thiên Không Hóa Kỵ là người hay nghi ngờ vợ hiền
Vân đầu khởi chương gia Thiên không, so tuế hu tu hiền phu (39)

Quan Lộc rất kỵ gặp Thiên Không Hóa Kỵ, nếu gặp Nhật Nguyệt hãm địa tọa thủ thì lại thành sáng sủa tốt đẹp nhưng về già mới thành đạt. TVT giải rằng Quan Lộc rất kỵ gặp Thiên Không Hóa Kỵ, nếu an tại Thìn Tuất Sửu Mùi gặp Nhật Nguyệt hãm địa tọa thủ thì lại thành sáng sủa tốt đẹp nhưng về già mới thành đạt: Thiên Không Hóa Kỵ tối kỵ Quan cung, nhi phùng Âm Dương phản bối (hãm địa) công danh vẫn tuế tất thành (7)

Hạng Võ là bậc anh hùng nhưng gặp hạn có Thiên Không thủ thì thì sự nghiệp tan vỡ, bị mất nước:

Hạng Võ anh hùng, hạn ngộ Thiên Không nhi táng quốc (5)

Hạng Võ anh hùng, ngộ Thiên Không táng quốc, Thạch Sùng hào phú, phùng Địa Kiếp vong gia (VVT)

Nguyễn Tịch lâm vào cảnh nghèo đói do hạn gặp Thiên Không Địa Kiếp:
Vận ngộ Thiên Không Địa Kiếp Nguyễn Tịch hữu bản hàn chi khổ (7)

Cung Huynh Đệ Thiên Không Địa Kiếp, Tiếng viên tỳ thu xếp cùng ai (B105)

Sự mù mờ về các câu phú liên quan đến chữ Không:

Tuần: được gọi là Tuần Không trung vong

Triệt: được gọi là Triệt lộ Không vong

Thiên Không còn có tên là Không Vong chi thần

Địa Không: tử vi theo Nam Phái đã sử dụng sao Thiên Không của Bắc Phái với tên Địa Không và đã an thêm sao Thiên Không đồng cung với Thiếu Dương nghĩa là Địa Không của Nam Phái chính là Thiên Không của Bắc Phái, Bắc phái không có sao Thiên Không đồng cung với Thiếu Dương. Tam Không thiết tưởng nên cho là Tuần, Triệt, Địa Không theo Bắc Phái hoặc là Tuần Triệt Thiên Không theo Nam Phái và bộ Địa Không Địa Kiếp của Bắc Phái chính là bộ Thiên Không Địa Kiếp của Nam Phái

THIÊN KHÔNG VỚI PHỤ TINH

TVT cho rằng Mệnh VCD gặp Thiên Không tọa thủ hay xung chiếu nếu không có nhiều Quý Tinh hội hợp thì phải này đây mai đó nếu không thì phải mang bệnh tật nghèo khổ:

Kim ly phùng Không bắt phiêu lưu tắc đa tật khó (4)

Mệnh Không (Tuần Triệt) gặp hạn Không nếu không có cát tinh thì công danh trắc trở. TVT giải rằng Mệnh Thiên Không hạn Địa Không hoặc Mệnh Địa Không hạn Thiên Không nếu không có cát tinh thì công danh trắc trở
Mệnh Không hạn Không vô cát tấu, công danh tăng trủng (3)

Khôi Việt một sao thủ, một chiếu lại gặp Hóa Khoa và không bị Tuần Triệt án ngữ hoặc Thiên Không, Địa Không thì chỉ một lần đi thi đã công thành danh toại: Tọa Quý Hương Quý chẳng phùng Không xứ, gặp Khoa thời nhất cử thành danh (4)

Mệnh VCD lại được Tam Không thủ chiếu thì phú quý. Theo QXT thì Tam Không là Thiên Không, Địa Không và Tuần Không:

Xét xem phú quý mấy người,

Mệnh VCD trong ngoài Tam Không (QXT)

Mệnh VCD như ai,

Giàu sang vì gặp trong ngoài Tam Không (B104)

Danh lưỡng diệu (Âm Dương) huy quang sớm có,

Số Tam Không độc thủ sang giàu (B114)

Mệnh gặp sao Không, không có cát tinh hội hợp mà lại gặp hung tinh thì công danh trắc trở:

Những người Mệnh lý phùng Không, Cát vô, hung hữu, công danh chớ màng

Thiên Phủ gặp Tuần, Triệt, Địa Không, Thiên Không thì tiền tài bị suy kém, không giữ được tổ nghiệp:

Phủ (Thiên Phủ) phùng Không xứ tài suy, Thủy chung (chung thân) nan bảo tư cơ lưu truyền

Hoặc là Thiên Phủ phùng Không, Tư cơ số ấy thủy chung khó toàn (B103)

Quý tinh (Khôi Việt) gặp Tam Không thì không còn quý hiển:

Khốc Hư hạn ấy đừng bàn (Hạn gặp Khốc Hư thì xấu),

Quý không nên Quý vì đoàn Tam không (B103)

Mệnh Vô chính diệu Tam Không,
Nhật Nguyệt giao chiếu dự phần công khanh

Tử Túc không có chính diệu đắc Tam Không, có cát diệu thủ lại có sao Dương thì có con nuôi:

Tam Không chiếu nội tào cát diệu, Lại Dương tinh có đạo con nuôi (B42)
Tam Không gia nội tào cát diệu, Ngọ Dương tinh cũng nể con nuôi (QXT)

Đồng Riêu ý ngoại chẳng bàn, Tử Không ngộ Mã nhiều đoàn bướm ong (B45)
Cơ Riêu ấy ngoại tình bàn, Tử, Không ngộ Mã lắm đành bướm ong (QXT, lấy vợ
giang hồ)

(lại có Thiên Đồng Thiên Riêu thì ngoại tình. Bốn sao Không gặp Mã thì lảng lơ
ong bướm) (B45). Chú ý Thiên Không không bao giờ gặp Mã cả trừ vị trí nhị
hợp: Hồng Loan Dần Thân (tuổi Sửu Mùi) có Mã nhị hợp

Tử Túc có Thiên Mã gặp sao Không lại thêm Tả Hữu thì sinh đôi:
Lo về Thiên Mã phùng Không, Gặp sao Phụ Bát một vùng sanh đôi
Ngại hiềm Mã ngộ Không vong, Gặp sao Tả Hữu hạn phùng cả đôi

Mệnh có Mã không gặp Không thì là người hiền hậu con nhà gia giáo:
Mã chẳng gặp với Không ở đó, Người từ nhân nhà họ lương gia (B45)
Mã chẳng gặp Tử Không ở đó, Thời con nhà vọng tộc lương gia (QXT, cung
Phối)

Hạn gặp Thiên Mã gặp Không thì nhiều lo âu, hạn gặp Tả Hữu thì nhiều công
việc:

Lo âu ấy Mã Không quản vận, Nhiều việc thì Tả Hữu lưu niên (B110)

Việt, Đà tiếng nói khoan thai,
Đồng, Không, Hư, Nhận (Kình Dương) lắm lời thị phi

Tang, Không, Khốc, dị sinh hoá cải,
Đề di truyền vận đại về sau (QXT, cung Phối)

Thiên Cơ hãm địa ở phương nào thì ở phương ấy có yêu quái Mộc tinh. QXT ghi
rằng Điền có Cơ ngộ Hỏa thì nhà bị cháy, có Không, Kiếp Mộc Dục ngộ Cơ thì

có ma Mộc:

Thiên Cơ ngộ hãm chẳng hay, Ở phương địa này hiện quái Mộc tinh
Thiên Cơ ngộ Hỏa chẳng hay, Phùng Không, Kiếp Mộc nở đầy quả lưu (QXT)

Cơ, Lương, Sát, Phá gặp Không thì nên đi tu thì cuộc đời mới tránh được lo lắng:
Cơ, Lương, Sát, Phá ngộ Không (Không Vong), Dẫn thân cửa Phật khỏi vòng ưu
tư (HC)

Cung Quan gặp Tham Vũ miếu vượng thì bốn ba lên rừng xuống bể. QXT cho
rằng Quan Vũ, Tham gặp Tuần, Triệt, Địa Không thì đi làm xa hoặc nay đây mai
đó:

Quan cung Tham Vũ cùng xâm, Đường mây thuở ấy hải lâm bốn trì (NMB, VT)
Quan, Không, trùng kiến Vũ, Tham, Đường mây thuở ấy đã cam bốn trì (QXT)

Phu có Phá phùng Không thì lấy chồng ba lần mới thành:

Không (sao Không) phùng Phá tú (Phá Quân) Phối hào (cung Phối), Vợ chồng
trắc trở ba tao mới thành (NMB, VT)

Không ngộ Phá, Tú Thê hào, Vợ chồng cách trở ba tao mới thành (QXT)

Khốc Hư hãm thì không nói đến, Khôi Việt gặp Tuần Triệt Thiên Không Địa
Không thì không làm nên được:

Khốc Hư ngộ hạn mạc đàm, Hạn phùng Không Kiếp ai làm cho nên (QXT)

Khốc Hư ngộ hãm mạc đàm, Quý phùng Không xứ ai làm cho nên

Khốc Hư Tí Ngộ mạc đàm, Quý phùng Không xứ ai làm cho nên (VT)

Thái Dương gặp Không thì mắt to mắt nhỏ:

Mắt to mắt nhỏ ấy là, Nhật phùng Không hãy đoán ra rõ mười

Sửu Mùi Nhật Nguyệt xem qua, Đối cung có mệnh ắt là rạng danh,
Cùng cư Mùi, Sửu cho mình, Tam phương vô cát khó thành được công,
Bấy giờ cần gặp Tuần Không, Ân Quang Thiên Quý Khúc Xương chiếu miên,
Cũng là văn cách thánh hiền, Khác nào Nhật Nguyệt cát tinh hợp cùng (HC)

Thìn Tuất Tướng ngộ Thiên Không, Cát tinh gia hội uy trong quyền ngoài (HC)

Như sinh xứ ngộ Địa Không, Ấy người yếu triết khoảng chừng trung niên
Vì an Mệnh tại Hợi viên, Tí thời sinh giả khôn yên được mình

Ty an Mệnh, Ngọ thời sinh (Mệnh an tại Ty, sinh giờ Ngọ), Phùng Không ấy, hẳn
bỏ mình thiếu niên

Mệnh, Thân ngộ Kiếp chẳng yên, Bại tài, gia Sát Kỵ phùng càng hung
Ai bằng Hạng Vũ anh hùng, Đại tiểu hạn gặp Địa Không bỏ mình

Thiên Mã

Thiên Mã là ngựa trời

Biểu tượng

Về thân thể, Thiên Mã biểu tượng cho chân tay, về vật dụng, Thiên Mã biểu tượng cho con ngựa hoặc xe cộ, nói rộng ra là các phương tiện di chuyển. Biểu tượng này cần phải phối hợp khi giải đoán, nhất là trong vận hạn, ví dụ như Thiên Mã Tuần Triệt hay sát tinh thì tai nạn có liên quan đến xe cộ, tứ chi hoặc bị hư xe...

Ngũ hành

Thiên Mã hành chính là Hỏa, và là dịch mã nên tùy theo vị trí đóng mà mang ngũ hành của cung: tại Dần thì mang hành Mộc, tại Tỵ hành Hỏa, tại Thân hành Kim và tại Hợi hành Thủy

Đắc hãm

Thiên Mã đắc địa tại Dần và Tỵ (TTL)

Đặc điểm về cách an sao

Thiên Mã được an căn cứ vào Chi của năm sinh. Tuổi Tỵ Dậu Sửu an tại Hợi, tuổi Hợi Mão Mùi an tại Tỵ, tuổi Dần Ngọ Tuất an tại Hợi, tuổi Thân Tí Thìn an tại Dần. Thiên Mã lúc nào cũng chỉ ở vị trí Dần Thân Tỵ Hợi. Nếu ta an vòng Trường Sinh của tam hợp cục tuổi, tuổi Hợi Mão Mùi thuộc Mộc cục khởi tại Hợi, tuổi Tỵ Dậu Sửu thuộc Kim cục khởi tại Tỵ, tuổi Thân Tí Thìn thuộc Thủy cục khởi tại Thân, tuổi Dần Ngọ Tuất thuộc Hỏa cục khởi tại Dần và an theo chiều thuận thì Thiên Mã lúc nào cũng nằm tại vị trí Bệnh của vòng Tràn Sinh này

Đặc tính vị trí

Thiên Mã nằm trong tam hợp Tang Môn, Tuế Phá, Điều Khách (bộ Tang Tuế Điều Hư Mã)

Mã Tang đồng cung (tuổi Tí Ngọ, Mão Dậu) thì luôn luôn có Cô Quả thủ chiếu, Bạch Hổ xung chiếu (bộ Mã Tang Hổ Cô Quả). Mã Tang tại Dần Thân (tuổi Tí Ngọ) thì có Phượng Cát Giải Thần tam hợp và Khốc Hư Tang Hổ đắc địa. Mã Tang Tỵ Hợi (tuổi Mão Dậu) thì có Phá Toái đồng cung (tuổi Mão) hay xung chiếu (tuổi Dậu)

Mã Tuế Hư đồng cung (tuổi Dần Thân, Tỵ Hợi) thì luôn luôn có Thái Tuế xung chiếu), Phụng Cát Giải Thần thủ hoặc xung chiếu (bộ Mã Tuế Hư Phụng Cát Giải Thần Thái Tuế). Mã Tuế tại Thân Dần có Phụng Cát Giải Thần đồng cung (tuổi Dần Thân). Mã Tuế tại Tỵ Hợi có Phụng Cát Giải Thần xung chiếu (tuổi Tỵ Hợi). Riêng tại Tỵ còn bị Phá Toái tam hợp
 Mã Điều đồng cung (tuổi Thìn Tuất, Sửu Mùi) luôn luôn có Thiên Khốc thủ chiếu, Long Trì Quan Phù xung chiếu (bộ Mã Khách Khốc Hư Long Trì Quan Phù). Mã Điều tại Dần Thân (tuổi Thìn Tuất) thì có bộ Mã Khách Khốc đồng cung và có thêm Phụng Cát Giải Thần tam hợp (có bộ Long Phụng). Mã Điều tại Tỵ Hợi thì không có Phụng Cát

Các bộ sao cần lưu ý

Mã Lộc Tồn (đồng cung hoặc xung chiếu) tại Dần Thân cho tuổi Giáp (Mã tại Thân thì bị Triệt), Canh

Mã Lộc Tồn tam chiếu cho tuổi Ất Tỵ Dậu Sửu (Mã tại Hợi), Tân Hợi Mão Mùi (Mã tại Tỵ bị Triệt). Bộ này ý nghĩa không mạnh bằng Mã Lộc Tồn đồng cung hay xung chiếu

Mã Hao (đồng cung hoặc xung chiếu) tại Dần Thân cho tuổi Bính, Mậu, Nhâm (tuổi Nhâm thì Mã tại Dần bị Triệt và có Đà La tam hợp)

Mã Đà (đồng cung hoặc xung chiếu) tại Tỵ Hợi cho tuổi Đinh, Kỷ, Quý (tuổi Quý Mã tại Tỵ còn có Kinh tam hợp)

Mã Kinh: không bao giờ Mã có Kinh đồng cung hay xung chiếu, chỉ có vị trí tam hợp. Tuổi Bính Thân Tí Thìn và Mậu Thân Tí Thìn thì Mã (tại Dần) có Kinh tam hợp và tuổi Quý Hợi Mão Mùi thì Mã (tại Tỵ) có Kinh tam hợp Đà xung chiếu
 Tóm lại tại Dần Thân thì có khả năng có bộ Mã Lộc Tồn hoặc Mã Hao, còn tại Tỵ Hợi thì có khả năng có Mã Đà hoặc Mã Lộc Tồn tam chiếu

Tên gọi

Mã tại Dần gọi là Mã Trạng Nguyên hay Thanh Thông Mã

Mã tại Tỵ gọi là Xích Thố Mã, Hữu Vi Thủ Ấn Mã

Mã tại Thân gọi là Bạch Mã hay Tể Tướng Mã

Mã tại Hợi được gọi là Ô Truy Mã, Cùng Đồ Mã, Hữu Vi Ngự Sử Mã

Viết Viêm Tử có bài phú như sau:

Mệnh cung trung đóng sao Thiên Mã,

Tại Dần cung, gọi Mã Trạng Nguyên

Tể Tướng Mã, Thân cung an,

Ô Truy Ngự Sử, Hợi nhàn Mã lâm
Phù Thi Mã, Hình xâm Mã vị,
Xích Thố Mã, cung Tỵ Mã ngồi
Mã Đà, Triết Túc, què rồi
Giao Trì Lộc Mã, tiền tài đầy kho (AB331)

Ý nghĩa

Chủ sự thay đổi, di chuyển, có liên quan đến xe cộ hoặc chân tay
Có liên quan, ảnh hưởng đến công danh, tài lộc, phúc thọ

Thiên Mã tại Mệnh

Đa tài, thao lược, nhiều tài năng, đặc biệt là tài tổ chức

Nghị lực

Hiếu động

Nhanh nhẹn, thao vát, mau mắn

Khéo léo

Ăn nói giỏi, có tài ngoại giao

Hay đi xa, nên làm công việc có tính lưu động

Theo VVT đặc tính trên chỉ nổi bật khi Mã hợp Mệnh, còn nếu không hợp Mệnh thì lại là người ù lì, không có tài ăn nói

VVT cho rằng Mã tại Nữ Mệnh thì dâm, cùng Phá Quân hoặc Tham Lang đồng thủ Mệnh tại Dần Thân Tỵ Hợi thì là người rất lăng lơ và khắc chồng

Thiên Mã nhập Mệnh, mắn tiếp đa năng (1, B57)

Thiên Mã nhập Mệnh đó ai,

Tài năng mắn tiếp người người ngợi ca

Thiên Mã Nữ Mệnh ca

Thiên Mã Mệnh Thân tối vi lương (điều cực tốt)

Tử, Phủ, Lộc Tồn ngộ phi thường

Quan hoạn phùng chi, ứng hiển đạt

Sĩ nhân ngộ thử, phó khoa trường (kẻ sĩ gặp thì thi đậu) (AB464)

Luận giải Thiên Mã

Thiên Mã chủ sự vận động, biến chuyển, thay đổi, rất cần được phối hợp với các sao tốt đẹp và rất kỵ gặp các sát tinh, nhất là hãm địa hoặc Tuần Triệt. Tùy theo sự kết hợp với các sao thuộc loại nào mà mang tính chất thay đổi khác nhau: đi với tài tinh chủ về sự thay đổi liên quan đến tiền tài, đi với quý tinh hoặc văn tinh

thì thay đổi liên quan đến công danh sự nghiệp, đi với đào hoa tinh thì sự thay đổi liên quan đến hôn nhân, tình cảm, đi với hung tinh thì điều xấu dễ xảy ra. Vì mang tính chất thay đổi nên Thiên Mã, nhất là Lưu Thiên Mã tọa thủ tại các cung cũng góp phần tăng thêm ý nghĩa thay đổi như Thiên Mã tại cung Tài thì thay đổi liên quan đến tiền bạc, tại Điền thì thay đổi liên quan đến điền sản chỗ ở, tại Quan thì liên quan đến công danh nghề nghiệp, tại Di thì liên quan đến đi lại. Sự kết hợp của Thiên Mã với các sao chủ sự thay đổi như Thiên Đồng, Thái Âm, Song Hào sẽ gia tăng tính chất thay đổi. Sự thay đổi này tốt hay xấu, có lợi cho bản thân hay không thì cần luận đoán tổng hợp xem cung đó tốt hay xấu, đồng thời gia giảm trong tư thế sinh khắc giữa ngũ hành bản Mệnh với hành của Mã tại vị trí đóng. Rất nhiều sách vở căn cứ vào tương quan sinh khắc giữa ngũ hành của Mã và ngũ hành bản Mệnh để xác định tốt xấu. Họ cho rằng Mã cùng hành với bản Mệnh thì hợp cách, tốt nhất, toàn quyền sử dụng (Mã tại Hợi thì hợp cho người Mạng Thủy, Thổ), Mã sinh Mệnh cũng tốt, còn Mệnh khắc Mã thì không làm chủ được Mã, Mệnh sinh Mã thì bị xấu, Mã khắc Mệnh là xấu nhất. Đây là quan niệm phiến diện, cần nên được hiểu là khi Mã đồng hành hoặc sinh Mệnh thì sự thay đổi xấu tốt sẽ ứng mạnh vào bản thân hơn. Tiên quyết khi cung đó tốt thì sự xuất hiện của Mã sẽ gia tăng điều tốt vì Mã chủ sự biến chuyển, nếu được Mã đồng hành hoặc Mã sinh Mệnh thì càng tốt hơn vì ứng mạnh đến bản thân, còn các trường hợp khác thì sự chuyển biến gia tăng tốt không mạnh được vì không ứng mạnh. Nếu cung đó xấu thì sự xuất hiện của Mã chủ sự gia tăng điều xấu, nếu lại là Mã đồng hành hoặc sinh Mệnh thì càng xấu hơn, điều xấu sẽ ứng mạnh vào bản thân, rất bất lợi cho bản thân

Luận đoán Mã tại hạn

Mã và Lưu Mã chủ sự thay đổi nên rất quan trọng khi luận đoán, Lưu Mã ảnh hưởng đến tiểu hạn mà thôi. Cần chú ý rằng tiểu hạn của Nam thì luôn luôn có Lưu Mã, tiểu hạn của Nữ thì luân phiên có Lưu Mã hoặc Lưu Tuế Phù Hổ. Như vậy nếu chỉ căn cứ vào Mã mà giải đoán là có sự thay đổi liên quan đến công ăn việc làm hay đi xa thì chưa chắc đúng. Sau đây là vài điểm cần lưu ý cho sự thay đổi có khả năng xảy ra tại hạn khi:

Tiểu hạn có Mã hoặc Lưu Mã thủ đồng cung hay xung chiếu

Tiểu hạn có Mã hoặc Lưu Mã kết hợp với các sao thay đổi khác như Song Hào, Lưu Song Hào, Đồng, Lương, Nhật Nguyệt. Các sao thay đổi thủ tại hạn thì mạnh hơn chiếu hạn

Tiểu hạn và đại hạn trùng phùng có Lưu Mã thủ hoặc chiếu

Tiểu hạn có Lưu Mã chiếu tiểu hạn lẫn đại hạn, nếu có thêm Thiên Mã càng rõ Sự thay đổi tại tiểu hạn sẽ mạnh mẽ hơn khi đại hạn có sao thay đổi như Thiên Mã thủ, Đồng, Lương, Nhật Nguyệt, Song Hào, càng hội tụ nhiều thì càng thay

đổi mạnh. Đại hạn có cách thay đổi thì tiểu hạn mới có khả năng thay đổi mạnh được

Sự thay đổi có thể liên quan đến chỗ ở (mua nhà, dọn nhà), công việc (đổi trường, tốt nghiệp, đổi nghề, đổi nơi làm, thăng chức, xuống chức, có thêm nghề mới, mất việc..), đi xa (du lịch, công tác xa nhà), hạnh phúc tình cảm (lập gia đình, ly dị, có con, có bồ, chia tay), tiền tài (hoạch phát tiền tài, hao tài tốn của), bệnh tật tai họa (tai nạn, té ngã, mất xe, xe hư. Cần chú ý đến các sao lưu nhập hạn đặc biệt Lưu Lộc Tồn, Lưu Kinh Đà, Lưu Song Hao, Lưu Triệt

Sự kết hợp với Thiên Mã gia tăng tính tốt đẹp:

Mã Lộc Tồn đồng cung hay xung chiếu: rất tốt đẹp về mặt tài lộc, công danh, mọi việc đều hưng vượng, hanh thông, tài quan song mỹ, không phải nhọc nhằn mà tài lộc vào như nước. Đồng cung thì được gọi là Chiết Tiền Mã (bỏ roi đánh ngựa), xung chiếu thì gọi là Lộc Mã giao trì ví như ngựa vào đồng cỏ tha hồ mà ăn. Cách này tọa tại Mệnh, Tài, Điền hay Di hoặc hạn rất tốt đẹp

Mã Tràng Sinh hay Mã Hỉ Thần Tràng Sinh đồng cung, được gọi là Thanh Vân đắc lộ cách, chủ sự may mắn hanh thông, mọi sự đều được dễ dàng, thuận lợi, đặc biệt liên quan đến công danh quyền thế nhưng cần kết hợp thêm với các sao tốt đẹp khác như Lộc Tồn Tam Hóa thì ảnh hưởng mới mạnh mẽ. Thái Thử Lang cho rằng tại Hợi thì vất vả, không có lợi cho việc cầu công danh, chủ sự trắc trở nhưng cần xét lại vì Mã tại Hợi chưa hẳn là xấu

Mã Hỏa Tinh hoặc Linh Tinh đắc địa: đồng cung thì được gọi là Chiến Mã, Chiến Binh Mã, ngựa ra trận chiến đấu, chủ sự dũng mạnh, liên quan đến binh quyền, quân sự

Mã Khoa Quyền Lộc: gia tăng công danh, quyền hành, tài lộc. Theo kinh nghiệm Mã Hóa Lộc không tốt đẹp bằng Mã Lộc Tồn

Mã Tử, Phủ đồng cung tại Dần Thân được gọi là Phù Dư Mã, ngựa kéo xe cho vua tôi, chủ sự tài giỏi, thao lược, có uy quyền hiển hách, giàu sang, phúc thọ song toàn, hanh thông. Nếu có thêm Lộc Tồn (bộ Mã Lộc Tử Phủ) thì rất tốt đẹp Mã Nhật, Nguyệt sáng sủa, được gọi là Thư Hùng Mã chủ sự giàu sang vinh hiển Mã Khốc Khách hội hợp: được gọi là Tuần Mã, ngựa tốt, ví như ngựa đeo nhạc hay (Khốc), lại có người cỡi giỏi (Khách): chủ sự dũng mãnh, thao lược, chuyên về quân sự, có liên quan đến chinh chiến. Bộ này cần kết hợp với các sao sáng sủa tốt đẹp như Lộc Tồn, Hóa Lộc, Khoa, Quyền hoặc chính tinh sáng sủa thì mới có nghĩa tốt đẹp được

Sự kết hợp với Thiên Mã gia tăng tính xấu xa (chú ý các cách tốt đẹp trên nếu rơi vào trường hợp dưới đây thì trở thành phá cách, phá nhiều hay ít thì còn tùy theo

sự kết hợp với sao nào)

Mã gặp hung tinh hãm địa (như Hỏa Linh, Kinh Đà, Không Kiếp hãm) thủ chiếu. Càng gặp nhiều sao thì càng xấu, gây ra sự trở ngại, bế tắc, thất bại, tai họa, gặp Không Kiếp hãm địa thì xấu nhất. Mã Đà đồng cung hay xung chiếu được gọi là Chiết Túc Mã, ngựa bị què, gây ra sự thay đổi bất lợi, gây ra sự ngăn trở trong mọi công việc hoặc tai họa. Nếu các hung tinh đắc địa thì chủ sự hoạch phát hoạch phá đến rất nhanh chóng.

Mã Triệt, Mã Tuân (Mã Triệt thì xấu hơn Mã Tuân). Mã Tuân, Triệt còn gọi là Tử Mã, ngựa bị chết, gây ra tai họa, bại hoại, chết chóc

Mã Hình đồng cung (cho dù Hình đắc hay hãm, hãm địa tại Ty Hợi thì càng bất lợi). Mã Hình đồng cung còn gọi là Phù Thi Mã, ngựa mang xác chết, gây tai họa khủng khiếp, chết chóc thê thảm, thường là tai nạn hình thương liên quan đến tay chân nhưng khi Hình đắc địa tại Dần Thân thì cần thêm sự phối hợp với các hung tinh khác mới rõ nét, nếu đi với nhiều cát tinh thì không phải lo sợ về điều xấu. Đây là ba phá cách của Thiên Mã rất mạnh, các cách dưới đây tuy xấu nhưng cũng không đáng lo ngại:

Mã Tuyệt đồng cung: gọi là Cùng Đồ Mã, ngựa cùng đường không lối chạy chủ sự bế tắc, thất bại

Mã Hao đồng cung: gọi là dâm Mã, gây ra hao hụt, thay đổi mạnh

Mã Tang Hư Khốc: gây ra hao tán tiền tài, xa cách, nhân lý tài tán, lo lắng, buồn phiền

Mã Lương Ty Hợi là cách dâm đãng, ăn chơi phóng túng

Cần chú ý là Mã tại Hợi thì cũng được cho là Cùng Đồ Mã, chủ sự bế tắc, thất bại. Thực tế kinh nghiệm cho thấy Mã tại Hợi chưa hẳn là xấu, xấu tốt cũng chủ yếu căn cứ vào cung đó được phán đoán là tốt hay xấu mới quyết định

Thiên Mã với Phụ Tinh

Mã Lộc hội hợp là cách hiếm có, là người tài giỏi, có phong độ, Nữ Mệnh thì vượng phu ích tử

Vượng phu ích tử lương do Lộc Mã giao trì (6)

Mã Lộc ấy một phường hội ngộ, cách phi thường phong độ anh tài (7)

Mệnh có Thiên Mã thủ, Lộc Tồn xung chiếu hoặc có Lộc thủ Thiên Mã xung chiếu thì giàu có, dễ kiếm tiền và được nhiều người thương mến. Thiết tưởng Lộc Mã đồng cung cũng có nghĩa như vậy:

Lộc Mã tới hỉ giao trì, chúng nhân sung ái (10, TTL)

Mã Song Lộc thì là người chuyên quyền. Lã Hậu kiêm việc triều chính vì cung Mệnh tại Dần có Lộc Tồn và Hóa Lộc gặp Thiên Mã. TTVT giải rằng Lộc Tồn gặp Thiên Mã tọa thủ đồng cung nên lời giải không chính xác
 Lã Hậu chuyên quyền, lưỡng trùng Thiên Lộc, Thiên Mã (16)
 Kìa như phụ nữ chuyên quyền,
 Lưỡng trùng Lộc Mã, Mệnh viên rõ ràng (B169)
 Mệnh bà Lã Hậu chuyên quyền,
 Lưỡng phùng Lộc, Mã thủ viên rõ ràng (B159)
 Mệnh bà Lã Hậu chuyên quyền,
 Song Lộc ngộ Mã thủ liền một cung

Mệnh có Lộc Tồn Thiên Mã đồng cung thì là cách rất tốt đẹp, hơn người, ăn trên ở trước, buôn bán phát đạt mà trời nên giàu có
 Lộc Tồn Thiên Mã đồng gia (đồng cung), có người buôn một bán ba nên giàu (24)
 Lộc Tồn Thiên Mã đồng (cùng) gia, Có người buôn một, bán ba nên giàu (B43)
 Mã Lộc thấy một vùng hội ngộ, Cách phi thường, phong độ anh tài (B40)
 Văn hơn (văn chương hơn người) là Việt, Khoa, Khôi,
 Ngồi ở trên người, Lộc Mã đồng cung (B156)
 Đồng cung Tồn (Lộc Tồn) Mã gặp nhau,
 Ấy Chiết Tiền Mã, ngàn dâu trắng đường (chạy đường xa)

Mệnh có Lộc Tồn Thiên Mã thì không sát tinh xâm phạm thì công danh tốt đẹp, văn chương lỗi lạc danh thếp. Chú ý câu phú này không đề cập là phải đồng cung Thiên Lộc Thiên Mã kinh nhân giáp đệ (18)
 Mệnh Thân an tọa Tứ Sinh,
 Cánh phùng Lộc, Mã thủ thành Mệnh viên (B166)
 Tam phương củng chiếu đều yên,
 Kinh nhân giáp đệ, danh trên bảng rồng (B166)

Mệnh có Lộc Tồn tọa thủ, Mã xung chiếu hay có Mã thủ, Lộc Tồn xung chiếu nếu gặp Kiếp Không Tuế hội hợp thì mờ ám xấu xa, suốt đời chẳng mấy khi được xúng ý toại lòng, công danh trắc trở, hay phải lo lắng về sinh kế và khó tránh tai họa
 Lộc đảo, Mã đảo, kị Kiếp Không Thái Tuế (10, TTL)

Mã Lộc gặp Tướng Quân (chú ý Tướng Quân bao giờ cũng tam chiếu với Lộc Tồn) thì là người giàu sang và là người đảm lược, anh hùng :
 Mã Lộc ngộ Tướng (Tướng Quân) mấy ai, giàu sang đến trước đàn trai anh hùng

(21)

Tướng Quân Lộc Mã mấy người, Giàu sang đến trước đáng trai anh hùng (B41)
 Tướng Quân, Lộc, Mã có người, Giàu sang đảm lược, nên trai anh hùng (cung
 Huynh Đệ - QXT)

Tướng (Thiên Tướng) Ấn chính vị Công Hầu,
 Binh, Hình, Lộc, Mã hội châu Mệnh viên (AB)

Thiên Mã gặp Tràng Sinh thì công danh hoạnh đạt, hay gặp may mắn, hưởng
 phúc lâu bền:

Mã ngộ (hoặc hi) Tràng Sinh, thanh vân đắc lộ (13, B58)

Mã ngộ Trường Sinh nhi hưởng phúc (19)

Thiên Mã thiên trình ngộ Tràng Sinh nhi hưởng phúc (B77)

Mã Tràng Sinh đồng cung tại Hợi là người phải hay bốn ba lận đận
 Tràng Sinh tại Hợi, Tuyệt xứ phùng sinh, nhi phùng Thiên Mã lộ đồ bốn tẩu (40)

Mã Tràng Sinh, Hi Thần (Thiên Hi không bao giờ hội hợp với Mã) thì chủ sự gặp
 may mắn về công danh:

Một áng có Tràng Sinh Mã Hi,

Đường mây xanh phi chí bỗng tang (gặp may mắn về công danh) (B113)

Tràng Sinh, Mã, Hi đồng cung,

Công danh đắc lộ, vẫy vùng một phương (HC 152)

Hạn gặp Khoa Quyền Lộc Mã thì rất tốt đẹp, chủ sự hiển vinh

Khoa Quyền Lộc Mã vận này,

Mừng rằng số ấy đến ngày hiển vinh

Khoa, Quyền, Lộc Mã, Văn, Khôi,

Công thành danh toại đến hồi hiển vinh (QXT)

Khoa, Quyền, Lộc Mã, Thiên Khôi,

Công thành danh đạt đến hồi hiển vinh (VT)

Khoa Quyền Lộc Mã hội hợp bị Không Kiếp xâm phạm thì là phá cách, trở nên
 xấu xa:

Khoa Quyền Lộc Mã tu phòng (đề phòng) Không Kiếp ám xung (5)

Thiên Mã gặp Tam Thai thì là anh hùng không có đối thủ, vô địch:

Thiên Mã ngộ Tam Thai anh hùng vô đối (3, B69)

Mệnh Mã Khúc nếu có tính cần kiệm thì được hưởng phúc trước 40 tuổi:
 Tính cần Mã Khúc ư tứ thập nhị tiền (4, B80)

Mã gặp Khốc Khách thì gọi là Tuần Mã, như ngựa có nhạc:
 Tuần Mã Khốc Khách hợp bài,
 Ngựa kia có nhạc anh hài lên yên
 Mã cùng Khốc Khách hợp vào,
 Ngựa kia có nhạc anh hào lên yên

Mệnh có Thiên Mã không gặp sao Không (Tuần, Triệt, Thiên Không, Địa Không) thì là bậc quân tử, con nhà lương thiện gia giáo. Theo QXT thì tại cung Phối mới có nghĩa này:

Mã bất kiến Không lương gia quân tử (8)
 Mã chẳng gặp với Không ở đó, Người tử nhân nhà họ lương gia (B45)
 Mã chẳng gặp Tứ Không ở đó, Thời con nhà vọng tộc lương gia (QXT, cung Phối)

Thiên Mã gặp Tuần hay Triệt án ngữ cả đời long dong nay đây mai đó
 Mã ngộ không vong chung thân bôn tẩu (5, 11)
 Thiên Mã ngộ Tuần không, chung thân bôn tẩu (B68)
 Tuần Triệt hội Mã Mệnh viên, Ấy là ngựa chết đời liên gian chuân

Mã gặp Không thì lẳng lơ ong bướm (cũng như Thiên Đồng Thiên Riêu thì ngoại tình), theo QXT thì lấy vợ giang hồ:
 Đồng Riêu ý ngoại chẳng bàn,
 Tứ Không ngộ Mã nhiều đoàn bướm ong (B45)
 Cơ Riêu, ấy ngoại tình bàn,
 Tứ Không ngộ Mã lắm đành bướm ong (QXT, lấy vợ giang hồ)
 Cái ngộ Mộc (Mộc Dục) gái nào đoan chính, Mã ngộ Không là tính phiêu bồng

Mã gặp Thiên Hình thì là ngựa mang xác chết, đưa đến hình thương tay chân:
 Thiên Hình ngộ Mã chẳng nên,
 Phù Thi Mã ắt tật nguyên chân tay
 Thiên Hình chặn Mã chẳng nên,
 Ngựa mang xác chết tật nguyên chân tay

Theo Thái Vân Trình thì Mã Hình gặp Khốc (Bộ Mã Khốc Khách Thiên Hình) thì

như Công Hoan phát về võ nghiệp, câu phú này cần phải kiểm nghiệm lại:
Mã ngũ Thiên Hình nhi phùng Thiên Khốc, Công Hoan phát võ (10)

Thiên Mã gặp Hình, Hỏa thì nguy hiểm:
Hình Hỏa kị phần Thiên Mã (B71)

Mã gặp Linh, Hỏa miếu địa thì rất tốt đẹp, nhất là về quân sự:
Mã ngũ Linh, Hỏa miếu cung,
Chiến Binh Mã ấy vậy vùng nơi nơi
Mã ngũ Linh Hỏa miếu cung,
Chiến binh Mã ấy vậy vùng mọi nơi

Mệnh hay Thiên Di có Mã gặp Hỏa thì không nên đi xa bất lợi. TTV ghi thêm gặp
Linh Tinh thì cũng vậy. Thiết tưởng cần phải Hỏa Linh hãm địa:
Chích Hỏa (Hỏa Tinh) phần Thiên Mã bất nghi xuất hành (hay viễn hành) (15)

Mã gặp Hỏa hay Linh thì đề phòng hỏa hoạn, cháy nhà
Hỏa Linh ngũ Mã oan gia, đề phòng hỏa hoạn mới là khỏi tai (9)
Hỏa ngũ Mã phải oan gia, Lánh nợ lửa cháy mới hòa khỏi tai

Kinh hay Đà thủ gặp Mã xung chiếu thì là số nhà binh phải đánh Đông dẹp Bắc
mãi không thôi:
Dương Đà phùng Mã trực xung (Mã xung chiếu), Những là đánh Bắc dẹp Đông
chẳng rồi (14)

Mệnh có Linh Mã gặp Kinh hay Đà thì chân tay bị tàn tật. Theo TTL thì Linh Mã
cần đồng cung:
Linh phùng Mã, nhi ngũ Kinh, Đà, hữu tật tứ chi (TTL)

Mã gặp Đà La thì dễ có đói tật hoặc bị tai nạn đặc biệt liên quan đến chân tay:
Cơ, Lương hãm khôn ngoan xảo trá,
Đói tật vì Mã Đà trùng giao (B46)

Lộc Mã rất tốt đẹp nhưng nếu gặp Triệt, cũng giống như Thái Tuế gặp Không
Kiếp lại là phá cách, trở nên xấu xa:
Kiếp Không Thái Tuế suy vi, Lộc Mã ngũ Triệt ích gì nữa mong

Lộc Mã ngũ Bại, Tuyệt hương (ở Bại Địa, Tuyệt Địa)

Tuế ngộ Không Kiếp là phương không lành (B171)

Mệnh Thân đồng cung an tại Ty Ngọ hoặc Hợi VCD rất sợ gặp Mã Hình Linh
Kiếp hội hợp ví như hoa nở đã gặp mưa gió vùi dập nên rất xấu xa, nếu giàu sang
thì chết sớm, nghèo hèn thì sống thọ:
Mệnh Thân đồng tọa như Hỏa cung hoặc lâm Hợi địa đồng cung VCD khủng khiếp
Mã Hình Linh Kiếp thủ chung hoa khai ngộ vũ, mãn thế phi bần tắc yếu (23)

Mã gặp Đà La hay Tuần Triệt thì gian nan, thay đổi bất lợi, đề phòng tai nạn liên
quan đến tay chân:

Chiết Túc: Đà Mã sum vầy,
Tử Mã: Tuần Triệt đêm ngày khám kha
Đà La với Mã sum vầy,
Dây gai vương vít Mã này gãy chân

Hay gì Mã gặp Đà Dương,
Nhọc nhằn những áng sa trường đôi khi (B112)
Dương Đà phùng Mã trực xung,
Những là đánh Bắc đẹp Đông chẳng rồi
(là quân nhân phải vất vả đánh Đông đẹp Bắc)

Mã Tuyệt đồng cung là ngựa hết đường chạy, chủ sự bế tắc, thất bại:
Mã cùng sao Tuyệt một nhà, Cùng Đồ Mã ấy thật là vô phương
Mã kia Tuyệt địa một nhà, Cùng Đồ Mã ấy thiệt là vô phương

Khốc Hư Tang Mã chẳng lành,
Hại người hại của, phận đành tai ương

THIÊN MÃ VỚI CHÍNH TINH

Mã kết hợp với Tử Phủ đồng cung hoặc Nhật Nguyệt sáng sủa là hợp nhất, rất tốt
đẹp, đi với Thiên Lương Ty Hợi thì là cách phong lưu ăn chơi, dâm dăng, đi với
Liêm Tham Ty Hợi

Tử Phủ Dần Thân gặp Mã thì chủ sự hanh thông may mắn:
Tử Phủ gặp Mã Dần Thân,
Phù Dư Mã, ắt thanh vân lộ đồ

Tử Vi gặp Mã Lộc Tồn là phi thường cách, rất tốt đẹp:
 Lộc Tồn, Tử (Tử Vi) cùng Thiên Mã hội,
 Ngộ phi thường, mừng buổi phong lưu (QXT)

Nhật Nguyệt sáng sửa gặp Mã đồng cung gọi là Thụ Hùng Mã, chủ về giàu có:
 Nhật Nguyệt địa, Mã tương hội,
 Thụ Hùng Mã ắt tài cơ sang giàu

Nhật tại cung Tỵ thì rất sáng sửa tốt đẹp ví như mặt trời ở trên cao tỏa ánh sáng xuống, gặp được Lộc Mã Tràng Sinh, Lộc Tồn (chú ý TTL không đề cập đến Lộc Tồn), Tả Hữu thì rất giàu có trong thời bình, nếu gặp Tướng Ấn Bình Hình và không bị Tuần Triệt xâm phạm thì lập chiến công trong thời loạn
 Nhật tại Tỵ cung, Nhật mỹ huy thiên, kiêm lai Lộc Mã Tràng (Tràng Sinh) Tồn (Lộc Tồn) Phụ Bất thể sự thanh bình vi đại phú (thời bình thì rất giàu có), nhược kiêm Tướng Ấn Bình Hình vô lai Tuần Triệt (không bị Tuần Triệt xâm phạm) loạn thể công thành (lập chiến công trong thời loạn) (39, TTL) (chú ý TTL không ghi Lộc Tồn)

Nhật, Mộc Dục, Thiên Mã tại cung Tỵ gặp Trường Sinh, Phụ Bất thì phú quý vinh hiển, nếu gặp Tướng Ấn thì phải gặp thời loạn mới thành công:
 Nhật, Mộc (Mộc Dục), Mã tại Tỵ cung,
 Trường Sinh, Phụ Bất hợp cùng: phú vinh (HC 55)
 Bằng gặp Tướng Ấn: binh hùng,
 Phải thời loạn thể mới thành công to (HC)

Mệnh Vũ Khúc tọa thủ có Lộc Mã hội hợp thì kiếm tiền dễ dàng ở nơi xa quê hương. TTL cho rằng Vũ cần đắc, vượng, miếu. Lộc ở đây là Lộc Tồn và chỉ có cung Dần Thân mới có cách Lộc Mã đồng cung hay xung chiếu mà thôi nên cách này chỉ có Vũ Tướng Dần Thân, Vũ Khúc Thìn Tuất mới có khả năng gặp Vũ Khúc Lộc Mã giao trì (Lộc Mã xung chiếu nhau), phát tài viễn bộ (viễn quận) (24, TTL)

Tham Liêm đồng cung tại Hợi thì như mây không gặp gió, nghĩa là xấu, không có thời, gặp Tuyệt Linh Tinh hội hợp (theo TTL thì đồng cung) thì là người nghèo khó, và nếu gặp Kinh Dương Không Hư Mã thì cả đời nếu không chết sớm thì cũng cô đơn bán hàn
 Tham Liêm Càn Thượng (cung Hợi, nghĩa là Tham Liêm đồng cung tại Hợi) vân lập vô phong (mây không gặp gió, nghĩa là xấu, không có thời) Tuyệt Linh ưu

nhập, vi nhân bản khổ, nãi phùng Dương Nhận (nếu gặp Kinh Dương) Kiếp Không Hư Mã chung thân phi yêu tác cô bản (47, TTL)

Cự Nhật Mệnh viên (tại Dần Thân) hạn đáo Sát (hạn gặp Kiếp Sát) Hình Kiếp Ky tu phòng tâm phế (đề phòng bệnh về tim phổi), kiêm Thiên Mã hội hãm tật tử chi (gặp thêm Thiên Mã thì bị tật về chân tay, què tay cụt chân), duy hạnh Song Hao khả giải (gặp Song Hao thì có thể giải cứu được) (9)

Thiên Lương tại Ty Hợi gặp Thiên Mã đồng cung hay xung chiếu thì là người phiêu lãng, thích ngao du đó đây, chơi bời. Nữ Mệnh có thì dâm đảng, hoa nguyệt bừa bãi, nếu không gặp quý tinh thì nghèo hèn ti tiện

Thiên Lương, Thiên Mã vi nhân phiêu đảng vô nghi (8)

Mệnh ngộ Mã Lương, túng du vô yếm (B58, 2)

Thiên Lương ngộ Mã Nữ Mệnh tiện nhi thả dâm (9, TTL)

Thiên Lương mà ngộ Mã tinh, Nữ Mệnh hèn hạ, tính tình hoang dâm

Nét dâm số gái yêu kiều, Mệnh cung Thiên Mã Lương châu không sai (B159)

Buông lòng dục hoang dâm chẳng chán, Mã cùng Lương giao hãm miếu xung (B114)

Thiên Lương, Thiên Mã đồng hành, Yêu kiều gái ấy dẫn mình bướm ong

Phiêu bạt (lang thang đây đó) ấy Mã Lương viên hãm, Hoặc Hỏa Linh Không Kiếp không lành (B156)

Thiên Mã tại Ty là Chiến Mã, gặp Lương Khoa thì rất tốt, là người tài ba lỗi lạc, gặp thời loạn thì hoành đạt

Thiên Mã tại Ty thị ư Chiến Mã, hạnh ngộ Lương Khoa loạn thế xuất đầu (11)

Cơ Lương sáng sủa (như Đồng Lương Dần Thân, Cơ Lương Thìn Tuất) gặp Lộc Mã thì rất giàu có. TVT cho rằng ở Điền hay Tài cung vậy.

Cơ Lương phùng Lộc Mã, phú kham địch quốc (rất giàu có) (14)

Thiên Di có Cơ Mã đồng cung thì là người làm công vụ ở nước ngoài, ở phương xa, hay xa nhà:

Thiên Di Cơ Mã cùng ngôi (đồng cung), Đông trì, Tây vụ pha phôi côi ngoài (8)

Tử Vi Thất Sát tại cung Ty thì ví như vua mang kiếm báu tất nhiên có uy quyền và phú quý, gặp Hỏa Tinh, Tuyệt hội hợp thì người khát máu, tàn nhẫn, hay giết người, nhưng lại gặp thêm Bát Khoa Mã Ấn Tràng Sinh, Hồng Loan thì lập được chiến công thần kỳ, là Đại Tướng

Sát Tử (Tử Vi Thất Sát) Tôn cung (cung Ty) Đế huê bảo kiếm, Hỏa (Hỏa Tinh)
Tuyệt nhập xâm, đa sát chi nhân, hạnh ngộ Bát Khoa Mã Ấn Sinh Hồng di lập
chiến công vi Đại Tướng (TTL)

Sát Mã chiếu Mệnh Thân Ngọ vị,
Đẳng Công Hầu võ lược tôn vinh (làm đến Công Hầu võ nghiệp cao) (B112)

Mã gặp sát tinh Quan Phù hội hợp thì đề phòng bị giam cầm, tù tội:
Sát Phù (Quan Phù) Mã gặp nhau phương ấy,
Nổi nhà Linh vận ấy thêm càng (bị giam vào nhà Linh tức là ở tù) (B112)

Mệnh có Phá Quân hay Tham Lang gặp Lộc Mã trai thì chơi bời hoang đàng, đàn
bà thì dâm dật, nhưng lại kiếm tiền dễ dàng vì có Lộc Mã:
Phá Quân, Tham Lang phùng Lộc Mã, Nam đa lãng đãng Nữ đa dâm (19, TTL)

Phá Quân gặp Thiên Mã thì như người nước Tề ghét người nước Kim, ý nói
không tốt đẹp, hai sao này không nên gặp nhau
Tề tu kiến Kim phu giai do Phá Quân phùng Thiên Mã (16)
Tề Tử kiến Kim phu giai do Phá Quân phùng Thiên Mã (B81)

Phá Quân gặp Mã, Riêu thì là hạng du đãng:
Phá Quân, Riêu, Mã hợp vào,
Ấy hạng du đãng ai nào muốn thân

Mệnh Thân đồng cung an tại Ty Ngọ hoặc Hợi VCD rất sợ gặp Mã Hình Linh
Kiếp hội hợp ví như hoa nở đã gặp mưa gió vùi dập nên rất xấu xa, nếu giàu sang
thì chết sớm, nghèo hèn thì sống thọ
Mệnh Thân đồng tọa như Hỏa cung hoặc lâm Hợi địa đồng cung VCD khủng kiến
Mã Hình Linh Kiếp thủ chung hoa khai ngộ vũ, mãn thế phi bần tắc yếu (23)

Mệnh ở Ty Hợi có Kiếp Không Tướng Mã tọa thủ đồng cung, có Khoa thì trong
lúc loạn lạc gặp được đúng vua nên lập được sự nghiệp lớn lao
Không Kiếp hà hiềm Ty Hợi, Tướng Mã đồng cư chi hội Khoa Tinh, loạn thế
phùng quân chi cách (TTL)

THIÊN MÃ TẠI CÁC CUNG
Cung Điền, Tài

Thiên Mã nên ở Điền Tài thì rất tốt đẹp, lúc phát thì điền tài vào nhanh như ngựa chạy:

Thiên Mã yếu thủ ư Điền Tài (18, B63)

Mã thủ viên Điền Tài hội hợp,

Tướng (Thiên Tướng) lợi cung Thê Thiếp lạ đường (Thiên Mã tại Điền Tài hay cung Thê có Thiên Tướng thì tốt lạ thường) (B115)

Cơ Lương gặp Lộc Mã tại Điền Tài thì có nhiều tiền bạc, tài sản như Thạch Sùng Của cải ví Thạch Sùng kim cốc,

Ở Điền Tài Lộc Mã Cơ Lương (B111)

Cung Quan

Cung Quan có Mã gặp Khốc Hình Quyền Lộc thì phát về võ nghiệp, làm quan văn thì đến nhất phẩm:

Mã ngộ Khốc nhĩ phùng Hình Quyền Lộc tại Quan cung võ tất thăng ban đệ nhất, văn hội chuyên đạt Tam Công (9)

Cung Di

Thiên Di có Lộc Mã thì giàu có lớn, ra ngoài buôn bán tiền vào như nước, tiền tài vào như ngựa chạy. Thực chất đây là cách Lộc Mã giao trì tại Mệnh:

Lộc Mã Thiên Di sinh tài hữu lực (14, B63)

Cách Lộc Mã Thiên Di dễ được,

Số sinh tài có sức ghê thay (B115)

Tài buôn bán nhiều bề giới dẫn,

Mã Mệnh cung, Tồn (Lộc Tồn) tại Thiên Di

Cung Tử Tức

Cung Tử Tức có Thiên Mã gặp Không (Tuần Triệt) thêm Tả Hữu thì có con sanh đôi

Tử cung Thiên Mã phùng không, gặp sao Phụ Bát một vùng sanh đôi (20)

Cung Phối

Phu Thê an tại Dân Thân Ty Hợi có Thiên Mã tọa thủ thì đi xa mà nên duyên vợ chồng và thường là người giàu có, phú quý song toàn:

Thiên Mã Tứ Sinh Thê cung phú quý hoàng dương phong tặng (22)

Cung Thê có Mã gặp Triệt, Tuần thì vợ bỏ chồng trốn đi nơi xa, theo Quân Xuân Thịnh thì Mã Hình gặp Tuần, Triệt mới có nghĩa này:

Triệt Tuần ngộ Mã hành Thê vị,
 Vợ bỏ chồng đào tị tha hương (NMB, VT)
 Người nội trợ phương xa lộn bỏ,
 Vì Thê cung Mã ngộ Triệt, Tuần (B109)
 Triệt Tuần ngộ Mã, Hình Thê vị,
 Vợ bỏ chồng đào tị tha phương (QXT)

Cung Thê có Thái Âm phùng Khúc Lộc Ân Mã Đồng thì lấy vợ giàu có. Thiết
 tưởng Thái Âm cần sáng sửa nghĩa là rơi vào trường hợp Thái Âm tại Thân, Dậu,
 Tuất, Tị. Có nhiều sự khác biệt về câu phú này và cho rằng Thái Âm gặp Đức, Ân
 Quang, Mã, Đồng (QXT) hoặc Quang Ân Mã hoặc Mã, Đức (Thiên Đức) Ân
 nhưng Mã gặp các sao Thiên Đức hoặc Tứ Đức là điều không thể xảy ra
 Vợ giàu của cải vô ngần, Thái Âm phùng Khúc Lộc Ân Mã Đồng (Thiên Đồng)
 (18)

Vợ giàu của cải muôn vàn,
 Thái Âm ngộ Đức, Ân Quang, Mã, Đồng (QXT)
 Vợ giàu có của vô ngần,
 Thái Dương ngộ đắc Quang Ân Mã đồng (VT)
 Thái Âm, Thiên Mã, Đức, (Thiên Đức) Ân,
 Cửa nhà hào phú của nhân vợ giàu (nhờ vợ mà giàu có) (B111)

Cung hạn
 Thiên Mã nhập hạn ca
 Thiên Mã lâm hạn tối vi lương
 Tử, Phủ, Lộc Tồn ngộ phi thường
 Quan hạn (phí, VTL) phùng chi, ung hiển đạt
 Sĩ nhân ngộ thử, phó khoa trường
 Thiên Mã thủ hạn bất đắc trú,
 Hựu phạ Kiếp Không lai tương ngộ,
 Cánh kiềm Thái Tuế tọa cung trung (thêm Thái Tuế nhập hạn, VTL)
 Hạn đao lý nhân (kỳ nhân, VTL) tâm tử lộ (chết đường) (QXT)

Hạn có Thiên Mã gặp Hình Hỏa thì họa rất nguy hiểm, Thái Vân Trình ghi rằng
 Mã gặp Hình:
 Hình họa kỵ phân Thiên Mã (12)
 Hình Hỏa kỵ phân Thiên Mã (B71)

Hạn gặp Khốc Hư Tang Mã thì hung, hại người, tổn của, lo lắng buồn phiền

Khốc Hư Tang Mã chẳng lành, hại người hại của dễ sinh lo lường (8)

Hạn gặp Tang Môn Mã Kinh Dương tại Hợi thì đề phòng súc vật bị dịch chết:
Tang Môn Mã Nhận (Kinh Dương) Hợi cung, Hạn phùng năm ấy bò trâu chẳng lành (7)

Hạn gặp Khoa, Quyền, Lộc Mã thì như rồng gặp mây, may mắn về tiền tài công danh:

Khoa, Quyền, Lộc Mã vận này, mừng rằng số ấy đến ngày hiển vinh (10)

Hạn Khôi Việt, Khoa Quyền Lộc Mã,

Áng công danh đã thỏa nguyện xưa (công danh thành đạt toại nguyện) (B110)

Hạn gặp Thiên Mã gặp Không thì nhiều lo âu, gặp Tả Hữu thì nhiều công việc

Lo âu ấy Mã Không quản vận,

Nhiều việc thì Tả Hữu lưu niên (B110)

Hạn có Hỏa Linh gặp Mã thì đề phòng hỏa hoạn, cháy nhà

Hỏa Linh ngộ Mã oan gia, đề phòng hỏa hoạn mới là khỏi tai (9)

Hỏa ngộ Mã phải oan gia, Lánh nợ lửa cháy mới hòa khỏi tai

Các câu phú cần xét lại:

Lo về Thiên Mã phùng Không,

Gặp sao Phụ Bát một vùng sanh đôi

Ngại hiềm Mã ngộ Không vong,

Gặp sao Tả Hữu hạn phùng cả đôi

(tại cung Tử thì có con sinh đôi)

Đồng Riêu ý ngoại chẳng bàn,

Tứ Không ngộ Mã nhiều đoàn bướm ong (B45)

Cơ Riêu, ấy ngoại tình bàn,

Tứ Không ngộ Mã lắm đành bướm ong (QXT, lấy vợ giang hồ)

Mã Đào duyên nợ tư sinh,

Không cần mối lái, ái tình kết giao

(Chú ý Mã và Đào không thể gặp nhau được)

Trăm bề du thủy du sơn,

Thiên Di phùng Mã tới vườn Đào Hoa

Trai thì du thủy du sơn, Thiên Di ngộ Mã nơi vườn Đào Hoa (17)

Chơi bờ du thủy du sơn,
Thiên Di gặp Mã hợp chàng (QXT)
(hay đi chơi bờ lâu lóng) (B36)
Chơi bờ du thủy du sơn,
Thiên Di Thiên Mã hợp chàng Đà La

Thiên Di Cơ Mã cùng ngồi,
Đông trì Tây vụ pha phối côi ngoài
Thiên Di bày Mã, Binh ngồi,
Đông trì Tây vụ pha phối côi ngoài (QXT)
Thiên Di Lộc Mã cùng ngồi,
Đông trì Tây vụ pha phối quê người (VT)
Long đông Đông tẩu Tây trì,
Bởi vì Thiên Mã Thiên Di hãm nhàn
(Thiên Di có Thiên Mã ở vào nhàn cung thì long đông bên ba khổ cực. Thái Vân
Trình cho rằng Mã tại Hợi là nhàn cung) (B35, 16)
Kìa những số Thiên Di nhị Mã,
Đường Đông Tây tất tả bên ba (B112)

Lưu Lộc Tồn, Lưu Thiên Mã gặp Kinh, Đà, Hóa Kỵ, Thái Dương thì phải đề
phòng bệnh đau mắt:
Ngán thay Lộc Mã cùng lưu, Dương Đà Kỵ Nhật mất đau phải phòng (22)
Ngán thay (vận phùng) Lộc Mã cùng lưu,
Dương Đà Kỵ Nhật mất đau phải phòng
(Lộc Mã lưu gặp Kinh Đà Kỵ Nhật thì phong bị đau mắt) (B27)
Vận lưu, Lộc Mã cùng lưu,
Dương Đà Kỵ Nguyệt mất đau phải phòng (VT)
Vận năm Lộc Mã cùng lưu,
Dương Đà Kỵ Nhật mất đau khá phòng (Hạn gặp thì đề phòng đau mắt) (B110)

Vũ, Cơ, Lộc, Mã, Quả (Quả Tú), Loan (Hồng Loan),
Hôn nhân thuở ấy mới tròn thất gia
(hạn gặp thì lập gia đình)
Vũ, Cơ, Lộc, Mã, Long, Loan,
Trai ban binh tước, gái bàn thư cư (Hạn gặp, con trai thì có công danh, gái thì có
người đến hỏi cưới)
Vũ, Cơ, Lộc, Mã, Hỉ, Hồng,

Hôn nhân vận ấy đèo bông thất gia
(Chú ý rằng Hồng Loan và Thiên Mã không thể gặp nhau. Thiên Hỉ không thể gặp Mã thành ra Hỉ phải hiểu là Hỉ Thần, Cơ và Vũ không thể gặp nhau. Như vậy thì an thua cách giải thích, ví dụ như Vũ Khúc hay Thiên Cơ gặp Lộc Mã Quả Tú hoặc gặp Lộc, Hồng Loan...)

Cung Tỵ Hợi đứng cùng Thiên Mã,
Chí đổi thay ấy gã phiêu linh
Còn như nữ Mệnh cho rành,
Cách này thấy rõ thâm tình hạ lưu (HC78)

Trường Sinh, Lực Sĩ nói ngoan,
Phủ phùng Thiên Mã luận bàn thấp cao

Thiên Quan và Thiên Phúc

Thiên Quan quý nhân

Quan có nghĩa là chức quan (mỗi người giữ một việc gì để trị nước gọi là quan), ngôi quan (chỗ ngồi làm việc ở trong triều đình gọi là quan) hoặc là cái mũ

Thiên Phúc quý nhân

Phúc có nghĩa là sự tốt lành (Kinh Thi chia ra năm phúc : (1) Giàu (2) Yên lành (3) Thọ (4) Có đức tốt (5) Vui hết tuổi trời). Còn có nghĩa là giúp, tấm lòng, sự đùm bọc.

Theo VVT thì Thiên Quan là thần của Trời, Thiên Phúc là thần của Đất, chuyên ban phúc

Ngũ hành

Thiên Quan Quý Nhân hành Dương Hỏa

Thiên Phúc Quý Nhân hành Âm Thổ (LQT, VVT cho rằng hành Hỏa)

Kết hợp đủ bộ

Chỉ có bốn tuổi Ất, Mậu, Tân, Nhâm mới có đủ bộ Quan Phúc: tuổi Mậu thì đồng cung (tại Mão), tuổi Ất, Tân, Nhâm thì tam hợp với nhau (Ất: Thìn - Thân, Tân: Tỵ - Dậu, Quý: Ngọ - Tuất), riêng tuổi Đinh thì có cách nhị hợp tại Dần - Hợi và tuổi Giáp thì có cách giáp Quan Phúc tại cung Thân (Mùi - Dậu)

Quan Phúc có đặc điểm là ngoại trừ tuổi Mậu và Thiên Phúc cho tuổi Canh, các tuổi khác thì sẽ kết hợp với Kinh, Đà (hoặc cả hai) hay Lộc Tồn

Khi xét Quan Phúc thì cần xét trong mối quan hệ với các sao an theo năm, đặc biệt là có Khôi Việt hoặc Hao không. Có Khôi Việt thì gia tăng văn cách, có Hao thì chủ thay đổi hoặc hao tán

Ý nghĩa

Đây là hai phúc thiện tinh, chủ cứu khổ phò nguy, chủ gia tăng phúc thọ, giải trừ bệnh tật tai họa, hung nguy, đi với ác sát tinh không có hại, cư tại cung nào cũng chế khắc giải trừ bớt tai nạn họa hại, hội với sao nào cũng tốt cả. Hai sao này đóng đầu thì đem lại sự lành, sự thiện, là cứu khổ cứu nạn ở đó, gặp hạn xấu thì có thánh thần hoặc ân nhân giúp đỡ, tọa thủ tại Mệnh, Thân, Phúc, Thiên Di, Tật Ách rất hợp. Phú có câu:

Thiên Nguyệt Đức, Giải Thần tàng (có Giải Thần),

Cùng là Quan Phúc một làng trừ hung

(Thiên Đức, Nguyệt Đức, Giải Thần, Thiên Quan, Thiên Phúc đều là các sao giải họa)

hoặc:

Quý nhân bất nhập Quý hương nan giải hung tinh chi hoạch nhiều (17)

(Mệnh Thân có hung tinh quấy nhiễu nếu không có Thiên Quan, Thiên Phúc quý nhân hội hợp tất không giải trừ được tai ương họa hại)

Tọa thủ tại Mệnh thì:

Nhân hậu, từ thiện, hiền lành, khoan hòa, hay làm việc thiện, hay giúp đỡ người, là người tu nhân tích đức

Có phật tính, có lòng hảo tâm, thiện ý, thương xót người, có đạo đức rất lớn, có đức độ

Có tín ngưỡng, tôn giáo, tin tưởng vào Phật Trời, nhân quả, dễ có khuynh hướng đi tu hoặc nghiêng về đạo giáo

Do hay giúp người nên cũng thường được người giúp lại

Có danh vị, nếu chiếu Thân Mệnh thì đỗ cao (TQT)

Thiên Quan, Thiên Phúc thủ trung,

Tôn tăng (tôn kính tăng sĩ), kính Phật, dốc lòng thiện gia

Thiên Quan, Thiên Phúc tu hành,

Tứ Sát vượng địa đã đành minh huy

Các bộ sao kết hợp

Quan Phúc đi với Khôi Việt thì rất có lợi cho công danh thi cử

Sao Quan, Phúc cùng Khôi Tinh, lâm chung Thân Mệnh đề danh bảng rồng (10)

(Mệnh Thân có Khôi Việt tọa thủ gặp Thiên Quan, Thiên Phúc thì thi đỗ cao)

Thiên Phúc gặp Tả Hữu thì làm về nghề thầy thuốc rất có ích, rất nổi tiếng, cứu giúp được nhiều người (Tả Hữu)

Phụ Bát Thiên Phúc đồng viên (đồng cung), ngôi cao chính viện, danh truyền y quan (9)

Tả Hữu Quan Phúc đồng sào. Chính tinh đắc địa rõ ràng lương y

Phụ Bát Thiên Phúc nhàn cung. Ngôi cao chính viện, danh truyền y sư (VVT)

Phụ, Bát Thiên Phúc kia là. Chức quan tư viện ẩm nhà y lâm (B108)

Hầu hết các tác giả đều đồng ý là như vậy ngoại trừ Quản Xuân Thịnh viết khác một chút:

Phụ Bát Khúc Tượng đồng viên. Ngôi cao chính viện, danh truyền y quan (QXT)

Thiên Quan rất hợp với Thiên Tượng tại cung Quan Lộc, chủ vinh hiển

Tự nhiên nên hiển vinh ghê,

Thiên Quan Thiên Tượng ở về cung Quan (vinh hiển) (B114)

Nhưng nếu Thiên Quan gặp Thiên Tướng, Tấu Thư và hung tinh hội hợp tại Mệnh thì có quan điểm cho rằng chỉ là thầy phù thủy hoặc là thầy tu

Quan (Thiên Quan) phùng Tướng (Thiên Tướng) Tấu (Tấu Thư) nghề chi, Mệnh hung tà đạo tăng ni kéo nào (24)

Quan điểm này cần phải kiểm tra lại trong thực tế vì có nhiều câu phú khác nhau về vấn đề này như:

Quan phùng Tướng Tấu nghề chi, Mệnh phùng tả đạo tăng ni kéo nào

hoặc:

Quan Phù, Tấu, Tướng nghề chi, Mệnh phùng Tả Hữu tăng ni kéo nào (QXT)

Quản Xuân Thịnh thì cho rằng Thiên Phúc gặp Thiên Cơ, Hồng Loan, Tang Môn thì khéo léo về may mặc:

Khéo nghề kim chỉ vá may,

Cơ, Tang, Hồng, Phúc ở rầy Mệnh cung (QXT)

nhưng cần xét lại câu phú trên, vì cũng có câu phú cho rằng:

Khéo nghề kim chỉ vá may,

Hồng Đào Tấu Vũ ở đầy Mệnh cung (NMB, VT)

Tử Tham Quan Phúc đồng cung: đi tu, cứu được nhiều người (VVT)

Cơ Nguyệt Đồng Lương, Quan, Phúc: lương y, là người hảo tâm, hay làm công tác xã hội (VVT)

Thiên Tướng Riêu Y Quan, Phúc: lương y chữa bệnh rất giỏi, bác sĩ rất giỏi (VVT)

Quan hay Phúc gặp Hình Ky hoặc Thiên Đồng hãm địa tại Nữ Mệnh: có lòng từ

thiện nhưng hay thay đổi tính tình, ưa thích đồng bóng (VVT)

Quan Phúc tại các cung:

Giải trừ tai nạn họa hại do các ác sát tinh gây ra, gia tăng phúc thọ

Quan, Di, Mệnh: hay giúp đỡ người và được nhiều người giúp đỡ

Phúc Đức

Quan, Phúc: nhà có phúc lớn, mồ mả tiên nhân chôn gần chùa (TQT)

Thiên Quan: đất đại quý (NMB)

Thiên Quan gặp Xương Khúc Khôi Việt, Khoa Quyền Lộc: văn khôi, cao sĩ (NMB)

Thiên Quan, Tham, Phá, Vũ: võ cách đến bậc công hầu (NMB)

Thiên Quan, Tuần, Triệt, Hoa Cái, Tấu Thư: xưởng ca có tiếng tăm (NMB)

Thiên Quan, Đà, Ky, Riêu, Kiếp: bị tàn tật, hôn mê, ngu xuẩn (NMB)

Thiên Phúc: cuộc đất rất đẹp (NMB)

Thiên Phúc, Tử Phủ, Hồng Đào: trai làm phò mã, gái làm cung phi (NMB)

Thiên Phúc, Phá, Đà, Riêu, Ky, Tuần Triệt: là hung địa, trai làm đạo sĩ, ly tổ, phiêu lưu (NMB)

Điền

Có khi hiến tài sản cho việc nghĩa (VVT)

Tật Ách

Giảm trừ bệnh tật, tai nạn họa hại, bị bệnh có khả năng gặp thầy thuốc hay hoặc có người giúp đỡ

Tài

Hay dùng tiền bố thí, cúng dường, sử dụng tiền bạc vào mục đích lương thiện, xã hội (VVT)

Tử Túc

Có khả năng giải được cách hiểm muộn do Cô Quả gây ra

Thái Âm gặp Thiên Phúc tại cung Tử Túc thì đẻ con sinh đôi

Âm Dương sánh với Hỉ tinh (Thiên Hỉ),

Âm cùng với Phúc cũng sinh dị bào (B42)

NMB giải rằng Thái Âm Thái Dương gặp Thiên Hỉ ở Âm cung ở vào cung phúc cũng có anh chị em khác cha khác mẹ không hợp lý

Quản Xuân Thịnh thì ghi hơi khác:

Thái Âm hiềm có Thiên Cơ,

Âm cùng mấy Phúc đồng sinh lưỡng bào (QXT)

Hạn:

Được nâng đỡ trong công danh tiền bạc (VVT)

Cứu giải được một số tai họa hoặc giảm thiểu điều xấu do các sát tinh gây ra nếu có

Khả năng giải họa:

Không giải được sự thị phi đổ kỵ do Cự Kỵ gây ra, giảm được xấu xa do Hóa Kỵ gây ra

Không giải được Thiên Tướng hay Tướng Quân gặp Tuần hay Triệt

Giải được hình khắc, hiểm muộn, cô đơn, hiểm hoi do Cô Quả gây ra, giải được cách hiểm muộn do Lộc Tồn gây ra, nhất là đi voi Tả Hữu

Không giải được sự cô đơn do Đào Hồng Cô Quả gây ra

Không giải nổi cách đa phu do Đào Hồng gây ra, không giải nổi cách đa phu do Thiên Không Hóa Kỵ Hồng Loan gây ra, cho dù có đủ bộ

Không giải nổi Địa Không Đà La hãm địa đồng cung cho dù là có đủ bộ Quan Phúc, nhưng nếu có thêm Thiên Giải thì giải được

Không giải nổi tật về mắt (cận thị) do Thái Âm Hóa Kỵ Đà La gây ra

Đồng cung thì giải rất mạnh bộ Hình Riêu Không Kiếp, một sao thì không giải hết được

Không giải nổi Thiên Không, nhất là Thiên Không tại Tứ Mộ

Giải mạnh một sao Địa Không hoặc Địa Kiếp

Không giải hết bộ Hỏa Linh hội hợp

Đủ bộ và nhất là khi kết hợp với Thiên Giải có khả năng giải được Địa Không, Linh Tinh hãm địa

Giải rất mạnh bộ Hình Riêu, nhưng không giải nổi Hình Riêu Cô Quả hội hợp

Tiểu Hao và Đại Hao (Song Hao)

Ý nghĩa

Tiểu nghĩa là nhỏ, đại có nghĩa là lớn, hơn. Hao có nghĩa là tiêu tan, hao tán

Biểu tượng

Tượng ở thân thể là cái mũi, nên nếu cư Mệnh thì mũi hơi hếch (VVT)

Tả Hữu Song Hao: vai cao vai thấp (VVT)

Thiên Tướng Song Hao: mặt nhỏ choắt (VVT)

Song Hao tại Mệnh: lùn, đẹt vì ốm yếu hoặc nhỏ con, dễ bị trục trặc đau yếu về bệnh tiêu hóa. Có quan điểm cho rằng đặc tính này chỉ có khi Hao hãm địa (như VVT), và điều này có thể đúng

Ngũ Hành

Toàn bộ các tác giả đều cho là Song Hao hành Hỏa, chỉ có VVT cho là hành Thủy

Đặc điểm về vị trí

Đại Hao

Thuộc tam hợp Lực Sĩ, Tấu Thư, Đại Hao, cụ thể:

Dương Nam Âm Nữ:

Lực Kinh - Tấu Thư, Đường Phù - Đại Hao (Tiểu Hao, LNVT xung)

Âm Nam Dương Nữ:

Lực Sĩ, Đà La - Tấu Thư - Đại Hao, LNVT (Tiểu Hao xung)

Dương Nam Âm Nữ Mệnh có Đại Hao thì Quan Lộc luôn có bộ Kinh Lực đồng cung

Tiểu Hao

Thuộc tam hợp Tiểu Hao - Hỉ Thần - Quan Phủ

Dương Nam Âm Nữ

Tiểu Hao, LNVT (Đại Hao xung) - Hỉ Thần - Quan Phủ, Đà La

Âm Nam, Dương Nữ

Tiểu Hao (Đại Hao, LNVT xung) - Hỉ Thần, Đường Phù - Quan Phủ, Kinh Dương

Đắc hãm

Nhiều người cho rằng Song Hao đắc địa tại Dần Thân, Mão Dậu nghĩa là cho các tuổi Bính, Mậu, Nhâm (Hao Dần Thân), Đinh, Kỷ, Quý (Hao Mão Dậu) nhưng

VVT thì cho rằng miếu tại Mão Dậu, vượng tại Tí Ngọ (tuổi Ất, Tân) và Quan Xuân Thịnh cho rằng đắc địa tại Dần Thân, Mão Dậu, Tí Ngọ. Nguyễn Mạnh Bảo có câu phú về đắc hãm như sau:

Song (Song Hao) Mão Dậu, Dần Thân mới phải,

Tí Ngọ cùng Ty Hợi thì không (B161)

Theo kinh nghiệm thì Song Hao Mão Dậu là vị trí tốt nhất của Song Hao

Ý nghĩa

Đây là bộ sao hao bại tinh, chủ sự hao tán, tiêu tan, gây ra sự ly tán, xa cách, ly hương, hoang hủ, hao hụt tài lộc. Tiểu hao thì ít hao hơn Đại Hao

Đặc tính về vị trí trong sự phối hợp với các sao an theo Can

Song Hao luôn luôn xung chiếu với nhau và không bao giờ an tại Tứ Mộ (Thìn Tuất Sửu Mùi)

Tiểu Hao và Đại Hao luôn luôn có hung tinh là Kinh Dương hoặc Đà La tam hợp chiếu, và luôn luôn có LNVN đồng cung với Tiểu Hao hoặc Đại Hao nghĩa là Hao thủ luôn luôn có LNVN đồng cung hay xung chiếu. Đây là điểm nổi bật cần chú ý Hao đồng cung với Lưu Niên Văn Tinh thì tam hợp với Đà La (bộ Hao LNVN đồng cung, Đà La tam hợp), trong khi Hao khi không đồng cung với LNVN thì tam hợp với Kinh Dương và Đường Phù (bộ Hao Kinh Đường Phù tam hợp, LNVN xung chiếu)

Quan sát sự bố trí các sao theo Thiên Can, chúng ta thấy rằng nhìn chung thì Hao đồng cung với LNVN thì ít có khả năng gặp các sao tốt (như Khôi Việt, Quan Phúc) thủ chiếu hơn là Hao có LNVN xung chiếu. Hao chỉ an tại Tứ Sinh (Dần Thân Ty Hợi) hoặc Tứ Chính (Tí Ngọ Mão Dậu) và khi đóng tại Tứ Chính thì đẹp hơn tại Tứ Sinh. Tại Tứ Chính, Hao đi với Kinh Đà đắc địa (ngoại trừ Kinh cư Sửu luôn luôn bị Triệt). Tại Tứ Sinh thì Hao đi với Kinh Đà hãm địa (ngoại trừ tuổi Đinh có Đà cư Thìn bị Triệt và Canh có Đà cư Mùi bị Triệt)

Khi đóng tại Tứ Chính thì Hao không đồng cung với LNVN đẹp hơn Hao đồng cung với LNVN. Hao đồng cung với LNVN chỉ gặp một sao trong bộ Khôi, Việt, Quan, Phúc thủ hoặc chiếu mà thôi trong khi đó Hao không đồng cung với LNVN thì luôn luôn (ngoại trừ tuổi Kỷ) gặp bộ Khôi Việt và có thể có Quan, Phúc, Thiên Trù

Cụ thể Hao tại Tí Ngọ Mão Dậu như sau:

Hao Khôi đồng cung tại Tí (tuổi Ất) có Thiên Quan - Kinh đắc và Thiên Phúc - Thiên Việt - Đường Phù tam hợp nghĩa là có đủ bộ Khôi Việt Quan Phúc thêm Kinh đắc

Hao Khôi Thiên Trù đồng cung tại Ngọ (tuổi Tân) có Kinh đắc, Việt - Đường Phù

tam hợp chiếu nghĩa là có bộ Khôi Việt sáng sủa, Thiên Trù Kinh đắc Đường Phù Hao tại Mão tuổi Đinh có Kinh đắc, Khôi - Thiên Phúc - Đường Phù tam hợp, Việt xung nên có đủ bộ Khôi Việt, Thiên Phúc, Kinh đắc chiếu trong khi tuổi Kỷ chỉ có Kinh đắc tam hợp

Hao tại Dậu (tuổi Quý) có Kinh đắc gặp Triệt, Việt - Thiên Phúc - Đường Phù tam hợp, Khôi xung chiếu nghĩa là có bộ Khôi Việt Thiên Phúc chiếu

Song Hao khi đóng ở Dần Thân Ty Hợi thì không có Khôi, Việt, Quan, Phúc ngoại trừ:

Hao (không đồng cung với LNVN) cư Hợi và Hao LNVN cư Ty gặp hai sao Thiên Quan, Thiên Việt hoặc Thiên Khôi Thiên Phúc

Hao LNVN đồng cung cư Thân có Thiên Phúc

Hao LNVN đồng cung cư Dần bị Triệt (tuổi Nhâm) gặp Quan Phúc tam hợp

Song Hao với Thiên Mã

Song Hao tại Dần Thân (nghĩa là tuổi Bính, Mậu, Nhâm) thì mới có và luôn luôn có bộ Thiên Mã Song Hao, còn ở các vị trí khác hoặc tuổi khác thì không có bộ Thiên Mã Song Hao

Hao bị Triệt

Tuổi Ất Hao LNVN cư Ngọ bị Triệt, tuổi Đinh Hao cư Mão bị Triệt, tuổi Kỷ Hao LNVN bị Triệt và tuổi Nhâm Hao LNVN cư Dần bị Triệt

Nói chung khi coi sao an theo can thì cần chú ý đến các sao an theo Can (như Triệt, Lộc Tồn, vòng Lộc Tồn, Thiên Trù, Khôi Việt, Quan Phúc, Kinh, Đà, Lưu Hà...) xem phối hợp như thế nào

Hao với Lưu Niên Văn Tinh

LNVN thì đồng cung với Đại Hao hay Tiểu Hao. Dương Nam Âm Nữ thì Tiểu Hao, LNVN đồng cung, Âm Nam Dương Nữ thì Đại Hao, LNVN đồng cung Lưu Niên Văn Tinh

Hành Hỏa

Là Văn Tinh, chủ khoa giáp, học vấn (VVT)

Lợi ích cho việc học hành, thi cử, khoa giáp, cầu công danh (TTL), do đó gia tăng ảnh hưởng của các văn tinh như Hóa Khoa, Xương Khúc (TLương)

Thông minh, ưa chuộng bằng sắc (TTL)

Thủ Mệnh thì là người có học vấn (VTT)

Hạn gặp thì cầu công danh, thi cử có sự đắc ý (VVT)

Theo Thiên Lương thì LNVN được an vị theo hàng Can tuổi là thiên lộc được hưởng trong tư thế khó nhọc (Can tuổi sinh xuất cho cung Lộc Tồn đóng), để an ủi và bù đắp cho các tuổi không được hưởng Lộc Tồn, và chỉ dành cho các tuổi:

Bính Mậu Thân Tí Thìn

Nhâm Dần Ngọ Tuất

Đinh Kỷ Tỵ Dậu Sửu

Quý Hợi Mão Mùi

Riêng hai tuổi Kỷ và Nhâm thì luôn luôn bị Triệt cắt xén sự phồn vinh của Văn Tinh nhưng bù lại được Thiên Quan và Thiên Phúc Quý Nhân tam hợp để an ủi Quan niệm của Thiên Lương thực chất cho rằng LNVN chỉ hưởng được khi nằm trong tam hợp Thái Tuế. Chú ý rằng tại các vị trí này thì Hao đắc địa. Thực chất ra ảnh hưởng tài lộc là do Hao quyết định chứ không phải là do LNVN

Luận giải Song Hao

Đây là bộ sao hao bại tinh, chủ sự hao tán, tiêu tan, gây ra sự ly tán, xa cách, hoang hũy, hao hụt tài lộc. Tiểu hao thì ít hao hơn Đại Hao. Chính vì nghĩa hao tán mà Song Hao cũng chỉ sự thay đổi (hao tán là quá trình thay đổi). Thủ Mệnh thì hay thay đổi chí hướng, lập trường, sở thích nghĩa là không bền chí, không quả quyết, đam mê trong một giai đoạn, dễ thay đổi nghề nghiệp, tiền tài bị hao tán do tính tình ăn xài phung phí, rộng rãi, không tiếc tiền. Tại Tài thì hao tán tiền tài do ăn xài phung phí, gặp dịp phải tiêu xài luôn, khó mà cầm của hoặc để dành, từ đó không thể giàu được. Tại Điền thì hay thay đổi chỗ ở, điền sản mua vào rồi lại bán ra, bị hao tán tài sản, nhất là gặp sát tinh như Không Kiếp hãm địa thì dễ bị phá sản, không có điền sản. Ở Phúc thì làm hao tổn phúc đức, do đó họ hàng dễ ly tán, tha hương lập nghiệp hoặc bần hàn. Ở Nô thì hao tán bạn bè nghĩa là bạn bè dễ tụ dễ tan, dễ bị hao hụt tiền tài do bạn bè người giúp việc ăn chặn. Ở Quan thì hao tán nghề nghiệp nghĩa là hay thay đổi nghề nghiệp, quan trường không bền vững, không ổn định, hoặc trong nghề nghiệp phải hay thay đổi đi lại luôn, làm việc có tính chất lưu động. Ở Di thì thường phải thay đổi chỗ ở nhiều lần, ra ngoài bị hao hụt, tốn tiền, dễ ly hương lập nghiệp. Ở Tử thì hao hụt con cái, giảm số con, hao tiền vì con do con ăn chơi phóng đảng, con hay bệnh tật. Ở Phôi thì hao tán phu thê, nghĩa là dễ thay đổi bồ bịch (nhất là gặp các sao về tình duyên như Hồng Đào), dễ đổi vợ đổi chồng nếu cung Phôi xấu. Ở Tật thì làm hao tán nhiều bệnh tật tai họa, rất thích hợp nhất, ít bệnh, có bệnh thì mau hết, nhất là Đại Hao tại Tật. Song Hao là hao bại tinh nên hầu như có tác dụng tăng xấu, giảm tốt như đi với tài tinh (Hóa Lộc, Vũ Phủ, Lưu Lộc Tồn) thì hao tài, đi với quyền tinh (như Hóa Quyền) thì làm hao tán quyền hành, giảm thiểu uy quyền, đi với văn tinh thì làm giảm khoa bảng, đi với hao tinh (như Phá Quân) thì tăng thêm sự hao tán, đi

với phúc tinh thì giảm phúc, đi với hung sát tinh thì tăng thêm tính hung hãn chủ sự hao tài tổn của vì bệnh tật, tai họa, hình thương, bị cướp giật hoặc cô đơn, bần hàn, nghèo... Trừ khi đắc địa thì giảm thiểu tác động xấu xa của nó, tuy vẫn hao tán nhưng cũng mang kết quả khá tốt, đặc biệt về tài lộc thì có vào có ra chứ không túng thiếu, nếu miếu địa tại Mão Dậu thì rất tốt, tại vị trí này thì thủ tại Quan Lộc tốt hơn tại Mệnh Thân rất nhiều. Song Hao chỉ đẹp và đặc dụng khi đồng cung với Cự Môn tại Tý Ngọ và đồng cung với Cự Cơ tại Mão Dậu. Song Hao hãm địa rất kỵ ở cung Tài, Điền, Phúc vì bản chất của nó là hao tán, đóng ở đâu thì giảm cái tốt ở cung đó. Một số người cho rằng Song Hao có khả năng làm giảm tác hại của Thiên Không và Tuần Triệt thì làm nghịch đảo nghĩa của Đại Tiểu Hao, ví dụ Đại Hao gặp Tuần Triệt thì vào nhiều hơn ra

Song Hao thủ Mệnh

Hay thay đổi chí hướng, lập trường, sở thích nghĩa là không bền chí, không quả quyết, chóng chán, dễ thay đổi nghề nghiệp. Đặc điểm thay đổi này sẽ mạnh mẽ khi đi với các sao chủ sự thay đổi khác như Mã, Đồng, Lương, Nhật Nguyệt Ẩn xài phung phí, rộng rãi, không tiếc tiền, không giữ được tiền nên tiền tài bị hao tán, dễ lâm vào cảnh túng thiếu khi hãm địa hoặc gặp thêm hung sát tinh, Hóa Kỵ hay Phá Quân, nếu đắc địa thì tuy ăn xài rộng rãi nhưng hết tiền thì lại có Không biết lo, thích hưởng thụ

Thích ăn ngon, mặc đẹp

Ăn chơi, có nhiều đam mê như đam mê cờ bạc rượu chè chơi bời, hoặc bị ghiền (rượu, thuốc...) hoặc say mê một thú vui nào đó như đánh cờ nhưng đam mê chỉ trong một giai đoạn rồi chuyển qua một đam mê khác. Khi đi với đào hoa tinh hoặc dâm tinh (như Đào, Hồng, Liêm Trinh, Đồng Lương hãm địa, Tham Lang) thì đam mê về tình ái, hay đổi bồ bịch, tình cảm, yêu say đắm nhưng chóng chán, đa dâm, rất hao tài trên vấn đề tình cảm, rất rộng rãi trong việc chi xài cho bồ bịch, người yêu. Khi hãm địa thì sự đam mê gây ra nhiều hao tổn về tiền tài hơn là khi đắc địa, và thường đam mê những gì có hại như cờ bạc

Không thích gò bó, tính tình phóng khoáng, không chấp nhặt câu nệ tiểu tiết, từ đó mang tính chất rộng lượng, bao dung, nhất là đi với các phúc thiện tinh như Quan, Phúc... Đắc địa thì ý nghĩa này nổi bật hơn

Thích xa nhà, thích đi du lịch đó đây

Có số ly hương. Phải sớm ly tổ, lập nghiệp ở phương xa, và hay thay đổi chỗ ở Hao đắc địa thì là người thông minh, tuy ham chơi nhưng có lúc rất ham học, muốn trông xa biết rộng (Theo VVT thì nếu gặp cát tinh thì có sự hóa giải cho cách ly hương)

Lâm Mệnh, Quan tại Mão Dậu thì là văn tinh, rất thông minh lanh lợi, có tài tháo

vát, lập nên cơ nghiệp, tuy ham chơi nhưng cũng có lúc ham học, muốn trông xa biết rộng, ham học hỏi, tuy ăn chơi và thích hưởng thụ nhưng là người có tiền không túng thiếu, được hưởng giàu sang. Song Hao Mão Dậu gọi là cách chúng thủy triều đông, là tất cả các giòng nước đều chảy về phương Đông Theo VVT thì người mệnh Kim Mệnh tại Dậu và người mệnh Thủy Mệnh tại Mão là hợp cách song Hao nhất. Cư Quan Lộc thì đặc cách hơn Mệnh Thân bội phần (VVT). Theo VVT, Mệnh Thân Quan Tài VCD tại Mão có Song Hao mà tại Dậu có Triệt án ngữ thì là thượng cách vì Triệt đáo Kim cung sẽ khắc cái khối Kim sinh ra Thủy thành ra dòng nước Song Hao chảy mãi mãi. Theo TTL, ĐL thì Hao đặc địa hợp với tuổi Dần Thân. Người tuổi Dần Thân có Hao đặc địa thì là người lông bông, chơi bời thích ngao du đây đó nhưng sau hiển đạt, làm nên phú quý và hưởng giàu sang trọn đời

Các bộ sao phối hợp

Song Hao là hao tinh, chỉ đồng cung với Cự Cơ Mão Dậu và Cự Môn Tí Ngọ là tốt đẹp nhất, chủ sự giàu có, hoặc đóng tại cung Tật thì bệnh tật mau khỏi, còn kỳ dư kết hợp với bất cứ sao nào cũng bất lợi. Đi với Phá Quân, Hao gia tăng tính chất hao tán của sao này

Song Hao với phụ tinh

Song Hao Mão Dậu: chỉ cách người kinh doanh buôn bán, theo Đắc Lộc thì trong trường hợp này không có hao, theo VVT thì là cách phát tài, người Mệnh Thủy Mệnh tại Mão và mệnh Kim Mệnh tại Dậu là hợp cách Song Hao. Một số người cho rằng Mệnh Đại Hao Mão Dậu thì ra nhiều hơn vào nên rất phá tán, còn Mệnh Tiểu Hao Mão Dậu thì vào nhiều hơn ra. Xét cho cùng thì Song Hao Mão Dậu là cách tiền vào tiền ra, có tiền nhưng không giữ được, nhưng hết rồi lại có:

Song Hao thuộc Thủy đại hà,

Mão Dậu thủ Mệnh chính là miếu cung

Cách là chúng thủy triều Đông,

Phát tài phát lộc vào không bền bờ (AB340)

Theo VVT thì Mão Dậu có Song Hao tọa thủ, cung Mão VCD, cung Dậu có Triệt, nếu Mệnh, Thân, Quan, Tài ở Mão là thượng cách vì Triệt đáo Kim cung sẽ khắc khối Kim sinh ra thành Thủy để cho dòng nước Song Hao chảy mãi mãi bất tuyệt

Song Hao gặp Mã Riêu thì tình như đáy giếng, hoang tàn, rong chơi phá tán tổ nghiệp (VVT)

Hao cư Lộc vị vô duyên,

Tham cư vượng địa chuột miền Đông Sơn (B181)

Song Hao Hỏa, Linh: bị ghìen, ví dụ ghìen á phiện (TTL)

Song Hao Đào Hồng: tổn tiền vì nhân tình, vì gái, ở cung Tài càng rõ (NPL)

Hao Kỵ : vất vả, túng thiếu (NPL, P). Mệnh có Đại Hao gặp Hóa Kỵ đồng cung thì vất vả kiếm ăn, khổ cực, nhưng theo QXT thì đây là trường hợp Thiên Cơ Hóa Kỵ hội hợp:

Lao đao một tối sớm ba, Đại Hao Hóa Kỵ trùng gia Mệnh vì (5)

Lao đao tối một sớm ba, Đại Hao Hóa Kỵ trùng gia Mệnh vì (B35)

Lao đao sớm tối bơ vơ, Mệnh cung Cơ, Kỵ hãm ra nhị vì (QXT)

Song Hao, Hóa Kỵ, Mộc Dục: phải mồ (HC)

Hao Tuyệt đồng cung: xảo quyệt, khôn ngoan nhưng gian trá, nếu Mệnh VCD thì càng giả trá, keo kiệt và tham lận, có nhiều tham vọng trong đời (TTL). Có người cho rằng Song Hao Tuyệt đồng cung thì phá sản

Song Hao gặp Sát tinh: hay mắc tai nạn về đao súng (TTL)

Hao Kiếp: cô đơn, bần hàn, Mệnh có quý tinh thì làm nên nhưng không bền

Song Hao, Hình, Kiếp: hay mất trộm hoặc bị thương

Song Hao ngộ Hình hay Kiếp, Sát: hạn gặp thì hao tài, ốm đau (ĐL)

Đàn bà tuổi Giáp và Canh, Mệnh an tại Tỵ Hợi có Song Hao gặp sát tinh (như Kinh Đà Không Kiếp) và Thiên Hình hội hợp thì nếu không chết sớm thì cuộc đời bần khổ. Hao luôn luôn gặp Kinh hoặc Đà chiếu

Song Hao Tỵ Hợi nhị ngộ Sát Hình Giáp Canh Dương Nữ thứ cách bần yếu (1)

Kiếp Không, Hao, Quyền hội hợp thì không được thượng cấp sử dụng vì bị người gièm pha nói xấu:

Kiếp, Không, Hao, lại gặp Quyền,

Nghe rèm liên lụy, kẻ trên chẳng dùng (QXT)

Quyền Hao Không Kiếp chớ màng,

Kẻ trên biếm loại khỏi hàng công danh

Song Hao với chính tinh

Cự, Cơ ở Tí Ngọ Mão Dậu gặp Song Hao thì có quyền uy rất lớn. Cự Cơ Mão

Dậu gặp Song Hao là cách phú hữu lâu dài. VVT cho rằng Thiên Cơ là đại lâm

mộc, Thủy của Cự Môn không đủ nuôi dưỡng được, có Song Hao thì như giòng nước chảy mãi (Chú ý với cách an sao thì chỉ có tuổi Đinh, Kỷ và Quý mới có Song Hao Mão Dậu thành ra Cự Cơ Mão Dậu đã gặp Song Hao thì không có chuyện gặp Hóa Lộc mà nói như lời bàn của VVT về cách Cự Cơ gặp Song Hao thêm Hóa Lộc). Cự hay Cơ Tí Ngọ gặp Song Hao đồng cung cũng là cách phú, ví như đá có ngọc được nước chảy lộ ngọc ra (nếu cho Song Hao hành Thủy) hoặc lửa nung đá khiến ngọc lộ ra (nếu cho Song Hao hành Hỏa)

Cự Cơ chính hướng (ở Tứ Chính là Tí Ngọ Mão Dậu) hạnh ngộ Song Hao, uy quyền quán thế (22, TTL)

Mão Dậu Cơ Cự rất hay,

Công danh vinh hiển lại tay hoang tàng (HC)

Gặp Song Hao là làng quán thế,

Tuổi Ất Tân Bính Kỷ thêm giàu (HC)

Nữ lưu cách ấy đẹp sao,

Vượng phu ích tử càng màu càng xinh (HC 74)

Song Hao tại Mão Dậu thì như các dòng nước chảy về phương Đông, rất sợ gặp Hóa Lộc đồng cung và rất thích gặp Cự Cơ đồng cung. Tuổi Đinh, Kỷ, Quý mới có Song Hao Mão Dậu. Tuổi Đinh thì chỉ có Thái Âm cư Mão Dậu mới có Hao và Hóa Lộc đồng cung và đây là trường hợp duy nhất có được:

Song Hao (hành Thủy) Mão Dậu chúng thủy triều đông (các dòng nước chảy về phương Đông) tới hiềm Hóa Lộc (hành Thổ khắc Thủy), ái ngộ Cự Cơ (mùng gặp Cự Cơ)

Song Hao Mão Dậu gặp Hóa Lộc đồng cung: đây là trường hợp Thái Âm đồng cung với Hao Hóa Lộc: tán tài, hao tán tiền bạc (P)

Hao Tham đồng cung hay xung chiếu: TTL cho rằng Mệnh Hao thủ gặp Tham Lang đồng cung hay xung chiếu thì hiếu sắc, dâm dật nhưng kín đáo, ví như chôn giấu dâm tình ở đáy giếng. TVT giải rằng Song Hao tọa thủ gặp Tham Lang đồng cung thì tham tiền hiếu sắc, giữ tiền bo bo và dâm dật nhưng che đậy kín đáo, còn Đắc Lộc thì lại cho rằng có của mà kín đáo, còn VVT thì cho rằng bủn xỉn không dám ăn xài. Lời giải của TTL hợp lý nhất:

Hao ngộ Tham Lang, dâm tình thủy đề (TTL)

Hao ngộ Tham Lang tài sinh, dâm tình ư tình đề (2)

Song Hao, Tham hội đa dâm, Thiên Đồng ngộ Quý mười phần thanh tao

Tham Lang ngộ Hao một nhà, Cầm vàng nhin đối lệ hòa miếng ăn (AB340)

Tử Vi tại cung Ngọ thì kỵ gặp Đại Hao, Tiểu Hao và sát tinh (như Không Kiếp, Kinh Đà, Hình Kỵ) và rất tốt khi gặp Khôi Khoa thì có tài phò tá nguyên thủ, kinh bang tế thế

Đế tọa Ly cung (Tử Vi tại cung Ngọ) kỵ phòng Hao, sát (sát tinh), hạnh ngộ Khôi Khoa (mừng gặp Khôi Khoa) hữu tài phụ chính (có tài phò tá nguyên thủ, kinh bang tế thế) (9)

Thiên Lương tại cung Tỵ gặp Song Hao và sát tinh thì đề phòng tai nạn về đao thương súng đạn. Theo TVT nếu có Tuần Triệt thì giải được và điều này cũng hợp lý. TVT cho là Kiếp Sát có lẽ không đúng. Chú ý tuổi Giáp và Canh mới có Lương tại Tỵ Hợi gặp Song Hao. Tuổi Giáp Lương tại Tỵ gặp Song Hao, có Đà La hãm, Khôi, Hóa Kỵ, Thiên Phúc Lưu Hà chiếu và tuổi Canh có Khoa Lộc Kỵ Thiên Quan Kinh hãm chiếu. Sát tinh xấu có thể gặp thêm là Không Kiếp hãm hoặc Hỏa hãm. Tuổi Giáp có thể đúng nhưng tuổi Canh thì cần xét lại. Một vấn đề đặt ra là tại sao chỉ đề cập đến cung Tỵ mà thôi? Phải chăng vì tại cung Tỵ thì Lương Mộc sinh cung Hỏa và sinh cho Hao hành Hỏa trong khi tại Hợi thì cung Thủy sinh cho Lương Mộc?

Lương phòng Hao (Song Hao) sát (sát tinh) tại Tỵ cung, đao nghiệp hình thương (13, TTL)

Song Hao Phá Quân: túng thiếu

Mệnh có Phá Quân hay Thất Sát rất sợ gặp Hỏa tinh, Hao, Việt, Hình hội hợp, về già khó tránh được tai nạn khủng khiếp

Phá, Sát (Thất Sát) khủng phòng (sợ gặp) Hỏa (Hỏa Tinh), Hao, mạc ngộ Việt Hình lão hạn qui thân họa nghiệp lai (25, TTL)

Song Hao gặp Lộc, Vũ hay Phủ: hao tài (ĐL)

Song Hao Tỵ Hợi gặp Cự Môn đồng cung thêm Sát, Hình: đàn bà thì bản yếu (P)

Nữ Lương thủ Mệnh phúc dày,

Hao, Hình, Kiếp, Sát một bầy tai ương (AB)

Mệnh Không Thân Kiếp nếu VCD gặp Song Hao thì học ít nhưng hiểu nhiều, về sau sẽ hiển đạt, nếu gặp Thiên Đồng, Thiên Lương, Phá Quân thì chết yểu và không hưởng được sự giàu sang phúc thọ:

Mệnh Không Thân Kiếp lai hội Song Hao ư nhân Mệnh VCD thiếu học đa thành, mạc ngộ Phúc (Thiên Đồng) Âm (Thiên Lương) Hao Tinh (Phá Quân) Thân Mệnh niên thọ nan cầu vượng hưởng (18)

Song Hao tại các cung

Phúc

Đề xa cách họ hàng, người thân

Giảm thọ, nên sớm xa gia đình, trong họ có nhiều người nghèo túng phải đi biệt xứ (TTL)

Cung Phúc Đức hay Tài Bạch có Hao gặp Kiếp thì cô độc và nghèo hèn

Tài Phúc nhi phùng Hao Kiếp đơn ảnh cô bản (9)

Điền

Tối kỵ cư Điền Tài tán nhiều tụ ít khó giàu có

Điền hay Tài có Song Hao thì không giàu được vì tiền tài hao tán, không giữ được vào ít tiêu nhiều

Lưỡng Hao chiếu thủ Điền Tài, tán nhiều tụ ít mấy ai nên giàu (7)

Lưỡng Hao chiếu vào Điền Tài, Tán nhiều tụ ít mấy ai nên giàu

Lưỡng Hao thiết kỵ Tài cung (7, B64)

Lưỡng Hao nên lánh Tài phương,

Những loài Tứ Sát nên tàng vượng cung (Cung Tài không nên có Song Hao, Tứ Sát nên ở nơi miếu vượng thì mới không phá hoại) (B116)

Đại Hao lâm vào Phúc, Tài,

Tán nhiều tụ ít mấy ai nên giàu (QXT)

(QXT ghi mệnh quý cách, song Hao đắc địa tại Dần Thân Mão Dậu Tí Ngọ thì vẫn giàu sang nhưng hoạch phát hoạch phá)

Song Hao Không Kiếp: vô điền sản (ĐL)

Điền sợ Phá Quân, Hao thủ,

Ngộ Tử (Tử Vi), Lương trừ lũ hung tinh (QXT)

Tài hay Quan Lộc có Song Hao và Hóa Kỵ hội hợp thì phú quý không bền vững

Mấy người phú quý nan toàn,

Lưỡng Hao, Hóa Kỵ Tài Quan lâm vào

Mấy người phú quý nan toàn,

Song Hao Hóa Kỵ chiếu miền Tài, Quan (B168)

Quan Lộc

Hao, Quyền: người dưới khinh ghét, công danh kém hèn (ĐL)

Quan Lộc có Phá gặp Kinh Dương, Hao, Linh thì ly tổ, bốn ba xứ người đi ăn xin.
 TVT ghi Phá hãm địa cũng hợp lý
 Phá (hãm địa) Hao Dương (Kinh Dương) Linh, Quan Lộc (cư cung Quan) vi đạo
 xứ khát cầu (22)

Mệnh hay Quan có Song Hao, Cự Môn, Vũ Khúc, Hóa Quyền: làm quan trấn thủ
 biên cương (P)

Mệnh hay Quan gặp Lưỡng Hao Cự, Vũ Hóa Quyền thì trấn thủ ở phương xa.
 Tuổi Giáp Canh Vũ Phá Tỵ Hợi, tuổi Đinh Cự Cơ Mão Dậu, tuổi Kỷ Vũ Sát Mão
 Dậu, tuổi Tân Cự Môn Tí Ngọ và tuổi Nhâm Vũ Tướng Dần Thân thì có Song
 Hao gặp Hóa Quyền
 Lưỡng Hao Cự Vũ Hóa Quyền, chiếu sai trấn thủ một, phương bên ngoài (5)

Nô

Khó thuê mướn người làm, nếu có người giúp việc cũng là hạng gian xảo, nay
 đến mai đi, bạn bè là phường ăn chơi, hay lui tới bòn của (TTL)
 Song Hao, Quan Phù hay Quan Phủ: bị trộm cắp làm hao tán, thêm Sát Phá Tham
 Hình: bị cướp (ĐL)

Thiên Di

Hay phải xa nhà
 Ra ngoài tán tài (ĐVL)

Tật Ách

Bộ phận tiêu hóa không được lành mạnh (TTL)

Tật Ách có Phá Quân, Thất Sát gặp Song Hao, Mộc Dục, Hóa Kỵ thì bị ung nhọt
 phải mổ xẻ

Cung Tật hạnh phùng Phá Sát (Thất Sát) nhi ngộ Song Hao, Mộc (Mộc Dục) Kỵ
 (Hóa Kỵ) sang độc ung thư (30)

Cung Tài

Tối kỵ gặp Song Hao, tán tài, tụ ít khó giàu có, nghèo

Hao Phá Quân hay Hao Tuyệt: phá sản

Song Hao, Hỏa Linh: mắc nghiện, nếu không cũng say mê cờ bạc phá tán rất
 nhiều tiền của (TTL)

Song Hao, Đào, Hồng: tốn tiền vì chuyện trai gái. Thường hay bị bỏ bịch nhân
 tình bòn của, lợi dụng để kiếm tiền (TTL)

Song Hao, Lộc, Quyền, Kiếp, Hỏa Tinh tại Tài mà Thân cư Tài thì buôn bán kinh doanh thành công, gặp thêm Phục Binh, Kinh Dương thì đề phòng hỏa hoạn (P)

Cung Phúc Đức hay Tài Bạch có Hao gặp Kiếp thì cô độc và nghèo hèn
Tài Phúc nhi phùng Hao Kiếp đơn ảnh cô bản (9)

Thân cư Tài gặp Song Hao Lộc Quyền hội hợp thì buôn bán mà trở nên giàu có nhưng nếu bị Kinh Phục xâm phạm thì phải đề phòng hỏa hoạn không nên buôn bán hoa quả hay thóc gạo

Thân cư Tài Bạch lại kiến Song Hao Lộc Quyền Kiếp Hỏa (Hỏa Tinh) tắt thành thương nghiệp, kỵ mãi miên đơn ngũ cốc hỏa hoạn tu phòng nhược phùng Binh (Phục Binh) Nhận (Kinh Dương) gia lâm (10)

Tử Túc

Sinh nhiều nuôi ít (TTL)

Con chơi bởi phá của và không ở gần cha mẹ lâu được (TTL)

Phối

Cưới xin rất dễ dàng, nếu gặp nhiều sao mờ ám xấu xa thì trai lấy vợ hoang tàn, gái lấy chồng phá của, cờ bạc, ăn chơi (TTL)

Huynh Đệ

Giám số lượng anh chị em hai người. Trong nhà thiếu hòa khí. Anh chị em thường xa cách nhau, lại có người chơi bởi phá tán (TTL)

Đại Tiểu Hạn

Hãm địa thì hao tài tổn của (vì tang khó, bệnh tật, mất trộm...)

Đắc địa thì hoạch tài (ĐL)

Có thay đổi (như đổi nghề nghiệp, chỗ làm, chỗ ở, xuất ngoại...)

Nếu đang ốm đau thì mau hết bệnh

Vận gặp Tuế Đà Kỵ Sát Hao thì phải đề phòng sóng to gió lớn

Tuế Đà Kỵ Sát cùng Hao,

Vận này phải tránh ba đào cuồng phong (B110)

TVT cho rằng tuổi Ất Tân hạn gặp Hao, Kiếp Sát, Đào Hồng thì phải đề phòng

người làm phản, nếu gặp Khoa hay Thiên Phủ thì không sao:
Hao Sát Hồng Đào, Ất Tân hạn đáo, đa phùng phản phúc, Khoa Phủ hạnh cầu (6)

Song Hao, Thiên Thương: hạn gặp thì bị nạn đói nguy (ĐL)
Sao Đại Hao Thiên thương hãm hạn,
Ác sát thêm, đói khó ai qua (Hạn gặp thì đói khó) (B159)

Vận gặp Cơ Lương, Xương Khúc, Tam Hóa Phụ Bát Song Hao thì vua Hán vào
đất Tần diệt Hạng Võ của nước Sở:
Vận hội Cơ Lương, Xương Khúc, Tam Hóa Phụ Bát Song Hao Hán Đế nhập Tần
phá Sở (23)

Mệnh Cự Nhật tại Dần Thân, hạn gặp Sát (Thái Vân Trình cho là Kiếp Sát) Hình
Kiếp Kỵ thì cần đề phòng bệnh về tim phổi, gặp thêm Thiên Mã thì bị tật về chân
tay, què tay cụt chân, nhưng gặp Song Hao thì có thể giải cứu được:
Cự Nhật Mệnh viên (tại Dần Thân) hạn đáo Sát Hình Kiếp Kỵ tu phòng tâm phế
(đề phòng bệnh về tim phổi), kiêm Thiên Mã hội hãm tật tứ chi (gặp thêm Thiên
Mã thì bị tật về chân tay, què tay cụt chân), duy hạnh Song Hao khả giải (9)

Các câu phú cần kiểm lại:
Tây Thi cung Phu có Cự Cơ, Song Hao, Quyền Ấn, Đào Hồng nên khuynh đảo
triều đình nhà Ngô
Tây Nương Tử (Tây Thi) áp đảo Ngô triều (làm vua Ngô mất nước) do hữu Cự
Cơ, Song Hao, Quyền Ấn, Đào Hồng Phu cung (17)
Chú ý rằng Quốc Ấn và Lộc Tồn tam hợp chiếu với nhau, mà Hao và Lộc Tồn
không thể hội hợp được thành ra Song Hao gặp Quốc Ấn là điều không thể xảy ra
được

Lưỡng Hao Cự Vũ Hóa Quyền,
Chiếu (chiếu chỉ nhà vua) sai trần thủ một phương bên ngoài
(Song Hao Mão Dậu gặp Cự Môn hay Vũ Khúc có Hóa Quyền tại Mệnh Quan thì
được phong trần thủ ở phương xa) (B37)
Tiểu hạn Cự, Vũ, Hóa Quyền,
Chiếu hoa trần thủ một bên phương ngoài (QXT)

Theo Nguyễn Mạnh Bảo thì hạn gặp cho cần phải hao tài tổn của vì Tham Lang
ngộ Đại Tiểu Hao, nhưng theo Quản Xuân Thịnh thì Đại Tiểu hạn có Song Hao
gặp Tham Lang xung chiếu thì phá tài tổn của

Chó cắn vì ngộ Tham Lang,
Tồn tiền tổn của bởi chàng Nhị Hao (B38)
Đại, tiểu, ngộ Tham Lang xung,
Phá tài, tổn của, ắt phùng nhị Hao (QXT)

Đại Hao tại Mệnh gặp Tử, Cơ: chết đói
Đặng Thông chết do bởi vì Mệnh Cơ, Tử hạn gặp Đại Hao. Cần xét lại câu này
Đặng Thông Cơ Tử vận phùng Đại Hao chi hướng

Đại Hao Quan Phủ thì bị hình phạt roi vọt. Đại Hao gặp Quan Phủ thì như Lưu
Nghị có họ với vua cũng bị hình phạt roi vọt. Thực chất Đại Hao và Quan Phủ
không hội hợp với nhau
Đại Hao lâm Quan Phủ Lưu Nghị tôn thất (thuộc giòng họ vua) chi du hồ (hu hồ)
(3, B86)

Tứ Đức (Nguyệt Đức, Thiên Đức, Phúc Đức, Long Đức)

Ngũ hành

Nguyệt Đức, Thiên Đức hành Hỏa

Phúc Đức hành Thổ

Long Đức hành Thủy

Đặc tính về cách an sao

Nguyệt Đức, Thiên Đức, Phúc Đức thì thuộc tam hợp Dương Tử Phúc của vòng Thái Tuế trong đó Nguyệt Đức đồng cung với Tử Phù, Phúc Đức đồng cung với Thiên Đức. Nguyệt Đức và Thiên Đức, Phúc Đức luôn luôn tam hợp với sự xuất hiện của Đào Hoa, Thiên Không và Kiếp Sát trong tam hợp

Nguyệt Đức thì sẽ đồng cung với Đào, Hồng, Hỉ hay Kiếp Sát. Nguyệt Đức đồng cung với Hồng hay Hỉ đều có Quả Tú xung chiếu, với Đào Hoa thì có cả bộ Cô Quả tam hợp và với Kiếp Sát thì không bao giờ gặp Cô Quả
Nguyệt Đức bao giờ cũng gặp ít nhất là hai sao của bộ tam minh

Thiên Phúc Đức khi đồng cung với Đào, Hồng hay Hỉ đều có Tam Minh và không bao giờ gặp Cô Quả. Nếu không đồng cung với Đào, Hồng hay Hỉ thì sẽ có ít nhất hai sao của bộ tam minh và ít nhất một sao Cô Quả: nếu có hai sao Đào Hồng hay Đào Hỉ tam hợp thì sẽ có Quả Tú thủ, Cô Thần Hồng Loan (hay Hỉ) đồng cung tam chiếu, nếu có Đào Hỉ tam chiếu thì đồng cung với Kiếp Sát và có Cô Thần xung chiếu

Long Đức nằm trong bộ Âm Long Trục, không khi nào có Đào Hoa đồng cung, luôn nhị hợp với Thiên Khốc và luôn luôn có Thiếu Dương, Thiên Không xung chiếu và không bao giờ có đủ bộ tam minh. Luôn có ít nhất một hoặc hai sao của bộ tam minh: khi gặp một sao thì là Hồng hay Hỉ tam chiếu nhưng không gặp Cô Quả Kiếp Sát, nếu gặp hai sao trong đó có Đào Hoa (khi có Đào Hoa thì Đào tại vị trí xung chiếu) thì có đủ bộ Cô Quả, có Hồng hay Hỉ tam chiếu (Bộ Không Đào xung chiếu, Cô Quả, Hồng hay Hỉ tam hợp) còn nếu có Hồng Hỉ thì có Cô Thần, Kiếp Sát xung chiếu, Hồng hay Hỉ thủ (bộ Cô Thần, Kiếp Sát, Hồng, Hỉ)
Khi đồng cung với Hỉ hoặc Hồng thì Long Đức mới bị Kiếp Sát xung chiếu
Long Đức đồng cung với Thiên Hỉ hoặc Hồng Loan đều có Hồng Hỉ với Cô Thần, Thiên Không, Kiếp Sát xung chiếu

Song Long cách (Long Đức Thanh Long đồng cung)

Chỉ có các tuổi Bính Đinh, Mậu Kỷ, Nhâm Quý mới có khả năng có cách Song Long, chủ về may mắn. Các cung Thủy và Hỏa (Hợi, Tí, Tỵ, Ngọ) không bao giờ có Song Long đồng cung và các tuổi Thìn, Tuất, Tỵ, Ngọ không bao giờ có Dương Nam, Âm Nữ:

Tuổi Bính Tí cung Mùi (có Lưu Hà đồng cung), Đinh Sửu cung Thân (có Lưu Hà đồng cung), Mậu Tí cung Mùi, Kỷ Sửu cung Thân, Nhâm Ngọ cung Sửu, Quý Mùi cung Dần (có Lưu Hà đồng cung)

Âm Nam, Dương Nữ:

Bính Thân cung Mão (có Lưu Hà tam hợp), Đinh Dậu cung Mão (có Quan Phúc đồng cung), Mậu Thân cung Mùi, Kỷ Dậu cung Thìn (có Khôi Việt chiếu), Nhâm Dần cung Dậu (có Khôi Việt chiếu), Quý Mão cung Tuất (có Lưu Hà tam hợp)

Theo kinh nghiệm thì cách Song Long xung chiếu, tam hợp cũng rất đẹp

Ý nghĩa

Bốn sao này là phúc thiện tinh

Chủ đức độ, khoan hòa, đoan chính, nhân hậu, từ tâm

Chế được tính dâm đảng của Đào Hồng (hoặc các sao dâm tinh khác) vì bản chất đoan chính

Giải được bệnh tật nhỏ, giảm trừ được phần nào tai họa, tật bệnh, hung nguy. Là cứu tinh, chuyên giải hung nguy nhưng cần căn cứ vào hung tinh loại nào để quyết đoán phú quý, bần tiện, thọ yếu. Hội với hung sát tinh thì không nhập đảng tác hại, hội với cát tinh thì gia tăng sự tốt đẹp. Theo kinh nghiệm thì Tứ Đức không có khả năng đương đầu với Không Kiếp (tối kỵ gặp), Hỏa Linh hãm

Mệnh có Thiên Đức Nguyệt Đức (còn được gọi là bộ lưỡng Đức) thủ khi đồng cung với Đào, Hồng thì tuy còn tính dâm nhưng là chính dâm chứ không ngoại tình, tại nữ Mệnh thì là người duyên dáng, xinh tươi, có tài cư xử lịch thiệp

Theo VVT thì Lưỡng Đức hội với Long Đức, Phúc Đức cư chiếu Mệnh Thân thì phù trì đắc lực, dù có lâm hạn đồ vỡ cũng không bị tuyệt địa nên người có sao Đức Mệnh Thân dù sao cũng được hưởng ân huệ, giữ được cái cốt cách của người phong lưu, không quá khốn cùng, cửa nhà bán sạch tra chân vào cùm

Long Đức tại cung Thìn nhiều người cho rằng là cách may mắn (gọi là Long cư Long vị) vì cung Thìn có nghĩa là Long, là rồng. Trong trường hợp này chỉ có Thiên Hỉ tại Tí chiếu

Theo kinh nghiệm thì người có Long Đức thủ Mệnh thì là người rất hiền lương,

lượng thiện, không làm việc xấu, không có tính ranh ma, không lấn người, không hay tranh đấu hơn thua với đời, cho dù có Không Kiếp xâm phạm cũng không làm việc mờ ám, tọa thủ tại cung nào cũng đem đến sự êm đềm cho cung đó, tại Phụ, Huynh, Phu Thê, Tử, Nô đều chủ sự hiền lành lương thiện

Thiên Đức, Nguyệt Đức, Giải Thần, Thiên Quan, Thiên Phúc đều là các sao giải họa:

Thiên Nguyệt Đức, Giải Thần tàng, Cùng là Quan Phúc một làng (đoàn) trừ hung (NMB, VVT, 19)

Thiên Nguyệt Đức có Giải Thần, Cùng là Quan Phúc một làng trừ hung (QXT)

Thiên Nguyệt Đức tọa chiếu phương, Cùng là Quan, Phúc trừ hung cứu người (AB340)

Thiên Đức, Nguyệt Đức, Thiên Quan, Giải Thần, Thiên Phúc một làng trừ hung (B103)

Mệnh hay Phu Thê có Thiên Đức hay Nguyệt Đức thủ gặp Đào Hoa hay Hồng Loan thì là người xinh đẹp, lấy được vợ hiền chồng sang. TVT ghi Đào Hoa hay Tham Lang miếu vượng vì Tham Lang cũng là Đào Hoa tinh:

Thiên Nguyệt Đức ngộ Đào Hồng, Trai lấy vợ đẹp, gái chồng giàu sang (VVT)

Thiên Nguyệt Đức ngộ Đào tinh, Trai xinh gái đẹp vợ lành chồng sang (15)

Thiên Nguyệt Đức ngộ Đào tinh, Trai lấy vợ đẹp, gái lành chồng sang

Thiên Nguyệt Đức ngộ Hồng thực nghiệm, Được chồng sang vợ đẹp hòa đôi (B112)

Thiên Nguyệt Đức Đào Hồng cung Phối, Gái chồng sang, trai hội giai nhân

Nguyệt Đức có khả năng giải được Liêm Phá hãm tại Mão Dậu, là người nhân từ, hạn nếu gặp cũng không lo ngại điều xấu xảy ra:

Phá Liêm hãm địa cư Mão Dậu bằng Nguyệt Đức (gặp Nguyệt Đức) dĩ từ nhân (10)

Phá tại Mão Dậu khá kinh, Gặp sao Nguyệt Đức phúc lành lại qua

Phá phùng Mão Dậu khá phiền, Thấy sao Nguyệt Đức tể liền lại qua (QXT)

TVT và Nguyễn Mạnh Bảo cho rằng hạn đến cung Mão Dậu có Kiếp Đà tất nhiều ưu phiền lo lắng nhưng nếu gặp sao Nguyệt Đức (hoặc Thiên Giải) thì tai qua nạn khỏi:

Kiếp Đà hai gã khả ưu, Gặp sao Thiên Giải đảo cầu khả yên,

Vận phùng Mão Dậu khả phiền, Thấy sao Nguyệt Đức tể liền lại qua (B35)

Vận phùng Mão Dậu khá phiền, gặp sao Nguyệt Đức nạn liền tai qua (25)

Thái Âm Thiên Mã Đức Ân hội hợp thì nhờ vợ mà giàu có. Theo Nguyễn Mạnh Bao thì Đức là Thiên Đức. Chỉ có vị trí Dần Thân (tuổi Tỵ Hợi) thì Thiên Đức mới có Mã nhị hợp:

Thái Âm Thiên Mã Đức (Thiên Đức) Ân, Cửa nhà hào phú của nhân vợ giàu (B111)

Tuần và Triệt

Tuần và Triệt thực tế ra không phải là hai sao trong Tử Vi nhưng thường được gọi là hai sao cho giản tiện. Trường hợp này cũng giống như vòng Tràn Sinh hay được gọi là sao vậy

Ngũ hành của Tuần Triệt

Triệt thì hành Kim (đối Thủy), còn Tuần thì hành Hỏa (đối Mộc)

Ý nghĩa

Triệt là chém ra thành từng mảnh

Tuần là vây hãm, có tác dụng làm kìm hãm, ngăn chặn, cản trở

Cường độ ảnh hưởng của Tuần Triệt nói chung

Triệt tại cung Kim, Tuần tại cung Mộc và Hỏa thì có tác động mạnh hơn các nơi khác

Tỷ lệ ảnh hưởng của Tuần Triệt trên các cung

Tuần Triệt thì luôn luôn án ngữ hai cung và có cường độ ảnh hưởng lên hai cung khác nhau theo nguyên tắc ước lượng như sau:

Người Dương (Dương Nam, Dương Nữ) thì cung Dương bị ảnh hưởng hơn cung Âm, cụ thể cung Dương chịu 70%, cung Âm chịu 30% cường độ

Người Âm (Âm Nam, Âm Nữ) thì cung Âm bị ảnh hưởng nhiều hơn cung Dương, cụ thể ước lượng cung Âm chịu 80%, cung Dương chịu 20%

Khi bị ảnh hưởng mạnh thì ta thường nói bị đương đầu, bị ảnh hưởng yếu thì ta nói bị chặn đuôi

Cường độ ảnh hưởng của Tuần Triệt theo thời gian:

Triệt ảnh hưởng mạnh mẽ trong thời gian 30 năm đầu, tùy theo Cục mà có khác biệt (như Thủy nhị cục thì 32 năm đầu), sau đó thì từ từ yếu đi nhưng không thể coi là không có

Tuần thì ngược lại, ảnh hưởng không đáng kể vào khoảng 30 năm đầu, nhưng mạnh sau đó

Hai yếu tố trên rất quan trọng nhưng thường bị coi thường khi coi về Tuần Triệt, nhất là khi coi đại hạn. Cường độ ảnh hưởng từ yếu đến mạnh tạm được sắp xếp theo thời gian như sau:

Dưới khoảng 30 tuổi

Tuần chặn đuôi

Tuần đương đầu

Triệt chặn đuôi

Triệt đương đầu

Trên khoảng 30 tuổi

Triệt chặn đuôi

Triệt đương đầu

Tuần chặn đuôi

Tuần đương đầu

Trong từng trường hợp trên thì cũng có diễn biến động của riêng nó, bởi vì quá trình thay đổi của Tuần Triệt là quá trình biến đổi, Tuần thì từ từ mạnh lên, Triệt thì từ từ giảm xuống. Như vậy trong trường hợp tuần chặn đuôi thì sẽ nhẹ nhất vào lúc 1 tuổi và mạnh nhất vào khoảng 30 tuổi. Nhận định này nên được bổ xung chú ý khi coi đại hạn

Tuần Triệt là hai sao có rất nhiều ảnh hưởng được liệt kê dưới đây, có thể sự phân tích có những trùng lặp nhưng để làm sáng tỏ vấn đề Tuần Triệt hơn

Ảnh hưởng của Tuần Triệt lên các cung:

Thông thường thì đóng tại cung nào thì Tuần Triệt sẽ gây trục trặc cho cung đó bất kể là đương đầu hay chặn đuôi, trừ khi đóng tại cung Vô Chánh Diệu trong trường hợp không có hung tinh đắc địa hoặc tại Tật Ách thì hợp. Đây là điểm quan trọng bởi vì chưa cần coi các sao trong cung, người ta đã có thể nêu sơ lược được vài điểm trong cuộc sống vì thông thường Tuần Triệt đóng tại 4 cung trong tổng số 12 cung

Tuần Triệt đương đầu tại Mệnh thì thuở nhỏ cực khổ gian nan (nhưng nếu gặp chính tinh lạc hãm thì đỡ hơn), tại Thân thì khi lập nghiệp sẽ gặp khó khăn ban đầu. Nếu chặn đuôi thì đỡ hơn. Thân Mệnh đồng cung gặp Tuần Triệt đương đầu thì coi như nếu có sự nghiệp trước 30 tuổi thì phải bị gãy đổ rồi bắt lại từ đầu trong giai đoạn lập thân

Tuần Triệt đóng tại Quan thì gây trục trặc cho quan trường nghề nghiệp như lận đận, hay phải thay đổi, không bền vững, thăng giáng. Tùy theo bị chặn đuôi hoặc đương đầu và gặp Tuần hay Triệt mà lận đận nhiều hay không. Vì quan trường có ý nghĩa nổi bật trong giai đoạn lập thân nên cần chú ý phân biệt giữa Tuần và Triệt vì Tuần có tác dụng mạnh hơn về hậu vận

Tuần Triệt đóng tại cung Tài thì tiền bạc tụ tán, lúc có lúc không, trừ khi vào đại vận tốt, và thường bị gặp khó khăn khi kiếm tiền. Tạo lập điền sản rất quan trọng trong giai đoạn lập thân nên, do đó gặp Tuần thì nên chú ý. Dù gì đi chăng nữa mà bị Tuần Triệt thì hầu như khó giàu có lớn được trừ trường hợp VCD đúng cách (ví dụ có Nhật Nguyệt sáng sửa chiếu)

Tuần Triệt đóng tại cung Thiên Di thì ra ngoài không lợi, ly hương thì tốt hơn

Tuần Triệt đóng tại cung Điền thì không được hưởng di sản của cha mẹ để lại, phải tự lập và thường bị gặp trục trặc trong vấn đề mua bán điền sản. Tạo lập điền sản rất quan trọng trong giai đoạn lập thân nên, do đó gặp Tuần thì nên chú ý. Dù gì đi chăng nữa mà bị Tuần Triệt thì hầu như khó giàu có lớn được trừ trường hợp VCD đúng cách (có Nhật Nguyệt sáng sửa chiếu)

Tuần Triệt đóng tại cung Phúc thì khiến họ hàng ly tán, không ở gần nhau, thường phải ly hương

Tuần Triệt đóng tại cung Phối thì gây trục trặc cho tình duyên hôn nhân như tình đầu tan vỡ, lập gia đình trễ, lập gia đình sớm thì gia đạo bất hòa dễ trục trặc dễ đưa đến chia ly, hoặc là yếu tố đưa đến không chồng không vợ. Cung Phối xấu xa mờ ám thì nên gặp Tuần hơn Triệt vì gặp Tuần thì về sau gia đạo dễ hạnh phúc hơn Triệt. Cung Phối đẹp dễ gặp Triệt thì tuy có bị trục trặc ban đầu nhưng về sau thì vợ chồng cũng sống với nhau được...

Tuần Triệt đóng tại cung Nô thì bạn bè, người giúp việc lúc tụ lúc tán, không bền

Tuần Triệt đóng tại cung Tử thì gây trục trặc cho vấn đề con cái như không con, muộn có con, sinh con đầu lòng khó nuôi, con không hợp với cha mẹ

Tuần Triệt đóng tại cung Bào thì anh chị trưởng dễ chết sớm hoặc cùng khổ cô đơn, hoặc không gần nhau, hoặc dễ không hòa thuận

Tuần Triệt đóng tại cung Tật Ách bất kể là đương đầu hay chặn đuôi thì suốt đời mạnh khỏe, ít bệnh tật, ít tai họa, tránh được tai họa trừ khi có sao kỵ Tuần Triệt như Thiên Tướng Tướng Quân thì nếu tai họa quá lớn thì lại đưa đến cái chết bất ngờ nhanh chóng

Tuần Triệt đóng tại cung Phụ Mẫu thì ly hương mới dễ làm nên hơn là ở gần cha mẹ, không hợp với cha hay mẹ, hoặc dễ sớm xa cách cha mẹ. Vì Phụ Mẫu có ảnh

hưởng trong giai đoạn thiếu niên nên gặp Triệt có khác biệt khi gặp Tuần vì lúc đó Triệt đang mạnh mẽ

Tuần Triệt đóng tại cung hạn thì phải có khó khăn trong hạn đó, nhưng cần xét kỹ thời gian và tỷ lệ ảnh hưởng

Trường hợp Tuần Triệt đồng cung thì ảnh hưởng coi như ảnh hưởng liên tục. Như vậy nếu Tuần Triệt đồng cung tại Phôi Tử thì là một bất hạnh trong cuộc sống gia đình, tại Điền Quan thì sự gây dựng sự nghiệp khó khăn, tại Phụ Phúc thì số tự lập, ly hương, bạc phúc...

Ảnh hưởng của Tuần Triệt đối với hành của sao

Sử dụng sự sinh khắc ngũ hành giữa hành của Tuần Triệt với hành sao tọa thủ, lấy hành của Tuần Triệt làm chủ, ta có thể nói rằng:

Nhìn chung thì hành Kim, Hỏa và Mộc bị ảnh hưởng nặng nhất, hành Mộc bị ảnh hưởng của Triệt hơn Tuần (vì Triệt Kim khắc Mộc trong khi đó Mộc sinh Tuần Hỏa) và hành Kim chịu ảnh hưởng của Tuần hơn Triệt (vì Tuần Hỏa khắc Kim trong khi đó Triệt Kim và Kim đồng hành), hành Thủy ít bị ảnh hưởng hơn (vì Triệt Kim sinh Thủy và Thủy khắc Hỏa Tuần), hành Thổ bị ảnh hưởng ít nhất (vì Tuần Hỏa sinh Thổ và Thổ sinh Triệt Kim)

Như vậy nếu chỉ xét về phương diện ngũ hành thì các sao Thổ như Ta Hưu, Thiên Quý, Lộc Tôn, Hoa Lộc, Thiên Phúc, Thiên Quý, Tam Thai ít bị ảnh hưởng của Tuần Triệt nhất, các sao Thủy như Hoa Khoa, Văn Xương, Hoa Ky, Long Trì, Song Hào, Hồng Loan, Bát Tọa ít chịu ảnh hưởng của Tuần Triệt, các sao Mộc, Kim, Hỏa như Kinh Da, Không Kiep, Hoa Linh, Thiên Không, Thiên Hình, Kiep Sát, Tang Môn, Bạch Hổ, Đào Hoa, Khôi Việt, Hoa Quyền Thiên Mã, Phương Cáo, An Quang, Cô Quạ, Thiên Quan chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của Tuần Triệt

Ảnh hưởng của Tuần Triệt đối với các loại tinh đầu

Đối với chính tinh thì bị ảnh hưởng mạnh hơn phụ tinh (phạm cái gì càng mạnh mẽ thì càng bị ảnh hưởng của Tuần Triệt), trong đó Sát Phá Liêm Tham bị ảnh hưởng mạnh nhất

Về tính chất thì hung sát bại tinh (như Sát Phá Liêm Tham, Không, Kiếp, Kinh, Đà, Hỏa Linh, Kiếp Sát, Thiên Không, Kiếp Sát...), tài tinh (Vũ Khúc, Thiên Phủ, Lộc Tồn, Hóa Lộc), quý tinh, quyền tinh (Thiên Tướng, Hóa Quyền, Quốc Ấn...), đào hoa tinh hay dâm tinh (Hồng Đào Riêu Thai...) bị ảnh hưởng mạnh mẽ hơn các tinh đầu khác như phúc thiện tinh (Quang Quý, Quan Phúc...), trợ tinh (Tả Hữu)...lục bại tinh (Song Hào, Tang Hổ, Khô Hư)

Tuần Triệt không làm thay đổi tính chất của hung tinh, cát tinh như biến hung tinh thành cát tinh, biến các tinh thành hung tinh mà thực chất thay đổi cường độ hành khí của sao, sự sáng tối của sao tức là thay đổi tính đặc hãm

Các trường hợp đặc biệt cần lưu ý

Thiên Tướng, Tướng Quân tối kỵ gặp Tuần hay Triệt cho dù là đặc hay hãm.
Thiên Khôi kỵ Triệt hơn Tuần nhưng cần phối hợp các yếu tố khác khi luận đoán tốt xấu

Nhật Nguyệt đặc hãm gặp Tuần Triệt thì sáng lên, gặp Tuần hay hơn Triệt. Nhật Nguyệt miếu vượng gặp Tuần Triệt thì tối lại

Cự Cơ Tí Ngọ rất cần Tuần Triệt

Thiên Phủ kỵ Tuần hơn Triệt, gặp Tuần ví như kho trống không, trong khi gặp Triệt thì chỉ bị hao hụt

Ảnh hưởng của Tuần Triệt đến vấn đề miếu hãm

Sao đặc vượng miếu gặp Tuần Triệt thì giảm hoặc mất hết ý nghĩa tốt đẹp hoặc đôi khi trở thành hãm

Sao hãm địa gặp Tuần Triệt thì lại bớt xấu đi, hoặc trở thành tốt, là phản vi kỳ cách (đặc biệt cho Sát Phá Liêm Tham hãm địa) nhưng phải trải qua gian nan mới tốt được

Chú ý rằng quá trình thay đổi ảnh hưởng từ xấu qua tốt hoặc ngược lại là quá trình chuyên biến nên một sao cho dù sáng lại do ảnh hưởng của Tuần Triệt cũng không toàn vẹn như một sao bản chất là sáng xưa và ngược lại một sao bị tối đi do ảnh hưởng của Tuần Triệt cũng không tối tăm như một sao bản chất là tối hãm.

Ảnh hưởng đến các cung tam hợp xung chiếu

Tuần Triệt chỉ có ảnh hưởng gián tiếp đến cung tam hợp xung chiếu. Sao tại cung bị Tuần Triệt án ngữ bị thay đổi tính chất nên khi chiếu về cung khác cũng khác khi không bị Tuần Triệt. Cách VCD có Tuần Triệt chiếu thiết tưởng chỉ là để nói có Tuần Triệt tại các cung tam hợp xung chiếu mà thôi)

Triệt có tác động cản trở tất cả các hung tinh chiếu về bản cung, không sợ nguy hiểm do các sao này gây ra (Tam phương xung sát hạnh nhất Triệt nhi khả bằng). Tuần thì cản không được mạnh nên vẫn còn bị nguy hiểm phần nào

Tại bản cung có chính phụ tinh hãm địa nếu bị Triệt án thì cũng không đáng lo ngại vì họa hại do chính phụ tinh hãm địa gây ra. Nếu chính phụ tinh sáng sủa thì tùy trường hợp mà luận đoán sử dụng các nguyên tắc coi trên

Tuần Triệt tại cung Vô Chính Diệu (coi phần Vô Chính Diệu)

Tuần Triệt tháo dỡ

Đây là quan điểm do cụ Thiên Lương đưa ra. Mệnh Tuần hay Triệt thì khi đến đại hạn gặp Tuần hay Triệt sẽ tháo dỡ ảnh hưởng của Tuần hay Triệt

Tuần Triệt gặp sao Lưu

Tuần Triệt đồng cung tại tiểu hạn gặp Lưu Triệt thì ảnh hưởng của Tuần Triệt đồng cung sẽ giảm đi

Triệt tại tiểu hạn gặp Lưu Triệt thì ảnh hưởng của Triệt tăng lên

Tuần tại tiểu hạn gặp Lưu Triệt thì ảnh hưởng của Tuần giảm đi

Tóm lại, ngoại trừ trường hợp ngoại lệ, mọi tinh đầu đắc vượng miếu không nên bị Tuần Triệt án ngữ, tinh đầu hãm địa rất cần Tuần Triệt cứu giải cái xấu. Khi bị Tuần Triệt án ngữ cần chú ý là bị Tuần Triệt đương đầu hay chặn đuôi và để ý thời gian.

Khi chính tinh sáng sủa hợp Mệnh (như sao sinh Mệnh hay đồng hành) thì không nên bị Tuần Triệt đưa đến phá cách nặng, ví dụ như cung sinh sao, sao sinh Mệnh mà gặp Tuần Triệt thì càng xấu vì sao sinh Mệnh khiến Mệnh tốt lên hẳn mà lại bị Tuần Triệt phá hỏng. Trong trường hợp này nếu Mệnh không hợp với sao thì gặp Tuần Triệt cũng đỡ xấu hơn trường hợp trên

Khi chính tinh lạc hãm khắc Mệnh thì cần được Tuần Triệt án ngữ, trường hợp này lại hay hơn là được chính tinh lạc hãm hợp Mệnh gặp Tuần Triệt. Nói chung là nếu càng xấu về vị trí (bị hãm) và tương quan ngũ hành (bị khắc) thì gặp Tuần Triệt càng tốt, hễ càng tốt về vị trí và tương quan ngũ hành thì gặp Tuần Triệt càng xấu. Một số người đã diễn tả điều này bằng cách nói Tuần Triệt thay đổi ngũ hành của cung

Vài ví dụ phân tích

Thiên Cơ (Mộc), Thiên Lương (Mộc) miếu địa rất kỵ Tuần Triệt (vì hành Mộc) nhưng là phúc tinh nên cũng đỡ lo ngại, kỵ Triệt hơn Tuần. Trẻ tuổi gặp Tuần chặn đuôi thì cũng khá tốt

Thiên Cơ (Mộc), Thiên Lương (Mộc) nếu hãm địa thì rất cần Tuần Triệt.

Thai Âm sáng sửa gặp Tuần Triệt thì đỡ bị ảnh hưởng hơn so với Thái Dương sáng sửa do hành Thủy

Sát Phá Liêm Tham hãm địa rất cần Tuần Triệt (vì hành là Kim, Hỏa, Mộc và là hung sát tinh)

Sát Phá Liêm Tham đắc vượng miếu kỵ gặp Tuần Triệt vì là hung tinh hành Kim Hỏa Mộc, nhất là Sát và Tham (còn Phá Quân thì đỡ bị ảnh hưởng).

Liêm Tham Ty Hợi hãm địa thì gặp Tuần Triệt rất tốt, giảm thiểu nhiều tai họa từ tội

Thiên Đồng (Thủy) đắc vượng miếu cung không sợ Tuần Triệt lắm vì là phúc tinh hành thủy, hãm thì lại cần Tuần Triệt

Vũ Khúc (Kim) đắc vượng miếu kỵ Tuần Triệt vì là tài tinh hành Kim

Không Kiếp Tang Hổ đắc thì không nên gặp Tuần Triệt vì là hung tinh đắc địa hành Hỏa, Kim, Mộc mất hết ảnh hưởng hay đẹp

Ví dụ Mệnh Tử Vi Thiên Tướng cư Thìn (ở Dương cung) bị Tuần. Thiên Tướng bị ảnh hưởng mạnh hơn Tử Vi vì là hành Thủy và do bản chất kỵ Tuần Triệt của nó. Vì là Tuần nên 30 năm đầu chưa bị tai họa (tai nạn, bệnh tật...) vì ảnh hưởng Tuần chưa mạnh. Dương Nam, Dương Nữ thì bị Tuần đương đầu, do đó sau 30 tuổi dễ bị tai họa lớn. Âm Nam Âm Nữ thì bị Tuần chặn đuôi nên sau 30 tuổi có gặp tai họa cũng không mạnh được. Mệnh Thổ (ăn sao Tử Vi, khắc sao Thiên Tướng) đỡ bị ảnh hưởng xấu hơn (Tử Vi gặp Tuần không đáng sợ bằng Thiên Tướng) Mệnh Thủy (ăn sao Thiên Tướng mà Tướng lại sáng sửa, khắc sao Tử Vi) (chỉ nêu đại cương khả năng xảy ra, còn cần xét trong bối cảnh Mệnh Thân Phúc Đại Hạn mới quyết định được)

Ví dụ Mệnh Liêm Tham cư Ty (cung Âm) là cách hình ngục nan đào gặp Triệt. Vì là Triệt nên 30 năm đầu có tác động mạnh. Cả hai sao đều bị ảnh hưởng mạnh của Triệt vì là hung tinh hành Hỏa và Mộc. Dương Nam, Dương Nữ thì chịu 30% tác động của Triệt, sau 30 tuổi phải đề phòng từ tội. Âm Nam, Âm Nữ chịu 80% tác động của Triệt nên không có gì xảy ra 30 năm đầu. Sau đó thì đề phòng những mức độ từ tội nhẹ hơn.

Ví dụ Thất Sát (Kim) cư Dần (Dương cung) mạng Kim gặp Tuần, Dương Nam thì chịu 70% ảnh hưởng, 30 năm đầu tuy có bị ảnh hưởng nhưng không đến nỗi nào,

sau 30 năm thì bị tác động mạnh mẽ nên bị tai nạn hoặc bị bệnh như bệnh tâm thần

Cự Cơ Mão Dậu gặp Song Hao thì là phú cách nhưng gặp Tuần Triệt thì lại là phá cách .

Văn Xương và Văn Khúc

Văn Khúc

Văn có nghĩa là văn từ, văn tự hoặc có nghĩa là phép luật, như "vũ văn" nghĩa là múa mèn phép luật buộc
 Khúc có nghĩa là khúc nhạc
 Xương có nghĩa là một âm

Biểu tượng

Vũ Khúc, Văn Khúc; hai vú

Văn Xương: bụng hay tai

Văn Xương Tâu Thư đồng cung: thính tai, biết nói bằng bụng

Văn Xương: sách vở

Văn Khúc Tâu Thư: nhạc khí

Văn Xương, Văn Khúc: giấy phủ mặt, văn tế

Ngũ Hành

Văn Xương là Bắc Đẩu tinh Dương Kim đới Thổ

Văn Khúc là Nam Đẩu tinh Dương Thủy đới Hỏa

Chú ý Việt Viêm Tử ghi Văn Khúc là Âm Thủy, Bắc Đẩu tinh, nhưng trang 583 lại ghi là Nam Đẩu tinh

Đắc hãm

Toàn bộ các tác giả đều cho rằng Xương Khúc đắc địa tại Sửu, Mùi, Thìn, Tỵ

Xương Khúc đắc địa tại Tứ Mộ (Thìn Tuất, Sửu Mùi), Tỵ Hợi (TTL)

Theo Việt Viêm Tử thì Văn Khúc tại Tỵ Dậu Sửu thì miêu địa, tại Hợi Mão Mùi thì vượng địa. Văn Khúc vượng ở Sửu Mùi, Thìn Tuất, Tỵ Dậu

Sao Xương Khúc chủ văn chương,

Đồng lâm Thìn Tuất chi hương (là nơi) tuyệt vời

Miêu nhi bất tú Nhan Hồi

Văn Xương ngộ Kỵ uông đời tài hoa (AB329)

Đặc điểm về vị trí và cách an sao

Xương Khúc cũng giống như Quang Quý, Tả Hữu, Thai Tọa, Long Phụng khi ở Âm cung thì hoặc đồng cung (tại Sửu Mùi), hoặc tam hợp với nhau (tại Mão Hợi, Tỵ Dậu), khi ở Dương cung thì hoặc xung chiếu (tại Thìn Tuất), hoặc đứng một

mình (tại Tí Ngọ, Dần Thân) và khi đứng một mình thì đưa đến cách giáp biên tại hai cung Sửu Mùi

Có Xương Khúc chiếu thủ thì giống như trường hợp Thai Cáo, không bao giờ gặp Không Kiếp

Cách giáp Xương giáp Khúc tại Sửu Mùi có đặc điểm là có Địa Không thủ, Địa Kiếp chiếu hoặc có Địa Kiếp xung chiếu

So sánh Văn Xương và Văn Khúc

Trên sự phối hợp sao thì ta thấy Văn Xương hay hơn Văn Khúc vì khi Văn Khúc thủ thì không có Thai Cáo, lại có khi không có Văn Xương trong khi Văn Xương thủ thì hoặc đi với Văn Khúc (bộ Xương Khúc), nếu không có Văn Khúc thì lại có Thai Cáo (Bộ Xương Thai Cáo)

Văn Xương tại cung Dương thì luôn luôn có đủ bộ Thai Cáo (Bộ Xương Thai Cáo), đẹp nhất tại vị trí Thìn Tuất vì lúc đó còn có Văn Khúc nghĩa là có bộ Xương Khúc Thai Cáo, còn tại Tí Ngọ, Dần Thân thì không có Văn Khúc

Ngoại trừ Xương Khúc đồng cung không có Thai Cáo, nếu có Văn Xương thủ thì có ít nhất là Thai hoặc Cáo xung chiếu (bộ Xương Thai Phụ hoặc Xương Phong Cáo) hoặc tốt hơn thì gặp bộ Thai Cáo tam hợp chiếu

Ngoại trừ tại Thìn Tuất luôn luôn có Thai Cáo, Văn Xương thủ nếu không gặp Văn Khúc thì sẽ có bộ Thai Cáo và nếu Văn Xương gặp đủ bộ Thai Cáo thì không có Văn Khúc

Văn Khúc ở cung Dương là Tí Ngọ Dần Thân thì đứng một mình, không gặp Văn Xương và Thai Cáo nên đây là vị trí kém nhất của Văn Khúc, còn tại các vị trí khác thì gặp Văn Xương

Văn Xương tại Tỵ Hợi thì là bộ Xương Khúc Thai Phụ nhưng bị giáp Không Kiếp, còn Văn Khúc tại Tỵ Hợi thì là bộ Xương Khúc, không giáp Không Kiếp nên Xương tại Tỵ Hợi thì kém tốt hơn Khúc

Đặc tính chiếu của Xương Khúc

Có đủ bộ Xương Khúc chiếu thì có ít nhất một trong hai sao Thai Phụ, Phong Cáo chiếu. Đặc biệt Mệnh cư Sửu Mùi có Xương Khúc đồng cung xung chiếu thì có đủ bộ Thai Cáo chiếu (bộ Xương Khúc Thai Cáo). Sinh giờ Dần, Mệnh cư Tí và sinh giờ Thân, Mệnh cư Ngọ thì có đủ bộ Xương Khúc, Thai Cáo hợp chiếu Xương Khúc tại Thìn Tuất thì Kiếp Không đắc tại Tỵ Hợi và Xương Khúc tại Sửu Mùi thì Không Kiếp đắc tại Dần Thân

Phối hợp với Hóa Kỵ

Khúc Xương gặp Hóa Kỵ thì rất xấu, cho dù là đắc hay hãm

Tuổi Bính thì Khoa Xương luôn đồng cung, tuổi Tân thì Khoa Khúc đồng cung

Tuổi Kỷ Văn Khúc luôn luôn đồng cung với Hóa Kỵ

Tuổi Tân Văn Xương luôn đồng cung với Hóa Kỵ
 Tuổi Tân nếu có bộ Khúc Xương thì có Khoa Kỵ

Tóm lại khi xem xét Xương Khúc thì cần để ý xem có đủ bộ, có gặp Thai Cáo, có bị giáp Không Kiếp và có gặp Hóa Kỵ hay không

Ý nghĩa

Xương Khúc là văn tinh, chủ văn chương, mỹ thuật, khoa giáp

Có người cho rằng:

Văn Xương đặc địa chủ về văn tinh, văn chương, khoa giáp

Văn Xương hãm địa chủ về gian xảo, đa hư thiêu thực, không thành thật

Văn Khúc chủ về nghệ thuật, ca hát, tấu vũ, mỹ thuật, ca vũ, đàn nhạc

Nhận định về sự phối hợp của Xương, Khúc với trung tinh hoặc chính tinh
 Khúc Xương cũng giống như Tả Hữu là sao đứng đầu các trung tinh, khi ở nơi
 miếu địa thì nhiều người cho rằng ảnh hưởng mạnh mẽ không khác chính tinh.
 Điều này cũng hợp lý vì chỉ có Tả Hữu, Xương Khúc là bốn trung tinh được vận
 dụng khi an Tứ Hóa. Khi luận đoán Xương Khúc cần chú ý phân biệt Nam, Nữ,
 đồng thời cần xét kỹ sự đắc hãm của Xương Khúc trong mối quan hệ hội hợp với
 các cát tinh hoặc hung tinh khác vì Xương Khúc là bộ sao trợ tinh chủ về cát phù,
 hung diệt, khi hội hợp với cát tinh đoan chính thì rất tốt, khi đi với hung tinh hoặc
 dâm tinh và đào hoa tinh thì không có lợi

Xương Khúc với phụ tinh:

Xương Khúc, ngay cả khi đắc địa, chỉ tốt đẹp khi đi với cát tinh đoan chính hoặc
 văn tinh, đặc biệt là kết hợp với Khôi Việt, Tả Hữu (Xương đi với Tả Phù hoặc
 văn tinh đẹp hơn Hữu Bát vì Tả Phù hỗ trợ mạnh cho văn tinh, Văn Khúc đi với
 Hữu Bát hoặc võ cách thì hợp hơn), Lộc Tồn thì tốt đẹp nhất, đi với Khoa, Quyền,
 Lộc cũng tốt đẹp, với Long Phượng thì cũng hay, gặp Bình Hình Tướng Ấn, Thai
 Cáo thì tốt về võ nghiệp, là võ tướng chấn ngự biên cương. Xương Khúc rất kỵ
 gặp Hóa Kỵ (nhất là Văn Xương gặp Kỵ) hoặc gặp sát tinh như Kinh, Đà, Hỏa,
 Linh, Thiên Hình thì chủ giảm thọ, hoặc tù tội, gặp Riêu thì dâm dăng, chủ giảm
 thọ

Xương Khúc với chính tinh:

Xương Khúc phò tá cho bộ Nhật Nguyệt là hợp cách nhất, rất hợp với Nhật
 Nguyệt, gia tăng sức sáng của Nhật Nguyệt, nhất là khi Nhật, Nguyệt hãm địa
 hoặc đồng cung tại Sửu Mùi thì rất cần Xương Khúc. Nhật Nguyệt hãm địa gặp
 Khúc Xương thì được sáng ra cho nên Nhật Nguyệt tuy hãm mà cũng được phong
 túc một thời, nếu gặp thêm Long Phượng thì toàn mỹ. Văn Xương đi với Thái

Dương, Văn Khúc đi với Thái Âm là hợp nhất. Đi với các chính tinh khác, Xương Khúc cần phối hợp với chính tinh sáng sủa thì mới tốt đẹp, còn nếu chính tinh lạc hãm thì sự có mặt của Xương Khúc chỉ làm gia tăng điều xấu mà thôi. Bộ Tử Phủ Vũ Tướng miếu vượng thì cũng rất có lợi khi gặp Xương Khúc, gia tăng thêm sự quý hiển. Chú ý rằng Tử Phủ, nhất là khi miếu vượng hoặc đồng cung thì chế được tính âm của Xương Khúc, Tử Phủ sáng sủa mà gặp Xương Khúc thì lại rất tốt vì đã chế hóa được tính âm của Xương Khúc. Vũ Khúc dù đắc hãm gặp Xương hay Khúc đồng cung đều có lợi nhưng Vũ Khúc miếu vượng thì tốt đẹp hơn, đồng cung với Vũ Khúc miếu vượng là cách lưỡng Khúc trùng phùng, chủ về tài kiêm văn võ, phú quý, uy quyền hiển hách, thường thiên về võ nghiệp, nếu đồng cung với Khoa thì càng đẹp đẽ. Thiên Lương hoặc Thiên Đồng (là phúc thiện tinh) sáng sủa gặp Xương Khúc cũng tốt đẹp nhưng khi hãm địa thì gặp Khúc Xương không có lợi vì mang ý nghĩa âm. Theo Việt Viêm Tử thì Văn Xương hội với Thái Dương, Thiên Lương, Hóa Lộc là cách phú quý song toàn. Các chính tinh khi ở vị trí mang ý nghĩa âm như Đồng hay Lương Ty, Hợi không nên gặp Xương Khúc vì Xương Khúc là âm tinh nên sẽ gây ra ảnh hưởng bất lợi, nhất là khi các chính tinh này lạc hãm. Phá Liêm Tham khi hãm địa không nên gặp Xương Khúc, nhất là Liêm, Tham (là đào hoa tinh hay âm tinh) hoặc Phá Quân (hao tinh) dù đắc hay hãm gặp Xương Khúc không có lợi, đặc biệt khi các sao này hãm địa thì lại càng xấu vì Tham Lang hãm là âm tinh, Liêm hãm là tù tinh. Tóm lại Xương Khúc muốn tốt đẹp thì phải phối hợp với chính tinh sáng sủa và chính tinh đó không phải là âm tinh hay đào hoa tinh, nếu là âm tinh hay đào hoa tinh cho dù sáng sủa khi phối hợp với Xương Khúc cũng bất lợi, càng bất lợi khi các chính tinh này hãm địa. Khi luận đoán gặp trường hợp hỗn tạp thì ta cần cân nhắc kỹ lưỡng xem đắc hãm và có hợp cách cục trước khi luận đoán, luận đoán trên cơ sở cát phù hung diệt. Ví dụ Vũ Tham Sửu Mùi gặp Xương Khúc đồng cung thì do Vũ kết hợp với Khúc Xương thành cách nên ảnh hưởng của Tham Lang kết hợp với Khúc Xương không mạnh được, Vũ Phá Ty Hợi gặp Xương Khúc đồng cung thì cũng tốt nhiều hơn xấu vì Vũ Khúc hợp với Xương Khúc, Tử Tham Mão Dậu gặp Xương Khúc thì cần xét thêm sự hội hợp với các sao hung cát khác vì Tử Vi không sáng sủa, Tham Lang lại hãm địa, ảnh hưởng của Tử Vi chế ngự Xương Khúc không được mạnh mẽ, còn ảnh hưởng xấu của Tham Lang hãm gặp Xương Khúc càng mạnh, Liêm Tham Ty Hợi gặp Xương Khúc thì rất xấu do cả hai đều hãm và là tù tinh và âm tinh, nếu có thêm Hóa Kỵ càng xấu hơn vì Xương Khúc khi đi với Hóa Kỵ thì Hóa Kỵ gia tăng tính xấu của Xương Khúc. Tóm lại qui luật đắc hãm và cát phù hung diệt rất quan trọng, ví dụ Khúc Xương gặp Hỏa Linh thì xấu nhưng nếu Khúc đắc địa gặp Tham Hỏa đồng cung hay hội chiếu thì lại tốt đẹp vì Tham Hỏa đồng cung là cách tương tượng chi

danh, khi đó Khúc sẽ phối hợp Tham Hỏa đưa đến phú quý, có quan chức lớn

Văn Xương

Mi thanh mục tú

Thông minh cơ sảo

Học cao tài rộng, hiểu biết nhiều nên rất cơ mưu quyền biến

Nho nhã, ưa sự tĩnh mịch, ghét huyên náo

Xương Khúc thủ Mệnh Nam thì vẻ mặt khôi ngô, nữ thì thanh tú. Theo Việt Viêm Tử thì Văn Xương thủ Mệnh là người có cặp mắt sáng, về già thường hay phê bưng và cho rằng Khúc Xương rất hợp với người mạng Kim hay Thủy cũng giống như Tả Hữu phù trợ đắc lực cho người Mệnh Hỏa hay Thổ

Xương Khúc đắc địa:

Mắt sáng, tai thính, trong mình thường có nổi ruồi kín hợp với quý tướng (TTL)

Nữ mệnh thì có nhan sắc, thanh tú và rất đa tình, đa dâm

Thông minh, học rộng, tài cao, biết suy xét phán đoán mọi việc (TTL)

Có tài về văn chương hoặc năng khiếu về nghệ thuật, âm nhạc (TTL)

Ngôn ngữ hoạt bát

Xương Khúc đắc địa gặp cát tinh miếu vượng, gặp nhiều sao sáng sửa tốt đẹp hội hợp (nhất là Nhật Nguyệt, Tử Phủ, Tả Hữu, Khôi Việt, Lộc Tồn, Khoa Quyền Lộc) thì chủ tài lộc phong vượng và có tiếng tăm, là người thông minh, học rộng, có văn tài lỗi lạc, thi đỗ cao, sớm hiển đạt, được hưởng phú quý, có uy quyền lừng lẫy và sống lâu (TTL)

Theo Thái Thử Lang thì Khúc Xương đắc địa gặp Đồng Lương sáng sửa tốt đẹp hội hợp thì là người khôn khéo, có nhiều tài năng, sớm hiển đạt và hưởng giàu sang trọn đời. Trong trường hợp này nếu Xương Khúc gặp Tuần Triệt án ngữ hoặc nhiều sát tinh hội hợp thì thật là mờ ám xấu xa. Có cách này thì suốt đời chẳng mấy khi được xứng ý toại lòng vì công danh trắc trở, lại hay mắc tai họa, nhất là tù tội, tuổi thọ cũng bị chiết giảm, chỉ có đi tu mới được yên thân và sống lâu

Xương Khúc hãm địa

Nữ Mệnh thì nét mặt cũng tươi tỉnh, tính rất dâm dăng, suốt đời buồn khổ về chồng con. Khúc thì có vẻ mang tính dâm dăng nhiều hơn Xương

Xương Khúc hãm địa gặp nhiều sao mờ ám xấu xa hay sát tinh (như Kinh, Hỏa, Linh, Kỵ) hội hợp thì:

Có nhiều vết sẹo trong người (TTL, VVT)

Tính nông nổi, làm việc không suy xét cẩn thận nên hay nhầm lẫn, thất bại
Suốt đời cùng khổ, cô đơn, thường phải ly tổ bốn ba. Khó tránh tai họa, nhất là tù
tội, hoặc nếu không tàn tật thì khó sống lâu được. Nữ nhân thì là ca kỹ, tì thiếp,
gái giang hồ, ti tiện, khắc hại chồng con và thường yếu tử

Nam Mệnh sáng sủa có Văn Xương thủ thì rất tốt, là người có chí lớn, có tài năng,
nhất là về mỹ nghệ, có tâm hồn phóng khoáng cao cả, cuộc đời được suông sẻ.
Hạn gặp thì chủ về phúc thọ, không sợ yếu thương ngoại trừ gặp Hóa Kỵ (VVT
ghi là Hóa Kỵ, Hỏa Tinh) thì dễ bị hình thương, chết yếu:

Văn Xương Nam Mệnh ca

Văn Xương lâm (tọa, VTL) Mệnh vượng cung lâm,

Chí đại tài cao, để vạn kim

Văn nghệ tinh hoa, tâm tráng đại,

Tu giao bình bộ, thượng thanh vân (QXT) (đời cứ thăng thang mà tiến lên, VTL)

Văn Xương thủ Mệnh diệc phi thường

Hạn bất yếu thương, phúc thọ trường

Chỉ sợ hạn xung phùng Hỏa, Kỵ (phùng Hóa Kỵ, VTL)

Tu giao yếu triết, đới hình thương (AB542)

Nam Nhân có Văn Khúc thủ Mệnh thì rất lương thiện, tướng mạo đường đường
chính chính, có chí khí ngang tàng, nếu là học sinh thì sẽ được hưởng phúc, được
phong tặng nhưng nếu Văn Khúc gặp Hỏa Tinh, Hóa Kỵ lại gặp thêm sát tinh thì
là người khôn khéo, có tài ăn nói nhưng lắm chuyện, hay bép xép, nên đi tu thì lại
tốt:

Văn Khúc Nam Mệnh ca

Văn Khúc thủ Mệnh tối vi lương

Tướng mạo đường đường, chí khí ngang

Sĩ thứ phùng chi, ung phúc hậu

Trượng phu đắc thủ, thụ kim chương (AB601) (được phong tặng, VTL)

Văn Khúc thủ viên phùng Hỏa (Hỏa Tinh), Kỵ (Hóa Kỵ)

Bất hỷ tam phương ác sát tỵ (nếu tam phương có sát tinh thì không tốt)

Thủ nhân tuy sảo khẩu, năng ngôn (tuy khôn khéo nhưng lắm chuyện, hay bép
xép) (biện thuyết tài giỏi, VTL)

Duy tại không môn, khả ngộ quý (đi tu thì lại tốt) (QXT)

Nữ Mệnh có Văn Xương thì là người tú lệ, cốt cách thanh kỳ, được hưởng phúc nếu hội hợp cùng với Tử Phủ sáng sủa thì xuất thân từ chỗ phú quý và hưởng phú quý. Nếu Nữ Mệnh có Văn Xương lại hội cùng Liêm Trinh, Phá Quân cùng Kinh, Hỏa Tinh, Hóa Kỵ thì hoặc là góa bụa, hoặc là vợ lẽ, hoặc không sống thọ:

Văn Xương Nữ Mệnh ca

Nữ nhân Thân Mệnh trị (tri, VTL)(trực) Văn Xương,

Tú lệ thanh kỳ, phúc cánh trường

Tử Phủ đôi cung (xung, VTL), tam hợp chiếu

Quản giao phú quý, trước (trử) hà thường (xuất thân nơi chốn phú quý) (AB457)

Văn Xương Nữ Mệnh ngộ Liêm, Quân (Phá Quân)

Hãm địa Kinh Dương, Hỏa (Hỏa Tinh), Kỵ tinh

Nhược bất vi xướng (vi xương: góa), chung thọ yếu

Thiên phòng (biên phòng: vợ lẽ) do đắc, chủ nhân khinh (làm vợ lẽ mà còn bị chồng khinh) (AB457)

Nữ nhân Mệnh có Văn Khúc thì là người tướng mạo thanh kỳ, thông minh, lanh lợi, hưởng được phúc nhưng nếu gặp sát tinh (như Hỏa Tinh, Hóa Kỵ) thì là hạng vợ lẽ và rất đa dâm, ăn nói khôn khéo nhưng lắm chuyện, hay bép xép, đi tu thì lại tốt:

Văn Khúc Nữ Mệnh ca

Nữ nhân Mệnh lý phùng Văn Khúc

Tướng mạo thanh kỳ, đa hữu phúc (có nhiều phúc)

Thông minh lanh lợi, bất tầm thường

Hữu sát (gặp sát tinh) thiên phòng, đa (dã) dâm dục (dâm dăng, chỉ làm vợ bé) (AB458)

Văn Khúc thủ viên phùng Hỏa (Hỏa Tinh) Kỵ (Hóa Kỵ)

Bất hỷ tam phương ác sát tụ (nếu tam phương có sát tinh thì không tốt)

Thủ nhân tuy xảo khẩu, năng ngôn (tuy khôn khéo nhưng lắm chuyện, hay bép xép)

Duy tại không môn, năng (khả) ngộ quý (đi tu thì lại tốt) (AB459)

Thái Thứ Lang cho rằng Xương Khúc Nữ Mệnh dù đắc hay hãm nếu gặp Riêu đồng cung thì là người có tính đồng bóng, nếu gặp Tuế, Tấu, Long, Phượng hội hợp thì là người khéo ăn nói, hát hay, rất ham chuộng về ca vũ nhạc kịch. Tuổi Giáp mà cung Mệnh có Khúc đắc địa gặp Vũ đồng cung là hợp cách, được hưởng phú quý đến cực độ, có uy danh lừng lẫy. Xương Khúc hãm địa thì nên làm nghề

thủ công rất khéo tay, nếu chuyên về kỹ nghệ hay mỹ nghệ thì về sau cũng khá giả

XƯƠNG KHÚC

Mệnh có Xương Khúc thì là người thanh nhã, có danh tiếng ngay từ đời mình, văn tài nổi tiếng, là người học rộng, hiểu biết nhiều, và có nhiều tài năng, rất quý hiển nếu đắc địa và gặp nhiều sao sáng sửa hội hợp. Một số tác giả cho rằng tại Sửu Mùi mới có ý nghĩa này hoặc là đắc địa mới có ý nghĩa này

Khúc Xương nhập Mệnh những thanh tú nhã chi lang (1)

Xương Khúc nhập Mệnh, danh quán đương thời (6)

Xương Khúc nhập Mệnh Thân, tài danh quán thế (5, B62)

Văn Xương, Văn Khúc vi nhân đa học đa năng (7, TTL)

Văn Quế (Văn Xương) Văn Hoa (Văn Khúc) cửu trùng quý hiển (12, TTL)

Hậu khoan Phụ Bật tính trời (tính nhân hậu khoan hòa)

Nhiều tài, nhiều học (có tài năng học thức) là người Khúc Xương (B154)

Nữ nhân có Xương Khúc thủ thì có nhan sắc (như Dương Quý Phi có nhan sắc vì có Xương Khúc tọa thủ Mệnh), tuy thông minh phú quý nhưng đa dâm

Dương Quý Phi hảo sắc thị Khúc Xương (3, TTL)

Sao Văn Khúc Văn Xương tam hợp, Nàng Quý Phi sắc đẹp đáng yêu (B159)

Nữ nhân Xương Khúc thông minh phú quý chỉ đa dâm (4, TTL)

Nữ Mệnh có Văn Xương thì tính tình thanh tao trong sạch, vượng phu, ích tử
Văn Xương tính thanh khiết, tử ích, phu sung (2, B80)

Khúc Xương là đấng thanh nhân,

Thật thà đứng đắn là làng Đồng, Lương

Xương Khúc đóng ở Mệnh Thân,

Là người tao khách, xa gần ngợi ca

Người phú quý Âm, Dương Quan Lộc (Quan có Âm Dương thì phú quý),
Tài hơn đời Xương Khúc nhập viên (tài năng xuất chúng) (B115)

Khúc Xương phong nhã, khôi ngô,

Khúc pha xua nịnh, Xương no tài lành

Kìa như hậu phú, tiền bần,

Tu hoàn Mệnh ngộ cát thần Khúc Xương (B164)

Nữ Mệnh có Khúc Xương hãm địa thì dân dật kém phúc, có nhiều người ve vãn và bị mang tiếng xấu:

Khúc Xương Nữ Mệnh chẳng lành, vườn xuân ong buom bẻ cành bán rao (28)

Thối dân dật xướng thì kém phúc, Dầu Văn Xương, Văn Khúc ai khen (NMB, HC)

Khúc Xương số gái chẳng lành, Vườn xuân ong bướm liệng vành thung thăng (B48)

Nam Mệnh có Xương Khúc đồng cung thì như Phong Đỗ văn võ toàn tài, kẻ dưới quyền rất đông:

Văn Xương Văn Khúc đồng cung, Phong Đỗ liệt tướng duy chỉ thị (B83)

Xương Khúc đồng cung tại Sửu Mùi là tốt đẹp nhất, nhưng cần phải có cát tinh hội hợp thì mới phát huy ảnh hưởng tốt đẹp được, gặp cát tinh thì quyền hành, chức tước vinh xương, nếu không gặp cát tinh thì vô dụng:

Số Xương Khúc, cửu trùng cận quý (gần nơi quý hiển),

Chôn Sửu Mùi Mệnh tị cát phù (tại Sửu Mùi gặp cát tinh rất tốt),

Khúc Xương Mùi Sửu hợp thành,

Nếu không cát diệu hữu danh vô dùng

Khúc Xương thủ Sửu Mùi cung,

Lại gia Cát củng ngoài vòng tam phương

Đoán rằng tước lộc hiển dương,

Nhược vô cát Hóa, Khúc Xương vô dùng (không dùng được)

Xương Khúc đồng cung nếu Mệnh yếu kém thì cũng là lý trưởng, trưởng ấp

Xương Khúc đồng độ (đồng cung) lý hầu chỉ nhân (27)

Khúc Xương thấy một vì đồng độ, Thập lý Hầu nào có nhường ai (B41)

Theo Quản Xuân Thịnh thì câu phú trên như sau:

Sao Xương, Tuế một tòa đóng đây,

Thập lý hầu hãn thấy một hai (QXT, anh em tài giỏi)

Cách giáp Xương giáp Khúc

Mệnh tại Sửu Mùi mới có cách giáp Xương Khúc. Xương Khúc giáp Mệnh thì thông minh, quý hiển và được nhiều người kính trọng quý mến, ra ngoài tiếp xúc gần gũi với nhiều quý nhân, quyền quý. Theo TVT thì Mệnh an tại Sửu có Văn Khúc ở Tí, Văn Xương ở Dần thì là đệ nhất cách

Xương Khúc giáp Mệnh tối vi kỳ (49, TTL)

Giáp Xương giáp Khúc chủ quý hê (48)
 Xương Khúc giáp Mệnh, xuất ngoại đa cận quý nhân (50, TTL)
 Theo Thái Vân Trình thì có Xương Khúc giáp mệnh hay chiếu Mệnh có cát tinh
 hội hợp thì là người có duyên
 Xương Khúc giáp chiếu ngộ cát (cát Tinh) hữu duyên (47)

Giáp Nhật giáp Nguyệt ai qua,
 Giáp Xương giáp Khúc thực là tốt thay
 Giáp Bát Tọa giáp Tam Thai,
 Thiều niên sớm dự lấy đài nghênh ngang
 Giáp Tả giáp Hữu khác thường,
 Giáp Long giáp Phượng vẻ vang hơn người
 Giáp Quyền giáp Lộc tốt tươi,
 Ấy là quý cách hơn đời
 Canh gia cát Hóa chiếu vào (có cát tinh Tam Hóa chiếu) Mệnh Thân (B168)

Giáp Tả Hữu, Xương Khúc, Nhật Nguyệt,
 Lộc Quyền Khoa Khôi Việt cùng gia
 Kỵ Liêm Phá Vũ xấu xa,
 Giáp cung Không Kiếp, Kinh Đà sao nên

Khoa, Cáo, Xương, Khúc giáp Quan,
 Khoa, Quyền tại Mệnh mình càng tiếng vang (có danh tiếng) (B114)

XƯƠNG KHÚC VỚI PHỤ TINH

Mệnh có Xương Khúc Khôi Việt thủ chiếu thì học rộng, trẻ tuổi, đỗ đạt cao. Theo
 TVT thì Giả Nghị cung Mệnh an tại Sửu có Xương Khúc tại Mùi xung chiếu,
 Khôi Việt hội hợp nên tuổi trẻ đã thi đỗ cao và sớm hiển đạt
 Văn Tinh (Xương Khúc Khôi Việt) củng chiếu, Giả Nghị niên thiếu đăng khoa (8,
 38, TTL)
 Khôi Việt Xương Khúc Mệnh cung, Ấy người đa học mong hòng thành thân
 (B165)

Khôi, Xương ở Mệnh bậc lành,
 Hỏa Hình đóng Mệnh giữ mình lửa than

Khúc Xương (hoặc Việt Khôi, Long Phượng) mà gặp Khoa thì thi đỗ cao dễ dàng
 Việt Khôi, Long Phượng, Khúc Xương, ngộ Khoa ắt hẳn bề cảnh quế hoa (13)

Việt Khôi, Long Phượng, Văn tinh (Xương Khúc), Gặp Khoa ắt hẳn bề cảnh quế hoa (B38)

Việt, Khôi, Long, Phượng, Văn tinh, Vào thi ắt hẳn bề cảnh quế hoa (QXT)

Tài người niên thiếu đăng khoa, Khúc Xương Khoa cũng, Mệnh gia sao lạnh (gia cát tinh) (B156)

Bản cung đa cát (nhiều cát tinh) vốn là, Tam phương Xương Khúc, Hóa Khoa triều vào (B169)

Tuổi Tân có Thái Dương cư Mão gặp Xương Khúc, Long Phượng thì rất tốt đẹp do có Hóa Quyền, Lộc Tồn, Khoa, Kỵ hội hợp:

Xương Khúc, Long Phượng sánh đôi,

Thái Dương cư Mão lục Tân cách này

Xương, Thai Phụ gặp Bát Tọa thì được phong tặng:

Thai Phụ, Xương, Tọa vinh phong (vinh hiển, được phong tặng)

Danh lừng phiên trấn (nổi tiếng) Mộ phùng Hỏa Tham (B156)

Hồng, Khôi, Xương, Tấu phù tri,

Sân rồng kén bảng, danh đề ở cao (QXT)

Hồng, Khôi, Xương, Tấu phù tri,

Sân rồng đứng trực, xem thì ngôi cao (VT)

(là mưu sĩ đặc dụng có tiếng tăm)

Hồng Khôi Xương Liêm phù tri,

Sân rồng dần bước, ghi tên cửu trùng

Hồng Khôi Xương Liêm phù tri,

Sân rồng dâng trước, trong thì danh cao

Cách Xương Tấu Hồng Khôi dễ được,

Chốn sân rồng dâng chúc nổi danh (B112)

Thêm sao Hóa Kỵ chẳng lành,

Lánh đường đào mệnh an mình phong lưu (B112)

Có Khôi Việt, Xương Khúc, Lộc Tồn hội hợp không gặp sát tinh hay Hóa Kỵ Thiên Hình thì phú quý cực độ:

Khôi, Việt, Xương, Khúc, Lộc Tồn, Hình sát (sát tinh) vô xung, đại phú quý (TTL)

Xương Khúc Lộc Tồn thì có nhiều tài năng xuất chúng. Có người cho rằng

Xương Khúc đắc địa và gặp Lộc Tồn đồng cung thì có nhiều tài năng xuất chúng
Xương Khúc Lộc Tồn do vì kỳ thị (32, TTL)

Văn Xương đắc địa tọa thủ đồng cung với Tả Phụ thì quý hiển, theo Thái Vân
Trình thì Tả Phụ Văn Xương gặp cát tinh hội hợp thì là hạng văn quan cao cấp
Văn Xương Tả Phụ vị chí tam thai (35, TTL)
Tả Phụ Văn Xương hội cát tinh tôn cư bát tọa (18)

Tả Hữu Văn Xương đồng cung thì sự nghiệp vinh hiển, hưởng giàu sang phúc
thọ. Theo Huyền Cơ thì là người có tài về văn chương không ai sánh bằng:
Tả Hữu Văn Xương vị chí tam thai (12, VTL)
Xương Khúc Tả Hữu văn ưu, Mây xanh tóc tốt, tài lưu ai tày (HC)

Xương Khúc Tả Hữu gặp Kinh Đà thì có nhiều nốt ruồi kín và có nhiều tướng lạ,
dị tướng:
Xương Khúc Tả Hữu hội Dương (Kinh Dương) Đà đương sinh dị chí (34, TTL)
Xương Khúc Tả Hữu hội Kinh Đà đương sinh dị chí (TTL)
Nhưng Thái Vân Trình thì cho rằng Xương Khúc Tả Hữu gặp Kinh Đà thì loạn trí
ngơ ngẩn. Cần xét lại câu phú này:
Tả Hữu Xương Khúc phòng Dương Đà đương sinh ám trí (14)

Mệnh có Xương Khúc tọa thủ gặp Thái Tuế, Kinh Dương hội hợp thì có tài lý
luận, nghị biện, thường là luật sư:
Xương Khúc học lực, phòng Tuế Dương thiên tác tụng sư (17, B67)

Văn Xương gặp Quả Tú thì giống như Trương Đế Sư là người cô độc, xa lánh
việc trần tục đi tìm cõi tiên:
Văn Xương phòng Quả Tú, Trương Đế Sư bộ tầm tiên (19, B79)

Xương hay Khúc tọa thủ đồng cung với Thiên Riêu, nữ nhân thì dâm dăng, nam
nhân thì hiếu sắc, hoang dâm:
Mấy người hiếu sắc hoang dâm,
Văn Xương Văn Khúc hội cùng Riêu Y (B169)
Mấy người hiếu sắc hoang tình, Vì Xương Khúc đóng bên mình Riêu Y
Xương Riêu đáng sợ thay là, Ấu nhi tuổi đã bốn ba dâm loạn
Nữ Mệnh phòng Xương Riêu nhất sinh dâm dăng (26)

Xương Khúc rất kỵ gặp Hóa Kỵ, nhất là đồng cung với Hóa Kỵ thì chủ về cách

chết yếu như Nhan hồi chết yếu vì có Hóa Ky, Xương Khúc hội hợp:
 Ky tinh Xương Khúc đồng cung, Nhan Hồi yếu tử, nghĩ thương anh tài (AB)
 Ky tinh Xương Khúc một vì (đồng hương), Nhan Hồi yếu triết còn ghi rõ ràng
 (B36)
 Ky (Hóa Ky) Bình (Phục Bình) Xương Khúc một vì, Nhan Hồi yếu triết còn ghi
 rõ ràng (chết yếu) (48)

Ấy Sửu nhân tọa Dần phương,
 Mùi cung Xương ngọ Thiên Thương, Dương Đà (B170)

Ất, Sửu nhân Mệnh Dần phương,
 Mùi cung hạn ngọ Xương, Thương, Dương, Đà

Bởi Mệnh cung cát tú (cát tinh) triều,
 Tam phương Tam Hóa đồng triều Mệnh viên (B169)
 Văn Xương ám củng một miền,
 Đời xưa Giả Nghị được toàn đăng khoa (B169)

XƯƠNG KHÚC VỚI CHÍNH TINH

Tử Vi tại nhàn cung (theo Thái Vân Trình là tại Mão Dậu, Hợi Tí) gặp Xương
 Khúc thì lăm lờ, chua ngoa và miệng lưỡi gian xảo:
 Tử Vi lạc nhàn cung gia Khúc Xương, đa ngôn giảo hoạt (18)
 Con người miệng lưỡi chua ngoa, Khúc Xương lâm vị lại gia Tử vào (Tử Vi ở
 nhàn cung) (B45)

Tử Vi gặp Xương Khúc thì phú quý đều có:
 Tử Vi Xương Khúc, phú quý khả kỳ (19, TTL)

Mệnh có Thiên Phủ gặp Xương Khúc, Lộc Tồn thì rất giàu có:
 Thiên Phủ Xương Khúc, Lộc Tồn, cự vạn chi tứ (15, TTL)

Mệnh có Thiên Phủ gặp Xương Khúc, Tả Hữu thì được vinh hiển, có danh giá
 hơn người:
 Thiên Phủ Xương Khúc, Tả Hữu, cao đệ ân vinh (16, TTL)

Cơ Nguyệt tại Dần Thân gặp Thiên Riêu, Văn Xương thì văn chương đậm dăng
 Cơ Nguyệt Cấn (Dần) Khôn (Thân) nhi hội Riêu Xương, thi tứ đậm tàng (31,
 TTL)

Dần Thân Cơ Nguyệt khá hay, Riêu Xương lại gặp, văn thơ thâm tàng (HC)

Nữ nhân có Cơ Nguyệt gặp Khúc Xương thì có nhan sắc, có duyên, đa tình, đa dâm:

Dương Phi đẹp vốn giòng Cơ, Nguyệt, Lại Khúc Xương ba miền triều viên

Dương Phi hữu sắc, hữu duyên,

Tam phương Văn Khúc chiếu miền Mệnh cung

Lại gia Cơ, Nguyệt hội đồng,

Ấy là gái đẹp, dâm phong, đa tình

Xương Khúc hợp ấy hàng gái đẹp, Gặp Thiên Cơ hóa kiếp dâm tà

Mệnh Cơ, Lương thì cơ mưu quyền biến có nhiều tài năng, gặp Khúc Xương thì có nhiều tài năng, khôn khéo, nhanh nhẹn. TVT cho rằng Cơ Lương cần miêu vượng hay đồng cung:

Cơ, Lương sảo biến đa tài, ngộ Xương Khúc đa tài, mẫn tiệp (12)

Vận gặp Cơ Lương, Xương Khúc, Tam Hóa, Phụ Bát, Song Hao thì vua Hán vào đất Tần diệt Hạng Võ của nước Sở

Vận hội Cơ Lương, Xương Khúc, Tam Hóa, Phụ Bát, Song Hao, Hán Đế nhập Tần phá Sở (23)

Thiên Lương, Thái Dương, Xương Lộc hội, lô truyền đệ nhất danh (18, TTL)

Giải: TTL giải rằng Mệnh an tại Tí có Lương tọa thủ, Nhật xung chiếu hay tại

Ngọ có Nhật tọa thủ Lương xung chiếu gặp Xương Lộc hội hợp thì rất thông minh, đi thi thì tất đỗ cao, lại sớm hiển đạt, được hưởng giàu sang trọn đời và có uy danh lừng lẫy. Thật ra câu phú này không đề cập đến vị trí nhưng ta có thể nói Lương cần sáng sủa nên vị trí Lương Tí Ngọ, Lương Nhật đồng cung tại Mão thì hợp với câu phú này vì có Lương miêu vượng gặp Nhật chiếu. Lương cư Sửu Mùi thì đắc tuy gặp Nhật nhưng thiết tưởng không áp dụng cho câu phú này. Còn các vị trí Đồng Lương Dần Thân, Cơ Lương Thìn Tuất thì không gặp Thái Dương, còn Lương Tỵ Hợi thì gặp Thái Dương chiếu nhưng Lương lại hãm địa nên cũng không áp dụng cho câu phú này. Phải chăng nên giải thích câu phú này như sau: Thiên Lương hoặc Thái Dương gặp Xương Lộc thì có uy danh lừng lẫy

Tuổi hoa nở (tuổi trẻ), đăng khoa cao chiêm,

Bởi Thiên Lương thủ Mệnh Tí cung

Xương Lộc hội Nhật chiếu xung,

Đề đầu sĩ tử (ý nói đỗ cao), văn hùng nhất danh (AB)

Thiên Lương thuộc Thổ Nam tinh,
 Lòng lành cần thận cao thanh ai tày
 Xương Khúc Tả Hữu rất hay,
 Cũng là vinh hiển cũng tay binh quyền (HC)

Quần thần khánh hội cách rất hay,
 Phủ Tướng Lương hợp cùng bộ cát tinh
 Lộc Tồn, Xương Khúc bên mình,
 Hoặc là Tả Hữu hiển vinh anh tài (AB)

Lương miếu vượng gặp Văn Xương đồng cung là người có quan chức lớn, rất quý hiển. Chú ý Lương Tí Ngọ, Đồng Lương Dần Thân, Cơ Lương Thìn Tuất thì có Lương miếu vượng:

Thiên Lương Văn Xương cư miếu vượng, vị chí công khanh (19, TTL)
 Cơ Thực Ái là gái sống nay đây mai đó, hạn gặp Cơ Nguyệt Đồng, Hồng, Khôi, Xương Khúc, Tấu Thư, Phúc Đức, Thiên Hỉ nên được vua Thục mời vào cung: Cơ Thực Ái giang hồ chi nữ, hạn phùng Cơ Nguyệt Đồng, Hồng, Khôi, Xương Khúc, Thư (Tấu Thư) Phúc (Phúc Đức) Hỷ (Thiên Hỉ): huê mong Thục Đế chi cung (được vua Thục mời vào cung) (28)

Bộ Khúc Xương Tả Hữu rất hợp với Cự Cơ tại Mão cho các tuổi Tân, Kỷ, Bính, Đinh

Tuổi Tân Cự Cơ tại Mão có Song Lộc, Khoa Kỵ Thiên Quan hội hợp (tại Dậu thì có Lộc Tồn Hóa Lộc đồng cung nên không tốt)

Tuổi Kỷ thì Cự Cơ tại Mão gặp Song Hao, Kỵ (tại Dậu thì bị Triệt nên kém tốt)

Tuổi Bính Cự Cơ tại Mão có Hóa Lộc, Quyền, Khoa, Khôi, Việt (tại Dậu thì có Khoa Quyền Lộc Lộc Tồn nhưng Lộc Tồn Hóa Lộc đồng cung tại Tỵ bị Triệt nên kém)

Tuổi Đinh thì Cự Cơ tại Mão gặp Song Hao Khoa Kỵ bị Triệt, Quyền Khôi Việt chiếu, còn tại Dậu thì không bị Triệt nên khá hơn tại Mão:

Cự, Cơ hợp Khúc Xương, Tả Hữu,

Ở Mão cung rạng rỡ công danh

Tân Kỷ: nhất, thứ: Bính Đinh,

Ngoài ra các tuổi dự vinh đôi phần

Cự Cơ hội ở Mão cung,

Khúc Xương, Tả Hữu hội cùng công khanh

Tân, Kỷ nhất, Bính Đinh là thứ,
Dư các cung là ngự binh an (tại các cung còn lại thì bình an)(B155)

Sinh Tân Ất, mệnh Mão cung,
Cự Cơ Tả Hữu, Văn Xương anh tài
Sinh năm Bính kém một vài,
Năm Đinh bình dị ra ngoài các cung (HC)

Âm Dương (sáng sủa) hội Xương Khúc thì ra đời được thi đỗ cao, giàu sang vinh
hiển

Âm Dương (sáng sủa) hội Xương Khúc, xuất thế vinh hoa (8)

(Thái Dương) Cư cung Mão, Lương Xương Lộc hội,
Tuổi Tuất Thìn cách tới vinh xương
Chính là Nhật xuất phù tang,
Giữ ngôi Tể Tướng quyền sang nhất triều (AB320)

Nhật Nguyệt Sửu Mùi cần được Tuần án ngữ, Ân Quang, Thiên Quý, Xương,
Khúc hội chiếu thì văn tài lỗi lạc, có quyền cao chức trọng (chú ý rằng không đề
cập đến Triệt):

Nhật Nguyệt Sửu Mùi ái ngộ Tuần không (cần được Tuần án ngữ) Quý Ân (Ân
Quang, Thiên Quý) Xương, Khúc ngoại triều (hội chiếu), văn tất thượng cách,
đường quan xuất chính (17, TTL)

Nhật Nguyệt Sửu Mùi thì giảm mất ánh sáng nên kị gặp sát tinh, nếu gặp Xương
Khúc, Ân Quang, Thiên Quý, Thai Tọa, Khôi, Hồng Loan thì văn tài lỗi lạc, lý
luận sắc bén, biết tiến thoái xử sự đúng lúc nên công thành danh toại, vinh hiển
Nhật Nguyệt Sửu Mùi, Âm Dương hỗn hợp tự giảm quang huy, kị phùng (kị gặp)
sát tinh, nhược lai văn diệu (nếu gặp văn tinh là Xương, Khúc), diệc kiến Quý, Ân
(Ân Quang, Thiên Quý) Thai, Tọa, Khôi, Hồng (Hồng Loan) văn tài nguy lý, xuất
sử thành công (TTL)

Nhật Nguyệt Sửu Mùi, Âm Dương hỗn hợp tự giảm quang huy (giảm mất ánh
sáng) kị phùng (kị gặp) Kiếp, Triệt (Địa Kiếp và Triệt án ngữ), nhược lai văn diệu
(nếu gặp Xương Khúc), diệc kiến Quý Ân (Ân Quang, Thiên Quý), Không Linh
Thai Tọa Khôi Hồng (Hồng Loan) văn tài nguy lý, xuất sử thành công (18)
Giải: Nhật Nguyệt Sửu Mùi thì giảm mất ánh sáng nên kị gặp Địa Kiếp và Triệt
án ngữ, nếu gặp Xương Khúc, Ân Quang, Thiên Quý, Không Linh Thai Tọa Khôi

Hồng văn tài lỗi lạc, lý luận sắc bén, biết tiến thoái xử sự đúng lúc nên công thành danh toại, vinh hiển. Câu này hơi khác câu trước một chút và nên cẩn thận xét lại

Nhật Nguyệt Sửu Mùi gặp Xương Khúc chiếu hay giáp thì tài lộc phúc thọ đều tốt:

Mấy người bắt hiển công danh,
Bởi vì Nhật Nguyệt đồng minh (tranh) Sửu Mùi
Song Nhật Nguyệt hãm bên trong,
Xương Khúc chiếu, giáp hưng long Phúc, Tài (QXT)

Mệnh Nhật Nguyệt tại Sửu Mùi mà giáp Xương Khúc, giáp Tả Hữu thì quý hiển:
Số quý hiển Mệnh trai Nhật Nguyệt,
Có Khúc Xương, Tả Hữu giáp bên (B159)
Khúc Xương giáp, quý tốt sao,
Giáp chung Nam Mệnh, quan cao tổ tông (B173)
Nhật Nguyệt tọa thủ Mùi phương,
Hai phương Phụ Bát, Khúc Xương giáp kề

Mệnh có Nhật Nguyệt, Tài và Quan có Khúc Xương hoặc Mệnh có Khúc Xương,
Tài và Quan có Nhật Nguyệt thì vinh hoa phú quý:
Lại như Mệnh tọa Âm, Dương,
Tài Quan nhị vị (hai vị) Khúc, Xương hội phùng
Hoặc Xương, Khúc thủ Mệnh cung,
Tài, Quan Nhật Nguyệt đều cùng vinh hoa (B175)

Nhật tại Tuất, Nguyệt tại Thìn thì không có ánh sáng nên cần sao Không (là Tuần và Triệt, TTL còn ghi là Thiên Không) thì mới giàu sang và sống lâu. Nếu Nhật Nguyệt giao huy, nghĩa là Nhật Thìn, Nguyệt Tuất cùng tỏa ánh sáng giao hội với nhau, nếu gặp Xương, Tuế, Lộc, Quyền, Thai Phụ, Phong Cáo, Tả Hữu thì chỉ một lần đã công thành danh toại được mọi người tôn phục
Dương (Thái Dương), Âm (Thái Âm) Thìn Tuất, Nhật Nguyệt bích cung (Nhật tại Tuất, Nguyệt tại Thìn) nhược vô minh (không có ánh sáng), Không điều tu cần, song đắc giao huy (nhưng nếu Nhật Nguyệt giao huy, nghĩa là Nhật Thìn, Nguyệt Tuất cùng tỏa ánh sáng giao hội với nhau) nhi phùng Xương, Tuế, Lộc, Quyền, Thai (Thai Phụ), Cáo (Phong Cáo) Tả Hữu nhất cử thành danh chúng nhân tôn phục (15, TTL)

Chú ý rằng khi Nhật tại Thìn thì chỉ có một trường hợp gặp cả Hóa Lộc Hóa Quyền là tuổi Tân có Hóa Quyền thủ đồng cung với Thái Dương nhưng bị Triệt

án ngữ, có Hóa Lộc Kinh Đà đắc cùng Hao, LNVN chiếu, còn nếu cho rằng Lộc là Lộc Tồn thì tuổi Quý có Lộc Tồn Hóa Quyền đồng cung với Cụ Môn bị Triệt và Hóa Khoa Thiên Trù chiếu. Câu phú này cần phải xét lại

Nhật Nguyệt sáng sủa gặp Việt Khôi, Tả Hữu, Khúc Xương thì rất tốt, chủ phú quý nếu không gặp Hóa Kỵ, Thiên Hình hay sát tinh phá mất cách đẹp:

Tuất Hợi Nguyệt, Mão Thìn thì Nhật,

Ngộ Việt Khôi, Tả Hữu, Khúc Xương

Ấy người tước lộc giàu sang,

Chớ gặp ác sát, chớ vương Kỵ Hình (HC 156)

Thiên môn (cung Tuất Hợi) Nguyệt, Lôi môn (cung Mão) thì Nhật,

Ngộ Việt Khôi, Tả Hữu, Khúc Xương

Ấy người tước lộc giàu sang,

Chớ thêm ác sát, chớ vương Kỵ Hình (B156)

Nhật cư Mão, Thìn, Tỵ cung,

Nguyệt Dậu, Tuất, Hợi Mệnh cung an bài (B174)

Lại phùng Xương Khúc, Việt Khôi,

Thanh vân sớm bước vượng đường văn giai (B175)

Cung Quan có Thái Dương gặp Văn Xương thì được nhà vua ban thưởng ở cung vua. Cần có Thái Dương sáng sủa thì tốt hơn

Thái Dương Văn Xương cư Quan, hoàng điện triều ban (52)

Cung Thê có Thiên Đồng, Thái Âm phùng Khúc Lộc Ân Mã thì lấy vợ giàu có.

Thiết tưởng Thái Âm cần sáng sủa nghĩa là rơi vào trường hợp Thái Âm tại Thân, Dậu, Tuất, Hợi, Tí:

Vợ giàu của cải vô ngần, Thái Âm phùng Khúc Lộc Ân Mã Đồng (Thiên Đồng) (18)

Cung Thê có Thái Âm đồng cung với Văn Khúc thì lấy vợ xinh đẹp và danh giá vì như bề cảnh quế trên mặt trăng. Thiết tưởng Thái Âm cần đắc địa trở lên. Nên biết rằng Thái Âm là tượng người vợ:

Thái Âm đồng Văn Khúc ư Thê cung, thêm cung triết quế (21)

Nguyệt tại Hợi cung thì như ngọc sáng ngoài biển cả nên rất quý hiển, hạn rất cần Quyền, Kỵ, Khúc Xương thì công danh phát như rồng mây gặp hội

Nguyệt tại Hợi cung, minh châu xuất hải (ngọc sáng ngoài biển cả, nên rất quý hiển), tu cần Quyền Kỵ Khúc Xương hạn đảo (hạn rất cần Quyền Kỵ Khúc

Xương công danh như rồng mây gặp hội) (6)

Cung Mệnh Thân có Văn Xương đắc địa gặp Vũ Khúc đồng cung thì văn võ song toàn, uy danh lừng lẫy, giàu sang

Văn Xương (đắc địa) Vũ Khúc ư Mệnh Thân, văn võ kiêm bị (43, TTL)

Khúc đắc địa tọa thủ gặp Vũ đồng cung có uy quyền danh tiếng. Theo TVT thì Vũ Khúc miếu vượng tọa thủ gặp Văn Khúc đồng cung
Nhị Khúc vượng cung, uy danh hách dịch (45, TTL)

Văn Khúc Vũ Khúc đồng Mệnh Lý Linh loại tướng tướng chi vinh (43, B83)

Giải: Mệnh có Văn Khúc Vũ Khúc miếu vượng đồng cung thì Lý Linh làm đến tể tướng

Nhị Khúc triều viên phùng Tả Hữu tướng tướng chi tài (44, TTL)

Giải: Mệnh sáng sủa tốt đẹp có Khúc và Vũ hội chiếu, Tả Hữu hội hợp thì tài kiêm văn võ, hiển đạt về võ nghiệp và được phú quý song toàn

Vũ Khúc tại Thìn Tuất, Sửu Mùi gặp Xương Khúc, Tả Hữu, Lộc Quyền thì tốt đẹp, có uy quyền hiển hách:

Vũ hách dịch Sửu Mùi Thìn Tuất,

Hội Khúc Xương, Tả Hữu, Lộc, Quyền (B155)

Vũ Khúc Thìn Tuất Mệnh Thân,

Hoặc là Mùi Sửu cát tinh hợp phương

Quyền Lộc, Tả Hữu, Khúc Xương,

Uy danh hồng hách vang lừng bốn phương (HC)

Vũ Khúc và Văn Khúc đồng cung thì rất tốt đẹp, là người học rộng và có nhiều tài năng. TTL cho rằng Vũ Khúc cần miếu, vượng hay đắc và điều này cũng hợp lý, nhưng nếu Vũ hãm địa thì cũng được tốt hơn

Vũ Khúc, Văn Khúc vi nhân đa học đa năng (22, TTL)

Vũ Khúc, Văn Khúc rất hay, Ở nơi đắc địa là tay anh hùng (HC)

Vũ Tham Sửu Mùi gặp Thai Tọa, Văn Khúc, nếu người mạng Thổ thì là bậc anh hùng, nắm binh quyền:

Mệnh Sửu Mùi đồng hai Văn (Văn Khúc) Vũ (Vũ Khúc),

Tuổi Thổ phùng Thai Tọa tam phương

Binh quyền vạn lý (ngàn dặm) nghênh ngang,

Anh hùng danh chấn chư bang một thời (AB321)

Vũ Tham Sửu Mùi gặp Xương Khúc đồng cung thì là người lòng dạ rất khó biết được, QXT ghi Thân kiêm Quyền Lộc rất tốt người có mưu cơ, uyên bác, thâm hiểm:

Khôn dò siết nổi nông sâu,

Sửu, Mùi, Tham, Vũ hội đồng Khúc Xương (QXT)

Vũ Tham đồng cung với Xương Khúc tại Sửu Mùi thì ắt phải chết đuối. Chú ý tại Sửu Mùi thì Xương Khúc đồng cung

Tham Lang đồng Xương Khúc (đồng cung với Xương Khúc) ư Sửu, Mùi địch hữu đầu hà chi hoạn (7)

Vũ Phá cư Ty Hợi nếu gặp Xương hay Khúc đồng cung thì thông minh, khéo tay nên chuyên về kỹ nghệ máy móc. Chú ý rằng Vũ Phá tại Ty sinh giờ Sửu hay Ty và Vũ Phá tại Hợi sinh giờ Mùi hay Hợi thì mới có Xương hay Khúc đồng cung và sẽ có đủ bộ Xương Khúc. Nên nhớ Văn Xương cư Ty Hợi tuy có thêm Thai Phụ xung chiếu nhưng bị giáp Không Kiếp

Vũ Phá (ở Ty Hợi) tương ngộ Xương Khúc, thông minh cơ xảo định vô cùng (18, TTL)

Vũ Xương Ty Hợi Đinh Lục Giáp (tuổi Đinh của Lục Giáp) súy biên đình (4)

Giải: tuổi Đinh có Vũ Xương Ty Hợi thì là tướng ở biên thùy trấn giữ bờ cõi. Chú ý trong trường hợp này Vũ Phá tại cung Ty có Đà La đắc địa đồng cung và có Khôi Việt Thiên Phúc Đường Phù Hao LNVT chiếu trong đó Hao LNVT đồng cung với Tử Tham bị Triệt, còn Vũ Phá tại Hợi có Khôi Thiên Phúc Đường Phù thủ, Đà La đắc địa xung, Hao cùng Tử Tham bị Triệt chiếu. Câu phú này cần kiểm tra trên thực tế

Vũ, Phá, Liêm, Tham gặp Văn Khúc thì trở nên tốt đẹp. Cần coi lại câu phú này Vũ, Phá, Trinh (Liêm Trinh) Tham xung hợp Khúc (Văn Khúc) toàn cơ quý (16)

Mệnh có Liêm Trinh gặp Văn Khúc thì suốt đời bôn ba, này đây mai đó, nếu hãm địa càng xấu hơn:

Liêm Trinh phùng Văn Quế (Văn Khúc) cánh bôn ba (24, TTL)

Tham Lang hay Liêm Trinh tại Dần Thân gặp Văn Xương đồng cung thì bị tù, giam cầm. Đồng Phú hạn có Tham Lang tại Dần Thân gặp Văn Xương thì bị lưu

đầy bởi vua Hán

Dần Thân nhi hội (gặp) Tham, Liêm ngộ Văn Xương, nhập lao Quản Trọng (9, TTL)

Dần Thân Tham hội Văn Xương, vận ông Đồng Phú Hán Hoàng đem lưu (8, B35)
Dần, Thân, Xương ngộ Tham Lang, Vận ông Quản Trọng phải vào nhà linh (bị tù) (QXT)

Tham Xương tọa thủ đồng cung thì da mặt xấu, loang lỗ. Theo TVT thì Mệnh an ở Tý Hợi mới có nghĩa này:

Tham Xương cư Mệnh, phần cốt tủy si (27, TTL)

Thiên Tướng gặp Hoa Cái, Đào Hoa, Văn Khúc, Mộc Dục hội hợp thì xinh đẹp nhưng dâm dăng. Chú ý rằng Hoa Cái và Đào Hoa không hội hợp với nhau nên phải luận rằng Tướng gặp Cái, Khúc, Mộc hoặc Đào, Khúc, Mộc. Toàn bộ các sao trên đều là dâm tình

Tướng ngộ Cái, Đào, Khúc, Mộc (Mộc Dục) thuần tước dâm phong (11, TTL)

Tướng và Khúc hội Đào, Mộc, Cái

Sắc khuynh thành nhưng rất dâm ôn (AN326)

(Thiên Tướng) Nếu gặp Khúc Cái Mộc Đào,

Vốn là phúc trọng, tính âu đa tình (HC 76)

Tướng lâm Chấn địa (cung Mão) Sinh Vượng Đào Hồng Tả Hữu Quyền Xương diện hoa vũ bá (mặt xinh đẹp mà võ nghệ rất giỏi) vận phùng (hạn gặp) Phá Đà Kinh Kiếp Lã Bố do dâm mẫn kiếp (Lã Bố vì dâm ô mà chết) (12)

Thiên Cơ, Thiên Tướng, Khúc, Xương,

Những người thanh tú, từ tường, thông minh (B178)

Cơ, Lương, Tả Hữu cùng Xương,

Văn thì lỗi lạc, võ thường tinh thông (HC)

Thất Sát Tí Ngọ gặp Tả Hữu, Văn Khúc thì là cách rất tốt đẹp, được hưởng giàu sang danh tiếng lừng lẫy:

Thất Sát Tí Ngọ phùng Tả Hữu Văn Khúc gia chi cách tối thanh (18)

Thái Vân Trình cho rằng cung Phu Thê có Sát, Phá, Tham gặp Quyền Lộc Khúc Xương thì là bậc mệnh phụ phu nhân, nhưng nếu tuổi Quý lại gặp Cô Quả thì chồng chết sớm. Chú ý tuổi Quý có Tham Kỳ đồng cung, Phá Lộc đồng cung, Cự Quyền đồng cung nên không thể có trường hợp Sát Phá Tham gặp Quyền. Cần

coi lại câu phú hoặc lời giải thích

Sát, Phá, Tham tại Phối cung, đắc Quyền Lộc Khúc Xương, mệnh phụ chi nhân, hiềm Quý tuế (tuổi Quý) ưu phùng (sợ gặp) Cô Quả, quả phụ chi nhân (38)

Sát, Phá, Tham tại Nữ Mệnh gặp Văn Xương, tuổi Tân, Đinh bị góa bụa, chồng chết sớm, cô đơn, nên muộn lập gia đình. Chú ý tuổi Đinh thì Xương Kỵ đồng cung

Sát, Phá, Tham tại Nữ Mệnh, nhi ngũ Văn Xương, ư Tân Đinh tuế, sương phụ chi nhân (37, TTL)

Xương hay Khúc tại Ty Hợi đồng cung với Liêm Tham thì là người không lương thiện, hay mắc tai họa tù tội:

Xương, Khúc, Liêm Trinh (đồng cung) ư Ty Hợi vi nhân bất thiện tạo hình (16, TTL)

Thái Vân Trình cho rằng Liêm Tham Ty Hợi gặp Xương Khúc, Thiên Hình, Hữu Bát thì khó đỗ đạt nhưng nếu gặp nhiều cát tinh cứu giải thì cũng có bằng cấp nhưng đường đời gặp nhiều rắc rối:

Xương Khúc Liêm Trinh ư Ty Hợi phùng Hình (Thiên Hình) Bát (Hữu Bát) thiện thả hư khoa (55)

TTL cho rằng Mệnh tại Sửu Mùi, Ty Hợi, Mão Dậu có Xương Liêm tọa thủ đồng cung không thể sống lâu. Theo TVT riêng người tuổi Tân Mệnh an tại Ty Hợi có Xương Liêm tọa thủ, nếu Thân được Phủ Tướng hội hợp cũng được sống lâu. Chú ý Liêm Tham Ty Hợi, Liêm Sát Sửu Mùi, Liêm Phá Mão Dậu là các bộ sao đồng cung

Văn Xương hội Liêm Trinh, chỉ táng Mệnh thiên niên (10, TTL)

Xương Tham thủ Ty Hợi cung,

Lại thêm Sát Kỵ ấu trùng toái thi

Xương Tham Ty Hợi xá bàn,

Đóng vào cung Mệnh, cung Quan càng rầu (B160)

Cung Ty Hợi Khúc Xương tọa thủ,

Trở thành hay nếu có Liêm Trinh

Xương Khúc mà gặp Liêm Trinh,

Ở cung Ty Hợi, tuổi Tân khó toàn

Văn Xương, Văn Khúc phùng Trinh (Liêm Trinh)

Thủ cung Ty Hợi, Tân sinh (người tuổi Tân) chẳng tròn (B171)
 Cung Ty Hợi Khúc Xương tọa thủ,
 Yêu nên vì đây có Liêm Trinh (B159)

Phá Quân Thìn Tuất, Liêm Phá Mão Dậu gặp Xương Khúc, Thiên Hình hội hợp thì lao đao. Có người thêm Kiếp Sát:
 Phá Quân Hình gặp Khúc Xương,
 Tuất Thìn, Mão Dậu là phường lao đao
 Phá Quân Xương Khúc phùng Hình,
 Tuất Thìn Mão Dậu thì mình lao đao (B176)
 Xương, Khúc, Phá gặp Hình, Kiếp Sát
 Chôn Mão Thìn Dậu Tuất lao đao
 Xương Khúc Phá gặp Hình, Kỵ, Sát
 Chôn Mão Thìn Dậu Tuất lao đao (B161)

Xương, Khúc đồng cung Phá Quân thì nhiều khổ tâm và hay bị bắt bớ giam cầm, cho dù Xương Khúc đắc hay hãm. Theo TVT thì Mệnh an tại Thìn Tuất Mão Dậu (Phá Quân Thìn Tuất, Liêm Phá Mão Dậu) có Xương Khúc, Phá Quân tọa thủ gặp Hình Kỵ đồng cung hay xung chiếu tất phải lao tâm khổ trí suốt đời không xứng ý toại lòng
 Xương Khúc Phá Quân phùng, đa lao toái (39, TTL)

Mệnh an tại Dần Mão có Xương, Khúc tọa thủ đồng cung với Phá Quân gặp sát tinh nhất là Kinh xung chiếu thì phải lìa bỏ gia đình bôn tẩu ở phương xa, hay mắc tai họa và không thể sống lâu
 Xương Khúc Phá Quân lâm Hổ Thố (cư Dần Mão, Phá Quân đồng cung), sát (sát tinh) Dương (Kinh Dương) xung phá bốn ba (TTL)
 Thái Vân Trình ghi câu phú trên sai như sau:
 Xương Khúc lưỡng Phá lâm Hổ Thố (cư Dần Mão), Phá Quân, Phá Toái hội hợp, sát (sát tinh) Dương (Kinh Dương) xung phá bốn ba (33)
 vì tại Dần không thể nào gặp được Phá Toái (Phá Toái luôn luôn cư tại Ty, Dậu, Sửu)

TTL cho rằng Mệnh có Xương, Khúc đắc địa tọa thủ gặp Thiên Lương đồng cung hay xung chiếu thì rất quý hiển, tiếng tăm nếu Xương Khúc đắc gặp Lương đồng cung hay xung chiếu
 Xương Khúc Lương tinh (Thiên Lương), vị chí thai cương (TTL)

TVT cho rằng Văn Khúc gặp Thiên Lương thì rất quý hiển, tiếng tăm, là người có chí khí hiên ngang, cung Mệnh an tại Ngọ gặp Lương Khúc là thượng cách. Mệnh an tại Tý có Lương Khúc là quý cách:

Văn Khúc ngộ Thiên Lương, vị chí thái cương (37)

Đồng Lương Dần Thân, Thiên Lương Tí Ngọ thì sáng sủa, gặp thêm Văn Khúc đồng cung thì rất tốt đẹp, làm quan vinh hiển:

Lương, Khúc đóng đồng danh Dần, Ngọ,
Hoặc Ngọ Lương, Khúc tại Tí cung
Chức quan ngôi đến đài cương,
Công danh rạng mặt, mọi đường vinh danh

Chức quan ngôi đến đài cương,
Ngọ Dần hai đất Khúc, Lương một nhà (B156)
Lại Khúc Khảm (cung Tí) Lương Ly (cung Ngọ) tọa cùng,
Nhị phẩm quan, chức quý trải qua (B156)

Khúc Lương thủ Mệnh Ngọ cung,
Làm quan ngôi đến Tam công dành phần
Thứ thời thủ ở Dần cung (Lương cư Dần không tốt bằng Ngọ),
Hoặc Lương cư Ngọ Khúc tòng Tí xung (B169)

Cơ Lương miếu vượng thì có nhiều tài năng mưu cơ, gặp Xương Khúc thì có nhiều tài năng và cần mẫn:

Cơ Lương sảo biến đa tài, ngộ Xương Khúc nhi đa tài mẫn tiệp (66)

Mệnh có Xương, Khúc đắc địa gặp Cơ, Lộc hội hợp thì xinh đẹp và khéo léo về tay chân:

Xương Khúc Cơ (Thiên Cơ) Lộc thanh tú, xảo (41, TTL)

Thân có Xương Khúc gặp Thiên Cơ thì dâm loạn
Xương Khúc thủ Thân phùng Cơ (Thiên Cơ) dâm loạn (25)

Mệnh an tại Sửu Mùi có Âm Dương tọa thủ đồng cung giáp Xương giáp Khúc nên rất tốt đẹp, tất làm nên vinh hiển và hưởng phú quý song toàn
Xương Khúc giáp Trì, qui nhi tả hiển (11, TTL)

Thái Dương và Văn Xương đồng cung tại Ngọ thì là người lịch duyệt trên đời khó

ai bì kịp

Văn Xương triều Nhật ư Ngọ vị, phong trần địa bộ thể nan nhân (NMB nan mâu) (21, B82)

Nhật Nguyệt đắc địa lại thêm Xương Khúc hội hợp thì thật là đắc lực, rất tốt đẹp, vinh hiển

Xương Khúc hữu Âm Dương nhi đắc lực (23)

Âm Dương hội Xương Khúc xuất thể vinh hoa (5)

Dương Phi tài sắc khuynh thành khiến bao khách si tình mê mết vì có Khúc

Xương Nhật Nguyệt Thanh Long, Long Đức hội hợp

Khúc Xương Nhật Nguyệt Song Long (Thanh Long, Long Đức) tại chung niên vì hành mê sắc Dương Phi (36)

Khúc Xương tại cung Nô Bộc thì công danh lận đận, Liêm Trinh gặp Văn Xương thì bôn ba lao khổ

Khúc Xương hãm Thiên Thương đồ lãng nhãng, Liêm Trinh phùng Văn Quế cánh bôn ba (40)

XƯƠNG KHÚC TẠI VỊ TRÍ 12 CUNG

Xương Khúc Tỵ Hợi gặp nhiều sao sáng sủa (Mệnh sáng sủa có Xương Khúc Tỵ Hợi) thì không quý hiển cũng là triệu phú, giàu có hạng phú gia địch quốc

Tỵ Hợi tọa Quế, Hoa (Xương Khúc Tỵ Hợi) phi vinh tặc phú (15, TTL)

Xương Khúc Tỵ Hợi lâm, bất quý tức đại phú (14)

Nữ nhân tuổi Giáp Mệnh Sửu Mùi có Xương Khúc Hồng Lộc thì là người đức độ hiền lành, đáng bậc hiền phụ và hưởng giàu sang trọn đời, rất vượng phu ích tử.

Chú ý Tử Phá, Thiên Phủ và Vũ Tham tại Sửu Mùi thì tuổi Giáp có Hóa Lộc thủ hoặc chiếu

Xương Khúc Sửu Mùi, Giáp nhân Dương nữ kiêm phùng Hồng Lộc hiền phụ chi nhân (13, TTL)

Xương Khúc đồng cung tại Sửu Mùi thì kề cận với nguyên thủ, ý nói phò tá nguyên thủ

Xương Khúc lâm ư Sửu tặc cận thiên nhân (9)

Mệnh an tại Ngọ có Văn Xương là Dương Kim gặp cung Ngọ là Dương Hỏa bị khắc chế, sách viết rằng nguy, nếu được sao thuộc hành Thủy tọa thủ ắt thành đại

khí, tất có sự nghiệp lớn lao danh tiếng
 Văn Xương cư Ngọ ký viết: khôn, đắc thủy diệu chung thành đại khí (18, B75)

XƯƠNG KHÚC TẠI CÁC CUNG

Phúc Đức

Phúc Đức có Xương Khúc hội cát tinh thì ví như cây cột chống trời cứu giải nhiều tai họa và được hưởng phúc sống lâu. TVT giải rằng Phúc tại Ngọ có Tử Vi tọa thủ Khúc Xương ngoại chiếu ví như cây cột chống trời cứu giải nhiều tai họa và được hưởng phúc sống lâu

Xương Khúc cát tinh cư Phúc Đức vị chi ngọc trụ thiên (53)

TVT giải rằng Phúc Đức có Xương Khúc hãm địa tọa thủ gặp sát tinh (như Kinh Đà Không Kiếp) hay Phá Quân Thiên Lương hội hợp thì phúc bạc, suốt đời không được xứng ý toại lòng, phải ly tổ bốn ba mới đủ ăn

Xương Khúc hãm cung, huy Sát Phá hư dự chi long (29)

Quan

Cung Quan tại Sửu Mùi giáp Xương giáp Khúc thì đồ đạc cao

Xương Khúc giáp Quan Lộc định tác cao khoa (51, B69)

Tật Ách

Văn Xương đi với Thiên Sứ ở cung Tật Ách tức là Truyền Sứ Thần, Văn Khúc đi với Thiên Thương ở cung Nô Bộc là Hư Hao Thần thường đem đến tai ương họa hại nếu gặp Sát tinh thì gây ra đau khổ, tai ương

Quế (Văn Xương) Sứ (Thiên Sứ) Hoa (Văn Khúc) Thương (Thiên Thương) tối hiềm giao ngộ mạc phòng sát diệu (sát tinh) đa khổ tai ương (54)

Phối

Cung Phu Thê an tại Hợi có Thái Âm tọa thủ, Văn Khúc đồng cung nên lấy công chúa hoặc phò mã, ý nói lấy con nhà trâm anh thế phiệt. NMB ghi thêm tại cung Tí

Văn Khúc hỷ Nguyệt ư Hợi cung, quốc sắc thiên hương nhân sở úy (20, B82)

Phu Thê an tại Sửu Mùi có Xương Khúc đồng cung hay xung chiếu thì thọ như Bành Tổ

Văn Quế Văn Hoa đối ư Phu Thê thọ như Bành tổ (52, B84)

Cung Thê có Văn Xương gặp Tam Không là lấy con nhà danh giá

Tam Không hội Văn Xương ư Thê cung, thiêm cung triết quế (B76)

XƯƠNG KHÚC TẠI HẠN

Văn Khúc và Hóa Kỵ đồng cung thì rất kị, hạn có cách này thì khó thoát chết.

Chú ý tuổi Kỷ thì Văn Khúc và Hóa Kỵ luôn luôn đồng cung

Văn Khúc kị đồng Hóa Kỵ, hạn nan phòng yếu tử chi ưu (24)

TVT cho rằng Nhan Hồi Mệnh an tại Dần có Kinh Đà Không Kiếp hội hợp, Mệnh Thân Hạn gặp Xương Khúc Thương Sứ Thất Sát Kinh Đà lưu niên nên phải chết non vì Xương Khúc tối kỵ Kinh Đà Không Kiếp hoặc Thương Sứ có học cũng chẳng thành đạt

Xương Khúc hãm ư Thiên Thương Nhan Hồi yếu triết (30)

Khúc Xương Thương Sứ hợp bài, Phải phòng tai họa bên ngoài bên trong

Xương Khúc gặp Thiên Thương, nghĩa là Xương Khúc tại cung Nô thì xấu, chủ chết yếu:

Mệnh Dương (Kinh Dương) phùng Lục (Lục Sĩ) bình thường,

Yêu thi Văn Khúc ngộ Thương (Thiên Thương) khá hiểm (Văn Khúc ngộ Thiên thương thì không tốt) (B158)

Nhan Hồi chết giữa trung niên, Bởi Văn Xương hãm gặp vòng Thiên Thương

Nhan Hồi chết thuở niên trung, Bởi Văn Xương hãm lại phùng Thiên Thương (B170)

Nhìn chung luận đoán vận hạn thì ta có thể áp dụng cách bàn luận về Xương Khúc như trên

Tuổi Tân hay Nhâm có Xương Khúc Kỵ hội hợp thì đề phòng tai nạn sông nước hoặc đắm đầu xuống sông tự tử

Xương Khúc kỵ Tân Nhâm sinh nhân, hạn phùng La Vọng lữ đầu hà (31)

Văn Xương nhập hạn

Văn Xương chi tinh tối vi thanh

Đầu số chi trung đệ nhất tinh

Nhược ngộ Thái Tuế dữ nhị hạn,

Sĩ nhân trực thử chiếu khoa danh

Hạn ngộ Văn Xương bất đắc địa,

Cánh hữu Dương, Đà, Hỏa, Linh, Kỵ,

Quan phi khẩu thiệt, phá gia tài
Vị miễn hình thương, đa hối trệ (QXT)

Khôi Việt Mệnh, Thân hạn ngộ Xương
Thường nhân đắc thử, túc tiền lương
Quan viên ngộ thử, cao thiên chương (nắm quyền hành)
Tất định đương niên diện đế vương (QXT)

Văn Khúc
Văn Khúc chủ văn chương thuộc Thủy
Mệnh Thân lâm nhị mộ (hai cung mộ) Tuất Thìn
Phùng Khoa, Tuế với Hóa Quyền
Văn chương hùng biện hoàn toàn giỏi giang
Vị cùng Vũ Khúc đồng hương,
Tướng kiêm văn võ, vinh quang một đời (AB329)

Văn Khúc nhập hạn
Nhị hạn tương phùng Văn Khúc tinh
Sĩ thứ kỳ niên tu phát phúc
Cánh thêm Tả, Hữu hội Thiên Đồng
Tài lộc thao thao, vi thượng cục

Văn Khúc hạn ngộ Liêm, Đà, Dương (Kình Dương)
Hãm địa phi tai ý họa ương
Cánh kiêm mệnh lý tinh thần nhược,
Tả tri thử tuế nhập tuyền hương (QXT)

Hạn đến cung Ngọ hay cung Sửu gặp Tham, Vũ, Văn Khúc hội hợp thì phải đề phòng tai nạn sông nước
Nhị Khúc Tham Lang Ngọ Sửu, hạn phòng nịch thủy chi ưu (46)

Hạn gặp Linh Xương ở Thìn Tuất thì nên đề phòng tai nạn sông nước. TVT giải rằng hạn gặp Linh Xương ở Thìn Tuất, người tuổi Nhâm, Tân, Ất nên đề phòng tai nạn sông nước, nhảy sông tự tử hoặc chết đuối
Linh Xương La Vồng hạn chí đầu hà (10)
Tuất Thìn Xương Khúc Đà Linh, Sát gia Mệnh, hạn gieo mình trầm vong
Tuất Thìn Xương, Khúc, Linh, Đà, Sát gia (gặp sát tinh) Mệnh hạn giang hà trầm vong

Liêm Xương Đà Vũ đồng danh,
Tuổi Tân, Nhâm, Kỷ ắt đành họa tai
Linh, Xương, Đà, Vũ đồng hành,
Giao hành Thìn Tuất hạn hành vừa qua
Đoán rằng số mới đầu hào,
Tuổi Tân, Nhâm, Kỷ ắt là tai thương (B173)

Có Tả Hữu, Khúc Xương, Khôi Việt,
Sát (sát tinh) chẳng xung, vận hạn đều hay (Hạn đến gặp các sao trên không bị sát
tinh phá thì tốt) (B155)

Các câu phú cần phải xét lại
Hình (Thiên Hình) Riêu Tẩu Vũ (Vũ Khúc) một đoàn,
Làm nghề thợ mộc, khôn ngoan ai tày (NMB, VT)
Hình, Cơ, Khúc, Tẩu một đoàn,
Trong nghề thợ mộc, khôn ngoan ai tày (QXT)
(thợ mộc giỏi khéo)

Vợ giàu của cải không ngần,
Thái Âm (đắc địa) phùng Khúc, Lộc, Ân, Mã, Đồng
Vợ giàu của cải muôn vàn,
Thái Âm ngộ Đức, Ân Quang, Mã, Đồng (QXT)
Vợ giàu có của vô ngần,
Thái Dương ngộ đắc Quang, Ân, Mã đồng (VT)

Vũ không gặp Nguyệt miếu viên,
Hãm cùng Xương Khúc gỏi loan lạnh lùng (Vũ Khúc hãm địa gặp Xương Khúc
thì số không chồng hoặc cuộc sống vợ chồng lạnh nhạt) (B102)
Vũ không gặp đất miếu viên,
Khác chi Xương, Khúc gỏi loan lạnh lùng (HC)

Khúc Xương Phá Dân Mão cung,
Thủ Mệnh chúng thủy triều đông rõ ràng (B179)

Vòng Bác Sĩ

Vòng Bác Sĩ gồm 12 sao là Bác Sĩ (Lộc Tồn đồng cung), Lực Sĩ, Thanh Long, Tiểu Hao, Tướng Quân, Tấu Thư, Phi Liêm, Hỉ Thần, Bệnh Phù, Đại Hao, Phục Binh, Quan Phủ

Chú ý an theo vòng Bác Sĩ còn có Kinh Đà (Lộc Tồn Bác Sĩ bao giờ cũng có Kinh Đà giáp biên), Quốc Ấn và Đường Phù. Lưu Niên Văn Tinh (LNVN) thì luôn luôn đồng cung với Đại Hao hoặc Tiểu Hao thành ra khi nghiên cứu vòng Bác Sĩ chúng ta cần xét thêm Lộc Tồn, Quốc Ấn, Đường Phù và LNVN

Biểu tượng

Thanh Long: cá to

Thiên Tướng Song Hao đồng cung: mặt nhỏ choắt

Phi Liêm: tóc

Phi Liêm Hồng Loan đồng cung: tóc dài nhiều và mượt

Kinh Dương: dương vật, cái đục, cái đẽo, cái búa

Kinh Dương, Đà La, Thiên Hình: mai thuồng để đào lỗ

Đà La: mực

Tấu Thư: giấy, văn tế

Tấu Thư gặp Hỏa hay Linh: rượu mùi

Hỉ Thần: hậu môn

Quốc Ấn: con dấu, triện, vàng bạc bỏ vào áo quan

Đường Phù: đồ khâm liệm

Hóa Kỵ: cây phướn, cây nêu, chén thuốc đắng

Đặc điểm

Vòng Bác Sĩ được chia thành 4 nhóm tam hợp:

(Lộc Tồn, Bác Sĩ) - Tướng Quân - Bệnh Phù (Lộc Sĩ Tướng Bệnh Phù)

Lực Sĩ - Tấu Thư - Đại Hao (Lực Tấu Đại Hao)

Thanh Long - Phi Liêm - Phục Binh (Long Phi Phục)

Tiểu Hao - Hỉ Thần - Quan Phủ (Tiểu Hao Hỉ Phủ)

trong đó Lộc Sĩ Tướng Bệnh Phù và Long Phi Phục thì cư cùng cung có Âm Dương giống nhau, Lực Tấu Đại Hao và Tiểu Hao Hỉ Phủ cư cùng cung có Âm Dương giống nhau

Khi phân biệt Dương Nam Âm Nữ hoặc Âm Nam Dương Nữ thì cụ thể ta có:
Dương Nam Âm Nữ

Lộc Tồn, Bác Sĩ (Phi Liêm xung) - Tướng Quân (Phục Binh xung) - Bệnh Phù,

Quốc Ấn (Thanh Long xung)
 Lực Kinh (Hỉ Thần xung) - Tấu Thư, Đường Phù (Quan Phủ, Đà La xung) - Đại Hao (Tiểu Hao, LNVT xung)
 Thanh Long (Bệnh Phù, Quốc Ấn xung) - Phi Liêm (Lộc Tồn, Bác Sĩ xung) - Phục Binh (Tướng Quân xung)
 Tiểu Hao, LNVT (Đại Hao xung) - Hỉ Thần (Kinh Lực xung) - Quan Phủ, Đà La (Tấu Thư, Đường Phù xung)

Âm Nam, Dương Nữ
 Lộc Tồn, Bác Sĩ (Phi Liêm xung) - Tướng Ấn (Phục Binh xung) - Bệnh Phù (Thanh Long xung)
 Lực Sĩ, Đà La (Hỉ Thần, Đường Phù xung) - Tấu Thư (Quan Phủ, Kinh Dương xung) - Đại Hao, LNVT (Tiểu Hao xung)
 Thanh Long (Bệnh Phù xung) - Phi Liêm (Lộc Tồn, Bác Sĩ xung) - Phục Binh (Tướng Ấn xung)
 Tiểu Hao (Đại Hao, LNVT xung) - Hỉ Thần, Đường Phù (Đà Lực xung) - Quan Phủ, Kinh Dương (Tấu Thư xung)

Các tuổi Giáp Ất, Canh Tân thì Lộc Tồn an tại cung có cùng Âm Dương tuổi đưa đến Lộc Sĩ Tướng Bệnh Phù và Long Phi Phục thì cư cùng cung có Âm Dương giống với Âm Dương tuổi, và Lực Tấu Đại Hao và Tiểu Hao Hỉ Phủ cư cùng cung có Âm Dương trái ngược với Âm Dương tuổi
 Các tuổi Bính Đinh Mậu Kỷ Nhâm Quý thì Lộc Tồn an tại cung có Âm Dương trái ngược với Âm Dương tuổi đưa đến Lộc Sĩ Tướng Bệnh Phù và Long Phi Phục thì cư cùng cung có Âm Dương trái ngược với Âm Dương tuổi, và Lực Tấu Đại Hao và Tiểu Hao Hỉ Phủ cư cùng cung có Âm Dương giống với Âm Dương tuổi

Chú ý:

Quốc Ấn bao giờ cũng tam hợp với Lộc Tồn và gặp Tướng Quân đồng cung hay tam hợp (luôn luôn đồng cung với Bệnh Phù hay Tướng Quân) (bộ Lộc Tồn Tướng Ấn). Dương Nam Âm Nữ thì Ấn, Bệnh Phù đồng cung, Âm Nam Dương Nữ thì Tướng Ấn đồng cung
 Đường Phù thì luôn đồng cung với Tấu Thư (Dương Nam Âm Nữ) hoặc Hỉ Thần (Âm Nam Dương Nữ)
 Kinh Dương và Đà La thì đồng cung với Lực Sĩ hay Quan Phủ. Dương Nam Âm Nữ thì Kinh Lực đồng cung, Quan Phủ Đà đồng cung. Âm Nam Dương Nữ thì Kinh Quan Phủ đồng cung, Đà Lực đồng cung
 Đường Phù thì đồng cung với Tấu Thư hay Hỉ Thần

Quan Phủ hoặc Lực Sĩ luôn đồng cung với Kinh hoặc Đà
 Tấu Thụ và Hỉ Thần có đủ bộ Kinh Đà tam hợp xung chiếu
 LNVN thì đồng cung với Đại Hao hay Tiểu Hao. Dương Nam Âm Nữ thì Tiểu
 Hao, LNVN đồng cung, Âm Nam Dương Nữ thì Đại Hao, LNVN đồng cung
 Lộc Tồn bao giờ cũng đồng cung với Bác Sĩ. Lộc Tồn Bác Sĩ thì giáp Kinh Đà,
 luôn có Quốc Ấn (bộ Lộc Tồn Bác Sĩ Tướng Ấn). Tướng Quân hay Bệnh Phù đều
 có Quốc Ấn Lộc Tồn (bộ Tướng Ấn Lộc Tồn)

Song Hao thì luôn xung chiếu với nhau (bộ Song Hao LNVN)

Tóm lại

Dương Nam, Âm Nữ thì Ấn, Bệnh Phù đồng cung, Đường Phù Tấu Thụ đồng
 cung, Kinh Lực đồng cung, Quan Phủ Đà đồng cung, Tiểu Hao, LNVN đồng cung
 Âm Nam Dương Nữ thì Tướng Ấn đồng cung, Đường Phù, Hỉ Thần đồng cung,
 Kinh Quan Phủ đồng cung, Đà Lực đồng cung, Đại Hao, LNVN đồng cung

Trong bốn tam hợp kể trên thì sơ lược chúng ta thấy rằng

Tam hợp (Lộc Tồn, Bác Sĩ) - Tướng Quân - Bệnh Phù thì tốt đẹp nhất vì luôn có
 bộ Lộc Tồn Tướng Ấn, dễ kết hợp với các sao khác thành nhiều bộ tốt đẹp như
 Bình Hình Tướng Ấn, Hình Quyển Tướng Ấn, Lộc Mã giao trì, Song Lộc... Bộ
 này chủ về công danh, uy quyền, tài lộc và trong tam hợp này vị trí của Bệnh Phù
 là dở nhất. Tam hợp này tối kỵ gặp Tuần Triệt vì các sao Lộc Tồn, Tướng, Ấn đều
 kỵ gặp Tuần Triệt, gặp Tuần Triệt thì có hại cho công danh tiền tài, chủ sự bị cách
 chức, giáng chức. Nhìn chung thì tam hợp này thích hợp với bộ Tử Phủ Vũ
 Tướng nhất (Lộc Tồn hợp Tử Phủ, Thiên Tướng hợp Tướng Quân)

Tam hợp Thanh Long - Phi Liêm - Phục Binh thì có tính cách cát phù hung diệt,
 tùy theo hội hợp với hung sát tinh mà luận đoán có khác nhau. Bộ này có đặc
 điểm là Thanh Long cải hóa được hung tinh Hóa Kỵ và Lưu Hà (bộ Thanh Long,
 Lưu Hà hoặc Thanh Long Hóa Kỵ), Phi Liêm thì cải hóa được bại tinh Bạch Hổ
 (bộ Phi Hổ) và Phục Binh cải hóa được Thiên Hình đồng cung (bộ Bình Hình
 Tướng Ấn). Trong tam hợp này vị trí của Phục Binh là dở nhất, còn Thanh Long
 thì thường tốt và Phi Liêm thì xấu tốt lẫn lộn (Phi Liêm luôn có Lộc Tồn xung
 chiếu)

Tam hợp Lực Sĩ - Tấu Thụ - Đại Hao và tam hợp Tiểu Hao - Hỉ Thần - Quan Phủ
 thì luôn luôn bị Kinh hoặc Đà xâm nhập (tại vị trí Tấu Thụ và Hỉ Thần thì có đủ
 bộ Kinh Đà tam hợp và xung chiếu) và Hao tinh xuất hiện (tại vị trí Hao thì có đủ
 bộ Song Hao LNVN), và có thể có LNVN. Tùy theo vị trí đắc hãm của Kinh Đà
 và Hao cùng sự phối hợp với các chính trung tinh hợp cách hay phá cách mà sự
 tốt đẹp hoặc xấu xa có khác nhau, nhưng cho dù như thế nào chăng nữa thì cũng
 ngầm mang tính chất hao tán, không bền (Đại, Tiểu Hao), thăng trầm (Kinh, Đà,

Hao) thành ra lá số quý hiển thường không có hai tam hợp này tại Mệnh Thân. Hai tam hợp này không thích hợp cho bộ Nhật Nguyệt nhất (vì có Kinh Đà)

Bộ Thanh Long Lưu Hà

Chỉ có tuổi Bính Đinh Tân Quý mới có bộ Thanh Long Lưu Hà đồng cung hay tam hợp, không có vị trí xung chiếu. Thanh Long Lưu Hà đồng cung tại Dần và Mùi cho Dương Nam Âm Nữ tuổi Bính Quý, và Thìn cho Âm Nam Dương Nữ tuổi Đinh

Quốc Ấn

Hành Thổ

Quốc Ấn bao giờ cũng tam hợp với Lộc Tồn và gặp Tướng Quân đồng cung hay tam hợp (luôn luôn đồng cung với Bệnh Phù hay Tướng Quân) (bộ Lộc Tồn Tướng Ấn). Dương Nam Âm Nữ thì Ấn, Bệnh Phù đồng cung, Âm Nam Dương Nữ thì Tướng Ấn đồng cung

Lợi ích cho việc thi cử, cầu công danh (TTL)

Giữ gìn chức vị, quyền hành (TTL)

Gặp Tuần Triệt án ngữ thì ngăn trở mọi công việc, bế tắc, thất bại, bị bãi miễn chức vị (TTL)

Giải được sát tinh Thiên Hình, gặp Thiên Hình thì lại tốt (bộ Hình Tướng Ấn), nhất là về võ nghiệp, đặc biệt là khi có thêm Phục Binh hoặc Hóa Quyền hợp thành bộ Binh Hình Tướng Ấn hoặc Hình Quyền Tướng Ấn

Gặp Thai Cáo thì rất hợp cách

Cung Huynh Đệ có Tử Vi Quốc Ấn thì là con thứ nhưng sau là con trưởng
Cung Thao (cung Huynh Đệ) Đế Ấn (Tử Vi Quốc Ấn) đoạt trưởng tranh quyền (4)

Tướng Quân tọa thủ, Phục Binh xung chiếu, Hình Ấn hội hợp (bộ Binh Hình Tướng Ấn, người Âm Nam Dương Nữ mới có, Lộc Tồn luôn luôn tam hợp) là người văn võ toàn tài thường chuyên về tham mưu hay quốc phòng nhưng nếu Phục Binh tọa thủ, Tướng xung chiếu thì bị cách Nội Binh Ngoại Tướng không được tốt đẹp

Hình Ấn lai triều, Tướng Binh tọa chiếu ái văn xưng võ (9)

Hình, Tướng, Ấn, Binh hợp cùng, Tài kiêm văn võ vẫy vùng nơi nơi

Tướng Ấn tại Hợi Tí gặp cát tinh thì giàu sang. Âm nam Dương Nữ mới có Tướng Ấn. Tại Hợi thì là trường hợp Lộc Tồn cư Mão, còn tại Tí thì không thể có

trường hợp nào xảy ra Tướng Ấn hội hợp thành ra cần xét lại câu phú hoặc là giải thích rằng Tướng Quân hoặc Quốc Ấn hội cùng cát tinh thì giàu sang Cả hai trường hợp trên đều có Lộc Tồn tam hợp:

Những người là bậc sang giàu, Hợi Tí Tướng, Ấn lại châu cát tinh
 Máy người dự bậc quan sang, Hợi Tí Tướng, Ấn cũng làng cát tinh (B169)

Triệu Tử Long cung Mệnh Thân an tại Sửu Mùi có Hình Quyền Tướng Ấn nên rất tài giỏi đánh đông dẹp Bắc lập nhiều chiến công cho nhà Hán
 Triệu Tử phù Hán thị ư Hình Quyền Tướng Ấn Sửu Mùi (8)

Lưu Bị kế nghiệp nhà Hán nhờ cả Mệnh và Thân đều có Khoa Quyền Hình Ấn Hồng Khôi:

Lưu Huyền Đức đạt thừa Hán nghiệp thị ư Tử Phủ Khoa Quyền Hình Ấn Hồng Khôi Mệnh, Thân (45, TTL)

Mệnh tại Hợi có Tử Vi Thất Sát, cung Quan tại Mùi có Vũ Tham đồng cung lại có thêm Hình Ấn Khôi Khoa thì làm văn nhưng kiêm về võ, lập nhiều kỳ công, nếu cung Quan lại gặp Triệt thì trở nên không xài được (chú ý rằng Triệt không cư tại Tuất Hợi):

Hợi cung Tử Sát (Tử Vi Thất Sát) gia kiêm Hình Ấn Khôi Khoa lại nhập Quan cung cư văn hoàn vũ xuất xử kỳ công đa đạt, duy hãm Triệt cư, phế cách (65)

Lã Bất Vi là thương gia giàu có, hạn gặp Phá, Tướng, Tử, Tham, Hình, Quyền Ấn, Hồng, Phụ Bát nên có uy quyền và lấn át quyền vua
 Lã Vi thương phú chi nhân, hạn phù Phá, Tướng, Tử, Tham, Quyền Ấn, Hồng, Hình, Phụ Bát, quyền nhiếp Tân Triều nhi tiếm Đế

Thai Phụ, Phong Cáo rất cần gặp Ấn Tướng, rất kỵ gặp Cự Đồng nếu được Khôi Xương hội hợp đi thi thì đỗ đầu
 Phụ Cáo ái giao Ấn Tướng ô kị Cự Đồng nhi ngộ Khôi Xương cử khoa ngao đầu tác chiến (29)

Nhật tại Ty có Tướng Ấn thì hợp với võ cách, gặp thời loạn thế thì mới thành công rực rỡ. Chú ý rằng Quốc Ấn luôn tam hợp Lộc Tồn:

Nhật Mộc (Mộc Dục) Mã tại Ty cung,
 Trường Sinh Phụ Bát hợp cùng: phú vinh (HC 55)
 Bàng gặp Tướng Ấn: binh hùng,
 Phải thời loạn thế mới thành công to (HC)

Tử Vi Thất Sát tại cung Ty thì ví như vua mang kiếm báu tất nhiên có uy quyền và phú quý, gặp Hỏa Tinh, Tuyệt hội hợp thì người khát máu, tàn nhẫn, hay giết người, nhưng lại gặp Bát Khoa Mã Ấn Tràng Sinh, Hồng Loan thì lập được chiến công thần kỳ, là Đại Tướng
Sát Tử (Tử Vi Thất Sát) Tôn cung (cung Ty) Đế huê bảo kiếm, Hỏa (Hỏa Tinh) Tuyệt nhập xâm, đa sát chi nhân, hạnh ngộ Bát Khoa Mã Ấn Sinh Hồng di lập chiến công vi Đại Tướng (TTL)

Đường Phù

Hành Mộc

Đường bệ, uy nghi (TTL)

Lợi ích cho việc cầu công danh (TTL)

Giúp cho việc mua tậu nhà đất được dễ dàng, làm cho nhà đất thêm cao đẹp, rộng rãi (TTL)

Đường Phù Bạch Hổ đồng cung: có sự bắt bớ tù đầy (TTL)

Nhị hạn gặp Bạch Hổ, Đường Phù thì cầu công danh, tài lộc, thi cử, cưới hỏi sẽ đắc ý (VVT)

Đặc điểm về cách an sao

Đường Phù không an ở Tí Ngọ, Mão Dậu và luôn luôn bị bộ Kinh Hao tam hợp, Đà hợp chiếu (Kinh, Hao và Đường Phù tam hợp)

Các sao thuộc vòng Bác Sĩ phân theo tam hợp

Tam hợp Lộc Tồn, Bác Sĩ - Tướng Quân - Bệnh Phù và có Quốc Ấn (bộ Lộc Tướng Ấn) với sao xung chiếu là một trong ba sao của bộ Long Phi Phục Bác Sĩ

Hành Thủy

Chủ về văn chương, công danh thi cử (VVT)

Thuộc tam hợp Lộc Tồn, Bác Sĩ - Tướng Quân - Bệnh Phù và có Quốc Ấn (bộ Lộc Tướng Ấn)

Dương Nam Âm Nữ

Lộc Tồn, Bác Sĩ (Phi Liêm xung) - Tướng Quân - Bệnh Phù, Quốc Ấn

Âm Nam, Dương Nữ

Lộc Tồn, Bác Sĩ (Phi Liêm xung) - Tướng Ấn - Bệnh Phù

Luôn đồng cung với Lộc Tồn (nên lúc nào cũng có Kinh Đà giáp, và vì đồng cung

với Lộc Tồn nên cũng mang ý nghĩa phú quý do Lộc Tồn gây ra) và có Quốc Ấn tam hợp hay xung chiếu, Phi Liêm xung (bộ Lộc Tồn, Bác Sĩ, Tướng Ấn) Gặp Riêu Y là cách thầy thuốc giỏi (VVT)

Tướng Quân

Hành Mộc

Thuộc tam hợp Lộc Tồn, Bác Sĩ - Tướng Quân - Bệnh Phù và có Quốc Ấn (bộ Lộc Tướng Ấn)

Dương Nam Âm Nữ

Lộc Tồn, Bác Sĩ - Tướng Quân (Phục Binh xung) - Bệnh Phù, Quốc Ấn

Âm Nam, Dương Nữ

Lộc Tồn, Bác Sĩ (Phi Liêm xung) - Tướng Ấn (Phục Binh xung) - Bệnh Phù

Lúc nào cũng có Lộc Tồn tam hợp, và có Phục Binh xung chiếu

Chủ uy quyền, can trường, có liên quan đến quân sự, binh quyền

Lợi ích cho việc cầu công danh

Thủ Mệnh thì là người có lưng ngắn, gặp Việt thì da hơi đen, tính quả cảm nhưng hơi thô (VVT)

Can đảm, dũng mãnh, hiên ngang, quả cảm

Kiêu căng, có óc lãnh tụ, thích cầm đầu

Thủ tại Nữ Mệnh thì hay ghen tương, lẩn át chồng

Thiên Tướng, Tướng Quân đồng cung là cách lưỡng Tướng, chủ uy quyền hiển hách. Theo VVT thì gặp Thiên Tướng ở Mệnh hay ở Quan Lộc là cách lưỡng Tướng, là xuất tướng nhập tướng. Cách Lưỡng Tướng một thủ tại Mệnh, một tại Quan hay Di là hợp cách hơn lưỡng Tướng đồng cung

Gặp Thiên Hình miếu địa thì như tướng có mang thanh long đao, mang kiếm (Thiên Hình)

Hội với Hình Ấn thì là cách Binh Hình Tướng Ấn, thiên về võ nghiệp. Nếu có thêm Thiên Tướng thì binh quyền hiển hách, toàn mỹ hơn nhiều

Tướng Phục Hồng Đào hay Việt Khôi là cách sớm phát về binh nghiệp, nhưng là người có văn chương học thức, thường hay quản trị chính thức tại các nha sở hay tham mưu (VVT)

Tướng (Tướng Quân hoặc Thiên Tướng) tối kỵ gặp Tuần Triệt án ngữ, ví như là tướng bị chặt đầu (Đoản đầu Tướng quân), gây ra tổn hại đến công danh, quyền thế, chủ sự truất giáng, bãi chức hoặc tai nạn như xe cộ, dao súng, sát hại khủng

khiếp

Tướng Quân tọa thủ, Phục Binh xung chiếu, Hình Ấn hội hợp (bộ Binh Hình Tướng Ấn, người Âm Nam Dương Nữ mới có, Lộc Tồn luôn luôn tam hợp) là người văn võ toàn tài thường chuyên về tham mưu hay quốc phòng nhưng nếu Phục Binh tọa thủ, Tướng xung chiếu thì bị cách Nội Binh Ngoại Tướng không được tốt đẹp

Hình Ấn lai triều, Tướng Binh tọa chiếu ái văn xưng võ (9)

Hình, Tướng, Ấn, Binh hợp cùng, Tài kiêm văn võ vẫy vùng nơi nơi

Vũ Tài Lục ghi như sau và như vậy có lẽ ghi lộn Hình thành Kinh. Chú ý Phục Binh không bao giờ tam hợp xung chiếu với Kinh Dương, chỉ có khi nhị hợp (Âm Nam Dương Nữ, Phục Binh tại Sửu Mùi nghĩa là tuổi Bính Mậu Nhâm) mới có: Thiên Hình đóng tại Dần cung,

Mệnh Thân ở đó uy hù tướng quân

Kinh Binh Tướng Ấn hợp cùng,

Tài kiêm văn võ vẫy vùng bốn phương (VTL 329)

Tướng Ấn tại Hợi Tí gặp cát tinh thì giàu sang. Âm nam Dương Nữ mới có Tướng Ấn. Tại Hợi thì là trường hợp Lộc Tồn cư Mão, còn tại Tí thì không thể có trường hợp nào xảy ra Tướng Ấn hội hợp thành ra cần xét lại câu phú hoặc là giải thích rằng Tướng Quân hoặc Quốc Ấn hội cùng cát tinh thì giàu sang Cả hai trường hợp trên đều có Lộc Tồn tam hợp:

Những người là bậc sang giàu, Hợi Tí Tướng, Ấn lại châu cát tinh

Mấy người dự bậc quan sang, Hợi Tí Tướng, Ấn cũng làng cát tinh (B169)

Theo Thái Vân Trình thì cung Mệnh có Thiên Tướng tọa thủ gặp Thiên Quan Tấu Thư hội hợp, nếu Mệnh xấu xa thì là thầy tu hay làm nghề phù thủy Quan (Thiên Quan) phùng Tướng Tấu nghề chỉ, Mệnh hung tà đạo tăng ni kéo nào (24)

Triệu Tử Long cung Mệnh Thân an tại Sửu Mùi có Hình Quyền Tướng Ấn nên rất tài giỏi đánh đông dẹp Bắc lập nhiều chiến công cho nhà Hán

Triệu Tử phù Hán thị ư Hình Quyền Tướng Ấn Sửu Mùi (8)

Đào Tiềm kiên tâm sống ẩn dật vì Bạch Hổ Tướng Quân đồng cung. Người

Dương Nam, Âm Nữ có Thái Tuế đồng cung với Bệnh Phù, người Âm Nam
Dương Nữ có Thái Tuế đồng cung với Lộc Tồn thì Bạch Hổ Tướng Quân đồng
cung:

Bạch Hổ kiếp Tướng Quân, Đào Tiềm kiên ần (2, B79)

Mã Lộc gặp Tướng Quân thì là người giàu sang và anh hùng. Chú ý Lộc Tồn bao
giờ cũng có Tướng Quân tam hợp :

Mã Lộc ngộ Tướng (Tướng Quân) mấy ai, giàu sang đến trước đàn trai anh hùng
(21)

Tướng Quân Lộc Mã mấy người, Giàu sang đến trước đàn trai anh hùng (B41)

Tướng Quân, Lộc, Mã có người, Giàu sang đảm lược, nên trai anh hùng (cung
Huỳnh Đệ - QXT)

Phúc Đức có Tướng hay Binh đồng cung với Tử hay Tuyệt thì trong họ có người
chết về binh đao, theo Nguyễn Mạnh Bảo thì người trong họ hàng phải lo chinh
chiến:

Họ hàng có kẻ binh đao, Tướng (Tướng Quân) Binh Tử Tuyệt đóng vào phúc
cung

Họ hàng có kẻ binh đao Tướng Tuyệt Tử Phúc lâm vào phúc cung (QXT)

Người tộc thuộc phải lo chinh chiến, Tướng, Phúc Binh, Tử, Tuyệt Phúc
cung(B108)

Cung Tử có Thai Tướng Phúc Binh thì vợ chồng đã ăn ở với nhau rồi mới lấy
nhau. TVT giải rằng vợ chồng đã có con riêng rồi mới lấy nhau. QXT ghi rằng
cùng có con riêng hoặc có chữa rồi mới cưới xin

Tử cung Thai Tướng Phúc Binh, vợ chồng ắt đã tư sinh thuở nào (6)

Tử cung Thai, Tướng, Phúc Binh, Vợ chồng ắt đã tư sinh thuở nào (QXT)

Tử cung Thai, Tướng, Phúc Binh,

Hủy xà môn trước, tước bình mấy thu (không rõ ý nghĩa) (B108)

Huỳnh Đệ có Đế Vượng hoặc Thai thủ gặp Tướng quân thì có anh em khác cha
khác mẹ. Chú ý Đế Vượng và Thai xung chiếu nhau:

Đế Vượng ngộ Thai soi cùng Tướng (Tướng Quân), Có dị bào trong áng Đệ
Huỳnh (hai đám anh em) (B42)

Đế Vượng ngộ Thai soi cùng Tướng, có dị bào trong áng đệ huỳnh (25)

Hồng Loan thì là người thợ may thợ dệt nhưng gặp Phúc Binh Tướng Quân thì
gặp tai nạn, có lẽ về trình tiết vì bộ Phúc Tướng gặp dâm tinh như Đào, Thai thì

có nghĩa xấu về trình tiết:

Hồng Loan may vá của canh, Đồi Binh Tướng lại, gái sinh tai nạn (B49)

Phục Tướng hội với Đào, Hồng, Thai hoặc Thiên Hỉ thì là cách dâm dăng, ăn chơi, trai gái nguyệt hoa bừa bãi, có người cho rằng bị chữa hoang hoặc bị hiếp: Đào Hồng Thai Hỉ trong soi, Ngoài gia Binh Tướng gái trai ngang tàng (B42) Đào Hoa, Thai, Hỉ trong soi, Ngoài ra Binh, Tướng ả vui hoang tàng (QXT, chị em gái bất chính)

Thai Binh Tướng Đào Hồng tương hợp, Chẳng chữa hoang bị hiếp bất ngờ

Đào Hồng Riêu Hỉ trong ngoài, Lại gia Binh Tướng gái trai hoang tàng

Đào Hồng Thai Hỉ (Thiên Hỉ) trong soi, ngoài gia Binh Tướng (Tướng Quân) gái trai ngang tàng (17)

Mệnh có Phá Quân, Tướng Quân, Thai tọa thủ, cung Thiên Di có Phục Binh và Đào Hồng thì đàn ông là người dâm loạn, đàn bà ăn chơi trác nết, tư thông bị người chê cười. Tướng ở đây nên hiểu là Tướng Quân vì Tướng Quân và Phục Binh xung chiếu thành ra mệnh có Tướng Quân thì Di có Phục Binh:

Tướng Phá (Phá Quân) Phục nội tàng Thai diệu, Ngoài Đào, Hồng tú (sao Hồng Loan) chiếu Thiên Di. Có người dâm dục thị phi, Tư thông chi đề kẻ chê người cười

Tướng Phá Phục nội tàng Thai diệu, ngoại Hồng Đào tu chiếu Thiên Di. Nam nhân dâm dục thị phi, nữ nhân tắc kỷ kẻ chê người cười (26)

Tướng, Phá, Phục trong làng Thai diệu, Ngoài Đào, Hồng, Hoa Cái, Thiên Di. Có người dâm dục thị phi, Tư thông chi đề kẻ chê người cười (QXT) (B43)

Nhật tại Tỵ có Tướng Ấn thì hợp với võ cách, gặp thời loạn thế thì mới thành công rực rỡ. Chú ý rằng Quốc Ấn luôn tam hợp Lộc Tồn:

Nhật Mộc (Mộc Dục) Mã tại Tỵ cung,

Trường Sinh Phụ Bát hợp cùng: phú vinh (HC 55)

Bằng gặp Tướng Ấn: binh hùng,

Phải thời loạn thế mới thành công to (HC)

Liên Trinh nhập miếu (Liên Phủ Thìn Tuất, và có lẽ nên áp dụng cho Liên Trinh Dần Thân hoặc Liên Tướng Tí Ngọ gặp Tướng Quân thì dừng mãi. TTL cho rằng Trọng Do có Liên tại Thân gặp Tướng quân đồng cung. Chú ý Lộc Tồn và Tướng Quân tam hợp chiếu với nhau. Theo TVT thì người tuổi Giáp Mệnh an tại Dần và Thân, tuổi Ất Mệnh an tại Hợi, tuổi Bính Mậu Mệnh an tại Dậu, tuổi Đinh Kỷ Mệnh an tại Dần, tuổi Canh Mệnh an tại Tí, tuổi Tân Mệnh an tại Mão,

tuổi quý Mệnh an tại Thân đều được cách trên
 Liêm Trinh nhập miếu hội Tướng Quân (Liêm Trinh nhập miếu đồng cung với
 Tướng Quân), Trọng Do uy mãnh (22, TTL)

Bệnh Phù
 Hành Thổ đới Mộc (TTL) hoặc Thổ (VVT)
 Thuộc tam hợp Lộc Tồn, Bác Sĩ - Tướng Quân - Bệnh Phù và có Quốc Ấn (bộ
 Lộc Tướng Ấn)
 Dương Nam Âm Nữ
 Lộc Tồn, Bác Sĩ - Tướng Quân - Bệnh Phù, Quốc Ấn (Thanh Long xung)
 Âm Nam, Dương Nữ
 Lộc Tồn, Bác Sĩ - Tướng Ấn - Bệnh Phù (Thanh Long xung)

Luôn có Lộc Tồn Bác Sĩ tam hợp và Thanh Long xung chiếu

Chủ bệnh tật
 Đau yếu, buồn rầu

Mệnh có Bệnh Phù tọa thủ thì ốm yếu, da xanh sao vàng vọt (TTL), người gầy và
 da hơi đen xám, hội với Địa Kiếp thì chủ hà tiện cơ hàn, hay bị bệnh đau dạ dày,
 đầy hơi, hoặc kiết lỵ (VVT)
 Mệnh hay Tật có Bệnh Phù thủ gặp Đào, Hồng, Riêu hội hợp thì chắc chắn mắc
 bệnh phong tình (TTL)

Bệnh Phù gặp Thiên Hình thì mắc bệnh phong:
 Bệnh Phù ngộ Hình (Thiên Hình) vô nài (vô lợi),
 Chôn ậy thì phải có người (Ắt có người chịu tội) phong sang (16)
 Thiên Hình với Bệnh Phù sát kẻ,
 Phương ậy hằng có kẻ phong sang (B106)

Nhật gặp Kỵ, Bệnh Phù và sát tinh thì gù lưng:
 Gù lưng thôi chớ phân vân,
 Nhật phùng Kỵ Sát lại lâm Bệnh Phù

Tam hợp Lục Sĩ, Tấu Thư, Đại Hao luôn luôn có Kinh hoặc Đà tam hợp, tại vị trí
 Tấu Thư thì có Kinh Đà chiếu
 Lục Sĩ
 Hành Mộc

Thuộc tam hợp Lực Sĩ, Tấu Thư, Đại Hao, cụ thể:

Dương Nam Âm Nữ:

Lực Kinh (Hỉ Thần xung) - Tấu Thư, Đường Phù - Đại Hao

Âm Nam Dương Nữ:

Lực Sĩ, Đà La (Hỉ Thần, Đường Phù xung) - Tấu Thư - Đại Hao, LNV

Đồng cung với Kinh hoặc Đà. Dương Nam Âm Nữ thì đồng cung với Kinh (bộ Kinh Lực), Âm Nam Dương Nữ thì đồng cung với Đà (bộ Đà Lực)

Là trợ tinh, kết hợp với hung tinh thì gia tăng phần hung ác, kết hợp với các tinh thì gia tăng sự tốt đẹp (VVT)

Kinh Dương Lực Sĩ đồng cung thì khoẻ mạnh địch được muôn người, tài giỏi lập nên công trạng nhưng không được phong thưởng xứng đáng như Lý Quảng:

Kinh Dương phùng Lực Sĩ, Lý Quảng nan phong hầu (9, TTL)

Lý Quảng sức địch vạn chúng thị hữu Kinh Dương Lực Sĩ (8, TTL)

Lý Quảng công chẳng được phong, Kinh Dương Lực Sĩ tương phùng Mệnh Thân

Lý Quảng chẳng được hầu phong, Bởi vì Lực Sĩ Kinh Dương tương phùng (B170)

Mệnh Dương (Kinh Dương) phùng Lực (Lực Sĩ) bình thường,

Yêu thi Văn Khúc ngũ Thương (Thiên Thương) khá hiếm (Văn Khúc ngũ Thiên thương thì không tốt) (B158)

Quyền Lực đã ân lòng nâng đỡ,

Lộc lâm nhờ của vợ làm giàu (có quyền lực thì được giúp đỡ, có Lộc thì vợ giàu và nhờ đó làm giàu thêm) (B113)

Trường Sinh, Lực Sĩ nói ngoan,

Phủ phùng Thiên Mã luận bàn thấp cao

Tấu Thư

Hành Kim

Biểu tượng là giấy hoặc văn tế

Thuộc tam hợp Lực Sĩ, Tấu Thư, Đại Hao, cụ thể:

Dương Nam Âm Nữ:

Lực Kinh - Tấu Thư, Đường Phù (Quan Phủ, Đà xung) - Đại Hao

Âm Nam Dương Nữ:

Lực Sĩ, Đà La - Tấu Thư (Quan Phủ, Kinh xung) - Đại Hao, LNV

Luôn luôn có bộ Kinh Đà chiếu

Chủ về bằng sắc, ấn tín và thư từ (VVT)
 Lợi ích cho việc làm văn, đàm luận, ca hát (TTL)

Vui vẻ, nói năng khôn khéo (TTL)
 Thanh Long cơ biến đủ điều,
 Tấu Thư nói ngọt (ăn nói ngọt ngào), người theo ngay về

Hội với Hóa Kỳ miếu vượng thì chủ thông minh, học vấn, là người làm việc về
 lập văn bằng, biên bản, khế ước, được nhiều bổng lộc (VVT)
 Nhị hạn gặp Bạch Hổ, Đường Phù thì cầu công danh, tài lộc, thi cử, cưới hỏi sẽ
 đắc ý (VVT)
 Đường Phù Bạch Hổ đồng cung: có sự bắt bớ tù đầy (TTL)
 Gặp Vũ, Hỉ Đào thì ưa thích nghệ thuật, hành nghề ca vũ nổi tiếng (VVT)

Mệnh có Tấu Thư thì bị nhiều khẩu thiệt. Chú ý Tấu Thư bao giờ cũng có Kinh
 Đà tam hợp xung chiếu:
 Tấu Thư thủ Mệnh thì đa khẩu thiệt chi nhân (15)

Mệnh có Tấu Thư Hoa Cái hội hợp thì là người thanh nhã, thanh cao hơn người:
 Tấu Thư Hoa Cái thanh kỳ, Mộc (Mộc Dục) Riêu Hoa Cái ất thì thâm bồn
 Tật cung Thai Hổ huyết băng, Tấu Thư Hoa Cái mệnh phùng thanh cao
 Hoa Cái Tấu Thư thanh cao tủng chúng (4)

Bạch Hổ Tấu Thư đồng cung thì chủ về may mắn trên đường công danh thi cử:
 Hổ mà gặp Tấu đồng cung, Công danh thi cử nên công dễ dàng

Tấu Thư gặp Lưu Lộc Tồn thì rất tốt, chủ hanh thông về công danh tài lộc:
 Tấu Thư lưu Lộc cát tường,
 Thanh Long Tướng, Phục là đường hiển vinh (B181)

Tấu Thư chưa có bao giờ,
 Tuần Không ngộ Kỳ rõ ràng sút môi (B183)

Cự Đà Tấu Tuế thì bị kiện tụng. Chú ý Tấu Thư bao giờ cũng có Kinh Đà tam
 hợp xung chiếu:
 Cự, Đà, Tấu, Tuế một đoàn,
 Tháng ngày châu chực công môn miệt mài (AB)

Mệnh có Đào Hồng Tấu Vũ thì khéo về kim chỉ vá may
 Khéo nghề kim chỉ vá may, Đào Hồng Tấu Vũ ở đây Mệnh cung (13)
 Khéo nghề kim chỉ vá may, Hồng Đào Tấu Vũ ở đây Mệnh cung (NMB, VT)
 Người kim chỉ vá may khôn khéo, Tấu Vũ Hồng thủ chiếu Mệnh cung (B108)
 Khéo nghề kim chỉ khâu thừa, Hồng Đào Tấu Vũ ở vào mệnh cung (HC)
 Riêng Quân Xuân Thịnh thì ghi như sau:
 Khéo nghề kim chỉ vá may, Cơ, Tang, Hồng, Phúc ở rầy Mệnh cung (QXT)

Hồng, Khôi, Xương, Tấu hội hợp thì là mưu sĩ đắc dụng, có tiếng tăm Theo NMB
 nếu gặp thêm Hóa Kỵ thì không nên trắng hoa thì sẽ phong lưu
 Hồng, Khôi, Xương, Tấu phù tri, Sân rồng kén bả, danh đề ở cao (QXT)
 Hồng, Khôi, Xương, Tấu phù tri, Sân rồng đứng trực, xem thì ngôi cao (VT)
 Cách Xương Tấu Hồng Khôi dễ được, Chôn sân rồng dâng chúc nổi danh
 (B112)
 Thêm sao Hóa Kỵ chẳng lành, Lánh đường đào mạn an mình phong lưu (B112)
 Có người ghi Liêm Trinh thay vì Tấu Thư và như vậy có lẽ là sai:
 Hồng Khôi Xương Liêm phù tri, Sân rồng dâng trước, trong thì danh cao

Tuổi Giáp Kỷ Mệnh có cách Tử Phủ Vũ Tướng, hạn gặp Đồng, Xương, Tấu Thư,
 Kinh Dương hội hợp thì tiền bạc hưng vượng, phúc thọ dồi dào:
 Giáp Kỷ Nhân Đế cách hoan phùng kiêm hữu Đồng, Xương, Thư (Tấu Thư),
 Nhận (Kinh Dương) hạn phùng (hạn gặp) tài tăng phúc tiến (90)

Mệnh có Quý Ân Tấu Việt Đào Hồng hội hợp, con gái thì có sắc đẹp được tuyển
 vào lục cung, con trai thì có tài năng:
 Quý Ân Tấu Việt Đào Hồng,
 Lục cung gái đẹp Tam Công giai tài (B112)

Đại Hao
 Coi về bộ Song Hao, Lưu Niên Văn Tinh

Tam hợp Thanh Long - Phi Liêm - Phục Binh không bị Kinh Đà Song Hao xâm
 phạm, tại vị trí Thanh Long thì chế hóa được Hóa Kỵ, Lưu Hà (bộ Thanh Long
 Lưu Hà hoặc Hóa Kỵ), tại vị trí Phi Liêm thì chế hóa được Bạch Hổ (bộ Phi Hổ)
 nhưng tại vị trí Phục Binh thì không nên gặp Kỵ đồng cung và các dâm tinh như
 Thai, Đào Hồng, Riêu, Xương Khúc

Thanh Long

Hành Thủy

Ý nghĩa

Thanh là màu xanh. Long là con rồng. Người xưa nói nó hay làm mây làm mưa, cho nên cho nó là một trong bốn giống linh

Miếu vượng tại Tứ Mộ và Tí Hợi là hai cung Thủy. Khi miếu vượng thì là con rồng nhưng khi hãm địa thì là con rắn đất không có đặc lực (VVT)

Thuộc tam hợp Thanh Long - Phi Liêm - Phục Binh

Dương Nam Âm Nữ

Thanh Long (Bệnh Phù, Quốc Ấn xung) - Phi Liêm - Phục Binh

Âm Nam, Dương Nữ

Thanh Long (Bệnh Phù xung) - Phi Liêm - Phục Binh

Chủ vui vẻ, hòa nhã, lạnh lợi, bất thiệp, đem lại may mắn hanh thông về công danh, thi cử, hôn nhân, tiền tài, hỷ sự, rất lợi ích cho việc cầu công danh, thi cử cưới hỏi, sinh nở

Giải trừ được tai họa bệnh tật nhỏ do may mắn

Thanh Long cư Thìn thì đặc cách nhất, là cách lưỡng Long, gặp thêm Hóa Kỵ thủ chiếu thì càng tốt đẹp:

Thanh Long Mệnh Phúc Thân tọa thủ,

Tại Thìn cung, Mệnh Thổ, Âm Nam,

Hóa Kỵ chiếu hợp tam phương,

Tuổi Đinh tuổi Kỷ tọai đường công danh (AB340)

Đồng cung với Long Đức là cách Song Long, nếu lại cư tại Thìn là cách Song Long nhập uyên, rồng vào hang vực. Tại Mệnh thì phú quý song toàn, an nhàn tọa hưởng, tại Phúc thì con gái trở thành vương phi, người tuổi Giáp, Bính, Đinh là hợp cách (VVT)

Song Long cư Phúc Đức là hợp cách nhất, là nhà có mồ mả kết phát đều cho nam nữ, chủ sự thành đạt lâu dài (VVT)

Song Long hội với Lưu Hà hay Hóa Kỵ thì công danh tài lộc không cầu cạnh vất vả mà tự nhiên tới, nếu gặp cát tinh thì hiển đạt lớn lao

Song Long mà gặp Hóa Lộc thì giàu có, làm nên như nước chảy bạc dòng

Thanh Long đồng cung với Lưu Hà là cách thanh vân đắc lộ, rồng vùng vẫy trong bể cả hay trong sông lớn, rất có lợi cho việc cầu thi cử, công danh

Thanh Long đồng cung với Hóa Kỵ là cách long vân khánh hội, rồng gặp mây (Hóa Kỵ) hoặc rồng xanh ẩn trong mây ngũ sắc nên rất rực rỡ tốt đẹp, chủ phú quý

uy quyền, đem lại may mắn đáng mừng. Thái Thứ Lang cho rằng đây là trường hợp Thanh Long gặp Hóa Kỵ đồng cung tại Tứ Mộ Long Kỵ Hà đồng cung thì tài lộc, công danh tự nhiên mà đến không cần mưu cầu cực nhọc. Nữ Mệnh gặp cách Long Kỵ Hà tại Thìn thì đáng người thanh tú, xinh tươi, con nhà khuê các, giỏi giang về ngoại giao mà kinh doanh rất giỏi, làm nên tài lộc như nước chảy bạc dòng, vượng phu ích tử. Nếu cư tại cung Phu Thê thì trai lấy vợ con nhà khuê các, vợ có tiền của hồi môn, gái lấy chồng quý hiển giàu có (AB255, AB589)

Thanh Long thủ thì là người có cơ mưu quyền biến:
 Thanh Long cơ biến đủ điều,
 Tấu Thư nói ngọt (ăn nói ngọt ngào), người theo ngay về

Mệnh an tại Hợi Tí có Thanh Long tọa thủ nên rất tốt đẹp như rồng gặp nước (Thủy). Thanh Long tại cung Hợi hay Tí thì rất tốt như Thái Công vui mừng gặp Văn Vương, ý nói gặp thời vận tốt đẹp. NMB chỉ ghi là tại cung Tí mà thôi:
 Khảm nghị hí Thủy chi Thanh Long (4, B85)
 Thanh Long phiếm hải (biển cả), Thái Công chi triều đầu hân hân (B77)

Mệnh Tài Quan ở Thìn thuộc Thổ có Thanh Long tọa thủ, đàn ông tuổi Đinh Kỷ là hợp cách, nếu thêm Hóa Kỵ thì công danh như rồng mây gặp hội tất làm nên vinh hiển và được hưởng giàu sang trọn đời. Chú ý tuổi Đinh Mệnh tại Thìn có Thái Dương thủ thì có Hóa Kỵ tam hợp, có Cự Môn thủ thì có Hóa Kỵ đồng cung, có Thiên Đồng thủ thì có Hóa Kỵ tam hợp và VCD có Cơ Lương xung chiếu thì có Hóa Kỵ tam hợp. Còn tuổi Kỷ nếu có Văn Khúc thủ chiếu thì có Hóa Kỵ thủ chiếu

Thanh Long Thìn Thổ Đinh Kỷ Âm Nam gia hợp Kỵ tinh công danh toại mãn (5)
 Thanh Long Mệnh Phúc Thân tọa thủ,
 Tại Thìn cung, Mệnh Thổ, Âm Nam,
 Hóa Kỵ chiếu hợp tam phương,
 Tuổi Đinh tuổi Kỷ toại đường công danh (AB340)

Phúc Đức có Thanh Long thì con cái rất nhiều. Chú ý rằng Mệnh có Lộc Tồn và là Dương Nam, Âm Nữ hoặc Mệnh có Tướng Quân và là Âm Nam, Dương Nữ thì Phúc Đức có Thanh Long:
 Thanh Long cư Phúc Đức nhân đình chúng đa (6, B68)

Hạn có Thanh Long, Thai, Thiên Hỉ thì có con. Hỉ ở đây là Thiên Hỉ vì Hỉ Thần

không có tam hợp xung chiếu với Hỉ Thần, chỉ có khi nhị hợp với Hỉ Thần mà thôi như Thanh Long tại Thìn cho Dương Nam Âm Nữ và tại Dậu cho Âm Nam Dương Nữ:

Thanh Long, Thai, Hỉ hợp miên, Vợ đi thai nghén khá xem phúc nhà
Thai tinh, Long (Thanh Long), Hỉ vận này, Vợ thời thai dựng đến ngày khai hoa (QXT)

Thai phùng Long Hỉ vận này, Vợ mình ắt đã đến ngày nở hoa (VT)

Có người ghi như sau:

Thai phùng Đào Hỉ vận này,
Vợ chồng mừng đã đến ngày nở hoa

Mệnh Thanh Long tọa thủ gặp Mộc Dục thì được tiếng tốt
Thanh Long vận phái thừa Mộc Dục dĩ thanh quang (1, B77)

NMB cho rằng Mệnh có Thanh Long gặp Quan Đới thì là người hiền ngang ở ngoài đời cũng như trong triều đình
Long (Thanh Long) cốt liên Quan (Quan Đới), hiền ngang lãng miếu (3, B78)

Tật Ách có Thái Dương hãm địa tọa thủ gặp Thanh Long thì đề phòng chết đuối hay té giếng. QXT giải rằng Thái Dương hãm ngộ Thanh Long, Long Trì (lưỡng Long) ở cung Điền thì có người chết đuối ở đây, hoặc ở cung khác thì người ở đây chết đuối, ví dụ ở cung Nô thì đây tứ chết đuối:

Nhật phùng hãm địa Thanh Long (lưỡng Long QXT, VT), Có người phương ấy vẫy vùng khôn lên

Nhật phùng hãm địa Thanh Long, có người phương ấy vẫy vùng khôn lên (7)

Thiên Phủ tối kỵ gặp Không Tinh (Tuần Triệt) nhưng gặp Thanh Long thì lại trở thành tốt, theo Huyền Cơ thì đây là trường hợp Phủ gặp Không Kiếp đồng cung: Thiên Phủ tối kỵ Không Tinh (tối kỵ Tuần Triệt) nhi ngộ Thanh Long phản vi cát tường (3)

Phủ kỵ Không Kiếp đồng cung, Gặp Thanh Long biến thành vòng cát tinh (HC)

Phi Liêm

Hành Hỏa

Ý nghĩa

Phi là lớn lao hoặc bay, nhanh như bay (như "phi báo" báo nhanh như bay, kíp báo)

Liêm là cái liềm hoặc bức rèm, cái màn mỏng

Thuộc tam hợp Thanh Long - Phi Liêm - Phục Binh

Dương Nam Âm Nữ

Thanh Long - Phi Liêm (Lộc Tồn, Bác Sĩ xung) - Phục Binh

Âm Nam, Dương Nữ

Thanh Long - Phi Liêm (Lộc Tồn, Bác Sĩ xung) - Phục Binh

Luôn luôn có Lộc Tồn Bác Sĩ xung chiếu, không bao giờ gặp Kinh Đà tam hợp xung chiếu

Tượng ở thân thể là lông, tóc, thủ Mệnh thường là người có lông tóc rậm, gặp thêm Thiên Hình thì là tóc quăn (VVT). Phi Liêm Hồng Loan đồng cung: tóc dài nhiều và mượt (TTL)

Chủ vui vẻ, nhanh lẹ

Không lợi ích cho việc sinh nở

Giảm nhân đinh, như thủ tại Tử thì giảm số con, tại Huynh Đệ thì giảm số anh em

Là trợ tinh, thúc đẩy sự việc xảy ra một cách nhanh chóng. Gặp nhiều sao tốt đẹp thì mang sự may mắn tốt đẹp đến một cách nhanh chóng, gặp nhiều sao xấu xa thì đem đến sự chẳng lành một cách nhanh chóng

Gặp sao miếu vượng thì là người khôn ngoan, lanh lẹ, phù trì có các sao này thêm oai quyền mỹ mãn (VVT)

Hạn gặp Hình hay Kỵ hãm địa thì phải đề phòng tai nạn nếu hai sao này tại Mệnh hay Quan (VVT)

Thủ Mệnh thì

Linh lợi

Tính cấp tốc

Có cơ mưu

Hợp với nghề phi công, thuyền trưởng, hoa tiêu (VVT)

Tọa thủ tại Mệnh Thân không có cát tinh hóa giải thì chủ gái góa chồng, trai góa vợ (VVT)

Phi Liêm ngộ Hỏa, Linh, Hình, Việt chủ bị giết, bị thương vì tên bay, đạn bắn:

Phi Liêm ngộ Hỏa, Linh, Hình, Việt, Thành đạn tên bắn giết hại thay (AB339)

Phi Liêm đồng cung với Mã hay Bạch Hổ thì chủ may mắn, gặp thời, hanh thông về công danh. Theo VVT thì Bạch Hổ miếu địa thì hợp cách:

Phi Liêm hội Mã, Hổ bay, (cách Phi Mã, Phi Hổ)

Công thành danh toại, rồng mây gặp thời (AB339)
Hổ gặp Phi (Phi Liêm) đồng sản, Ấy Hổ mọc cánh, mọi đường hanh thông

Nguyễn Tịch đời nhà Tần lúc nào cũng rượu chè say sưa vì Mệnh có Đào Hoa gặp Phi Liêm
Đào Hoa ngộ Phi Liêm, Nguyễn Tịch Tấn triều nhi túy khách (6, B86)

Tử Túc có Phi Liêm hoặc Thiên Hình thì hiểm hoi. có Khôi Việt thì sinh con quý tử)
Hiểm hoi Phi hoặc Thiên Hình, Quý phù trước trở, sau sinh quế hoè (B50)

Hạn có Thai, Phi, Thiên Hỉ hội hợp thì có con. Chú ý rằng Hỉ ở đây hiểu là Thiên Hỉ hợp lý hơn vì Hỉ Thần thì không tam hợp xung chiếu với Phi Liêm, chỉ có nhị hợp mà thôi:
Thêm đỉnh ấy Thai cùng Phi (Phi Liêm) Hỉ,
Lên đậu năm Cái tỵ Dương Đà (hạn họa Cái gặp Dương Đà thì mắc bệnh đậu) (B110)

Phục Binh

Hành Hỏa

Ý nghĩa

Phục là nếp, nằm phục xuống hoặc nắp, giấu. Như phục binh là giấu binh một chỗ để rình giặc đến thì đánh. Binh là lính

Thuộc tam hợp Thanh Long - Phi Liêm - Phục Binh

Dương Nam Âm Nữ

Thanh Long - Phi Liêm - Phục Binh (Tướng Quân xung)

Âm Nam, Dương Nữ

Thanh Long - Phi Liêm - Phục Binh (Tướng Ấn xung)

Luôn luôn có Tướng Quân xung, nếu là Âm Nam Dương Nữ thì có Tướng Ấn xung

Chủ cơ mưu, quyền biến, gian xảo (VVT)

Gặp nhiều sao tốt đẹp hội hợp thì hay giúp đỡ, phò tá, chủ những việc liên quan đến quân sự (TTL). Theo VVT thì gặp chính tinh miếu địa thì là người biết tùy thời mà xử sự

Gặp nhiều sao xấu xa hội hợp thì gian xảo, đa hư thiếu thực, hay lừa đảo, trộm cắp, làm những việc ám muội, hãm hại

Hội với Hình Tướng Ấn thì có tài năng, hiển đạt về võ nghiệp
Nhiều người cho rằng Phục Binh không nên cư Mệnh (cách nội Binh ngoại Tướng), cư tại Di mới hợp cách (cách nội Tướng ngoại Binh). Thật ra thì cách nội Tướng ngoại Binh thì luôn luôn có Lộc Tồn tam hợp nên tốt hơn
Phục Binh gặp Địa Kiếp thì phải đề phòng bị ám sát
Mệnh có Thai Phục thì khó giữ danh tiết, dễ bị hãm hiếp (TTL)

Binh Hình thì nói không hở răng, tính tình tầm ngấm tầm ngấm, kín miệng (Phá Toái đồng cung với Tuế Phá thì giọng nói lớn tiếng theo kinh nghiệm):
Binh Hình tầm ngấm tầm ngấm, Hãm cung Phá Tuế nói rầm rầm sấm vang
Binh, Hình nói chẳng hở răng, Hãm cung Phá (Phá Toái), Tuế nói bằng sấm vang

Mệnh có Hồng Loan thì khéo về nghề thêu may, gặp Phục Binh, Tướng Quân thì dễ bị tai nạn, chủ yếu về trinh tiết
Hồng Loan may vá cửa canh, hiềm phùng Binh Tướng ắt sinh tai nạn (18)

Kiếp Không Phục Binh gặp Kinh thì là kẻ côn đồ ăn cướp. Chú ý Phục Binh không bao giờ tam hợp xung chiếu với Kinh Dương, chỉ có khi nhị hợp (Âm Nam Dương Nữ, Phục Binh tại Sửu Mùi nghĩa là tuổi Bính Mậu Nhâm) mới có:
Kiếp Không Phục Binh phùng Dương Nhận (Kinh Dương) lộ thượng cướp đồ (10)

Hổ, Tang, Điều Khách, Phục Binh là bốn hung tinh nhưng gặp Thiên Đồng thì lại trở thành tốt
Hổ Tang Điều (Điều Khách) Binh (Phục Binh) vị chi Tứ hung, hạnh ngộ Đồng tinh (Thiên Đồng) nhi hóa cát (B83)

Phu Thê có Phục Binh Hóa Kỵ đồng cung thì vợ chồng hay hờn giận:
Vợ chồng nay tụ mai tan (nay giận mai hờn), Phục Binh Hóa Kỵ một tòa Thê cung (B36)

Hạn gặp Phục Binh Hóa Kỵ Thái Tuế thì có sự cạnh tranh cãi vã, vì cạnh tranh với người mà bức dọc trong lòng, Quân Xuân Thịnh thì thêm Không Kiếp. Chú ý rằng Dương Nam, Âm Nữ có Thái Tuế đồng cung Phục Binh thì có Phi Liêm Bạch Hổ đồng cung, và Âm Nam, Dương Nữ có Thái Tuế đồng cung Phục Binh thì có Phi Liêm Bạch Hổ tam hợp:
Phục Binh Thái Tuế Kỵ xung, Cùng người tranh cạnh, trong lòng chẳng khuây
Thái Tuế Phục Binh Kỵ (Hóa Kỵ) xung, cùng người tranh cạnh trong lòng chẳng

khuây (35)

Phục Bình, Tuế, Kỵ, vận phùng, Cùng người tranh chấp, trong lòng chẳng nguôi (VT)

Người hay tranh cạnh cùng ta, Phục Bình Tuế Kỵ hạn qua phải chờn (B110)

Phục Bình, Tuế, Kỵ, Kiếp, Không, Cùng người tranh cạnh, trong lòng chẳng nguôi (QXT)

Nhan hồi chết yếu vì có Hóa Kỵ, Phục Bình, Xương Khúc hội hợp

Kỵ (Hóa Kỵ) Bình (Phục Bình) Xương Khúc một vì, Nhan Hồi yếu triết còn ghi rõ rằng (chết yếu) (48)

Tiểu Hao

Thuộc tam hợp Tiểu Hao - Hỉ Thần - Quan Phủ

Coi về bộ Song Hao, Lưu Niên Văn Tinh

Hỉ Thần

Hành Hỏa (TTL), Mộc (VVT)

Hỉ là mừng, những việc tốt lành đều gọi là việc hỉ

Biểu tượng là hậu môn

Thuộc tam hợp Tiểu Hao - Hỉ Thần - Quan Phủ

Dương Nam Âm Nữ

Tiểu Hao, LNVT - Hỉ Thần (Kình Lực xung) - Quan Phủ, Đà La

Âm Nam, Dương Nữ

Tiểu Hao - Hỉ Thần, Đường Phù (Đà Lực xung) - Quan Phủ, Kình Dương

Lúc nào cũng có bộ Kình Đà tam hợp xung chiếu: Đà Lực xung (khi đồng cung với Đường Phù) hoặc Kình Lực xung (khi đứng một mình) và có Tiểu Hao tam hợp

Tượng ở thân thể là cái trĩ, gặp Hình thì bị bệnh trĩ, gia thêm Kiếp thì bị bệnh trĩ rất nặng (VVT)

Chủ vui vẻ, may mắn, đem lại những sự vui mừng, lợi ích cho sự cưới hỏi, sinh nở. VVT còn cho là tăng tiến tài lộc

Cư Quan Lộc là hợp cách (VVT) (Chú ý khi cư Quan thì Mệnh có Tiểu Hao thủ)

Hội với Thiên Hỉ thành bộ Song Hỉ, chủ sự vui mừng, tài lộc đến dồn dập (VVT)

Gặp Long Phượng thì rất rực rỡ tốt đẹp, chủ sự vui mừng, lợi ích cho việc cầu

công danh, thi cử, cưới hỏi, sinh nở (TL)

Cư Mệnh, Tài hay Quan mà nhị hạn gặp Song Hi thì chắc chắn mưu cầu tài lộc, hôn nhân, sinh nở sẽ được xứng ý toại lòng (VVT)

Mệnh có Hi Thần, Hoa cái thì đảm đang, không hay gặp thị phi, khẩu thiệt:
Hi Thần, Hoa Cái tốt ghê,
Khẩu thiệt không có, mọi bề đảm đang

Tử Túc có Hi Thần gặp Dưỡng thì có con quý tử, hiền lương:
Hi Thần ngộ Dưỡng cát sương, Ất sinh quý tử hiền lương tốt lành (B49)

Long Phụng gặp Hi Thần thì phát tán thất thường. Chú ý Long Phụng không bao giờ hội hợp cùng Thiên Hi:
Long phùng Phụng, Hi cũng hay,
Vui mừng mới thấy, bi ai bỗng liền (QXT, phát tán thất thường)

Quan Phủ

Hành Hỏa

Thuộc tam hợp Tiểu Hao - Hi Thần - Quan Phủ

Dương Nam Âm Nữ

Tiểu Hao, LNVT - Hi Thần - Quan Phủ, Đà La (Tấu Thư, Đường Phù xung)

Âm Nam, Dương Nữ

Tiểu Hao - Hi Thần, Đường Phù - Quan Phủ, Kinh Dương (Tấu Thư xung)

Luôn có Kinh hay Đà đồng cung, Tấu Thư xung chiếu và có Tiểu Hao tam hợp

Chủ thị phi, khẩu thiệt (VVT)

Gây rắc rối, phiền nhiễu, ngăn trở mọi công việc (TTL)

Thiết tưởng tính chất xấu tốt của Quan Phủ được quyết định bởi tính đặc hãm của Kinh Đà

Gặp Liêm Trinh hãm địa, Thiên Hình hãm địa và Thái Tuế thì hay mắc thị phi, quan tụng và dễ bị ngục tù (VVT)

Gặp Thái Tuế, Thiên Hình và Cự Môn miếu địa thì là người có tài biện thuyết, rất giỏi về luật pháp (VVT)

Các câu phú cần xét lại:

Cơ Thư (Tấu Thư) Hồng cư Dân địa, nhi phùng Lộc Ấn loan cận cử trùng (6)

Thiên Cơ Tấu Thư Hồng Loan cư cung Dân gặp Lộc Tồn, Quốc Ấn thì kê cận

nguyên thủ. Tuy nhiên chúng ta biết rằng Tấu Thư là một sao của vòng Bác Sĩ có đặc điểm không bao giờ tam hợp xung chiếu với Lộc Tồn, chỉ có một trường hợp duy nhất là tuổi Đinh hay Kỷ có Lộc Tồn tại Ngọ và nếu là Dương Nam Âm Nữ thì có Tấu Thư tại cung Hợi nhị hợp với cung Dần thì mới giải thích được câu phú trên

Hồng Loan, Tấu Thư, Hỉ (Thiên Hỉ), Vũ Khúc, Đào Hoa hội hợp thì là người ca xướng múa hát giỏi

Hồng Loan Tấu (Tấu Thư) Hỉ (Thiên Hỉ) Vũ (Vũ Khúc) Đào (Đào Hoa), Những phường ca xướng tiến vào cửa quan (12)

Hồng Loan, Tấu, Vũ, Hỉ, Đào, Những phường ca vũ danh vào cửa quan (QXT, VT)

Câu phú trên có người ghi rằng:

Hồng Cơ Tấu Vũ Hỉ Đào, Gái nghề ca xướng luận vào Mệnh viên

Hình (Thiên Hình) Riêu Tấu Vũ (Vũ Khúc) một đoàn, Làm nghề thợ mộc, khôn ngoan ai tày (NMB, VT)

Hình, Cơ, Khúc, Tấu một đoàn, Trong nghề thợ mộc, khôn ngoan ai tày (QXT) (thợ mộc giỏi khéo)

Cơ Loan Hồng Phúc Mệnh trung, Cửi canh kim chỉ vá may thêu thùa (AB342)

Đại Hao lâm Quan Phủ Lưu Nghi tôn thất (thuộc giòng họ vua) chi du hồ (hu hồ) (3, B86)

Đại Hao gặp Quan Phủ thì như Lưu Nghi có họ với vua cũng bị hình phạt roi vọt.

Đại Hao không bao giờ tam hợp xung chiếu, nhị hợp với Quan Phủ

Tử cung Thai, Tướng, Phục Binh,

Hủy xà móng trước, tước bình mấy thu (không rõ ý nghĩa)(B108)

Mệnh Hóa Kỵ Tật Mộc thân (Mộc Dục),

Âm nang sa thấp một phân chẳng lằm

Mệnh viên Kỵ Tật Hỉ Thần,

Âm hư, trĩ lậu mười phân chẳng lằm (VT)

(bị bệnh sa tử cung)

Tràng Sinh, Mã, Hỉ đồng cung,

Công danh đắc lộ, vẫy vùng một phương (HC 152)

Một áng có Tràng Sinh Mã Hỉ,

Đường mây xanh phỉ chí bổng tang (gặp may mắn về công danh) (B113)

Hỉ nên hiểu là Thiên Hỉ vì không thể có Trùng Sinh, Mã, Hỉ Thần đồng cung

Thanh Long, Thai, Hỉ hợp miên,
 Vợ đi thai nghén khá xem phúc nhà
 Hỉ ở đây là Thiên Hỉ vì Hỉ Thần không có tam hợp xung chiếu với Hỉ Thần, chỉ có khi nhị hợp với Hỉ Thần mà thôi như Thanh Long tại Thìn cho Dương Nam Âm Nữ và tại Dậu cho Âm Nam Dương Nữ:

Các câu phú dưới đây thì Hỉ nên coi là Thiên Hỉ. Đặc biệt khi đề cập Hỉ với Đào Hồng thì nên hiểu Hỉ là Thiên Hỉ:

Đào Hồng Riêu Hỉ trong ngoài,
 Lại gia Bình Tướng gái trai hoang tàng

Số Riêu Hỉ tai bay vạ gió,
 Số Kiếp Không lăm độ gian manh
 Tham Liêm hãm mệnh gian tà
 Hồng Đào Riêu Hỉ ắt là dâm bôn

Vận hạn đến Đào Hồng Cái Hỉ,
 Lòng gái trai bắt sỉ dâm bôn
 Đào Hồng Hỉ không bao giờ gặp Hoa Cái

Vũ, Cơ, Lộc, Mã, Quả (Quả Tú), Loan (Hồng Loan),
 Hôn nhân thuở ấy mới tròn thất gia
 (hạn gặp thì lập gia đình)
 Vũ, Cơ, Lộc, Mã, Long, Loan,
 Trai ban binh tước, gái bàn thư cửu (Hạn gặp, con trai thì có công danh, gái thì có người đến hỏi cưới)
 Vũ, Cơ, Lộc, Mã, Hỉ, Hồng,
 Hôn nhân vận ấy đèo bồng thất gia

NMB cho rằng Mệnh Thân đóng ở Sửu Mùi Thìn Tuất gặp Bệnh Phù, Thái Tuế Thiên Thương thì là người dở dang chẳng lành. TTV cho rằng Mệnh Thân an tại Thìn Tuất Sửu Mùi có Bệnh Phù Thái Tuế hội hợp thì là người dở dở ương ương. Chú ý rằng Thiên Thương luôn an tại cung Nô, Nguyễn Mạnh Bảo an Thiên Thương theo cách khác:
 Bệnh Phù Thái Tuế dở dang, Mệnh an Tứ Mộ Thiên Thương nan lành (23)

Bệnh Phù, Thái Tuế dở thay, Ở cung Tứ Mộ hợp bày Thiên Thương
 Bệnh Phù Thái Tuế dở dang, Sửu Mùi Thìn Tuất gặp Thương chẳng lành (B36)

TVT cho rằng Cung Mệnh có Lương miếu vượng tọa thủ không nên có Thái Tuế
 Bệnh Phù hội hợp rất xấu. Cần coi lại câu phú này
 Thiên Lương cư miếu vượng do Thái Tuế, Bệnh Phù nhi khả giới (24)
 Bệnh Phù, Thái Tuế rõ ràng, Sửu, Mùi, Thìn, Tuất gặp Lương lại lành (QXT)

Cơ hội Phục (Phục Bình) gia vu Ngọ vị, Vận gặp thời chức vị quân binh (B28)
 Cơ hội Phục (Phục Bình) gia cư Ngọ vị (ở cung Ngọ), vận (hạn) gặp thời chức vụ
 quân binh (9)

Giải: Hạn có Cơ ở cung Ngọ gặp Phục Bình thì gặp thời nên quan chức về quân
 đội rất hiển hách

Dương, Phục, Vũ ở tòa Ngọ vị, Vận gặp thời chức vị quân binh (QXT)
 (Hạn gặp Thiên Cơ Phục Bình tại cung Ngọ thì hiển hách trong quân đội) Lương
 với Phục (Phục Bình) gặp nhau ở Ngọ,
 Gặp vận đương chức vũ chương binh (Hạn gặp thì được thăng chức về võ nghiệp)
 (B111)

Lương, Phục, Vũ ở tại Ngọ cung, Hạn gặp thì chức vị quân binh

Sát phùng Phù Hồ hay đầu,
 Dĩ Tràng thuở ấy âu sầu ngục trung (NMB, QXT)
 Sát phùng Phủ (Quan Phủ) Mã hay đầu,
 Dĩ Tràng thuở ấy âu sầu ngục trung (VT)

Quan (Thiên Quan) phùng Tướng (Thiên Tướng) Tấu (Tấu Thư) nghề chi,
 Mệnh phùng tả đạo tăng ni keo nào
 Quan Phù Tấu Tướng nghề chi,
 Mệnh phùng Tả Hữu tăng ni kéo nào (QXT)
 (Mệnh Thiên Quan Thiên Tướng Tấu Thư thì làm thầy phù thủy hoặc đi tu)

Ngôi Hầu Bá uy nghiêm chức tước,
 Đầu Mệnh viên Cáo Tướng chiếu xung (Mệnh có Phong Cáo Tướng chiếu xung
 thì làm đến Hầu Bá) (B105)
 Không rõ là Thiên Tướng hay Tướng Quân nhưng Tướng Quân thì có lẽ đúng hơn
 vì Thai Cáo gặp Ấn Tướng rất tốt đẹp

Tử Phủ Vũ Tướng, Tả Hữu, Long Phượng, Khoa Quyền Lộc, Ấn (Quốc Ấn) quân

thần khánh hội chi cách, gia Kiếp Kinh loạn thế nan thành đại sự (72, TTL)
 Giải: Tử Phủ Vũ Tướng gặp được Tả Hữu, Long Phượng, Khoa Quyền Lộc, Quốc Ấn thì là cách vua gặp bày tôi hiền, ý nói phú quý cực độ, nhưng nếu gặp Kiếp Kinh khó lòng thành sự nghiệp lớn trong thời loạn. Điều này cho thấy sự phối hợp của Kiếp Kinh là phá cách lớn của cách Tử Phủ Vũ Tướng. Vì không đề cập đến Địa Không nên chỉ tại vị trí Dân Thân mới gặp Địa Kiếp tại Ngọ Tí Thìn Tuất mà không gặp Địa Không và Lộc ở đây phải là Hóa Lộc vì nếu có Lộc Tồn thì không gặp Kinh được. Sự xuất hiện của Quốc Ấn khiến cho câu phú trên trở nên vô nghĩa không thể có sự phối hợp được. Câu phú này cần xét lại.

Cơ Thư (Tấu Thư) Hồng cư Dân địa, nhi phùng Lộc Ấn loan cận cử trùng (6)
 Giải: Thiên Cơ Tấu Thư Hồng Loan cư cung Dân gặp Lộc Tồn, Quốc Ấn thì kề cận nguyên thủ. Tuy nhiên chúng ta biết rằng Tấu Thư là một sao của vòng Bác Sĩ có đặc điểm không bao giờ tam hợp xung chiếu với Lộc Tồn, chỉ có một trường hợp duy nhất là tuổi Đinh hay Kỷ có Lộc Tồn tại Ngọ và nếu là Dương Nam Âm Nữ thì có Tấu Thư tại cung Hợi nhị hợp với cung Dân thì mới giải thích được câu phú trên. Phải chăng Cơ Thư là tên người?

Vận hội Cơ Thư (Tấu Thư) giá lâm Kiếp Tuế (Thái Tuế) bái tướng dăng đàn đắc quân sủng ái (10)
 Giải: vận hạn có Thiên Cơ Tấu Thư gặp Kiếp, Thái Tuế thì được lên được phong tướng quân, vua yêu thích

Đặng Thông Cơ tử vận phùng Đại Hao chi huổng
 Giải: Đặng Thông chết do bởi vì Mệnh Cơ Tử hạn gặp Đại Hao. Cần xét lại câu này

Tây Thi cung Phu có Cự Cơ, Song Hao, Quyền Ấn, Đào Hồng nên khuynh đảo triều đình nhà Ngô
 Tây Nương Tử (Tây Thi) áp đảo Ngô triều (làm vua Ngô mất nước) do hữu Cự Cơ, Song Hao, Quyền Ấn, Đào Hồng Phu cung (17)
 Có Song Hao thì không bao giờ gặp được Quốc Ấn thành ra câu phú không đúng Phải chăng đây là Ân Quang?

Tuổi già hạn có Riêu Thiên Tướng Mộc Dục Kinh Khoa sát tinh thì gái trai dâm dăng như Võ Hựu. TTV cho rằng Sát là sát tinh và Tướng là Tướng Quân hay Thiên Tướng nhưng thực tế thì Tướng Quân không tam hợp xung chiếu với Kinh

Dương thành ra Tướng ở đây hiểu là Thiên Tướng
Riêu Tướng Mộc (Mộc Dục) Kinh Khoa Sát lão hạn dị tặc dâm loạn Võ Hậu (12)

Thất Sát Lưu (Lưu Hà) Dương (Kinh Dương) nhị Quan Phủ , ly hương tảo phối
(27)

Giải: TVT giải rằng Thất Sát Lưu Hà Kinh Dương hội hợp mà nhị hợp có Quan Phủ thì lập gia đình nơi xa quê hương. Cần xét lại câu phú này

Vòng Lộc Tồn

VÒNG LỘC TỒN THEO CÁCH NHÌN CỦA CỤ THIÊN LƯƠNG

VÒNG LỘC TỒN (Thiên Can)

Vòng Lộc Tồn gồm 12 sao là Lộc Tồn – Bác Sĩ, Lực Sĩ, Thanh Long, Tiểu Hao, Tướng Quân, Tầu Thụ, Phi Liêm, Hỷ Thần, Bệnh Phù, Đại Hao, Phục Binh, Quan Phủ.

Vòng Lộc Tồn được chia thành 4 nhóm tam hợp:

(Lộc Tồn, Bác Sĩ) - Tướng Quân - Bệnh Phù

Lực Sĩ - Tầu Thụ - Đại Hao

Thanh Long - Phi Liêm - Phục Binh

Tiểu Hao - Hỷ Thần - Quan Phủ

Chú ý: an theo vòng Lộc Tồn còn có Kinh Đà (Lộc Tồn bao giờ cũng có Kinh Đà giáp biên, chú ý cụ Thiên Lương an Kinh Đà theo nguyên tắc Kinh Dương Lực Sĩ luôn luôn đồng cung), Quốc Ấn và Đường Phù, trong đó Lộc Tồn Quốc Ấn bao giờ cũng tam hợp chiếu, còn Đường Phù thì an nghịch lý Âm Dương với Lộc Tồn (nếu Lộc Tồn cư ở cung Dương thì Đường Phù cư ở cung Âm và ngược lại)

Cụ Thiên Lương giải thích vòng này như sau:

(Lộc Tồn, Bác Sĩ) - Tướng Quân - Bệnh Phù : ở thế chủ chốt, quang minh nhân hậu (Bác Sĩ), hiền ngang (Tướng Quân) dầu có bị suy tàn (Bệnh Phù).

(Lực Sĩ, Kinh Dương) - Tầu Thụ - Đại Hao: tư thế của kẻ ăn no vác nặng (Kinh Lực), có cố gắng học hỏi Tầu Thụ) cũng chẳng đi đến đâu Đại Hao).

Thanh Long - Phi Liêm - Phục Binh: tư thế của kẻ có gặp bước mây Thanh Long), làm việc như vũ bão cướp thời gian (Phi Liêm) cũng chỉ là nhất thời (Phục Binh).

Tiểu Hao - Hỷ Thần – (Quan Phủ, Đà La): tư thế của kẻ lằm lỳ (Đà La) làm ra vẻ hào phóng (Hỷ Thần) cũng chỉ trong đom đóm (Tiểu Hao) ngoài bó đuốc Quan Phủ) cho thị phi đàm tiếu.

Lộc Tồn là Thiên Lộc, lộc do thiên mệnh ban phát, mức độ thụ hưởng ít hay nhiều tùy thuộc vào sự sinh khắc của Can Chi tuổi, nếu làm không đúng sẽ có những hậu quả bù trừ. Lộc Tồn là một thứ Lộc cao quý nhất trong các Lộc được bao bọc kỹ lưỡng trong một cái bao Bác Sĩ, Lực Sĩ,..., Quan Phủ, có giây cột Kinh Đà, cá nhân tùy theo hoàn cảnh tự suy tính đời mình mà tháo dây mở gọi Lộc Tồn còn được bảo vệ bởi Lưu Hà, Kiếp Sát đối phó với những thành phần không phải là chính chủ nhân có đầy đủ văn kiện chứng minh hợp lệ.

Các tuổi được hưởng Lộc Tồn:

Giáp: Dần Ngọ Tuất

Ất: Hợi Mão Mùi

Canh: Thân Tí Thìn

Tân: Tỵ Dậu Sửu

Phải xét thêm Can Chi sinh khắc và các sao như Tuần Triệt tại cung tam hợp Lộc tồn để biết mức độ thụ hưởng ít hay nhiều. Như hai tuổi Canh Thìn và Tân Tỵ thì Lộc phùng Thiên Không, còn hai tuổi Canh Tí và Canh Thân thì cung Quan bị Tuần nên sự thụ hưởng Lộc Tồn bị kém sút.

Với các tuổi được hưởng trên, Mệnh phải thuộc vòng Thái Tuế (Tuế Phù Hổ) và được Quốc Ấn công chứng bảo đảm thì mới được hưởng cách trọn vẹn, còn tại những vị trí khác thì khi nào đáo Hạn mới được hưởng. Quốc Ấn luôn luôn tam hợp với Lộc Tồn, là một chứng chỉ được để công nhận mình bạch quyền thế được thụ hưởng. Do Quốc Ấn có Thái Tuế, không bị Tuế Phá và Thiên Hư (lúc nào cũng đồng cung) lũng đoạn nên được quyền sở hữu vĩnh viễn

Các tuổi hưởng Lộc Tồn trong nghịch cảnh:

Giáp: Thân Tí Thìn

Ất: Tỵ Dậu Sửu

Canh: Dần Ngọ Tuất

Tân: Hợi Mão Mùi

Các tuổi trên tuy vẫn có Lộc Tồn Quốc Ấn nằm trong thế tam hợp nhưng Quốc Ấn bị Phá Hư làm giảm giá trị không đảm bảo hưởng lâu dài. Được coi là hưởng trong nghịch cảnh vì Lộc Tồn ở vị trí Tang Tuế Điều, nhận không được đầy đủ hoặc ở trong đó có sự gì người đời phải đặt dấu hỏi (?).

Nói chung để hưởng Lộc Tồn thì cần thuận lý Âm Dương (Tuổi Dương Lộc Tồn cư cung Dương, tuổi Âm Lộc Tồn cư cung Âm). Khi được hưởng Lộc Tồn thì có tùy theo trường hợp, Mệnh ở trong tam hợp Tuế Phù Hổ hoặc Tang Tuế Điều có Lộc Tồn thì hưởng, nếu khi ở các vị trí khác thì khi gặp thì mới được hưởng.

Còn 6 tuổi Bính Đinh, Mậu Kỷ, Nhâm Quý thì Lộc Tồn bị nghịch lý Âm Dương (tuổi Dương, Lộc Tồn cư Âm cung; tuổi Âm, Lộc Tồn cư Dương cung) nên chỉ là phiếm hư không thuận cách thụ hưởng vì các tuổi này thì hoặc Mệnh (là định mệnh) hoặc Thái Tuế (là Thiên Thời đắc thắng), hoặc Lộc Tồn (là hạnh Phúc phú quý) thường xuyên bị Tuần Triệt, Thiên Không hay Không Kiếp phá hỏng (các sao này không ở Mệnh thì ở Thái Tuế, không ở Thái Tuế thì ở Lộc Tồn). Nếu hưởng thì cũng không được đầy đủ, lâu bền hoặc hưởng một cách bất chính (???). Ngoài ra luôn luôn có mặt Lưu Hà, Kiếp Sát và Thiên Không để canh giữ và thi hành luật bù trừ. Đối với các tuổi này, Lộc Tồn chỉ là mối phú quý như làng xa mã.

Vòng Thái Tuế

VÒNG THÁI TUẾ THEO CÁCH NHÌN CỦA CỤ THIÊN LƯƠNG

Trong Tử Vi có ba vòng quan trọng cần để ý là vòng Thái Tuế (an theo Chi năm sinh, Địa Chi), vòng Lộc Tồn (an theo Can năm sinh, Thiên Can) và vòng Tràng Sinh (an theo Cục, nghĩa là nạp âm của cung an Mệnh).

VÒNG THÁI TUẾ

Đây là vòng tư cách hạnh kiểm của từng cá nhân

Vòng Thái Tuế gồm 12 sao là Thái Tuế, Thiếu Dương, Tang Môn, Thiếu Âm, Quan Phù, Tử Phù, Tuế Phá, Long Đức, Bạch Hổ, Phúc Đức, Điều Khách, Trục Phù.

Vòng Thái Tuế được chia thành 4 nhóm tam hợp:

Thái Tuế - Quan Phù - Bạch Hổ

Thiếu Dương - Tử Phù - Phúc Đức

Tang Môn - Tuế Phá - Điều Khách

Thiếu Âm - Long Đức - Trục Phù

Cung Mệnh Thân nằm trong tam hợp Thái Tuế

Người có cung Mệnh hay Thân tại đúng cung tuổi hay trong tam hợp cung tuổi trên địa bàn Tử Vi là được hưởng Thái Tuế, một ngôi vị thịnh vượng chính đáng cho người thọ hưởng được thỏa mãn hài lòng với vị trí của chính mình.

Tuế Phù Hổ là người đáng trọng vì có tư cách nhân phẩm, không thể có đầu óc làm quấy, là người thành tâm thiện ý gánh vác trách nhiệm những công việc có tính cách lợi ích, chính nghĩa, không vì kỷ để rồi thành công đồng hưởng. Đây là người nghĩ đến phận sự của mình như có trách nhiệm phải làm, một khi làm thì phải làm sao cho xứng đáng với tư cách nhân phẩm, đâu cần phải có Khoa Quyền Lộc, nếu có chỉ là gấm thêu hoa. Đây là hạng người đáng trọng, là người tối thiểu

có tư cách, từ người làm mướn cho đến tột đỉnh cao sang tùy theo địa vị thứ lớp người đó đứng trong xã hội. Số nào Mệnh Thân đồng cung tam hợp Thái Tuế nếu có thêm Đẩu Quân thì dầu ở trong hoàn cảnh nào cũng không phải là thường nhân ti tiện, ít ra cũng đủ bản phận, có danh gì với núi sông.

Thái Tuế: rất tự hào, tự coi mình như có trách nhiệm làm việc chính đáng. Không thể là người bất nhân nếu có Thái Tuế thủ Mệnh. Mệnh Thái Tuế gặp Thiên Khốc đóng (tuổi Dậu) cũng đưa thân thể lên hàng danh dự, chính nghĩa vang dội.

Quan Phù: hành động chính đáng với sự suy tính kỹ càng, thận trọng trước khi hành động, là người sinh ra đã có một trách vụ gì đó với xã hội.

Bạch Hổ: cương quyết, đầy tham vọng, cố gắng, hăm hở làm việc chính đáng, khi làm việc chính nghĩa thì ham mê làm với bất cứ giá nào, dầu rằng có ý nghĩa vị tha nhưng cũng không ngoài thỏa mãn dục vọng. Người Bạch Hổ mang danh nghĩa khí nhưng còn để ý đến Quyền Lộc riêng tư. Nếu Bạch Hổ gặp Đường Phù thì không nên quá tự hào coi hưởng thụ Lộc Tồn như thù lao xứng đáng với công khó nhọc mà mình đã xây đắp cho xã hội, tuy là người được ghi danh hậu thế nhưng nội tâm vẫn chưa cho phép mãn nguyện.

Ba vị trí này luôn luôn được hưởng bộ Tứ Linh Long Phượng Hổ Cái đem lại sự vinh dự, may mắn, hưng vượng, thỏa mãn và đắc ý (bằng cách này hay cách khác) cho người được hưởng.

Tuy nhiên vì vòng Thái Tuế xuất phát từ địa chi (ngọn) nên chỉ là mong manh và là giai đoạn mà thôi, nên cần phải phối hợp thêm:

Thái Tuế + Tràng Sinh: tam hợp Sinh Vượng Mộ (Cục tuổi) tăng thêm sức mạnh cho tam hợp Thái Tuế; nên người được hưởng Thái Tuế mà có thêm tam hợp Tràng Sinh thì sẽ hơn hẳn những người không được Sinh Mộ Vượng tam hợp.

Thái Tuế + Quốc Ấn : được vòng Lộc Tồn (Thiên Can) tam hợp nên được hưởng Thái Tuế một cách chính đáng và bền bỉ; dành cho những tuổi được hưởng Lộc Tồn chính đáng.

Thái Tuế + Đường Phù: chỉ sự phiếm hư không bền vững, thường xuyên có mặt Kinh hoặc Đà và Song Hạo ở cảnh nghịch địa âm dương của Lộc Tồn; nên sự thụ hưởng Thái Tuế bị hạn chế, chỉ còn là những cơn mưa mát mát (danh dự) tạm bợ mà thôi, chứ không thể làm cho đất (Địa Chi) nảy mầm xanh lâu dài được.

Thái Tuế + Không Kiếp: sinh bất phùng thời, có tài nhưng không được trọng dụng; nếu là tam hợp Thiếu Âm thì hay bị người qua mặt, lợi dụng mà phải chịu thiệt.

Thái Tuế + Tả Hữu: nhân phẩm, có tư cách vạm vỡ.

Mệnh Thái Tuế, Thân Tuế Phá: cuộc đời không thiếu sót bốn phần, nhưng vẫn niên thấy như bị ép buộc, phần hành động (Thân) như bị bắt buộc không được làm theo như ý mình vì một lẽ gì đó, mà còn bị bạc đãi là đằng khác, đành cam chịu nhận sự bạc bẽo, không đổ trách nhiệm cho người khác, không thể tỏ lộ cùng ai. Vì là mệnh Thái Tuế nên không thể là người miệng nói nhân nghĩa mà làm việc ma giáo.

Mệnh Tuế Phá, Thân Thái Tuế: sinh thời gặp nhiều khó khăn và bất mãn, gặp bước lưu ly nhưng vẫn giữ được tắc dạ sắt son không thể sống ưả theo vô nghĩa, tự mình vạch lấy con đường lý tưởng để đi.

Thân Mệnh đồng cung có Thái Tuế: người nhân hậu ngay trong huyết quản, gặp Thiên Tài thì sẽ được Thiên Tài cất dọn tất cả những gì trở ngại cho Mệnh.

Cung Mệnh Thân nằm trong tam hợp Dương Tử Phúc

Dương Tử Phúc: là người thông minh nhạy cảm hơn đời, nhưng đừng tự hào ham mê tục lụy bởi vì đời chỉ là số không trống rỗng, nên trọng đức vì chữ đức bằng ba chữ tài. Người này đứng ở vị trí ngã ba đường, nếu biết đi thì gặp Tứ Đức, nếu làm quấy thì gặp Thiên Không. Khoa Quyền Lộc đối với hạng này thì như bùa mê thuốc lú, làm cho người say đắm bả vinh hoa, lầm lạc vì mùi phú quý, nếu vung tay quá trớn thì một khi hồi cải thì mọi việc đã rồi. Thiên Không có một vị trí nhất định nằm sau Thái Tuế, giữ trách nhiệm canh phòng không cho ai hưởng đặc y trên mức tối đa Thái Tuế, nếu không lấy Đức (Thiên Không luôn luôn có Tứ đức

tam hợp xung chiếu) làm khuôn vàng thước ngọc thì chỉ là một số Không to lớn. Thiên Không luôn luôn có Đào Hồng.

Khi gặp Đào Hoa ở Tí Ngọ Mão Dậu (tuổi Dần Thân Tỵ Hợi) thì là người vì lòng tự hào có phần cao nên Thiên Không hãm hạ người này vào vòng di lụy khi tham vọng quá mức (Đào Hoa Thiên Không), Đào Hoa lắm tham vọng sinh ra lắm mưu, nhiều mẹo quỷ quyệt thì rồi kết quả cũng là nước lũ ra sông.

Thiên Không gặp Hồng Loan tại Dần Thân Tỵ Hợi (tuổi Thìn Tuất Sửu Mùi) thì lại đầy ý nghĩa vị tha, là người biết hiểu thân phận chân yếu tay mềm, dễ khiến nhạy cảm yếm thế (Thiên Không Hồng Loan).

Thiên Không tại Thìn Tuất Sửu Mùi (tuổi Tí Ngọ Mão Dậu) thì có chân tướng cay nghiệt, vì tuổi Tứ Chính là người khẳng khái nhiều khi quá cứng rắn nên kết quả thường đem lại có phần ác liệt

Thiếu Dương: thông minh, nhạy cảm và sáng suốt, khôn ngoan.

Tử Phù: muốn hơn người, nhưng thường bị kẹt.

Phúc Đức: muốn được hơn người thì phải có đức độ.

Người mà có cung Mệnh hay Thân đóng tại vị trí tuổi được sinh nhập (tức tam hợp cung tuổi sinh nhập cho tam hợp cung Mệnh hay Thân) nên được tinh khôn hơn người, phải biết rằng chữ "Đức" (Thiên Nguyệt Đức) đáng trọng bằng ba chữ Tài ; bằng không thì Thiên Không sẽ ra tay để thi hành sứ mạng, rồi ra mọi sự cũng thành không. Thiên Không nay chính là giấc mộng hoàng lương cho những ai biết ngộ được chữ "không" của đời mình thì sẽ tránh được mọi phiền não do Thiên Không (vì ở vào hoàn cảnh nghịch lý âm dương nên luôn luôn có mặt gây ra.

Cung Mệnh Thân nằm trong tam hợp Tuế Phá

Tang Tuế Diệu: là người sống trong hoàn cảnh bất mãn, luân phiên bất đắc ý, nên thường có Thiên Mã, nhưng có được hưởng Thiên Mã hay không lại là khác. Vì thường thấy thất vọng triền miên nên hạng người Tang Tuế Phá dễ làm việc thất nhân tâm.

Thiên Mã đem lại nghị lực, khả năng giúp đời. Mã ở Dần gặp Mệnh Mộc, ở Ty gặp Mệnh Hỏa, ở Thân gặp Mệnh Kim, ở Hợi gặp Mệnh Thủy là gặp đúng chủ nhân. Thiên Mã đối với hạng người này có giúp đỡ cho đường số được tới mức độ nào hay không thì phải đem hành bản Mệnh so sánh với hành nơi Mã đóng. Khoa Quyền Lộc đối với hạng này thì như bùa mê thuốc lú, làm cho người say đắm bả vinh hoa, lằm lạp vì mùi phú quý, nếu vung tay quá trán thì một khi hồi cải thì mọi việc đã rồi.

Tang Môn: bất mãn, lòng thường băng khuâng, khóc lóc bi thương, nặng lo và tính toán. Nếu gặp được Khoa thêm Tả Hữu thì trở thành đáng kính vì tính nhân hậu, đặc biệt khả năng uyên bác, nếu được Thiên Mã đồng tình phò trợ thì cũng hữu công vô lao, may mắn thì được danh thơm hậu thế.

Tuế Phá: bất mãn, hận lòng, muốn đả phá quật ngược. Người Tuế Phá bị hoàn cảnh làm cho vụng suy thất ý, nếu không giữ được chính tâm và Khoa Quyền Lộc quyền rũ thì rất dễ làm những điều bạo nghịch để vinh thân rồi lưu xú vạn niên.

Điều Khách: bất mãn, thường hay lấy lời lẽ thuyết phục phân trần cho hoàn cảnh hiện tại, nhưng cũng không đem lại gì hơn.

Người có cung Mệnh hay Thân đóng tại vị trí tuy cùng phe phái âm dương nhưng xung khắc đối nghịch với tuổi (tức tam hợp cung tuổi khắc xuất hoặc khắc nhập tam hợp cung Mệnh hay Thân) nên thường trong tình trạng bất mãn và chống đối; được Thiên Mã là nghị lực, tài năng sẵn có sẵn có mặt để phụ giúp cho Mệnh số trong những hoàn cảnh trái ngang này (mức độ phụ giúp và thành bại còn tùy vào Thiên Mã này có phải là của mình hay không).

Tuế Phá + Không Kiếp + Tả Hữu : cũng như với tam hợp Thiên Không, là người có nhiều thủ đoạn hơn người, thị kỷ phi nhân, là người không thể đặt niềm tin vào, một khi họ chủ trương một công việc gì có thể coi là công việc vị tha thì thật ra cũng chỉ nghĩ đến bản thân mình là chính, còn thừa thải mới là lợi chung. Người này dù có được Chính thiện tinh thủ mệnh thì cũng chẳng qua chỉ là những sự đạo đức giả bên ngoài. Hạng người này bị hoàn cảnh làm cho vụng suy thất ý, nếu không giữ được chính tâm thì rất dễ làm những việc bạo nghịch để rồi phải bị mang tiếng ô danh.

Tuế Phá + Đẩu Quân: là một phường Từ Hải Hoàng Sào, nếu Mệnh Thân đồng cung thì nghênh ngang một cõi biên thù khó ai rung chuyển nổi, với bất cứ giá nào đạt được ý chí bất khuất nhưng thật ra thân tâm mang hận đến tuyền đài khôn nguôi.

Cung Mệnh Thân nằm trong tam hợp Thiếu Âm

Âm Long Trục: là người đáng mến do có thiện chí làm việc nhưng luôn luôn bị đời bạc đãi, dù có Khoa Quyền Lộc thì chỉ càng thêm đau đớn. Đây là hạng người đáng mến. Tuy bị đời bạc đãi nhưng tỉnh ngộ ra vẫn thấy tốt đẹp vì có Hồng Loan tô điểm hay được đền bù bằng Lộc Tồn nhỏ giọt

Thiếu Âm: dễ làm lẫn, tin người nên hay bị lợi dụng; làm cho người khác hưởng, quá tin tưởng người lại vụng tính.

Long Đức: an ủi vì thua thiệt mà tự kiềm chế, biết bon chen cũng không đi đến đâu.

Trực Phù: chịu nhiều thiệt thòi, công lao không được hưởng xứng đáng.

Người có cung Mệnh hay Thân đóng tại vị trí tuổi bị sinh xuất (tức tam hợp cung tuổi sinh xuất cho tam hợp cung Mệnh hay Thân) là nghịch lý âm dương nên bị thua thiệt, có nhiều thiện chí nhưng tiếc rằng phận hẩm duyên hiu, luôn luôn bị đời bạc đãi; thường được an ủi bằng Lộc Tồn (trong nghịch cảnh) tưởng cũng không tốt đẹp gì, vì thường có Lưu Hà và Kiếp Sát canh giữ; nếu biết thì nên chọn con đường chánh là Long Đức mà đi. Được Thiên Hỷ (tuổi Dương) và Hồng Loan (tuổi Âm) an ủi, dầu trong hoàn cảnh nào cũng nên giữ lấy sự vui vẻ, hoà nhã và kiên nhẫn rồi ra sẽ có ngày được bù đắp và dự phần sáng tỏ với người.

Chủ ý theo Thiên Lương, cần xét thêm:

Hoá Khoa: ảnh hưởng lên nhân cách, có tác dụng cải hoán tư cách. Người có Hoá Khoa là người tính tình nhân hậu, có khả năng, có danh giá, do khổ công luyện tập mà có nên tài năng này đáng quý trọng, huống chi còn tiềm tàng sâu rộng đức cứu khổ trợ nguy. Ví dụ Hoá Khoa gặp bộ Sát Phá Tham nói chung, hãm địa nói riêng, thì có tác dụng cải đổi tư cách, là trường hợp hung tính ngộ chế, khiến trở thành những hiền nhân treo cao phẩm giá. Hoá Khoa dù với Nhật Nguyệt Đồng

Lương thì nêu danh thành tích đặc hạng của một chuyên khoa, chỉ rõ một thượng thặng siêu ngành riêng biệt.

Tuần, Triệt: Người không có Tuế Phù Hổ thủ Mệnh Thân mà có Tuần Triệt án ngữ tại Mệnh Thân thì là người như những con thiêu thân, chẳng may bị đặt vào vị trí không cho phép hài lòng, gặp Tuần Triệt thì tự hồi chánh, trở nên những thành phần lương đồng, hữu ích cho xã hội, nặng tư cách phoir bày hạnh kiểm cá nhân lên hàng danh dự, không thua gì người có tam hợp Thái Tuế. Thêm vài ví dụ như Sát Phá Tham gặp Tuần Triệt thì cũng mất tính cách hung hãn, gặp Triệt thì không còn gì hung hãn, gặp Tuần thì giảm tốc lực của bộ máy tinh vi thực hành đắc dụng.

Thiên Tài: biến đổi tính cách chậm chạp, từ từ biến đổi.

Vòng Tràng Sinh

Toàn bộ các Hành đều sinh trưởng theo chu kỳ như sau:

Thai (Hành khí mới bắt đầu kết tinh, thời kỳ gây mầm mống)

Dưỡng (Hành khí đang tăng lên, như con được nuôi trong bụng mẹ)

Tràng Sinh (Hành khí được sinh ra, như trẻ con mới sinh, thời kỳ mạnh mẽ phát động của Hành)

Mộc Dục (Hành khí còn non yếu, như con còn ấu thơ, được tắm gội cho sạch sẽ, chân tay còn vô lực, không chống đỡ cầm giữ được gì cả, còn non yếu dễ chết, còn gọi là bại địa)

Quan đới (Hành khí đã lớn, như con đã lớn cho đội mũ)

Lâm Quan (Hành khí ở trong thời kỳ mạnh mẽ, tràng vượng, con phát triển được, như con trai đã trở thành thanh niên lớn khỏe đi làm quan, nên đương cần vị trí của Lâm Quan còn gọi là Lộc vị)

Đế Vượng (Hành khí vượng đến cực điểm, sắp sửa đi vào giai đoạn suy, gọi là vượng địa)

Suy (Hành khí bước vào giai đoạn bắt đầu suy yếu, là dư khí vì lúc đó khí thịnh của đế vượng vẫn còn sót lại)

Bệnh (Hành khí suy yếu lắm rồi, như già bị ốm đau)

Tử (chết, Hành khí tan)

Mộ (chôn vùi, tạo hoá thấu tàng, có dư khí, hồi quang phản chiếu)

Tuyệt (khí tuyệt, hoàn toàn hết không còn gì cả, còn gọi là tuyệt địa)

Trong chu kỳ trên, Hành khí có sức ảnh hưởng đến ngoài đáng kể là Tràng Sinh, Mộc Dục, Lâm Quan, Đế Vượng và Mộ)

Phân định ảnh hưởng: trong chu kỳ 12 trên thì chỉ có vị trí của Tràng Sinh, Mộc Dục, Lâm Quan, Đế Vượng và Mộ là có khí sức để có thể ảnh hưởng ra bên ngoài

Phân định Âm Dương:

Thai, Dưỡng, Tràng Sinh, Mộc Dục, Quan Đới, Lâm Quan thuộc về Dương, hướng thịnh, theo chiều thuận.

Đế Vượng, Suy, Bệnh, Tử, Mộ, Tuyệt thuộc Âm, hướng suy, theo chiều nghịch

Đặc điểm về cách an sao

Tràng Sinh luôn luôn được an tại Tứ Sinh là Dần Thân Tỵ Hợi căn cứ vào ngũ hành nạp âm của cục

Đào Hoa chỉ an tại Tí Ngọ Mão Dậu, Hoa Cái chỉ an tại Thìn Tuất Sửu Mùi, Thiên Mã tại Dần Thân Ty Hợi và Hoa Cái luôn luôn đứng trước Thiên Mã hai cung theo chiều thuận, ví dụ như Thiên Mã tại Ty thì cách một cung đến cung Mùi là Hoa Cái và Mệnh an giữa Thiên Mã và Hoa Cái gọi là cách tiền Cái hậu Mã. Nếu ta căn cứ vào ngũ hành của Tam Hợp cục tuổi để thuận an vòng Tràng Sinh của tam hợp tuổi (Thủy khởi Tràng Sinh tại Thân, Mộc khởi tại Hợi, Hỏa khởi tại Dần, Kim khởi tại Ty) thì Đào Hoa luôn luôn nằm tại vị trí Mộc Dục, Thiên Mã luôn luôn nằm tại vị trí Bệnh, Hoa Cái tại vị trí Mộ và Kiếp Sát tại vị trí Tuyệt của vòng Tràng Sinh này. Cần chú ý sự tương đồng dị biệt giữa Đào Hoa và Mộc Dục, Thiên Mã và Bệnh, Hoa Cái và Mộ, Kiếp Sát và Tuyệt

Đặc điểm về sự phối hợp

Tràng Sinh, Lâm Quan, Tuyệt, Bệnh dễ phối hợp với Thiên Mã, Cô Thần, Kiếp Sát vì các sao này luôn luôn an ở Tứ Sinh. Các sao còn lại thì ở vị trí còn lại

Hoa Cái luôn luôn an tại Tứ Mộ (Thìn Tuất Sửu Mùi). Người Âm Nam Dương Nữ thì Mộc Dục cư tại Tứ Mộ nên có khả năng gặp bộ Mộc Dục Hoa Cái đồng cung

Đào Hoa luôn luôn an tại Tứ Chính (Tí Ngọ Mão Dậu). Người Dương Nam, Âm Nữ thì Mộc Dục, Thai cư tại Tứ Chính nên có khả năng gặp bộ Mộc Dục Đào Hoa đồng cung hoặc Thai Đào đồng cung.

Phục Binh và Tướng Quân xung chiếu với nhau thành ra bộ Thai Phục Tướng thì Thai phải đồng cung với Phục Binh hoặc Tướng Quân

Ngũ hành

Tràng Sinh (Thủy), Mộc Dục (Thủy), Quan Đới (Kim), Lâm Quan (Kim), Đế Vượng (Kim), Suy (Thủy, Kim), Bệnh (Hỏa), Tử (Hỏa), Mộ (Thổ), Tuyệt (Thổ), Thai (Thổ), Dưỡng (Mộc)

Biểu tượng

Lâm Quan: cổ

Đế Vượng: lưng

Đế Vượng Kinh Đà hội hợp: lưng có tật

Thai: rốn hay âm hộ tử cung

Ý nghĩa

Vòng Tràng Sinh diễn tả sự thịnh suy của ngũ hành cục. Sự thịnh suy này được diễn tả thông qua sự hưng thịnh hay suy trầm của cá nhân cũng như của cha mẹ,

anh em, vợ con, gia tộc, bạn bè về mọi mặt (như phúc, lộc, thọ, hạnh phúc). Luận đoán các sao trong vòng Tràng Sinh thì cần chú ý đến vị trí của sao này tại cung nào và căn cứ vào sự thịnh suy của ngũ hành cục cùng ý nghĩa của nó với sự kết hợp các sao khác. Nhiều người sử dụng phân chia vòng Tràng Sinh thành các tam hợp như Sinh Vượng Mộ, Mộ Suy Tuyệt, Đối Bệnh Thai, Lâm Tử Dưỡng nhưng theo thiên ý chúng ta không nên xét các sao của vòng Tràng Sinh trong tam hợp thì hợp lý hơn, ví dụ khi gặp Tràng Sinh tọa thủ tại cung thì khi coi cung này ta chỉ căn cứ vào Tràng Sinh mà luận đoán chứ không xét đến sao của vòng nằm trong tam hợp của Tràng Sinh là Mộ, Vượng hay xung chiếu là Bệnh hay nhị hợp là Lâm Quan hoặc Tuyệt. Như vậy cách Mã gặp Tràng Sinh có nghĩa là Mã và Tràng Sinh đồng cung, chứ không thể coi là Mã và Tràng Sinh xung chiếu vì trường hợp này là cách Mã Bệnh

Vị trí tốt xấu của các sao thuộc vòng Tràng Sinh: nhìn chung từ Thai Dưỡng, Tràng Sinh, Mộ Dục, Quan Đối, Lâm Quan, Đế Vượng thì tốt hơn Suy, Bệnh, Tử, Mộ, Tuyệt. Cụ thể:

Thai, Dưỡng: hành khí có tác dụng khá tốt

Tràng Sinh, Lâm Quan, Đế Vượng: hành khí hưng thịnh, có tác dụng rất tốt, nhất là Tràng Sinh và Đế Vượng

Mộ Dục, Quan Đối: hành khí cần kết hợp với sao tốt thì mới tốt, gặp sao xấu dễ đưa đến phúc lộc không bền, mau tàn, mang đến tai họa, nhất là Mộ Dục. Nơi Mộ Dục thủ thường gọi là bại địa. Phú có câu Sinh phùng bại địa phát dã hư hoa nghĩa là tuy phát nhưng không bền vững

Suy, Bệnh, Tử, Mộ, Tuyệt: hành khí không có tác dụng tốt, xấu nhất là Tử, Tuyệt. Đỡ xấu nhất là Mộ vì là dư khí

Tại nơi có hành khí mạnh (như Sinh, Vượng) thì sẽ gia tăng sự tốt đẹp về mọi mặt, có khả năng giảm bớt sự xui xẻo, tai họa do các sao xấu gây ra, còn tại nơi có hành khí yếu (như Suy, Bệnh, Tử, Tuyệt) thì lại giảm bớt sự tốt đẹp do các sao tốt gây ra, tăng thêm sự xấu xa do các sao xấu gây ra, gặp sao xấu rất bất lợi
Sự tốt đẹp được thể hiện thông qua:

Thịnh vượng về tài lộc, công danh, tuổi thọ, sức khỏe, cuộc đời được an lạc hạnh phúc, con nhà gia thế

Anh em đông, hòa thuận, xum họp

Cha mẹ thọ, được cha mẹ yêu quý

Vợ chồng hòa thuận, có đức độ

Con cái đông, quý hiển, có danh chức, có hiếu

Họ hàng đông, được hưởng phúc của tổ tiên, tổ tiên giàu có

Sự xấu xa được thể hiện qua:

Cuộc đời thăng trầm, khổ cực, không hay gặp may mắn, làm ăn dễ thất bại, phá tán, sớm xa cách cha mẹ, sống xa quê hương, cô độc, tình duyên lận đận, gia đình bất hòa, sức khoẻ không tốt, hay bệnh hoạn

Anh em ít, ly tán

Cha mẹ chết sớm hoặc không gần cha mẹ, hoặc cha mẹ ly hương

Vợ chồng xung khắc, không hòa thuận, vợ chồng chết sớm hoặc sinh ly, bị ruồng bỏ hoặc vợ chồng làm ăn không khá, phá tán tài sản của bản thân hoặc hay ốm đau

Con cái ít, khó nuôi con nhất là con đầu lòng, khổ vì con, con hay đau ốm, con khó dạy, bất hiếu, con không giúp ích được cha mẹ

Họ hàng ít, ly tán, bạc phúc

Tùy theo cư tại cung nào mà ta luận đoán kết hợp với các sao, gặp tài tinh thì liên quan đến tiền bạc, quý tinh thì liên quan đến chức vị công danh, tại Phụ Mẫu thì liên quan đến cha mẹ...

Vài hướng dẫn về ảnh hưởng:

Sinh, Vượng thì chủ gia tăng số lượng nhân đinh, thủ tại Tử thì chủ đông con, tại Huynh Đệ thì đông anh em, tại Phu Thê thì có khả năng nhiều vợ, tại Nô Bộc thì nhiều bạn bè, người giúp việc trong khi Tử, Tuyệt thì chủ chiết giảm số lượng nhân đinh

Sinh, Vượng thì mạnh khoẻ, ít đau yếu, ít bệnh tật tai họa, sống lâu trong khi Tử Tuyệt thì hay đau yếu, gặp tai nạn khó thoát, không thọ

Sinh, Vượng thì chủ gia tăng phúc lộc, đi với tài tinh thì gia tăng tài lộc, đi với quý tinh thì gia tăng quý hiển trong khi Tử, Tuyệt thì chủ chiết giảm phúc lộc, đi với tài tinh hoặc quý tinh thì chiết giảm tài lộc, công danh

Sinh Vượng gặp hung sát tinh thì giảm bớt tác hại của hung sát tinh (ví dụ bị bệnh thay vì chết nhưng giảm xuống thành ra bệnh lâu khỏi, tai họa nặng thành nhẹ đi) trong khi Tử Tuyệt tăng phần tác hại do hung sát tinh gây ra

Lộc Tồn gặp Trường Sinh, Đế Vượng thì phúc lộc gia tăng, Lộc Tồn gặp Mộc Dục Suy, Bệnh, Tử, Tuyệt thì phúc lộc giảm

Khôi Việt gặp Tràng Sinh, Đế Vượng thì gia tăng phúc, rất ít bệnh tật, Gặp Lâm Quan thì giỏi văn chương, gặp Mộc Dục Suy, Bệnh, Tử, Tuyệt thì giảm tốt, giảm phúc

VÒNG TRÀNG SINH

Cung Mệnh

Mệnh viên thời đoán Dương cơ,
 Mạch hình địa thế cũng y luận đành.
 Luận thời có khắc có sinh,
 Phải xem cho kỹ ngũ hành mà suy.
 Làm nhà quý được Dương cơ,
 Trước lấy sinh mạch lại thời cho nên.
 Nhược phùng Sinh Vượng Lâm Quan,
 Chiếu lâm thấu nhập đến miền chính bên.
 Ấy là cát địa tự nhiên,
 Cửa nhà giàu có bình yên vững vàng.
 Hoặc là Thai Dưỡng một phương,
 Hẳn nhiều thầy tớ tựa nương nhà này.
 Ví dù Tử, Tuyệt vào đây,
 Trong nhà suy đốn, khí nay chẳng lành.
 Lại xem Tí Ngọ sinh nhân,
 Tí thời đắc Ngọ, Ngọ sinh Tí phòng.
 Bản cung lại gặp đa hung,
 Ngụ cư làng khác vô cùng chẳng yên.
 Nhà có Tả Hữu hậu tiên,
 Cứ phương mà đoán ắt liền chẳng sai.
 Hễ mà Bạch Hổ chiếu lai,
 Ấy là Kiếp sát hại tài phá gia.
 Lại còn nhân tính người ta,
 Cứ sao thủ Mệnh luận hòa mới nên (B100 - 101)

Suy, Bệnh những khổ trầm kha (B152)

Tràng Sinh, Quan (Lâm Quan), Vượng giàu sang,
 Tử, Tuyệt, Suy, Bệnh một đường khó khăn (B153)

Trường Sinh

Chủ bền vững, lâu dài (TTL), thịnh vượng, tăng tiến, phát đạt, trường cửu, phúc thọ, hạnh phúc, được trọng vọng
 Gia tăng phúc thọ, lợi ích cho việc sinh nở (TTL)

Tràng Sinh thủ Mệnh thì:

Nhân hậu, từ thiện, độ lượng (TTL)

Lộc Tồn giàu có về sau, Trường Sinh, Đế Vượng là người thiện lương

Khoe khoang là thối Lâm Quan, Tràng Sinh, Đế Vượng tính toan làm lành

Hợp cách hội với cát tinh thì gia đình tăng tiền tài lộc, con trưởng phát văn học, phú quý, tính trung lương, phúc thọ lâu dài (VVT)

Hội với Không vong, ác sát thì gia đình tổn hại, phải đề phòng tai biến, vợ cả là người vô hậu, phải có vợ lẽ mới có con được (AB258)

Trường Sinh Tọa tại Mệnh thì chủ có tài, sớm hiển đạt, vợ chồng có đức, được cha mẹ yêu quý, anh em thân mật, con cái tốt, ăn ở được mọi người quý mến, về già làm ăn phát đạt, an lạc, suốt đời hạnh phúc. Nữ Mệnh thì suốt đời hạnh phúc, con cái tốt, về già an lạc (TMT)

Tại Tử Tức thì con cái hiển đạt làm rạng rỡ cho tổ tông

Tại Phụ Mẫu thì cha mẹ anh em hòa thuận, xum họp

Tại Phúc thì tổ tiên giàu có, được hưởng phúc đức do cha ông để lại

Lộc Tồn gặp Trường Sinh, Đế Vượng thì phúc lộc gia tăng, Lộc Tồn gặp Mộc

Dục Suy, Bệnh, Tử, Tuyệt thì phúc lộc giảm

Khôi Việt gặp Tràng Sinh, Đế Vượng thì gia tăng phúc, rất ít bệnh tật, Gặp Lâm Quan thì giỏi văn chương, gặp Mộc Dục Suy, Bệnh, Tử, Tuyệt thì giảm tốt, giảm phúc

Hội với Tham Lang là hợp cách nhất, chủ ích thọ phúc lộc (VVT)

Tại Tật Ách gặp nhiều sao mờ ám xấu xa hội hợp thì (tuy giải trừ được phần nào sự xấu xa không đưa đến tai họa nặng như chết chóc thành ra mang ý nghĩa) có bệnh tật, đau yếu lâu khỏi (TTL)

Thiên Mã Tràng sinh đồng cung thì hưởng phúc lâu bền, nhưng nếu tại Hội thì vất vả, bôn ba. Theo Thái Thử Lang thì Mã Tràng Sinh tại Dần Thân Tý thì làm cho mọi sự dễ dàng, chóng thành tựu, đem lại may mắn đáng mừng, chủ công danh quyền thế, tại Hội thì vất vả và không lợi cho việc cầu công danh, chủ trắc trở: Mã ngọ Trường Sinh nhi hưởng phúc (19)

Thiên Mã thiên trình ngọ Tràng Sinh nhi hưởng phúc (B77)

Mã Tràng Sinh đồng cung tại Hội là người phải hay bôn ba lận đận:

Tràng Sinh tại Hội, Tuyệt xứ phùng sinh, nhi phùng Thiên Mã lộ đồ bôn tẩu (40)

Tràng Sinh Mã Hi hội hợp thì gặp may mắn về công danh. Chú ý câu này hơi khác câu trước ở chỗ có sao Hi, đây là vấn đề hiểu phú có khác nhau vì câu Mã Hi Tràng Sinh thì có người giải Hi là mừng gặp, có người lại giải Hi là sao Hi):

Một áng có Tràng Sinh Mã Hỉ, Đường mây xanh phỉ chí bông tang (B113)
Tràng Sinh, Mã, Hỉ đồng cung, Công danh đắc lộ, vẫy vùng một phương (HC 152)

Trường Sinh, Lục Sĩ nói ngoan,
Phủ phùng Thiên Mã luận bàn thấp cao

Tử Tức có Tràng Sinh, Đế Vượng thì nhiều con cái. Giáp Nhật Nguyệt có Thai thì có lần sinh đôi. Theo Quân Xuân Thịnh thì giáp Nhật Nguyệt thì có lần sinh đôi: Tràng Sinh Đế Vượng đa nhân (nhiều con cái), giáp Thai Nhật Nguyệt một lần sinh đôi (42)

Tràng Sinh, Đế Vượng đa nhân, Giáp Thai Nhật Nguyệt một lần sinh đôi (B42)
Tràng Sinh, Đế Vượng đa nhân, Giáp chiếu Nhật Nguyệt có lần sinh đôi (QXT)

Cung Tử Tức có Tràng Sinh hay Đế Vượng gặp Lộc Quyền chiếu thì sinh nhiều con (do Tràng Sinh hay Đế Vượng), có tài, làm nên, quý hiển (do Tràng Sinh hay Đế Vượng gặp Lộc, Quyền):

Tràng Sinh, Đế Vượng tại Tử cung, Lộc Quyền chiếu cung đa sinh quý tử (41)

TRÀNG SINH VỚI CHÍNH TINH

Mệnh Tử Phủ gặp Tràng Sinh hay Đế Vượng đồng cung thì là người quảng đại, không chấp nhất chuyện nhỏ nhen:

Tràng Sinh Đế Vượng tại Mệnh viên, kiêm phùng Tử Phủ quảng đại chi nhân (39)

Tử Vi Thất Sát tại cung Ty thì ví như vua mang kiếm báu tất nhiên có uy quyền và phú quý, gặp Hỏa Tinh, Tuyệt hội hợp thì người khát máu, tàn nhẫn, hay giết người, nhưng nếu gặp Bát Khoa Ấn Mã Tràng Sinh, Hồng Loan thì lập được chiến công thần kỳ, là Đại Tướng

Sát Tử (Tử Vi Thất Sát) Tôn cung (cung Ty) Đế huê bảo kiếm, Hỏa Tuyệt nhập xâm, đa sát chi nhân, hạnh ngộ Bát Khoa Mã Ấn Sinh Hồng di lập chiến công vi Đại Tướng (TTL)

Thái Vân Trình thì viết khác một chút, thay vì Hữu Bát thì là Bát Tọa:

Tử Sát Tôn cung (cung Ty), đế huê bảo kiếm (vua đeo kiếm báu), Hỏa Tuyệt nhập xâm đa sát chi nhân, hạnh hội Hồng Khoa, Ấn (Quốc Ấn), Mã, Bát (Bát Tọa), Sinh (Tràng Sinh), di lập chiến công vi Đại Tướng (66)

Tham Lang Trường Sinh đồng cung gặp cát tinh sống rất lâu. Theo TVT thì tuổi Dần Ngọ Tuất mạng Hỏa, Mệnh an tại Dần thuộc Mộc hoặc an tại Thân thuộc

Kim được cách trường thọ, nếu thêm Trường Sinh được phúc thọ:
Tham Lang gia cát (cát tinh) tọa Trường Sinh thọ khảo vĩnh như Bành Tổ (16, TTL) (16)

Cung Phúc có Thiên Lương Trường Sinh đồng cung thì trong họ hàng có nhiều người có biệt tài. Vì Tràng Sinh chỉ ở Tứ Sinh nên đây là trường hợp Đồng Lương Dân Thân hoặc Thiên Lương tại Tỵ Hợi:

Thiên Lương hội Trường Sinh ư Phúc địa (cung Phúc), thân thương hữu kỳ tài (21)

Cung Phúc tại Dậu gặp Thiên Tướng, Tướng Quân, Thiên Hình, Quyền, Hồ Khốc, Tràng Sinh, Mã thì theo võ nghiệp làm đến quyền chức cao trọng, làm đến Hầu, Bá nhưng sợ gặp Hóa Kỵ, Linh Tính, Khúc, Việt thì chết trận
Phúc cư Đoài (cung Dậu), Lương Tướng (Thiên Tướng, Tướng Quân) Hình (Thiên Hình) Quyền, Hồ Khốc, Sinh (Tràng Sinh) Mã giao lai võ cách phát liên Hầu Bá ưu kiến (sợ gặp) Kỵ (Hóa Kỵ) Linh (Linh Tính) Khúc, Việt tất hữu tử thương trận địa (thì chết trận) (14)

Thiên Tướng tại Mão gặp Sinh Vượng Đào Hồng Tả Hữu Quyền Xương hội hợp thì mặt xinh đẹp mà võ nghệ rất giỏi, hạn gặp Phá Đà Kinh thì như Lã Bố vi đâm ô mà chết:

Tướng lâm Chấn địa (cung Mão) Sinh Vượng Đào Hồng Tả Hữu Quyền Xương diện hoa vũ bá (mặt xinh đẹp mà võ nghệ rất giỏi) vận phùng (hạn gặp) Phá Đà Kinh Kiếp Lã Bố do đâm mãn kiếp (Lã Bố vi đâm ô mà chết) (12)

Mộc Dục

Hành Thủy

Chủ sự tắm gội, ưa làm dáng, đi xa (VTT, TTL), hay thay đổi, canh cải, chán nản, bỏ dở công việc, dâm dật, u mê, nhầm lẫn (TTL), lao khổ, mê hoặc, vì sắc đẹp mà gặp tai nạn, tình duyên trắc trở, đứt gánh nửa đường, không cả quyết, không quyết định việc gì, thay đổi chỗ ở

Cần chú ý rằng Đào Hoa là vị trí của Mộc Dục an theo vòng Trường Sinh của tam hợp cục tuổi. Mộc Dục và Đào Hoa đều có ý nghĩa xinh đẹp, đa dâm nhưng có điểm khác biệt là Mộc Dục còn cư tại Tứ Mộ Thìn Tuất Sửu Mùi. Mộc Dục mang tính chất dâm thành ra hội cùng các dâm tinh khác (như Đào, Hồng, Xương, Khúc, Riêu, Tham Lang, Liêm hãm) hay Hoa Cái thì ý nghĩa càng mạnh. Vì hành khí chưa mạnh thành ra cả Mộc Dục và Đào Hoa khi gặp hung sát tinh, nhất là Không Kiếp thì không có lợi, chủ sự không bền vững, mau tàn. Theo VVT thì

Mộc Dục gặp Đào Hoa thì con gái trong nhà dâm loạn, trong gia đình phòng thủy tai, tự tử, bệnh đau mắt, đờn tật. Theo Thái Thử Lang thì gặp Đào, Hồng, Riêu, Cái thì chủ bệnh tật tai họa do sắc dục gây ra

Miếu địa tại Tí Ngọ (VVT)

Hợp cách khi ở Mệnh, Thân, Điền, Tài (VVT)

Đồng cung với Văn Khúc là hợp cách, chủ chức quyền, tài lộc hanh thông (VVT)

Mệnh Vô Chính Diệu gặp Mộc Dục tọa thủ hoặc xung chiếu thì hay bỏ dở công việc, học hành gián đoạn, dù có học nhiều cũng không thành tài (TTL)

Mộc Dục thủ Mệnh thì hay trung diện, làm dáng:

Mộc tinh (Mộc Dục) làm dáng ai bì, Hay khoe mình cũng bởi vì Lâm Quan

Mộ ám tế, Thai đa (nhiều) mê hoặc, Mộc Dục hay trang sức văn hoa (hay chung diện)

Tại Mệnh thì không gần cha mẹ lúc nhỏ, lao khổ, không được hưởng của cha mẹ tổ tiên để lại, mẹ chết sớm, khó lập gia đình, phải tha hương lập nghiệp. Làm ăn dễ thất bại, hay gặp sự không may, suốt đời dễ bất mãn, dễ sống cô độc, khắc vợ con, đàn bà thì phá hại tiền của, hại chồng con, con đầu lòng khó nuôi. Tại Thân thì làm ăn lao đao, về già suy bại, nghèo khổ hoặc vợ chồng sinh ly tử biệt. Gặp sát tinh thì xa xỉ, hiếu sắc, không sáng suốt, hay thiên vị, dễ xa cách cha mẹ anh em

Tại Tử thì con cái ít, khổ vì con, nếu không con đầu lòng khó nuôi hoặc mất sớm

Tại Phụ Mẫu thì cha mẹ bỏ cố hương, sống tha phương cầu thực

Kinh gặp Mộc Dục thì mắc bệnh hiểm nghèo khó chữa

Đào Hoa gặp Mộc Dục thì nhan sắc mỹ lệ nhưng hiếu sắc

Tại Phu Thê rất kỵ Không Vong (VVT)

Tại Phúc Đức hay Tử Tức gặp Hỉ Thần thì ví như cái chậu tắm cho quý tử, sinh con thông minh, thần đồng (VVT)

NMB giải thích Mệnh có Mộc Dục thủ thì có khiếu về nghề thợ rèn, TVT giải Mệnh có Mộc Dục thủ thì thích làm dáng chung diện. Theo TTL thì Mệnh có Mộc Dục tọa thủ, nếu không gặp nhiều sao sáng sửa tốt đẹp hội hợp thì tất chuyên về công nghệ, hoặc làm thợ rèn:

Mộc Dục liệt thủ chỉ hiệu dã dong (8, B58)

Mộc Dục độc thủ chỉ hảo dã dong (11)

Mệnh Mộc Dục thì tính tình lẳng lơ, không đoan chính, gặp thêm Hoa Cái đồng cung hoặc Thiên Riêu, Hoa Cái thì rất dâm dật, hoang dâm:

Đồng (Thiên Đồng) nhập Mệnh tính hay thay đổi,

Mộc (Mộc Dục) cư viên quen thói trai lơ (lẳng lơ) (B113)

Mộc Dục Hoa Cái thủ Mệnh hoang dâm (9)

Cái ngộ Mộc (Mộc Dục) gái nào đoan chính, Mã ngộ Không là tính phiêu bồng

Tấu Thư Hoa Cái thanh kỳ, Mộc (Mộc Dục) Riêu Hoa Cái ắt thì dâm bôn

Thiên Tướng gặp Văn Khúc, Mộc Dục hội cùng Hoa Cái hoặc Đào Hoa thì xinh đẹp nhưng đa tình, dâm. Chú ý Hoa Cái và Đào Hoa thì không bao giờ hội hợp:

Tướng ngộ Cái (Hoa Cái) Đào (Đào Hoa) Khúc (Văn Khúc) Mộc (Mộc Dục) thuần tước dâm phong (11, TTL)

Tướng và Khúc hội Đào, Mộc, Cái, Sắc khuynh thành nhưng rất dâm bôn (AB326)

Thiên Tướng gặp Khúc Cái Mộc Đào, Vốn là phúc trọng, tính âu đa tình (HC 76)

Mệnh Thanh Long tọa thủ gặp Mộc Dục thì được tiếng tốt

Thanh Long vạn phái thừa Mộc Dục dĩ thanh quang (1, B77)

Bộ Mã Lộc rất tốt đẹp nhưng nếu bị Tuần Triệt hay gặp Tuyệt đồng cung hoặc Mộc Dục tam chiếu thì lại không còn tốt đẹp, nếu giàu có thì chết sớm nhưng nếu nghèo hèn thì lại sống lâu. Sự không tốt đẹp chủ yếu do Mã gặp Tuyệt hoặc Mộc Dục gây ra :

Mã, Lộc hãm Không Vong Tuyệt Bại,

Sợ Kiếp Không hợp Thái Tuế xung

Giàu tôn thọ, khó duyên sinh,

Phù Thân giúp Mệnh hạn hành khác nhau (B158)

Lộc Mã ngộ Bại, Tuyệt hương (ở Bại Địa, Tuyệt Địa)

Tuế ngộ Không Kiếp là phương không lành (B171)

Cung Tật Ách có Mộc Dục tọa thủ thì không nên gần giếng ao sông bị chết đuối.

Có người cho rằng đây là trường hợp Mộc Dục gặp Long Trì:

Làng có giếng không chẳng uống, sao Mộc tinh chiếu xuống tật cung (10)

Làng có giếng bỏ không chẳng uống, Sao Mộc tinh chiếu xuống (đóng ở) Tật cung (B15, VT)

Gần miền có giếng bỏ không, Mộc Trì (Long Trì) hãm chiếu Tật cung phương Đoài (B105)

Hạn gặp Hỏa Linh, Long Trì, Mộc Dục hội hợp thì đề phòng đề phòng tai nạn về lửa và nước sôi. Thiết tưởng Mộc Dục thủ gặp Long Trì, Hỏa hay Linh, thì mới có ý nghĩa này:

Hỏa Linh Long Mộc (Mộc Dục) một nhà, Lánh mình lửa cháy cùng là nước sôi
Hỏa Linh Long Mộc (Mộc Dục) sáng soi, Lánh mình lửa cháy nước sôi chớ gần
Hỏa, Trì (Long Trì) Mộc Dục thấy liên, Nước sôi lửa cháy phải khuyên giữ mình
(B111)

Hỏa Linh Trì Mộc sáng soi, lánh mình lửa cháy, nước sôi chớ gần (8)

Tuổi già hạn có Riêu Tướng Mộc Dục Kinh Khoa Sát thì gái trai dâm đảng như
Võ Hậu. TVT cho rằng Sát là sát tinh và Tướng là Tướng Quân hay Thiên Tướng
Riêu Tướng Mộc (Mộc Dục) Kinh Khoa Sát lão hạn dị tác dâm loạn Võ Hậu (12)

Quan Đới

Hành Kim

Quan Đới Hồng Loan biểu tượng là giấy thùng thất cổ

Chủ chức vị, quyền thế, ham thích công danh (TTL), quyền binh, mũ mào, cân đai, ý bố (VVT), thịnh vượng, phát triển, thành công, có danh vọng, có uy nghiêm, được tôn kính, có đức độ từ bi (TMT)

Gặp Văn Xương là đặc cách nhất (VVT)

Gặp Tử Phủ, Phá Quân, Thất Sát, Thanh Long thì hợp cách, là người văn chương
thi phú từ lúc còn nhỏ tuổi (VVT)

Thủ Mệnh thì văn chương, công danh hiển đạt, lúc nào cũng cẩn thận về y phục
(VVT)

Gặp nhiều sao mờ ám xấu xa thì gây rắc rối, phiền nhiễu, ngăn trở mọi công việc.

Gặp nhiều sát tinh, bại tinh thì ví như sợi giây thất cổ, chủ sự trói buộc, tự tử
(TTL)

Kỵ gặp Hỏa, Linh chủ dâm đảng, tử sắc tới lúc về già cũng còn vương vấn,
nhiều duyên nợ đoạn trường, ưa thích bài bạc và hay mắc chứng đam nhiệt
(AB259)

Lúc nhỏ không được như ý, vất vả nhưng từ trung vận trên 40 tuổi thì gặp vận
may, càng về già càng hưởng phúc

Gặp Nguyệt Đức hay Thiên Đức thì có từ tâm, có tài năng, đối xử anh em rất tốt,
trong xã hội được nhiều người tôn kính

Gặp sát tinh không sao tốt cứu giải thì hay làm việc bất chính, đầu cơ tích trữ,
khinh đời rồi bị phá gia bại sản, mang tiếng xấu cho cả gia đình

Nữ Mệnh thì dung mạo đoan chính, lấy được chồng tốt nhưng nếu gặp sao xấu thì vợ chồng sớm xa cách
 Tại Tử thì con cái làm ăn càng ngày càng phát đạt thịnh vượng

NMB giải rằng Mệnh có Thanh Long gặp Quan Đới thì là người hiền ngang ở ngoài đời cũng như trong triều đình
 Long (Thanh Long) cốt liên Quan (Quan Đới), hiền ngang lẳng miếu (3, B78)

Lâm Quan

Hành Kim

Tượng thân thể là cái cổ, thủ Mệnh thì là người có cổ cao và to (VVT)
 Chủ sớm làm quan, được ra vào nơi quyền quý, là tham mưu phụ tá cho các người có quyền chức cao (VVT), thịnh phát, danh vọng, tài lộc phong lưu, vinh hoa, sống lâu, lương thiện, cung kính, khiêm nhường, cao thượng

Gặp nhiều sao sáng sửa tốt đẹp thì chủ phát đạt, vui vẻ (TTL)
 Gặp nhiều sao mờ ám xấu xa thì chủ sự phiền nhiễu, ngăn trở mọi công việc (TTL)

Hội với Lộc là hợp cách (VVT)

Hội với Vũ Khúc là tốt nhất, đệ nhất cách của Lâm quan vì cùng hành Kim, sẽ gặp được nhiều cơ hội may mắn tốt đẹp (VVT)

Tôi kỵ đồng cung với Hỏa Linh là hãm phá, thường bị chảy máu cam, xuất huyết, đứt mạch máu hoặc đàm nhiệt. Lạc Hỏa Linh thì vợ chồng xung khắc, vợ không được chồng yêu mến, sống hẩm hiu, đây là cách của vợ thứ (VVT)

Đồng cung với Địa Kiếp là bị bệnh tại cổ họng hoặc có thịt dư tại cổ họng (VVT)

Hạn mà có Lâm Quan gặp Không Kiếp Hỏa Linh thì phải đề phòng các chứng bệnh kể trên, gia đình tổn hại tài lộc và vợ thứ sẽ mắc nhiều tai họa (VVT)

Thủ Mệnh thì

Khoe khoang, thích làm dáng, điệu bộ, nói năng kiêu cách (TTL)

Có đức độ, thân ái với tất cả mọi người

Có tài văn học nhưng khi phát đạt vợ thường chết sớm

Sự nghiệp hưng vượng, gần về già thì hiển đạt

Thay con trưởng thừa hưởng tổ nghiệp, hoặc làm con nuôi người khác để hưởng di sản của họ

Gia tăng tính tử sắc

Nữ Mệnh nếu là vợ chính thì thường phá vận tốt của chồng, nếu làm lẽ thì sau sẽ đoạt làm chính

Tại Tử thì con cái hiển đạt

Lâm Quan thủ Mệnh thì tính hay khoe khoang:

Mộc tinh (Mộc Dục) làm dáng ai bì, Hay khoe mình cũng bởi vì Lâm Quan
Khoe khoang là thói Lâm Quan, Tràng Sinh, Đế Vượng tính toan làm lãnh

Đế Vượng

Hành Kim

Tượng thân thể là cái lưng (VVT)

Thủ Mệnh là người có lưng dài và cường tráng, gặp Hình thì lưng gù, gặp Kiếp
thì lưng bị mắc mụn nhọt (VVT)

Chủ sự sinh sản nhiều và mau chóng, thịnh đạt (TTL), thịnh vượng, danh vọng,
uy quyền, mưu trí, tài học, độc lập

Gia tăng phúc thọ, giải trừ bệnh tật, tai họa, lợi ích cho cầu công danh, quyền thế,
tài lộc

Hợp với sao Vũ Khúc nhất. Đồng cung với Vũ Khúc thì nhà cửa, ruộng vườn cao
sang, danh vọng hiển quý (VVT)

Hội với Tử Phủ, Vũ Khúc, Tả Hữu thì là người có mưu trí, có tài lãnh đạo. tổ
chức

Gặp Không Kiếp thì ruộng vườn tiêu tan, tổ nghiệp không giữ được, vợ thứ hoặc
con út sẽ bị hạn họa (VVT)

Hạn gặp Vượng hội cát tinh thì mua nhà của đất đai, có thêm vợ, bé, sinh con đẻ
cái, gặp nhiều may mắn nhưng nếu gặp Không Kiếp Hỏa Linh thì là triệu chứng
vợ bé và con út gặp hạn họa, tài lộc bị hao tán (VVT)

Uy nghi, đường bệ, vui vẻ, nhân hậu, từ thiện (TTL)

Nghiêm trang, không chịu khuất phục, cương cường, bất khuất

Có tính độc lập

Nhiều tự ái

Có mưu trí, nhất là khi gặp Kinh Dương

Là con nhà gia thế lương thiện, có danh vọng

Đào Hoa gặp Đế Vượng thì dung nhan đẹp đẽ, ham tử sắc, chơi bời, không lo
làm ăn

Mệnh Thân có Vượng thủ gặp Tử Vi đồng cung thì có tài lãnh đạo (TTL)

Tại Tử Tức con cái có danh vọng

Tại Phu Thê thì vợ chồng hòa thuận, gia đạo êm ấm, con cái đầy đàn, vui vẻ, hiếu
thuận, bà vợ nào cũng đảm đang (VVT)

Khôi Vượng đồng cung thì có nhiều nốt ruồi:
 Khôi ngộ Kỵ trên đầu có tật,
 Vượng (Đế Vượng) ngộ Khôi thật lắm nốt ruồi (B46)

Cung Huynh Đệ có Đế Vượng gặp Thai và Tướng Quân hội hợp thì có anh em cùng cha khác mẹ hoặc cùng mẹ khác cha. Chú ý Đế Vượng và Thai luôn xung chiếu với nhau:

Đế Vượng ngộ Thai soi cùng Tướng, có dị bào trong áng đệ huynh (25)
 Đế Vượng ngộ Thai soi cùng Tướng (Tướng Quân), Có dị bào trong áng Đệ Huynh (hai đăm anh em) (B42)

Mệnh có Tử Tướng tại Thìn Tuất, Thân có Phá Quân gặp Đế Vượng Kinh Dương thì có nhiều mưu mẹo (do Đế Vượng Kinh Dương), gian hùng và xảo quyệt (do Phá Quân)

Tử Vi Thiên Tướng, Thân phùng Phá (cung Thân, đối lại là cung Mệnh, có Phá Quân), kiêm ngộ Vượng (Đế Vượng) Kinh đa mưu yếm trá (52, TTL)

Tham Lang tại Hợi và Tí gặp Quyền Vượng thì chuyển xấu thành tốt, trở nên thật thà trung hậu giữ lời hứa thay vì là người dối trá, tuổi Giáp Kỷ giàu có và có danh vọng trọn vẹn. Chú ý tuổi Giáp Liêm Tham tại Tỵ có Khoa Quyền Lộc Song Hào Khôi Thiên Phúc Lưu Hà Đà hãm, tại Hợi thì có Khoa Quyền Lộc Song Hào Thiên Quan Thiên Việt Đường Phù, Kinh cư Mão. Tuổi Kỷ Liêm Tham tại Tỵ có Quyền Hóa Lộc Đà đắc, Thiên Quan Hao LNVN và tại Hợi có Quyền Hóa Lộc Đường Phù Hao, Kinh Đà đắc:

Tham Lang Hợi Tí, hạnh phùng Quyền Vượng, biến hư thành thực, ư Giáp Kỷ tuế phú danh viên mãn (25, TTL)

Thiên Tướng tại Mão gặp Sinh Vượng Đào Hồng Tả Hữu Quyền Xương hội hợp thì mặt xinh đẹp mà võ nghệ rất giỏi, hạn gặp Phá Đà Kinh thì như Lã Bố vì dâm ô mà chết:

Tướng lâm Chân địa (cung Mão) Sinh Vượng Đào Hồng Tả Hữu Quyền Xương diện hoa vũ bá (mặt xinh đẹp mà võ nghệ rất giỏi) vận phùng (hạn gặp) Phá Đà Kinh Kiếp Lã Bố do dâm mẫn kiếp (Lã Bố vì dâm ô mà chết) (12)

Suy

Hành Thủy (TTL), Kim (VVT)

Chủ sa sút, suy bại, không thịnh đạt (TTL, VVT), yếu đuối, hèn kém (TTL), ôn

thuận, đạm bạc, yếu đuối, tinh thần suy nhược, bất định, phá tán tài sản, tai ách, lỡ duyên (TMT)

Suy là sắc tía, tượng huy hiệu và bộ tử của các bộ triều phục (quần áo mặc khi vào triều) (VVT)

Chủ về mỹ thuật, nhất là ngành ca vũ, hội với Lộc Tồn là những vũ công danh tài, hội thêm Song Lộc là cách phú túc, tài lộc cự vạn (VVT)

Suy tại Thìn Tuất hội với Cự Môn là đặc cách nhất (VVT)

Đồng cung với Tử Phủ ví như quần áo có thêu hoa cho đẹp dễ hơn, thiếu niên có tài về văn chương và phú túc (VVT)

Suy hội với Cơ, Lương hãm địa gặp Hỏa Linh, Không Kiếp thì làm nghề trộm cắp, móc túi rất lợi hại, nếu hạn mà gặp thì phải đề phòng bị trộm cắp (VVT)

Sinh tại gia đình suy bại, xa cách họ hàng, về già làm ăn càng suy kém

Sớm xa cha mẹ, vợ chồng xung khắc, ly hương, lao khổ

Nữ Mệnh thì bề ngoài hiền lành nhưng trong bụng khinh người, không tử tế với cha mẹ chồng

Tại Tử thì khổ vì con, con cái bất hiếu

Tại Phu Thê gặp sao xấu thì vợ chồng dễ ly biệt

Cung Phúc tại Tí, Hợi có Tử Vi tọa thủ gặp Kiếp Kinh Suy Triệt thì là người gian ác, con du đảng, cả đời khó tránh tai họa:

Phúc tại Thủy cung Đế (Tử Vi) cư, Kiếp Kinh Suy Triệt giá lâm, ác nhân, đảng tử, mãi kiếp nan toàn (82)

Bệnh

Hành Hỏa

Chủ bệnh tật, đau yếu, suy nhược, buồn rầu, khờ khạo, hay nhầm lẫn (TTL), hư nhược, tật bệnh, lao khổ, xa lánh họ hàng

Bệnh, Tử cư Mệnh hãm thì người hình dáng hơi ốm, da xám, mắt có quầng đen (VVT)

Bệnh và Tử rất hợp với sao Liêm Trinh, gặp Liêm Trinh miếu thì thường thiên về võ nghiệp và có quyền binh (VVT)

Bệnh và Tử gặp Vũ Khúc, Thiên Tướng hãm địa thì phái nam hay mắc tai nạn binh đao, bị hình thương tàn tật, phái nữ bị xảy thai, sinh thiếu thốn (VVT)

Bệnh và Tử gặp Hình thì thường bị lao, kinh phong, phong cùi (VVT)

Hạn có Bệnh Tử gặp Song Hao, Bệnh Phù, Tang Hổ thì khó thoát bệnh tật hình

thương (VVT)

Tật Ách có Bệnh hay Tử gặp Song Hao, Tang Hổ, Khốc Hư, Bệnh Phù không có Tuần Triệt án ngữ thì sẽ mắc bệnh nan y (VVT)

Lúc nhỏ hay mắc bệnh hiểm nghèo, sớm xa cách cha mẹ, tình đầu trắc trở, về già thì làm ăn thất bại, lo buồn, gia đình bất hòa, hay đau ốm

Nữ Mệnh tính tình ôn thuận, nhưng nửa đời người vợ chồng ly biệt, bị chồng ruồng bỏ hoặc chồng làm ăn thất bại

Tại Tử thì con ít, con hay đau ốm

Kinh gặp Tử đồng cung hay Tuyệt tam chiếu thì tính tình nóng nảy, hung bạo

Đào Hoa gặp Tử đồng cung hoặc Tuyệt tam chiếu thì quỷ quyết, xảo ngôn, hoang dâm, du đãng, vong ơn bội nghĩa

Tử

Hành Thủy (TTL), Hỏa (VVT)

Chủ sự chết chóc, tang thương, sầu thảm, chiết giảm phúc thọ (TTL), lao khổ, không cả quyết, bệnh hoạn, không có khí phách, vợ chồng phân ly (TMT)

Thâm trầm kín đáo (TTL)

Hay suy nghĩ sâu xa, đa sầu đa cảm (TTL)

Lúc nhỏ mắc bệnh hiểm nghèo, xa cách cha mẹ. Khó có con, vợ chồng ốm đau hoặc chia ly

Làm việc không bao giờ vừa ý, bỏ dở nửa chừng

Suốt đời lao khổ

Nữ Mệnh vợ chồng sớm ly biệt, hai ba đời chồng, gặp sát tinh hay gặp tai họa, con cái hư hỏng (TMT)

Tại Tử Tức con cái ít, không giúp ích được cha mẹ, nên có con nuôi

Tại Huynh đệ thì xa cách anh em hoặc ít anh em

Điền hay Tài gặp Tử thủ thì là người biết giữ của, có tiền bạc kim ngân chôn dấu (TTL)

Kinh gặp Tử đồng cung hay Tuyệt tam chiếu thì tính tình nóng nảy, hung bạo (TMT)

Đào Hoa gặp Tử đồng cung hoặc Tuyệt tam chiếu thì quỷ quyết, xảo ngôn, hoang dâm, du đãng, vong ơn bội nghĩa

Cung Phúc Đức có Tướng hay Binh (Tướng Quân và Phúc Binh xung chiếu với nhau) gặp Tử hay Tuyệt đồng cung thì trong họ có người chết trận, chết về binh

đao, theo Nguyễn Mạnh Bào thì người trong họ hàng phải lo chinh chiến:
 Họ hàng có kẻ binh đao, Tướng Binh Tử Tuyệt đóng vào Phúc cung (11)
 Họ hàng có kẻ binh đao, Tướng (Tướng Quân) Binh Tử Tuyệt đóng vào phúc
 cung
 Họ hàng có kẻ binh đao, Tướng Tuyệt Tử Phục lâm vào phúc cung (QXT)
 Người tộc thuộc phải lo chinh chiến, Tướng, Phục Binh, Tử, Tuyệt Phúc cung
 (B108)

Mệnh Tử Phủ Vũ Tướng, hạn gặp Thiên La Cự Môn Thiên Đồng có Tử thủ hay
 Tuyệt chiếu lại có sát tinh thì như Quan Hầu, tức Quan Vân Trường, chết thảm
 nơi trận mạc. Chú ý Tử Vi Tí Ngọ mới có Cự Đồng hãm đồng cung tại Sửu Mùi,
 và Tử Phủ Dần mới có Cự Đồng hãm tam chiếu với nhau tại Tỵ Dậu, Tuyệt chỉ an
 tại Dần Thân Tỵ Hợi và không bao giờ Tử và Tuyệt tam hợp xung chiếu:
 Mệnh đắc Tử Phủ Vũ Tướng hạn đáo Thiên La Tử Tuyệt Cự (Cự Môn) Đồng
 (Thiên Đồng) Sát diệu (Sát tinh) lai xâm, ngộ địa sa trường, Quan Hầu táng Mệnh
 (74)

Cung Phúc có Đồng Âm tại Tí Ngọ gặp Kiếp, Tử, Triệt, Tuần thì là người có học
 nhưng không có lương tâm, bất chính, không nghèo hèn thì chết non:
 Phúc tại Tí Ngọ Đồng Âm Kiếp Tử (sao Tử) đần hiềm Triệt Tuần, hữu học vô
 lương, tiện cách (21)

MỘ

Hành Thổ

Chủ sự lầm lẫn, chôn cất, ngu si, đần độn, u mê (VVT), suy bại, bần hàn, lo buồn,
 lao khổ, xa gia đình, duyên phận bạc bẽo

Gặp Phá Quân tại Thìn Tuất Sửu Mùi là hợp cách. Phá Quân đồng cung với Mộ
 thì được Mộ khắc chế được tính hung ác, ưa giết chóc, sát phạt mà hoàn lương lại
 cho Phá Quân (VVT)

Đồng cung với Xương Khúc tại Thìn Tuất Sửu Mùi thì là người có cơ mưu, học
 nhiều, đa tài, phú quý (VVT)

Gặp Hỏa Linh, Không Kiếp tam hợp, xung phá thì nghèo túng, nợ nần, con trai
 thứ ba, con gái thứ hai sẽ cô đơn, khổ cực, vợ thứ ba khó tránh được hạn họa
 (VVT)

Sớm xa gia đình, thay đổi chỗ ở

Lúc nhỏ hay ốm đau gây yếu, bất hòa với cha mẹ, anh em, nghèo hèn. Gần về già thì làm ăn khá hơn nhưng hay lo buồn. Lập gia đình hai lần. Nữ Mệnh thì vợ chồng bất hòa, dễ ly dị

Tại Tử thì con cái ít, khổ vì con

Tại Phúc ở Tứ Mộ thì rất rục rờ, tốt đẹp, trong họ có âm phần đã kết phát, ba bốn đời giàu sang vinh hiển (TTL)

Gặp Tài tinh thì là người keo bần, coi trọng tiền của, không dám chi tiêu ăn xài, bo bo giữ của vì Mộ là chôn cất, giấu đi

Vì Mộ là chôn vùi nên có đặc điểm là khi tọa thủ tại cung Phúc Đức thì lại hợp cách, chủ về mồ mả kết phát

Mệnh có Thai hay Mộ thì tuy có học nhưng không đỗ đạt:

Thai tinh, Mộ diệu đa học thiếu thành (2)

Mệnh có Mộ thì đầu óc không sáng suốt, trì trệ nhưng nếu gặp Tuần Triệt thì lại thông minh

Mộ ám tể, Thai đa (nhiều) mê hoặc,

Mộc Dục hay trang sức văn hoa (hay chưng diện)

Chú ý các câu phú liên quan đến Mộ thường có hai khuynh hướng giải thích: Mộ là sao Mộ hoặc Mộ là Tứ Mộ, tức là bốn cung Thìn Tuất Sửu Mùi. Bốn cung này là nơi các bộ sao Tả Hữu, Xương Khúc, Long Phượng, Thai Tọa, Quang Quý thủ đồng cung

Sao Mộ tại Tứ Mộ lại gặp Tam Thai Bát Tọa thì là người có tài và có danh, nổi tiếng nhưng theo Nguyễn Mạnh Bảo thì Thai Tọa tại Tứ Mộ cung thì văn võ toàn tài:

Thai Mệnh đa học thiếu thành (học nhiều nhưng không thành công),

Mộ gặp Thai Tọa hiển danh anh tài

Mộ Thai Tọa võ văn xuất chúng,

Ngọ (cung Ngọ) Khoa Quyền nhậm trọng phiên hàn (B114)

Hạn gặp sao Mộ tọa thủ đồng cung với Thái Dương thì cha đau nặng hoặc chết: Mộ Tinh ngộ Nhật, thân phụ nan toàn (13)

Theo Nguyễn Mạnh Bảo thì cung Quan Lộc hay Mệnh ở cung Mộ có Tả Hữu cùng chiếu hay thủ thì làm quan cao chức trọng thăng quan tiến chức luôn):

Mộ phương (phùng) Tả Hữu đồng lai,

Thăng quan tiến chức miếu đài nổi danh (B38)

Hạn có Cự hoặc Vũ sáng sửa gặp Hóa Quyền hay Mộ gặp Thai Tọa thì công danh thuận lợi, thăng tiến:

Tiểu hạn Cự Vũ Hóa Quyền,
Hoặc Mộ (sao Mộ) Tả Hữu ấy miền thăng vinh

Hóa Lộc là sao tốt đẹp nhưng cư ở Tứ Mộ Thìn Tuất Sửu Mùi thì bị chôn vùi, làm giảm tính chất tốt đẹp nên không thể giàu có lớn được, nhưng nếu Mệnh cư Tứ Mộ có Vũ, Tham gặp Lộc thì lại tốt, trở nên giàu có, nhưng phải ngoài 30 mới tốt, nếu phát sớm thì không bền. NMB thì giải thích rằng Hóa Lộc ở Mộ địa thì lại là buồn rầu:

Hóa Lộc hoàn vi hảo, hưu hướng Mộ trung tàng (35, TTL, B82)

Hóa Lộc thì tốt nhưng nếu cư tại Thìn Tuất Sửu Mùi thì lại đáng buồn vì tại vị trí này bị giảm rất nhiều tốt đẹp. TVT giải rằng Hóa Lộc thì tốt nhưng nếu cư ở Tứ Mộ thì là người có nét mặt buồn rầu

Hóa Lộc hoàn vi hảo, nhược cư Mộ địa dĩ tăng bi (28)

Phúc tại cung Mão có Tử Vi Tham Lang hoặc Tướng Thiên Phủ nếu gặp cát tinh, Tam Hóa thì hưởng phúc bền bỉ, nhưng nếu gặp Triệt Tuần Không Kiếp Kinh Đà Mộ thì gặp tai nạn về gươm giáo, mộ của đàn ông bị thất lạc:

Phúc thọ Chấn cung, Đế (Tử Vi) Tham Tướng Phủ hạnh phúc cát tú, Tam Hóa giá lâm (mùng gặp Cát tinh, Tam Hóa) phúc tăng bất tuyệt (hưởng phúc bền bỉ), hựu kiến Triệt Tuần, Tứ Sát (sợ gặp Triệt Tuần Không Kiếp Kinh Đà) Mộ tinh (sao Mộ), tất hữu đao thương chi ách (thì gặp tai nạn về gươm giáo), dương mộ lạc đi (mộ của đàn ông bị thất lạc) (84)

Phúc tại cung Mùi có Tứ sát (Không Kiếp Kinh Đà) Mộ, lại là tuổi Kỷ mạng Thổ, lại gặp sát tinh cư chiếu, Hóa Kỵ, Lưu Hà thì chết vì sông nước nhưng nếu gặp Sinh Vượng, Long Khoa thì là người đánh cá có tài, gặp Quyền Hình thì là quan tòa coi về phát luật:

Phúc tọa Đỉnh Sơn (cung Mùi) Tứ sát (Không Kiếp Kinh Đà) đồng cư Mộ diệu (sao Mộ), lai Kỷ nhân sinh Mộ (lại là tuổi Kỷ mạng Thổ), đa cư triều sát diệu (gặp sát tinh cư chiếu), Kỵ (Hóa Kỵ), Lưu (Lưu Hà) giang đồ ngộ sát (chết vì sông nước), hạnh kiêm Sinh Vượng, Long Khoa hiển tài ngư phủ (là người đánh cá có tài) Quyền Hình tọa cùng thừa hành án pháp (quan tòa coi về phát luật) (88)

Cung Phúc Đức tại Sửu có Vũ Tham tọa thủ có Tả Hữu, Long Phụng, Mộ, Bát Tọa thì trong họ con trai làm nên danh giá, gặp Khoa Quyền Lộc, Bạch Hổ, Riêu thì con gái lưu lạc giang hồ mà làm nên danh giá:

Phúc (cung Phúc Đức) tại Sửu cung, cư tọa Tham Vũ, diệc cần Tả Hữu Phụng Long (Long Trì) Mộ Tọa (Bát Tọa) nam hiển danh tài, lai (gặp) Tam Hóa (Khoa Quyền Lộc) Hổ (Bạch Hổ) Riêu Nữ tất giang hồ hiển hách danh giá (30)

Cung Phúc Đức có Tham Vũ đồng cung gặp Mộ thì bốn đời được hiển vinh, bản thân cũng làm nên danh giá. Đây là trường hợp Mệnh Tử Vi Thất Sát tại Tỵ Hội Tham Vũ đồng hành cư Phúc hạnh phùng Mộ tinh (mừng gặp sao Mộ), tứ đại hiển vinh (45)

Tuyệt

Hành Thỏ (TTL), Hỏa (VVT)

Chủ sự bại hoại, khô cằn, tiêu tan, làm bết tắc mọi công việc, chiết giảm phúc thọ (TTL), thăng trầm, đoạn tuyệt, hiếu sắc, xa cách người thân, sống cô độc, không giữ lời hứa, phá sản

Mệnh có Tuyệt tọa thủ thì khôn ngoan, đa mưu túc trí (TTL)

Tuyệt tương hợp với Hóa Lộc thì đắc cách. Tuyệt cư Tí Ngọ hội Song Lộc thì thông minh, phát phúc, có văn học mà quý hiển. Chú ý VVT an vòng Tràng Sinh theo kiểu khác mới có trường hợp Tuyệt tại Tí Ngọ (VVT)

Gặp Vũ Khúc, Phá Quân thì cha con bất hòa, vợ chồng ly biệt, trai thì lãng đãng rong chơi, gái thì đa dâm, vợ cả và vợ hai tư tình thông gian (VVT)

Tại Tử thì rất kỵ gặp. Hội với Cô Quả ở Tử Tức thì là cách về già không có con hay là cách hữu sinh vô dưỡng (VVT)

Xa quê hương lập nghiệp, họ hàng ly tán

Sống cô độc

Làm việc hay thất bại

Hay thất tín, không giữ lời hứa

Vì gái đẹp mà chết

Nữ Mệnh hay trách mắng người khác, kèn cựa, không thực lòng yêu chồng, vợ chồng xung khắc bất hòa

Tại Tử thì ít con

Kinh gặp Tử đồng cung hay Tuyệt tam chiếu thì tính tình nóng nảy, hung bạo

Đào Hoa gặp Tử đồng cung hoặc Tuyệt tam chiếu thì quỉ quyết, xảo ngôn, hoang dâm, du đảng, vong ơn bội nghĩa

Mã Tuyệt đồng cung thì như ngựa hết đường chạy, chủ sự bế tắc, thất bại:
Mã cùng sao Tuyệt một nhà, Cùng Đồ Mã ấy thật là vô phương
Mã kia Tuyệt địa một nhà, Cùng Đồ Mã ấy thiệt là vô phương

Bộ Mã Lộc rất tốt đẹp nhưng nếu bị Tuần Triệt hay gặp Tuyệt đồng cung hoặc Mộc Dục tam chiếu thì lại không còn tốt đẹp, nếu giàu có thì chết sớm nhưng nếu nghèo hèn thì lại sống lâu:

Mã, Lộc hãm Không Vong Tuyệt Bại,
Sợ Kiếp Không hợp Thái Tuế xung
Giàu tổn thọ, khó duyên sinh,
Phù Thân giúp Mệnh hạn hành khác nhau (B158)
Lộc Mã ngộ Bại, Tuyệt hương (ở Bại Địa, Tuyệt Địa)
Tuế ngộ Không Kiếp là phương không lành (B171)

Kình Dương ngộ Tuyệt ở chốn hãm thì chết non:
Dương Nhận ngộ Tuyệt tinh chốn hãm,
Công cù lao bú mớm như không (B49)

Thất Sát Hình Kỵ gặp Tuyệt thì chết non:
Tuyệt ngộ Thất Sát, Kỵ, Hình,
Thiếu niên yếu triết như hình Nhan Uyên (B180)

Cung Phúc Đức có Tướng Binh gặp Tử hay Tuyệt thì trong họ có người chết trận, chết về binh đao

Họ hàng có kẻ binh đao, Tướng Binh Tử Tuyệt đóng vào Phúc cung (11)
Họ hàng có kẻ binh đao, Tướng (Tướng Quân) Binh Tử Tuyệt đóng vào phúc cung
Người tộc thuộc phải lo chinh chiến, Tướng, Phúc Binh, Tử, Tuyệt Phúc cung
(cung Phúc có thì người trong họ hàng phải lo chinh chiến) (B108)
Họ hàng có kẻ binh đao, Tướng Tuyệt Tử Phúc lâm vào phúc cung (QXT)

Tử Vi Thất Sát tại cung Ty thì ví như vua mang kiếm báu tất nhiên có uy quyền và phú quý, gặp Hỏa Tinh, Tuyệt hội hợp thì người khát máu, tàn nhẫn, hay giết người, nhưng lại gặp thêm Bát Khoa Mã Ấn Tràng Sinh, Hồng Loan thì lập được chiến công thần kỳ, là Đại Tướng

Sát Tử (Tử Vi Thất Sát) Tôn cung (cung Ty) Đế huê bảo kiếm, Hỏa (Hỏa Tinh) Tuyệt nhập xâm, đa sát chi nhân, hạnh ngộ Bát Khoa Mã Ấn Sinh Hồng di lập chiến công vi Đại Tướng (TTL)

TTL cho rằng Mệnh an tại Tuyệt địa có Thất Sát tọa thủ gặp Kinh Đà hội hợp thì như Nhan Hôi bị chết sớm

Sát (Thất Sát) lâm (ở tại) Tuyệt Địa hội Dương Đà, Nhan Hôi yếu triết (TTL)

Mệnh Tử Phủ Vũ Tướng, hạn gặp Thiên La Cự Môn Thiên Đồng có Tử thủ hay Tuyệt chiếu lại có sát tinh thì như Quan Hầu, tức Quan Vân Trường, chết thảm nơi trận mạc. Chú ý Tử Vi Tí Ngọ mới có Cự Đồng hãm đồng cung tại Sửu Mùi, và Tử Phủ Dần mới có Cự Đồng hãm tam chiếu với nhau tại Ty Dậu, Tuyệt chỉ an tại Dần Thân Ty Hợi và không bao giờ Tử và Tuyệt tam hợp xung chiếu:

Mệnh đắc Tử Phủ Vũ Tướng hạn đáo Thiên La Tử Tuyệt Cự (Cự Môn) Đồng (Thiên Đồng) Sát diệu (Sát tinh) lai xâm, ngộ địa sa trường, Quan Hầu táng Mệnh (74)

Phúc cư Tuất gặp Tả Hữu, Hồng Quyền, Tử Vi Thiên Phủ thì mờ mả rất đẹp, kết phát, tạo nên những sự nghiệp kỳ dị, sợ gặp Cự Đồng, Kiếp Tuyệt Xương Linh thì mộ phần đưa đến nhiều người tàn tật, nghèo hèn, không có cửa nào mà tránh được (89)

Phúc cư Địa Vọng (cư Tuất), hạnh phùng Phù Bát, Hồng Quyền Tử Phủ (Tử Vi Thiên Phủ) mờ tinh vi tối hảo (mờ mả rất đẹp), âm công hoành phát (mờ mả kết phát) kiến công lập nghiệp dị thành (tạo nên những sự nghiệp kỳ dị), khủng kiến (sợ gặp) Cự Đồng, Kiếp Tuyệt Xương Linh mộ phần đa phát tật nguyên (mộ phần đưa đến nhiều người tàn tật), bản cách (nghèo hèn) vô môn khả đáo (không có cửa nào mà tránh được) (89)

Thai

Hành Thử

Chủ sự giao hợp, thụ thai, sinh nở, ngu dốt, mê muội, hay nhầm lẫn, chơi bời (TTL), đần độn, dễ bị mê hoặc, không cả quyết, hay bị thai đổi công việc, khắc hãm vợ (TMT)

Thai tọa thủ bất cứ cung nào gặp tuần Triệt án ngữ hay gặp nhiều sát tinh, bại tinh hội hợp thì mới sinh ra đã hay đau yếu, thường sinh thiếu tháng (TTL)

Thuở nhỏ hay ốm yếu, khổ cực, trung niên thì vất vả nhưng sức khỏe thăng tiến.

công việc làm thay đổi luôn, về già mới được an nhàn nhưng hay buồn phiền về thân tộc, họ hàng tranh chấp. Khắc với cha mẹ, anh em
 Không cả quyết, tinh thần dễ bị mê loạn
 Nữ Mệnh thì dễ đối nghịch với cha mẹ chồng, nội trợ kém
 Tại Tử thì con ăn chơi phóng đãng, không thích hành nghề của cha

Mệnh có Thai thủ thì học nhiều nhưng không thành đạt:
 Thai lâm Mệnh vị, đa học thiếu thành (1, B60)
 Thai tinh, Mộ diệu đa học thiếu thành (2)
 Kìa ai nhiều học ít nên, Sao Thai ở Mệnh hay quên hay nhầm (B114)
 Thai Mệnh đa học thiếu thành,
 Mộ gặp Thai Tọa hiển danh anh tài (Sao Mộ tại Tử Mộ lại gặp Tam Thai Bát Tọa)

Hạn gặp Kinh Riêu Hoa Cái Thai Đà hội hợp thì đề phòng bị bệnh đậu mùa hoặc bị rồ mặt:
 Kinh Riêu Hoa Cái Thai Đà, vận phùng năm ấy đậu hoa phải phòng (37)

TVT giải rằng nữ Mệnh có Thai thủ gặp Đào Hoa Kiếp Sát thì hiếm con
 Nữ Mệnh Thai Đào phùng Kiếp (Kiếp Sát) gián đoạn tử cung (tại cung Tử Tức thì hiếm con) (4)

Có Thai thủ gặp Kiếp Sát tam chiếu (Kiếp Sát lúc nào cũng tại Dần Thân Tỵ Hợi) thì sanh đẻ khó khăn:
 Thai phùng Kiếp Sát tu phòng sinh sản (10)
 TVT cho rằng tại Mệnh, Tật hay Tử Tức có Thai gặp Kiếp Sát, Mộc Dục thì sanh đẻ khó khăn cần đề phòng. Chú ý Thai không tam hợp xung chiếu với Mộc Dục, chỉ nhị hợp với Mộc Dục khi Thai tại Hợi
 Thai phùng Sát, Dục (Mộc Dục) tu phòng sản phụ (3)

Phu Thê có Thai thủ gặp Đào thì vợ chồng đi lại ăn ở với nhau rồi mới lấy nhau. (VVT cho rằng Thai thủ hay chiếu tại cung Phu Thê thì cũng có ý nghĩa như trên và cho rằng Thai không nên cư cung Nô, hội với Đào Hoa thì trong nhà không tránh được vợ hay con gái có tư tình):
 Thai Tinh (sao Thai) mà gặp Đào Hoa, tiền dâm hậu thú mới ra vợ chồng (28)
 Sao Thai lại gặp Đào Hoa, Tiền dâm hậu thú mới ra vợ chồng (AB, VT)
 Sao Thai lại gặp Đào Hoa, Trước êm loan gối, sau hòa phụng chiêm (B105)

Phục Tướng hội với Đào, Hồng, Thai hoặc Thiên Hỉ thì là cách dâm dăng, ăn chơi, trai gái nguyệt hoa bừa bãi, có người cho rằng bị chữa hoang hoặc bị hiếp: Đào Hồng Thai Hỉ trong soi, Ngoài gia Binh Tướng gái trai ngang tàng (B42) Đào Hoa, Thai, Hỉ trong soi, Ngoài ra Binh, Tướng ả vui hoang tàng (QXT, chỉ em gái bất chính)

Thai Binh Tướng Đào Hồng tương hợp, Chẳng chữa hoang bị hiếp bất ngờ
Đào Hồng Riêu Hỉ trong ngoài, Lại gia Binh Tướng gái trai hoang tàng
Đào Hồng Thai Hỉ (Thiên Hỉ) trong soi, ngoài gia Binh Tướng (Tướng Quân) gái trai ngang tàng (17)

Cung Tử có Thai Tướng Phục Binh thì vợ chồng đã ăn ở với nhau rồi mới lấy nhau. TTVT giải rằng vợ chồng đã có con riêng rồi mới lấy nhau. QXT ghi rằng cùng có con riêng hoặc có chữa rồi mới cưới xin

Tử cung Thai Tướng Phục Binh, vợ chồng ắt đã tư sinh thuở nào (6)

Tử cung Thai, Tướng, Phục Binh,

Hủy xà môn trước, tước bình mấy thu (không rõ ý nghĩa) (B108)

Tử cung Thai, Tướng, Phục Binh, Vợ chồng ắt đã tư sinh thuở nào (QXT)

Thai đồng cung với Phục Binh hay Tướng Quân (Phục Binh và Tướng Quân luôn xung chiếu với nhau) gặp Đào Hồng thì hoặc bị chữa hoang, hoặc bị hiếp: Thai Binh Tướng Đào Hồng tương hợp,
Chẳng chữa hoang bị hiếp bất ngờ

Huỳnh Đệ có Đế Vượng hoặc Thai thủ gặp Tướng quân thì có anh em khác cha khác mẹ. Chú ý Đế Vượng và Thai xung chiếu nhau:

Đế Vượng ngộ Thai soi cùng Tướng (Tướng Quân),

Có dị bào trong áng Đệ Huỳnh (hai đám anh em) (B42)

Đế Vượng ngộ Thai soi cùng Tướng, có dị bào trong áng đệ huỳnh (25)

Tử Túc có Thai tọa thủ gặp Tả Hữu thì có con giòng vợ nhỏ

Thai phùng Tả Hữu hội cung, Nam nhân ắt có con dòng thiếp thê (8)

Thai ngộ Tả Hữu hội đồng, Ất sinh có kẻ con giòng tiểu tinh (B49)

Tử Túc có Thai gặp Hỏa hay Linh thì buồn phiền vì sinh con quái thai

Tử cung Thai ngộ Hỏa Linh, bào thai những giống yêu tinh muợn phiền (9)

Tử cung Thai ngộ Hỏa Linh, Bào thai những giống yêu tinh quỷ sâu (B49)

Thai Hổ đồng cung thì đề phòng xảy thai, bị băng huyết:

Tật cung Thai Hồ huyết băng,
Tấu Thư Hoa Cái mệnh phùn thanh cao

Hạn có Thai phùn Đào Hỉ thì có con. Theo TVT thì Hỉ là Thiên Hỉ
Thai phùn Đào Hỉ vận này, vợ chồng mừng đã đến ngày nở hoa (hạn sanh con)
(12)

Thai phùn Đào Hỉ vận này, Vợ chồng mừng đã đến ngày nở hoa
Thai tinh, Long (Thanh Long), Hỉ vận này, Vợ thời thai dựng đến ngày khai hoa
(QXT)

Thai phùn Long Hỉ vận này, Vợ mình ắt đã đến ngày nở hoa (VT)
Thanh Long, Thai, Hỉ hợp miên, Vợ đi thai nghén khá xem phúc nhà
Thêm đình ấy Thai cùng Phi (Phi Liêm) Hỉ,
Lên đậu năm Cái tỵ Dương Đà (hạn Hoa Cái gặp Dương Đà thì mắc bệnh đậu)
(B110)

Cung Tử Tức có Thai thủ gặp Thái Âm thì cần phải cầu tự mới có con
Thai tinh ngộ Thái Âm cung Tử, hẳn rằng con cầu tự mới sinh (5)
Sao Thai ngộ Thái Âm cung Tử, Con ắt là cầu tự mới sinh (B107)

Mệnh có Phá Quân, Tướng Quân, Thai tọa thủ, cung Thiên Di có Phục Binh và
Đào Hồng thì đàn ông là người dâm loạn, đàn bà ăn chơi trác nết, tư thông bị
người chê cười. Tướng ở đây nên hiểu là Tướng Quân vì Tướng Quân và Phục
Binh xung chiếu thành ra mệnh có Tướng Quân thì Di có Phục Binh:

Tướng Phá (Phá Quân) Phục nội tàng Thai diệu, Ngoài Đào, Hồng tú (sao Hồng
Loan) chiếu Thiên Di. Có người dâm dục thị phi, Tư thông chi để kẻ chê người
cười

Tướng Phá Phục nội tàng Thai diệu, ngoại Hồng Đào tu chiếu Thiên Di. Nam
nhân dâm dục thị phi, nữ nhân tắc kỷ kẻ chê người cười (26)

Tướng, Phá, Phục trong làng Thai diệu, Ngoài Đào, Hồng, Hoa Cái, Thiên Di. Có
người dâm dục thị phi, Tư thông chi để kẻ chê người cười (QXT) (B43)

Dưỡng
Hành Mộc

Ví như án thư (cái bàn học) của người làm việc

Chủ sự phù trì, nuôi nấng, chăm chỉ, cẩn thận (TTL), khắc vợ con, ham sắc dục,
làm con nuôi, xa gia đình (TMT)

Gặp cát tinh thì phù trì thêm tốt đẹp

Gặp Hỏa Linh, Không Kiếp thì làm con nuôi họ khác hoặc là những người hay thay đổi tên họ, có nhiều bí danh (TMT)
 Tọa thủ tại Mệnh thì được nhiều người yêu mến, nuôi súc vật rất dễ dàng (TTL)
 Tọa thủ tại Thân thì có nhiều con (TTL)
 Tọa thủ tại Mệnh, Phúc thì làm con nuôi họ khác (TTL)
 Tọa thủ tại Tật gặp nhiều sao mờ ám xấu xa hội họp thì có nhiều bệnh tật, đau yếu lâu khỏi (TTL)
 Tọa thủ tại Tử Tức thì có con nuôi (TTL)
 Tọa thủ tại Huynh Đệ thì có anh chị em nuôi (TTL)

Cha hoặc bản thân là con trưởng hoặc sống xa cha mẹ
 Khắc cha mẹ, không sống chung với cha mẹ
 Hiếu sắc, ít khi một đời vợ hay chồng. Vì ham mê sắc dục mà phá sản
 Hiếm con, khắc chồng vợ
 Nếu thuở bé được người ngoài nuôi dưỡng hoặc làm con nuôi thì tốt
 Về già được con cái nuôi hoặc nhờ vả được con nuôi

Tử Tức có Dưỡng thủ thì rất tốt, có con quý tử, theo Nguyễn Mạnh Bảo thì Hỉ Thân gặp Dưỡng thì con quý tử, hiền lương nhưng có người cho rằng hỉ có nghĩa là mừng gặp:
 Dưỡng hỉ lâm ư Tử Tức tất sanh con quý tử (7)
 Hỉ Thân ngộ Dưỡng cát sương, Ất sinh quý tử hiền lương tốt lành (B49)

Tử Tức không có chính diệu đắc Tam không, có cát diệu lại có sao Dưỡng thì có con nuôi:
 Tam không chiếu nội tào cát diệu, Lại Dưỡng tinh có đạo con nuôi (B42)
 Tam không, gia nội tào cát diệu, Ngộ Dưỡng tinh cũng nể con nuôi (QXT)

Các câu phú cần xét lại:
 Nhật Mộc (Mộc Dục) Mã tại Ty cung,
 Trường Sinh Phụ Bát hợp cùng: phú vinh (HC 55)
 Bằng gặp Tướng Ấn: binh hùng,
 Phải thời loạn thế mới thành công to (HC)

Mệnh Hóa Kỵ Tật Mộc thân (Mộc Dục),
 Âm nang sa thấp một phen chẳng làm
 Mệnh viên Kỵ Tật Hỉ Thân,

Âm hư, trĩ lậu mười phân chẳng lằm (VT)
(bị bệnh sa tử cung)

Thiên Cơ ngộ hãm chẳng hay,
Ở phương địa này hiện quái Mộc tinh
Thiên Cơ ngộ Hỏa chẳng hay,
Phùng Không, Kiếp Mộc nở đầy quái lưu (QXT)
(Thiên Cơ hãm địa ở phương nào thì ở phương ấy có yêu quái Mộc tinh. QXT ghi rằng Điền có Cơ ngộ Hỏa thì nhà bị cháy, có Không, Kiếp Mộc Dục ngộ Cơ thì có ma Mộc)

Bình (sao Bình) Hình, nói chẳng hờ rãng,
Hãm cung Phá, Tuế nói bằng sấm vang (giọng vang như sấm)
Bình, Hình nói chẳng hờ rãng,
Hãm cung Phá (Phá Toái), Tuế nói bằng sấm vang
Bình Hình tầm ngấm tầm ngấm,
Hãm cung Phá Tuế nói rầm sấm vang
(Có lẽ Bình Hình thì đúng hơn)

Bệnh đờm trí tức rất hung,
Bởi vì Tật Ách Bệnh phùng Kiếp Cơ
Bệnh lao, đàm thấp chẳng thông,
Bởi vì Tật Ách đã phùng Kiếp Cơ (QXT)
Bệnh phổi, đàm, trĩ chẳng không,
Nhân vì Tật Ách lại cùng Kiếp, Cơ (VT)
(Cung Tật có sao Bệnh phùng Địa Kiếp Thiên Cơ thì mắc bệnh về gan hay thần kinh rất nguy hiểm)

Tử Tham Tả Hữu ngộ trung,
Có người con gái trốn chồng ra đi
Tử, Tang, Tả, Hữu hội trung,
Có người con gái lộn chồng tìm ra
(Tử Tham gặp Tả Hữu ở cung Mão Dậu thì là đàn bà trốn chồng bỏ con) (B43)
Tử, Tang, Tả, Hữu hội trung,
Có người con gái lộn chồng tìm ra (AB318)
(không rõ Tử là Tử Vi hay sao Tử)

Trong câu phú này, Tử nên hiểu là Tử Vi:

Lộc Tồn, Tử cùng Thiên Mã hội,
Ngộ phi thường, mừng buổi phong lưu (QXT)

Trong câu phú này, Tử nên hiểu là Tử Vi:

Sát phòng Tồn, Tử giải qua,
Một sao Kỵ đóng, ắt là tối tăm (QXT)
Sát gặp Tồn, Tử đoán ra,
Lại sao Kỵ đóng ắt là tối tăm

Mão Thìn ngộ Triệt tảo đường,
Ty Ngọ phòng Tuyệt cung thường ôn bình
Mão, Thìn ngộ đã dành ông Táo,
Ly (cung Ngọ), Tồn (Ty) phòng phải Cáo, ôn bình (QXT)
(Triệt cư ở Mão Thìn thì thường có sự lồi thoi trong bếp. Cung Ty Ngọ gặp Tuyệt thì thường bị ôn bình đến quấy nhiễu) (B40)

Câu phú này cần xét lại vì Tang không thể gặp Đào Hồng tam hợp xung chiếu:
Phúc (cung phúc) Thai, Tang ngộ Đào Hồng,
Tôn thân có kẻ loạn phong nợ đời (B107)

Trường Sinh khi giải đoán đại hạn:
Cục là thế cuộc, hoàn cảnh mà cá nhân sinh sống, được biểu hiện bằng vòng Tràng Sinh trên lá số. Vòng Tràng Sinh không những có tầm quan trọng khi giải đoán toàn bộ lá số mà cũng rất quan trọng khi luận đoán hạn, nhất là đại hạn. Tùy theo ý nghĩa và chiếu lên xuống của vòng và ý nghĩa của sao mà thấy được chiều hướng thuận lợi hay khó khăn, thành công hay thất bại, ví như được Sinh Vượng thì gặp hoàn cảnh xứng ý, cho dù gặp chính tinh mờ ám thì cũng gặp hên may cứu giải, gặp Suy Bệnh Tử Tuyệt thì gặp hoàn cảnh bất đắc ý, thời thế xuống dốc, cho dù có chính tinh sáng sủa cũng không phát mạnh được hoặc không bền, nếu có hung sát tinh xâm nhập thì dễ bị họa hại

Sinh khắc Mệnh Cục và vòng Tràng Sinh
Một số người căn cứ vào sinh khắc giữa Mệnh Cục để xác định các sao thuộc vòng Tràng Sinh cư tại đâu thì có lợi, ví dụ khi Cục khắc Mệnh thì Tràng Sinh hoặc Đế Vượng không nên cư Mệnh vì như vậy thì hành khí của Cục rất mạnh nên khắc Mệnh càng mạnh hơn, còn nếu Cục sinh Mệnh thì cần có Tràng Sinh Đế Vượng tại Mệnh thì như vậy mới phù tốt cho Mệnh được. Quan điểm này lầy

tương quan sinh khắc giữa Mệnh Cục làm gốc. Nếu cho rằng cục thể hiện hoàn cảnh, thế cuộc thì ta thấy rằng Mệnh có Sinh Vượng thì cho dù Mệnh có khắc cục đi chăng nữa thì cũng tốt hơn có Suy Bệnh Tử Mộ Tuyệt